

Khế Iêm

CON
ĐƯỜNG
THỜ

Toàn tập thơ Khế Iêm

TRIMINI  NHÀ XUẤT BẢN TRINI

Thơ Toàn Tập

Khế Iêm

CON ĐƯỜNG THƠ

THE POETRY ROAD

TOÀN TẬP
FULL COLLECTIONS

Cùng một tác giả

LỜI CỦA QUÁ KHỨ

Tập truyện

Văn Mới xuất bản 1996

STEPPING OUT

(Bước Ra)

Essays On Vietnamese Poetry

Tan Hinh Thuc Publishing Club

2012

VỮ ĐIỆU KHÔNG VẤN

TOÀN TẬP

(Tiểu Luận Thơ)

Domino – Đà Nẵng xuất bản

2019

Tưởng nhớ công ơn cha mẹ

M Ụ C L Ụ C

Thư Tạ Ôn, tr. 16 / Cảm Nhận Thơ, tr. 20 /.

THƠ THANH XUÂN

Phụ bản 1, Duy Thanh, tr. 47 / Mong, tr. 49 / Gửi Lão Tử, tr. 50 / Rất Nhỏ, tr. 51 / Chết, tr. 52 / Từ Biệt, tr. 53 / Tin Báo, tr. 54 / Tắt, tr. 55 / Vô Đề, tr. 57 / Trăng Ở Bataan, tr. 58 / Vay, tr. 59 / Một Minh, tr. 60 / Tình, tr. 61 / Mở, tr. 62 / Khói, tr. 63 / Mùa Đông Quê Hương, tr. 64 / Lấp Bấp, tr. 65 / Chuyển Mộng, tr. 66 / Cảnh, tr. 70 / Nhánh Sầu, tr. 71 / Mưa Phố Kỳ Đồng Nhớ Tranh Thái Tuấn, tr. 72 / Mán Mờng, tr. 73 / Lệ, tr. 74 / Phiêu Diêu, tr. 75 / Tĩnh Mộng, tr. 76 / Ở Bidong, tr. 77 / Trưa, tr. 78 / Tàn Đông, tr. 79 / Thử Vẽ Phác Chân Dung Một Thi Sĩ, tr. 80 / Nghe Đàn, tr. 81 / Tự Ca, tr. 83 / Mất Cũ, tr. 84 / Trưng Bày, tr. 85 / Xẩm Ca, tr. 86 / Góc Trọ, tr. 87 / Rã Rời, tr. 89 / Hoa Khói, tr. 90 / Cội Thê, tr. 91 / Mong Manh, tr. 92 / Như Không, tr. 93 / Vù Xa, tr. 94 / Thơ Đại, tr. 95 / Hồn Mộng, tr. 96 / Phiêu Khúc, tr. 97 / Cõi Vạn Chiêu, tr. 101 / Đêm Chong Đèn Đọc Thư Người Họa Sĩ Gửi Từ Orleans, tr. 102 / Lá Không, tr. 104 / Vô Sầu, tr. 105 / Nước Non, tr. 106 / Phố Người, tr. 107 / Thoáng Say, tr. 108 / Mù Sa, tr. 109 / Sầu Lên, tr. 110 / Thuyền Sao, tr. 111 / Rượu Sầu, tr. 112 / Hoa, tr. 113 / Và Hoa, tr. 114 / Xuân Tứ, tr. 115 / Chái Xưa, tr. 116 / Phân Ly, tr. 117 / Thanh Xuân, tr. 119 / Ưu Sầu, tr. 129 / Thư Của Người Nghệ Sĩ Ở Hành Tinh Khác, tr. 141 / *Phụ bản 2*, Thái Tuấn, tr. 143 /.

THƠ DẤU QUÊ

Introduction To Traces Of My Homeland, *Giới Thiệu Dấu Quê*, Tom Riordan, tr. 148 / Author's Notes, *Ghi chú của Tác Giả*, tr. 156/.

PART 1: STRUCTURE

Lingering, *Núu lại*, tr. 164 / Crossing, *Nhau Qua*, tr. 166 / Coffee, *Cà Phê*, tr. 168 / Open-Air Market. *Chợ Trời*, tr. 172 / Reflecting, *Ngẫm ra*, tr. 176 / Night, *Đêm*, tr. 178 / Vestiges Of My Homeland, *Dấu Quê*, tr. 180 / Anger, *Giận*, tr. 182 / The Blue Ocean, *Biển Xanh*, tr. 184 / Shrink And Stretch, *Co Duỗi*, tr. 186 / A Day, *Ngày*, tr. 188 / Immersing Self, *Trầm Mình*, tr. 190 / Against The Wind, *Với Gió*, tr. 192 / The Source, *Ngon Nguồn*, tr. 194 / Calling Softly, *Khẽ gọi*, tr. 196 / Falling Apart, *Rời ra*, tr. 198 / Dawn, *Bình Minh*, tr. 200 / Turn On One's Heel, *Quay Gót*, tr. 202 / Squinting, *Nheo*, tr. 210 / Comedy, *Hí Kịch*, tr. 204 / Wild Animals, *Muông Thú*, tr. 206 / Words, *Lời*, tr. 208 / Wings Of Sorrow, *Cánh sầu*, tr. 210 / Pacing, *Buông Quanh*, tr. 212 / Forbidden, *Cấm*, tr. 214 / Fields Of Grass, *Cỏ Ngàn*, tr. 216 / Turn, *Quay*, tr. 218 / Leaning On A Cane, *Chống Gậy*, tr. 220 / Mute, *Câm*, tr. 222 / A Sketch, *Chấm Phá*, tr. 224 / Shouting, *Quát Tháo*, tr. 226 / Manger, *Máng Rơm*, tr. 228 / Rusty, *Han Rỉ*, tr. 230 / Search On, *Tìm Kiếm*, tr. 232 /.

Wandering, *Phiêu lãng*, tr. 234 / Unreasonable, *Vô Lý*, tr. 236 / Traveler's Port, *Bến Lữ*, tr. 238 / A Play In One Second, *Kịch Một Giây*, tr. 240 / Young Woman, *Thiếu Phụ*, tr. 242 / Evening, *Chiều*, tr. 246 / Glancing, *Đá*, tr. 248 / Origin, *Cội Nguồn*, tr. 250 / On The Horizon, *Trong Cõi*, tr. 252 / Direction, *Dẫn*, tr. 254 / Ask, *Hỏi*, tr. 256 / Making A Living, *Kiểm Sống*, tr. 258 /.

PART 2: TRACES OF MY HOMELAND

Misty Port, *Bến Sương*, tr. 262 / Doubt, *Nghi Hoặc*, tr. 264 / Another Place, *Chốn Khác*, tr. 266 / A Moment, *Khoảnh Khắc*, tr. 268 / Pretend, *Giả Tàng*, tr. 270 / Stammering, *Ấm Ó*, tr. 272 / To Those Who Made The Journey, *Gửi Người Đồng Hành*, tr. 274 / *Phụ bản 3*, *Ngọc Dũng*, tr. 279 /.

THƠ KHÁC

Khe Iem's Selected Poems: An Introduction, *Giới Thiệu Tuyển Tập Thơ Khế Iêm*, Frederick Feirstein, tr. 284 / Author's Notes, *Ghi Chú của Tác Giả*, tr. 294 / New Formalism And A Story, *Tân Hình Thức và Câu Chuyện Kể*, tr. 300 / Boxes, *Cái Hộp*, tr. 302 / Stairs, *Bậc Thang*, tr. 306 / Chairs, *Chiếc Ghế*, tr. 308 / Blank Verse, *Bài Thơ Không Vần*, tr. 310 / The Dining Set, *Bộ Bàn Ăn*, tr. 316 / Pages (From a Book), *Trang Sách*, tr. 318 /

A Saying, *Câu Nói*, tr. 322 / Illusion, *Ảnh Ảo*, tr. 324 / A Death On Television, *Cái Chết Trên Truyền Hình*, tr. 328 / The Black Cat, *Con Mèo Đen*, tr. 332 / Between Who And Who, *Giữa Ai và Ai*, tr. 338 / The Woman, *Người Đàn Bà*, tr. 340 / The Story Of Your Life, *Chuyện Đời Anh*, tr. 342 / Dark-Skinned Girl, *Cô Gái Da Đen*, tr. 346 / Suffering, *Khổ Đau*, tr. 350 / A Row Of People, *Một Hàng Người*, tr. 352 / Sadness, *Nỗi Buồn*, tr. 354 / Tsunami, *Tsunami*, tr. 360 / A Dead Bird, *Con Chim Chết*, tr. 364 / On The Spur Of Moment, *Tức Cảnh*, tr. 366 / Thoughts, *Ý Nghĩ*, tr. 368 / The Bicycle Poem, *Bài Thơ Xe Đạp*, tr. 370 / Lunar New Year in New York, *Tết Ở New York*, tr. 374 / Withering, *Héo Tàn*, tr. 378 / Untitled, *Vô Đề*, tr. 382 / A Time of Poetry, *Một Thời Thơ*, tr. 384 / Talk, *Nói*, tr. 388 /.

TV Kịch, tr. 394 / Readings Of “The Song Of A Warrior’s Wife”, *Đọc Chinh Phụ Ngâm*, tr. 397 / Quatrain, *Tứ Tuyệt*, tr. 400 / Many Faces, *Đa Bản Mặt*, tr. 401 / Negative, *Âm Bản*, tr. 402 / The Poem Searches For The Poem, *Bài Thơ Đi Tìm Bài Thơ*, tr. 403 /.

KỊCH

The Bluish-Prison, *Ngục Biếc*, tr. 407 / Ghế và Người, tr. 423 /
Một Cảnh Cây, Một Đám Mây, tr. 437 / Lúc Mà, tr. 442 /.

PHỤ LỤC

A Celebration of the Silence, *Ngợi Ca Sự Im Lặng* by Stephen John Kalinich, tr. 456 / Bud weis er – drawing by Lê Thánh Thư, Đinh Cường, Nguyễn Đại Giang, tr. 461 / Khế Iêm – drawing by Nguyễn Đại Giang, tr. 462 /.

Tiểu Luận: How To Read, *Cách Đọc*, by Nguyễn Hoàng Nam, tr. 464 / Review of Other Poetry, *Bình Luận về Thơ Khác* by Alexander Kotowske, tr. 476 / Comments, *Lời Bình*, tr. 484 / News, *Bản Tin*, tr. 488 /.

Tâm Tình Thơ: Wuhan Virus and The Tragedy of Suffering, *Virus Vũ Hán và Bi Kịch Khổ Đau*, tr. 496 / Wuhan Virus and Consulting Humanity, *Virus Vũ Hán và Vấn Vương Tình Người*, tr. 512 / Wuhan Virus and Zero Degrees of Consciousness, *Virus Vũ Hán và Độ Không Tâm Thức*, tr. 522 / Wuhan Virus and Love Stories, *Virus Vũ Hán và Câu Chuyện Tình Yêu*, tr. 530 / Wuhan Virus and Sad Confidenses, *Virus Vũ Hán và Tâm Tư Sầu Muộn*, tr. 540 /.

TIỂU SỬ

Carol J. Compton, *tr. 552* / William B. Noseworthy, Angela Saunders, *tr. 554* / Richard H. Sindt, Frederick Feirstein, *tr. 556* / Dictionary of Literary Biography on Frederick Feirstein, *Từ Điển Tiểu Sử về Frederick Feirstein, tr. 560* / Frederick Turner, *tr. 562* / Dana Gioia, Tom Riodan, *tr. 564* / Stephen John Kalinich, Alexander Kotowske, Khế Iêm, *tr. 566* / Do Vinh, Trần Vũ Liên Tâm, *tr. 570* / Đỗ Minh Tuấn, Lê Thánh Thư, Đinh Cường, *tr. 572* / Nguyễn Đăng Thường, Nguyễn Đại Giang, Hà Nguyên Du, Nguyễn Hoàng Nam, *tr. 574* /.

VIETNAMESE SECTIONS

Thơ: Hồi Cây, *Tr. 579* / Nắng Vàng, *tr. 581* / Lại Nỗi Buồn, *tr. 583* / Mây Viết, *tr. 584* / Khóc Vàng, *tr. 586* / Nắng, *tr. 587* / Lũng Lơ, *tr. 589* / Người Đàn Bà Sau 40 Năm, *tr. 591* / Lập Thế Người, *tr. 593* / Ảnh Thực, *tr. 595* / Tấm Hình, *tr. 597* / Mẹ Khổ, *tr. 599* / *Nhạc* Em Đã Bay Đi, *tr. 602* / *Nhạc* Liễu Ca, *tr. 604* / *Nhạc* Mẹ Khổ, *tr. 606* / *Nhạc* Gửi Người Đồng Hành, *tr. 610* / *Nhạc* Ly Cà Phê Buổi Sáng, *tr. 613* /.

Phê Bình: Giải Mã Thơ, Nỗi Khắc Khoái Thời Gian Và Ngôn Ngữ, Đỗ Minh Tuấn, *tr. 615* / Lời Bạt, *tr. 630* /.

THƯ TẠ ƠN

Ba tập thơ *Thanh Xuân*, *Dấu Quê*, *Thơ Khác* gộp lại thành một tuyển tập, chẳng khác nào ghi lại dấu vết một đời thơ. Thơ là hình thái của sáng tạo. Sáng tạo thì phải đổi mới. Đổi mới không phải là cách dùng chữ, mà là đổi mới thể thơ. Trước thế kỷ 20, thơ tiếng Anh thuộc về thể luật, cho đến đầu thế kỷ 20, thơ Mỹ chuyển qua tự do, rồi đến cuối thế kỷ 20, lại quay trở về thể luật, với ngôn ngữ đời thường, chuyển tải ý tưởng. Khởi đầu từ thời còn trẻ, với thơ vần điệu (tập *Thanh Xuân*), khi định cư tại Hoa Kỳ, tôi sáng tác bằng song ngữ Anh Việt, với loại thơ cấu trúc (*Dấu Quê*) và Tân hình thức (*Thơ Khác*), kết hợp giữa vần điệu và tự do, như hồi tưởng lại một thời, đất nước quê hương. Nói chung, mỗi thời kỳ một khác, thể hiện mỗi giai đoạn của cuộc đời. Nếu mỗi người trong chúng ta, khi sinh ra, đều có một lý tưởng, thì những văn nghệ sĩ, với mỗi cảm xúc tràn đầy, đã làm cho tâm hồn mộng mơ của họ góp phần thăng hoa nền văn hóa. Thơ văn, hội họa, âm nhạc ... là những bộ môn tiêu biểu. Và để hoàn tất, chúng ta phải cảm ơn đời, cảm ơn người. Với những nhà thơ dòng chính Mỹ: Frederick Turner, Frederick Feirstein, Angela Saunders, Tom Riordan, Stephen John Kalinich, Alexander Kotowske ... nhà thơ Ý: Lidia Chiarelli, và Jan Infantado, giáo chức Bataan, Philippines ... đặc biệt nhà thơ Dana Gioia, nhà biên tập (editor) Dr. Carol

ACKNOWLEDGEMENTS

Three poetry collections *Youth*, *Traces of My Homeland*, *Other Poetry* collectively became one, as if marking a life of poetry. Poetry is a form of creativity. Creativity is (and has to be) innovated. Innovation is not about the art of using words but is about innovating the poetry forms. Before the twentieth century, English poetry was dominated by traditional poetic forms. Then, in the early twentieth century, American poetry transformed to free verse, and, at the end of the twentieth century, it returned to traditional forms and mundane language to transport ideas. From my young days, I started with rhymed poetry (*Youth Poetry Collection*). Then, after I migrated to the United States, I wrote bilingual Vietnamese-English poetry, first with poetic forms (*Traces of My Homeland*). Later, I wrote with New Formalism (*Other Poetry*), which combined rhymed and free-verse forms, as if to reminisce a time and to remember my homeland. In general, each time period was different and hence each poetry collection was different, each was an expression of a different stage of life. If each of us has an ideal when we are born, then the artists and authors with overflowing emotions making their dreamy souls contribute to their elevated cultures. Poetry and writing, painting and drawing, music ... all are exemplary examples. And to be complete, we need to extend our gratitude to life and to each other. To mainstream American poets: Frederick Turner, Frederick Feirstein, Angela Saunders, Tom Riorden, Stephen John Kalinich, Alexander Kotowske ... Lidia Chiarelli, Italian poet, and Jan Infantado, teacher of Bataan, Philippines ... and especially poet Dana Gioia, editor Dr. Carol J.

J. Compton, Richard H. Sindt, dịch giả William B. Noseworthy, Đỗ Vinh, Trần Vũ Liên Tâm (*Michelle Tran*), đã giúp tôi hoàn tất 2 tập thơ song ngữ & tờ báo *Poetry Journal*.

Những nhà thơ, họa sĩ đàn anh của tôi, nổi tiếng một thời, như nhà văn Mai Thảo, Hoàng Ngọc Biên, dịch giả Diễm Châu, nhà thơ Lê Đạt, Thanh Tâm Tuyên, họa sĩ Thái Tuấn, Duy Thanh, Ngọc Dũng, Đinh Cường ... đã mang đến nguồn cảm hứng sáng tác cho tôi, bây giờ đã không còn nữa.

Gia đình tôi: *Cha mẹ*: Lê Hữu Kiên, Đỗ Thị Yến. *Anh em*: Lê Thị Liên, Lê Văn Phúc, Lê Thị Cúc, Lê Văn Chân, Lê Văn Phương, Lê Thị Tuyết Lan, Lê Trọng Nghĩa. *Con cháu*: Lê Trúc Tiên & Đỗ Đức Cảnh, Lê Hữu Quan Sơn. *Họ hàng*: Đỗ Văn Oánh, Phạm Văn Động, Nguyễn Thị Sáu, Trần Văn Phú, Trần Thị Khuyên, Trần Xuân Tuấn, Trần Thị Thuý, Trần Thị Vân, Phạm Thị Thuý, Lê Thị Ngọc Loan & Kenny, Lê Văn Thông, Lê Thị Kỳ, Lê Thị Nguyệt, Trần Thế Hùng, Trần Trọng Dương, Trần Thị Khuê, Trần Thị Bích, Trần Đăng Đệ, Trần Thị Tuyết Giang, Lê Văn Thông, *Các cháu*: Lê Thị Ý Nhi & Đặng Văn Sơn, Lê Thị Huyền & Việt, Lê Thị Hiền & Thi, Lê Thị Nhàn & Võ Trung Hiếu, Lê Minh Thảo & Trần Nguyễn, Lê Trung Nguyên, Lê Thị Quỳnh Như & Nguyễn Thế phúc, Lê Thị Quỳnh Hoa, Lê Trung Đỉnh, Lê Thị Quỳnh Giao, Nguyễn Thị Minh Duyên, Nguyễn Minh Định, Nguyễn Minh Hội, Nguyễn Minh Đại ... *Bạn học*: trường tiểu học Thạnh Mỹ Tây II (dành cho người di cư, (1955-1959); trường trung học Nguyễn Trãi (1960-1966).

Cuối cùng, thơ bay lên từ cuộc sống. Những bài tiểu luận về tâm tư tình cảm là một ví dụ (phần Anh ngữ được đăng trên một Blog văn học Ý, Imagespoetry's Blog.) Tôi biết ơn họ. Và đa tạ bạn đọc.

Compton, Richard H. Sindt, translator Đỗ Vinh, Trần Vũ Liên Tâm (*Michelle Tran*), who have helped me to complete the two bi-lingual poetry collections and the *Poetry Journal*.

The popular poets, and painters who are my seniors, such as author Mai Thảo, Hoàng Ngọc Biên, poets Lê Đạt, Thanh Tâm Tuyền, painters Thái Tuấn, Duy Thanh, Ngọc Dũng, Đinh Cường and others who have inspired me to create and write and, sadly, who are no longer here with us.

My family: *Parents*: Lê Hữu Kiên, Đỗ Thị Yến. *Brothers*: Lê Thị Liên, Lê Văn Phúc, Lê Thị Cúc, Lê Văn Chân, Lê Văn Phương, Lê Thị Tuyết Lan, Lê Trọng Nghĩa. *Offspring*: Lê Trúc Tiên & Đỗ Đức Cảnh, Lê Hữu Quan Sơn. *Realation*: Đỗ Văn Oánh, Phạm Văn Động, Nguyễn Thị Sáu, Trần Văn Phú, Trần Thị Khuyên, Trần Xuân Tuấn, Trần Thị Thuý, Trần Thị Vân, Phạm Thị Thuý, Lê Thị Ngọc Loan & Kenny, Lê Văn Thông, Lê Thị Ký, Lê Thị Nguyệt, Trần Thế Hùng, Trần Trọng Dương, Trần Thị Khuê, Trần Thị Bích, Trần Đăng Đệ, Trần Thị Tuyết Giang, Lê Văn Thông, *Children*: Lê Thị Ý Nhi & Đặng Văn Sơn, Lê Thị Huyền & Việt, Lê Thị Hiền & Thi, Lê Thị Nhân & Võ Trung Hiếu, Lê Minh Thảo & Trần Nguyễn, Lê Trung Nguyên, Lê Thị Quỳnh Như, & Nguyễn Thế phúc, Lê Thị Quỳnh Hoa, Lê Trung Đính, Lê Thị Quỳnh Giao, Nguyễn Thị Minh Duyên, Nguyễn Minh Định, Nguyễn Minh Hội, Nguyễn Minh Đại ... *Schoolfellow*: Thạnh Mỹ Tây II Primary school, for migrants (1955-1959; Nguyễn Trãi High school (1960-1966).

Finally, poetry ascends from life. The essays about thoughts and feelings are examples. (The English version was posted on the Italian Literature *Blog, imagespoetry*.) I am grateful for each and all of them. And I am thankful for our readers.

CẢM NHẬN THƠ

THINKING AND THOUGHT
OF POETRY

Hành trình sáng tạo thơ của Khế Iêm là hành trình đổi mới và cách tân không ngừng. Khát khao “Cách mạng” trong tư duy thơ Khế Iêm cần thiết đối với thơ như hơi thở cần cho sự sống con người. Vì thế, dù làm thơ lục bát, thơ tự do hay thơ tân hình thức, cảm hứng chủ đạo trong thơ Khế Iêm vẫn là sự ám ảnh của văn hóa Việt mà biểu hiện sâu thẳm trong cõi thơ của Anh từ *Thanh Xuân* đến *Dấu Quê* và *Thơ Khác* ... vẫn là cái hồn quê với nỗi nhớ cổ hương da diết đến quận lòng bằng bạc trong ngũ ngôn thơ như: “quê nhà, xóm quê, mùa quê, quê mưa, tình quê...” và nỗi ưu tư về những đấng mắt vô thường trong chốn nhân gian. Đây cũng là phẩm tính làm nên cõi thơ Khế Iêm như anh đã chia sẻ trong những bài thơ đầy tâm thức hiện sinh:

*“Chống gậy trông đôi hoa / Hỏi thăm về quê nhà / Ấng mây màu
cước bạc / Cảnh trời muôn dặm xa”* (Mong)

Hay:

*“Nhè nhẹ gieo bóng sương / Với tay tôi vô thường / Quê mưa lẻ tiếng
nhạn / Liu lo lời mán mừng”*. (Mán Mừng)

*PGS.TS. Trần Hoài Anh – Trường Đại học
Văn hóa T/P. HCM, Sài Gòn*

Khế Iêm's poetry journey has been innovating and continuously modernizing. The thirst of "Revolution" within Khế Iêm's poetry mind is required in poetry like that of a human's life requiring breathing. Thus, whether it's six-eight poetry, free-verse poetry, or the New Formalism, the primary inspiration in Khế Iêm's poetry is still the Vietnamese cultural obsession, which are demonstrated deeply in his world of poetry. *Youth, Traces of My Homeland*, and *Other Poetry* has homeland love with yearning for former home. This is tormenting to the point of anguish. That yearning and homeland love are overflowing in words and languages of poetry, such as "hometown, old neighbors, seasons of home, home rain, home love ..." and the concerns about the transitoriness of to-haves and have-nots within the mortal world. This is the quality makes Khế Iêm's poetry a realm which he has shared within his poems – full of existentialism thoughts:

*"Holding cane looking at the hill flowers / Seeking for hometown/
Clouds color silver / The sky is miles far"* (Longing).

Or:

*"Softly plants the misty dew / Reaching out to transience / In home
rain lost swallow chirps / Chatters words of tales-tattlers".* (Tales-Tattles)

Dr. Trần Hoài Anh – HoChiMinh City

Khế Iêm, tín đồ tận tụy của Tôn-giáo-Thơ.

Tín đồ này mang một khát vọng lớn: Mở rộng Nước-thơ.

Ông không chỉ thực hành sáng tác thơ mà còn lý thuyết hóa các thực hành thơ của mình nữa. Có lẽ, đúng hơn: thực hành thơ và lý thuyết thơ ở ông là song hành, đồng tồn.

Các tác phẩm thơ và sự tự ý thức về sáng tạo thơ ở / của ông, đặc biệt thơ Tân hình thức, chính là một khả thể mới của thơ Việt, tiếng Việt mà ông đã nỗ lực tìm kiếm và khai mở.

Chẳng ai giao cho Khế Iêm sứ mệnh này. Chẳng qua ông tự chuốc lấy. Trong địa hạt nghệ thuật, “tự chuốc lấy” chính là một phẩm hạnh lớn của Nghệ sĩ.

Nhà phê bình Văn Giá

Khế Iêm, the diligent disciple of Poetry–Religion.

This disciple carries a huge ambition: expanding the boundaries of poetry.

He has not only practiced writing poetry but has also theorized his poetry practices. Perhaps, more correctly, practicing poetry and theorizing poetry within him are parallel and co-existent.

The poetic compositions and the self-realization of the poetic creativity within him, especially New Formalism, are together a new form of Vietnamese poetry, a new Vietnamese language, that he has worked hard to find and unlock.

No one has given Khế Iêm this mission. He merely brought it on himself. Within the art realm, “brought it on one-self” is the highest virtue of an artist.

The Commentary Văn Giá

Thế giới không vẫn. Người đi tìm người.

Khế Iêm đi tìm Lê Văn Đức, từ Vụ Bản, Nam Định đến Sài Gòn, từ quê Việt đến nước Mỹ phương Tây xa mờ gang tấc.

Ông gọi tên ông trong ký ức, trong hôm nay, ngày mai. Ông sắp xếp khối vuông rubik, xoay trở tiếng Việt và Anh, nghĩa và nghịch nghĩa, thơ và phản thơ, gọi hồn Văn điệu – Cấu trúc – Tân hình thức, đặt cược vào những ngắn – dài, bốn chữ, năm chữ, lục bát, tự do và bất định.

Đò ơi! ... Tiếng gọi của thơ, thơ vẫn xuôi, thơ kịch, thơ không lời và thơ họa hình miên viễn. Vang vọng bên bờ cát, bên lối dốc, bên hàng cây, trên mặt sông, trên gợn sóng. Chỉ một con tép búng nước. Chiều hoang hoải. Không mây, không mưa, không nắng, không gió. Như là thơ.

Trong hoang mang, tôi tìm nghĩa CON NGƯỜI:

“Một hôm quá bước qua rừng / Chân quàng mắt quáng thấy từng không xanh / Ngâm ngùi trong cõi vắng tanh / Nghe hơi bóng thú nằm canh nắng tàn” ... (Chuyến Mộng – Thơ Thanh Xuân).

*PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn
(Viện Văn học)*

The world has blank verse. People go to find other people.

Khế Iêm went to find Lê Văn Đức, from Vụ Bản, Nam Định to Saigon, from homeland Vietnam to the United States in the far-away West.

He calls for his name in memories, in today and in tomorrow. He coordinates the Rubik cube, spins Vietnamese and English, defines meanings and antonyms, creates poetry and anti-poetry, calls the souls of Rhymes – Structure – New Formalism, and gambles in the short-long, 4 words, 5 words, six-eight, free verse and the unknown.

Oh ferry boat! ... the calling of poetry, prose, versed, non-verbal and constantly pictorial poetry. Echoes on the sandy shores, in the hillsides, along the tree lines, on the river, on the rippling waves. It's only a little shrimp snapping in the water. An afternoon with inconsolable haze and desolate gloom. [There are] no clouds, rain, sunshine or wind. Like that of poetry.

In uncertainty, I find the meaning of HUMAN:

“One day oversteps beyond the forest / Rolled-legs, blinded-eyes see the blue cloud-deck / Feels sorrow in the deserted realm / Hears that a reclining-animal-shadow watches the fading sun” ... (Moving Dreams – Youth Poetry Collections)

Dr. Nguyễn Hữu Sơn

“CON ĐƯỜNG THƠ – TOÀN TẬP” ĐÃ NÓI NHƯ THẾ

Đỗ Quyên

Có không ít lẽ lối làm thơ. Và, tất nhiên, rất hiếm nhà thơ làm ra được đường thơ của mình nhập vào xa lộ thi ca của dân tộc, của nhân loại.

Có nhiều cách phân luồng đường lối thi ca. Thể loại, thi pháp: thể loại bao giờ cũng là khởi đầu rồi kết thúc cho mọi khu biệt nghệ thuật. Qua các thể thơ – sau vần điệu và cấu trúc, mà hơn hết, với chặng cuối ở Tân hình thức Việt – như một nhà thơ độc đáo, như một nhà lập thuyết thi ca Việt Nam đặc sắc giữa thế giới, suốt nửa thế kỷ qua, Khế Iêm đã vào cuộc toàn phần, rất hiệu quả và tương đối thành đạt.

Kiên tâm và nghệ thuật, hào hứng và khoa học – “CON ĐƯỜNG THƠ – TOÀN TẬP” của Khế Iêm đã là một dấu chấm son cho những quan niệm nêu trên.

Khế Iêm và thơ; thơ và Khế Iêm ... Trước là để cởi mở cõi lòng Thi sĩ, thứ đến muốn tìm hiểu cuộc đời từ Thi nhân, và sau chót, cần khám phá thế giới như Thi bá. Ba sự tình không hẳn tách biệt, có ưu tiên rõ rệt trong mỗi thi trình.

“THE POETRY ROAD – FULL COLLECTIONS” AS IT WAS TOLD

Đỗ Quyên

There are many ways of writing poetry. And, of course, very few poets can merge their own poetry path to the poetry freeways of people and civilizations.

There are many ways to determine the paths of poetry. Types, poetic theory: Types are always the beginnings and then the endings for all specialized arts. Through the poetic styles – the rhymes and structures, and mostly the finale in Vietnamese New Formalism – like an original poet, like an outstanding Vietnamese poetic philosopher among the world, throughout the last half of the century ago, Khế Iêm was already entered the full collections, very effective and quite successful.

Determined and artistic, enthusiastic and logical – “THE POETRY ROAD – FULL COLLECTIONS” by Khế Iêm is a stippled finish for all the mentioned concepts.

Khế Iêm and poetry; poetry and Khế Iêm ... First to open his poet's heart, then to learn about life as a poetic human, and finally, to explore the world as an older poetic brother. The three cases are not separated from each other, and each has a clear priority in the process of creating poetry.

Đây, ba trích đoạn thơ cho ba thời kỳ mà tác giả từng hân khoái khi tự sự về thơ mình:

Với *Thanh Xuân*:

“Từ thuở tuổi tác như đồng nát
Sương khói xây thành trăng mộ bia
Ta uống say khướt nước quẩn bách
Theo gió ra ngoài biên giới kia”

Ở *Dấu Quê*:

“phà vào lữ mục
tử bằng đất nung
vói tay nhón cái phôi

pha với khói

(...)

phẩy con đường làm đôi
không biết lối nào có dấu quê

cũ”

Trong *Thơ Khác*:

“Người đàn ông dựa xe đạp
vào vách tường vừa kịp
cơn giông ập xuống mang
theo mưa và mưa và

(...)

Here, citing three poetry stanzas for three periods which the author once rejoiced when he cited his own poetry:

With *Youth*:

From ages like junk-scrap
Smogs were building city-wall
I'm drunk like water be hand up
Following wind to out of that border

From *Traces of My Homeland*:

“breathe life into
clay figurines of herders
reach out to pinch the

vanishing smoke

(...)

the road fans out
I know not which path holds vestiges of my former

homeland” ‘

In *Other Poetry*:

“The man leans the bicycle
against the wall, just in time
as the storm pours down, bringing
rain and rain and rain, erasing

(...)

và biên độ giữa hai
chiều thực tại còn đọng
lại nhiều năm sau đó
trong ký ức người đàn

ông những phút giây lạ
lùng tưởng chừng như câu
chuyện chỉ xảy ra trong
tâm trí.”

Từ Đỗ Minh Tuấn ở Việt Nam đến Frederick Feirstein ở Hoa Kỳ, danh sách các độc giả tinh tường của tác gia này cũng dự phần, dù cực kỳ bé nhỏ, vào sự sống của thi ca toàn cầu. Giữa cái kỷ nguyên thơ phải tự sống ...

Đau và khó là hai nỗi trội của thi hứng Khế Iêm cứu mang. Đi tới cái đẹp, thật và sâu.

Như thế, thơ ca và con người Khế Iêm đã góp thêm một kết hợp đau-khó-đẹp giữa hai nền văn hóa phương Đông và phương Tây.

Để thành thơ, hãy tâm huyết & cân não.

Và, để thành thơ Tân hình thức Việt, cần tâm huyết & cân não với nhịp điệu không vần.

and the man is the shadow
fading and the storm and rain
and the amplitude between
two ways of reality still holds

many years after, in the
memories of the man, those
moments bizarre as if [it
was] a story which happened

only in the mind.”

From Đỗ Minh Tuấn in Việt Nam to Frederick Feirstein in the United States, a few join the eager list for reading this author, even though few extremely small in the life of the global poetry in the middle of an era when poetry must live on its own ...

Pain and difficulty are two extremes of the poetic inspirations which Khế Iêm conceives while moving towards beauty, true and deep.

Thus, poetry and Khế Iêm have already contributed a union of pain-difficulty – beauty between two East and West cultures.

To create poetry, let's devote our heart and minds.

And to create Vietnamese New Formalism requires the devotion of the heart and mind with the rhythm of blank verse.

Tân hình thức Việt – một loại hình mới nhất trong thi ca Việt Nam trên nền tảng truyền thống và hiện đại của thơ tiếng Việt cũng như thơ tiếng Anh.

“CON ĐƯỜNG THƠ – TOÀN TẬP” đã nói như thế ...

Vancouver, xuân 2021

New Formalism – the newest form of the Vietnamese poetry upon the platforms of tradition and modern in both Vietnamese and English poetry.

“THE POETRY ROAD – FULL COLLECTIONS” was spoken like that ...

Vancouver, Spring 2021

CON ĐƯỜNG THƠ

Nguyễn Vy Khanh

Con Đường Thơ là toàn tập thơ của Khế Iêm như chứng giám cho cuộc dẫn thân vào thi-ca, của nhà thơ. Văn những con chữ tiếng Việt thân thương ấy, nhưng từ *Thanh Xuân* (1992) tới *Dấu Quê* (1996) rồi *Thơ Khác* (2011) đã là một hành-trình nội-tại không ngừng và mang nhiều ý nghĩa của trung-thành và cách-tân.

Nếu *Thanh Xuân* vang lên tiếng thơ có vần có điệu, nhà thơ đứng ở tuổi mình, thân mình, ngày còn ở quê nhà, thì *Dấu Quê* đã thêm thang đường thơ tự do rộng mở với nhiều thử nghiệm cấu trúc lẫn nội dung, gồm 3 phân bộ *Cấu trúc*, *Dấu quê* và *Ngục biển*. Hãy thưởng thức cái tự-do của *Khoảnh Khác*:

“Đã thờ
(Giọng tiếng bát võ)
Đã rợn người gọi
Trăng kiêu binh

Giữa góc ngách của biển đời mọc
Rực đồng xấm
Mảnh gió môi, bình minh

THE POETRY ROAD

Nguyễn Vy Khanh

The Poetry Road is Khe Iem's full poetry collection and is the witness to his embarkment of the poet into poetry. Still the beloved Vietnamese words, but from *Youth* (1992) to *Traces of My Homeland* (1996) and then *Other Poetry* (2011) was an internal, continuous journey with many meanings of loyalty and innovation.

If *Youth* echoes the poetry voices of rhymes and rhythms, [when] the poet stood in his [once young] age, his body, the days when he was still in his homeland, then *Traces of My Homeland* blows wide-open the free-verse poetry path with many experiments in both structure and content, with three parts *Structure*, *Traces of My Homeland* and *The Bluish-Green Prison*. Let's enjoy the free-verse of "A Moment":

“Having breathed
(The voice of broken bowls)
Shivering with fear one calls to
The moon for protection

Between the ins and the outs of the ocean, life appears
Brilliant on a dark field
A bit of wind on the lips, at daybreak”

(...)

Tảng lờ
Im. Thật im. Rực rỡ
Tóc bật chiều run cần
Vết thương xa

Ôi giấc mơ, và mơ
Hoa điểm nhiên, từ độ
Tro ngàn
Đảng hăng
Cho đỡ nhớ rừng mật xanh”.

Cuối tập nhà thơ cho biết đây là những “nét vẽ nguệch ngoạc một nẻo đường, mang ý nghĩa chúng ta thúc đẩy phải ra đi bởi vì vẫn ám ảnh có một chỗ quay về”. Thật vậy, thơ Tự-do cách tân từng được Khế Iêm xem như một giả dụ, một “đi tìm cấu trúc mới” có thể thất bại, nhưng đã làm phạm người sáng tạo là phải lên tiếng thử nghiệm.

Có thể giả dụ không đi đến đâu, ông chuyển qua Tân hình thức từ những năm 2000 và xuất bản *Thơ Khác* theo khuynh hướng Mỹ-quốc, kết hợp giữa hình thức có thể cũ nhưng mang trong lòng thơ tự do và nhịp điệu của thế giới hôm nay ở chỗ không nhất thiết phải vẫn.

Đất nước Việt-Nam thường trực nạn nhân-mãn phía nhà thơ. Phần Khế Iêm sáng tác đều đặn nhưng không thật sự nhiều, có thể vì ông đến với thi-ca với chân tình của một người làm thơ trước hết cho mình nhưng cuối hành trình đã mở ra với nhân-quần. Hành trình đó là một cuộc đi tìm thi-ca với con chữ qua những dạng thức và cung cách khả thi. Khế Iêm đã rời quê hương với

(...)

“Feigning
Calm. True calm. Radiant
Hair at evening trembling biting
At the wounds of old

Alas! but a sweet dream, and to dream
Calm flowery ones about
Ashes of mountains and forests
Clearing one’s throat
Bestowing relief from remembering
the secret green forest.”

At the end of the collection, the poet mentioned that these are the “the brush strokes drawing a road, with the meaning: We are motivated to leave because we are haunted by a place to return to.” Indeed, the innovated free-verse poetry was once viewed by Khe Iem as an instance, as “finding a new structure” which may fail, but, as a creative person, one must try it.

Perhaps because such an instance didn’t go anywhere, Khe Iem changed to New Formalism during the early 2000s and published *Other Poetry* as part of the American trend, combining the old forms with the free-verse soul and the rhythms of today’s world with in the non-requirement of rhyming.

The country of Vietnam is a standing case of too many poets (in a tight market). Khe Iem writes frequently but not too much, perhaps, it is because he comes to poetry with the sincerity of someone who writes poetry first for himself and at the end of the journey, opens to others. That journey is a poetry search with words

nổi lòng và đã trút tâm sự qua thơ, nhưng ông vẫn muốn quay trở về sau khi đã nhiều năm hội nhập đời và thơ nơi xứ người. Cuối cùng thì thơ ông mang nặng bản-ngã nhị-trùng khi đến với Tân hình-thức Việt. Vừa sáng tác theo cảm hứng và khuôn mới, xuất bản tuyển tập thơ của “giai đoạn khởi đầu” *Thơ Khác* (2011), ông còn cật lực với thể-loại Tân hình-thức và đã soạn tập lý thuyết và thực hành *Vũ Diệu Không Vẫn: Tân hình-thức, Tứ Khúc và Những Tiểu Luận Khác* (2003), *Bước Ra: tiểu luận thơ Việt / Stepping out: essays on Vietnamese poetry* (2012), *Nghi Về Cách Làm Thơ* (2016) và *Vũ Diệu Không Vẫn Toàn Tập* (2019).

Khế Iêm qua hai thập niên vẫn kiên trì sáng tác và đa dạng hóa thơ Tân hình-thức cũng như phổ biến, vận động khuynh hướng thơ này. Thơ ông dùng Tân hình-thức và sự vật, sự việc nào đó để bộc tỏ tâm tình, tư duy của con người hôm nay, như khuynh hướng “tiểu-thuyết mới” bên văn xuôi từ thập niên 1960.

Hai mươi năm đó đã là *Ảnh Áo*:

"Người đàn ông hai mươi năm sau nói
với người đàn ông hai mươi năm trước
rằng, trên băng ghế này, dưới bầu trời
này, đã hai mươi năm, mà vỡ tuồng ..."

Có thể nói Khế Iêm đến với Tân hình-thức như đã tìm ra lối thoát nào đó cho thi hứng của ông và vô tình đồng điệu với những tâm hồn bị bủa vây bởi thời đại vô hồn, kỹ thuật. Như bài *Bạc Thang*:

through feasible forms and style. Khế Iêm left [his] homeland with a heartache, and he poured his soul into poetry, but he still wanted to return after many years of immersing in the life and poetry on the foreign land. At the end, his poetry is deeply weighted with dual beings when it comes to Vietnamese New Formalism. While he was writing with creative feelings and new forms and publishing the poetry collection of the “new beginning” *Other Poetry* (2011), he was also dedicated to the New Formalism type and compiling his theories and practices in *The Dances of No Rhymes: New Formalism, The Four Songs and Other Short Essays* (2003), *Stepping Out: Short Essays on Vietnamese poetry* (2012), *Thoughts About Poetry Writing Methods* (2016) and *The Dances of No Rhymes Full Collection* (2019)

Khế Iêm through two decades is still dedicated to writing and diversifying New Formalism poetry, making it prevalent and campaigning for this poetry direction. His poetry uses New Formalism and certain ideas or events to express his feelings and thoughts of present-day human, like the direction of “new novels” in prose in 1960s.

Twenty years was an *Illusion*:

A man twenty years late speaks to
the man twenty years early that on this
bench, under this sky, almost twenty years
that the drama not been written yet, and

One can say that Khế Iêm came to New Formalism as if he had already found the escape for his poetic inspiration and had unknowingly attuned with the souls which are surrounded by the empty-soul technological era. Like the poem “Stairs”:

“Những bậc thang nối với nhiều tầng
lầu, những bậc thang dẫn tới nhiều
đường tầu, những bậc thang và những
bước chân; những bước chân trong tôi

có ngón giao chỉ, từ phố phường
đi ra biển đông; những bước chân
trong tôi rướm đời du mục, dù
rằng tôi chưa bao giờ sống đời

du mục; điều này ám chỉ rằng
tôi là mảnh vỡ tí ti của
quá khứ, bị cánh bướm đập, văng
ra thành kẻ lưu cư nơi miền

đất lạ; không khác nào những bậc
thang và những bước chân, tái hiện
rồi tái hiện, rơi trong hỗn mang;
bởi chẳng phải là những bậc thang

vẫn nối với nhiều tầng lầu, những
bậc thang vẫn dẫn tới nhiều đường
tầu, và những bước chân trong tôi
vẫn còn đang vang lên thanh âm

quyến rũ dị kỳ; thật ra, tôi
không muốn nói hơn một ly những
gì tôi nói — những bước chân và
những bậc thang đến đây là hết”

Toronto, 20-3-2021

Stairs connecting many floors, stairs leading
to many ports, stairs and footsteps; footsteps
within me some pigeon-toed, from the city
to the open sea; footsteps within me
bleeding a lifetime of nomadic

wandering, though I have never lived
the life of a nomad; this is to
allude to the fact that I am a
fragment of the past, crushed by butterfly

wings, cast away to become exiled in
strange lands; no different from the stairs
and the footsteps, appearing and then
reappearing, fallen into chaos; because

it isn't the stairs connecting many
floors, stairs leading to many ports, and
footsteps within me still echoing sounds
drawing me eerily closer in fact;

I do not wish to speak an iota
more of what I am speaking, the footsteps
and the stairs are coming to a close here.

*“Thinking and Thought of Poetry” (Cảm Nhận Thơ): Translated
into English by Tran Vu Lien Tam.*

THANH XUÂN



phụ bản duy thanh, thái tuần



Phụ bản 1
Duy Thanh vẽ, Sài Gòn 1972

MONG

Chống gậy trông đôi hoa
Hỏi thăm về quê nhà
Áng mây màu cước bạc
Cảnh trời muôn dặm xa.

GỬI LÃO TỬ

Thong dong về non xanh
Ngày hứ hơi gió lành
Quán không lòng mong tưởng
Một chòm mây mai danh.

RẤT NHỎ

Một cuống mắt non
Khơi sâu thiên cổ
Một chút duyên con
Nằm trong loang lổ

Không mất không còn
Hồn thu rất nhỏ.

CHẾT

Chết giữa rặng đông
Chạy rông bãi mộng
Mặt trời rất rộng
Như bông mênh mông

Lấy mùa xuân không
Vùi trong hoe nắng
Gánh về đàng đẵng
Một vai viễn vông

Chết ở đầu sông
Thấy đồng lửa bỏng
Một hầm gió hồng
Một cọng mây giông

Chết giữa rừng chông
Chết ở đôi thông.

TỪ BIỆT

Có dòng sông
Ngủ mãi
Trong hầm mộ
Có biển rộng
Tắt
Nơi khe sâu

Con sư tử
Nằm vuốt
Sắc
Gió
Để ngày xanh rơi vào miệng vực

Một cành non
Mọc
Giữa rừng độc
Ta tàn hơi ...

TIN BÁO

Những người đưa ta từ bao đời trước đến
Những người chôn ta từ bao đời sau về
Âm binh ...

Cơn gió nào thổi tan lời nguyện
Con sói về ăn những mảnh trăng
Bên côi người một hồn nắng tuyệt
Có tiếng cười ở giữa lòng chằng?

Tin báo rằng mặt trời đã tận
Trái đất là một thoáng lửa trôi
Một mùi hương của trần gian hóa
Đã cuốn theo một lũ ma rồi.

TẮT

Chờ đợi

Mất hút

Lặng lẽ

Lá rơi trong khoảnh khắc

Ẩn mật

Mộng gõ tầm tối mắt rộn rã

Thoảng đưa hương ngâu thôn đời xa

Thông tay giữa chợ

Gió háo hức

Mang máng nhớ đất trời chật chội

Vội vã

Quát tháo

Lửa diu dặt

Chống tre ngơ ngác ngó quanh quất

(Cứ khuấy mãi bùn ao đục

Chẳng hiểu lòng như một chốn mơ)

Tắt ký ức
Và sáng
Bụi
Hôn ám
Để ngõ con đường dẫn về nẻo trọ
Ngõ dòng trăng là chuyến đò trôi
Và trăm năm
Chìm
Trong khung hẹp.

VÔ ĐỀ

*Kính tặng nhà thơ Nguyễn Đăng Thường,
Dương Tường, nhà phê bình Đặng Tiến,
Thụy Khuê*

Lũ chim chóc đóng băng trong không
Và tháng ngày trôi bồng bênh trên đất
Thầm thì mãi
Những chiếc lá cầm nín nói
Mắt tối

Ta đánh mất tiếng người
Chìm nổi
Ồi bước chân xanh
Thổi tròn mầm gió nhú
Ngồi đợi hoài khói tro mẩn du

Xây xảm chiều
Chôn cánh độc
Lòng lơ đảng biếc.

TRĂNG Ở BATAAN

Ngựa cổ hát run mắt
Trăng ẩn quanh đôi rong
Chợt nghe lòng ố mục
Mây rú trong mù không

Ta hú nơi rừng quạnh
Chân khóc mặt ráo hoảnh
Vợ con phố đời mất
Ngàn lau trôi tóc tranh

Dĩ vãng ngực núi ngập
Lời mi hoen áo xưa
Lối ngược đá trăng tráo
Chông nhọn nhan sắc hồng

Người lạ xứ sở lạ
Điêu khắc gió quê xa
Lệ ướt tím liếp trống
Ngôi chong khoang khói qua.

Bataan, May 05. 89

VAY

Tặng nhạc sỹ Nguyễn Trung & Hà Nguyên Du

Cứ thờ

Lúc giây đời bất động
Và thả trôi vào bờ gió khoang ao
Trong phút chốc những đắm thương nỗi nhớ
Cũng hòa tan vào mộ đất nương sao

Ta nhắm giọng, bước ngàn lầy bẫy
Mắt tung mây, hôn rộng. Chau mày
Theo mạn sóng, bèo dâu, bọt nước
Xua bầy chim tan tác. Bến muôn sau

Cứ trời dậy nghe thầm tiếng gọi
Giữa dòng sông chia nhánh. Cối đêm rơi
Rong ruổi mãi, giấc ngoài hiu quạnh
Hư hư về, mộng những chưa vơi

Cứ mở

Lấy trái ngày gieo lại
Bên thêm non độ nắng lung lay
Và hái vội thóc nắm, rơm rạ
Đem phơi thành tro khói ta vay.

MỘT MÌNH

Đứng sững nhìn trời đất, sương sã
Gây gây đồng sương như dao mưa
Thở nhẹ, tắt tưới những rợn rã
Quay về thân ngã, gai thâm u

Giữa tiếng thương lạnh, khói ngắt ngưỡng
Thoảng một chiều thơm trong khói xa
Xò ngang gió chiếc, cắn hơi hướm
Yêu dấu qua đời, ta bao la

Đôi mắt sao cay, bóng xúc sắc
Ta thăm bật nhớ môi hoang liêu
Chia hai bãi quán trăm dòng lũ
Múc mấy gàu mây, soi hắt hiu

Ta hát cuồng lưu, đắng phiên nhiều
Men say đã dậy ngoài sân ngày
Nhai cầm một nhánh, dây thần bí
Và chở ra ngàn sông, rủi may.

TÌNH

Chức mặt nạ động đậy
Trong đôi mắt của con rối
Cánh cửa đóng
Tôi tỏ tình với nỗi ẩm mốc
Sợ khói điên trên môi

Những chiếc lá quay vòng tròn
Hôn tóc đá
Những chiếc lá cứ quay vòng tròn
Giọt nước trên mi em biếc gió

Tình yêu nóng ran
Biển nắng lục.

Sungei Besi 1988

MỞ

Phố rần và người
Trăng mắt dấu
Đất, nhục hình căm
Vô cùng nhọn, suốt tim
Đầm đằm hăng

Không ai hôn ta trong cũi đêm
Không ma không đời, khoang lưới
Hồn đâm sầm, hầm đắng

Gọi chờ
Xưa mãi không.

KHÓI

Mắt quáng gà
Hư thực, nhập nhòa hoài
Bực bội
Quá khứ dở hơi
Mẫu thuốc chấy

Nguệch ngoạc buồn, nhiều lời
Bức tường kín
Người tù, dây trói
(Tiếng nói ậm ừ rồi thoảng như
Không gượng dậy
Không động đậy nữa)

Ôi ánh trăng sao ướm trên tóc khô?
Người tình khóc
Chiếc bàn trống
Thuở hồn nhiên nụ hôn
Long lanh nến.

MÙA ĐÔNG QUÊ HƯƠNG

Cho gia đình

Gói nụ cười, áo tươi
Co ro ngàn, khói ngất
Bước xẩm. Há hốc mỏ
Da khô cằn, mưa khô

Ta trói chân, rừng dữ
Mây thổi, lời thu trôi
Gió lẹ ráo mi biếc
Cỏ non già. Hanh môi

Đau đầu đời sông đục
Mộng tiếp trán nhăn nhúm
Tiếng lạ, ngôi ngân ngơ
Bãi năn sâu. Đất mặn

Nhà trống. Mẹ trông ngóng
Con không tình, tù nhục
Chiều chưa lên bếp tro
Ngày chưa qua. Nắng mục.

LẤP BẤP

*Cho các cháu Lê Thị Ý Nhi, Lê Thị Huyền, Lê Thị Nhàn,
Lê Minh Thảo, Lê Thị Quỳnh Như & Nguyễn Thế Phúc,
Lê Trung Đình, Lê Thị Quỳnh Giao,
Nguyễn Thị Minh Duyên ...*

Mở trang nhật báo
Đọc mục rao vặt
Thấy có đời mình
Thấy có lặng thinh
Một ngày bật tiếng
Phổ phát bật âm
Chiếc ấm quai đồng
Rớt ra bụi vẩn
Ở trong ô cửa
Ở ngoài cửa ô
Bước lại từ đầu
Bước lại từ đầu
Một con sẻ lạc
Bới lời linh tinh
Giữa chốn huê tình
Dở hơi tê thấp.

CHUYỂN MỘNG

Đứng không hớp một chén mây
Nằm trong thiên cổ có hay ta về
Hỏi thăm cây cối nín khe
Một chòi gió đặng mấy the nắng sâu

Lặng thinh hít bụi mơ hồ
Trong giây lâu đã đến bờ hư sinh
Thả thuyền vớt ánh bình minh
Ghé qua vô tận lấy bình tang thương

Lặng nghe gió cuốn mặt ghềnh
Cái thân vô mệnh buồn tênh đã chìm
Cuối đời rời rã cánh chim
Mượn dòng nước bạc im lìm mà gieo

Em đi mất mộng xuân thì
Ôm thình không ngủ thấy gì trăng sao
Hôm nao gió lọt song đào
Tình hoa trôi cũng trôi vào túi hoa

Thôi về vớt mảnh trăng non
Rồi ra giữ áo hỏi hồn sơn xửa
Nói gì nữa giữa vườn thưa
Mênh mông trời đất riêng thừa có ta

Lòng buồn nhạt cánh hoa rơi
Nghe trong nắng quái có lời kêu than
Tản ngẩn ngó đám mây tan
Thênh thang trên bãi sông hàn bao la

Một hôm quá bước qua rừng
Chân quàng mắt quáng thấy từng không xanh
Ngậm ngùi trong cõi vắng tanh
Nghe hơi bóng thú nằm canh nắng tàn.

CẢNH

Gối đầu trên thêm gió ẩn tích
Mùa màng
Thở
Hồ nghi bể dâu

Ngồi trong rừng mưa bạch dương
Hoài hơi nghe thổi non nước hẹp
Mở cửa. Gõ (hang tối chưa?)
Quá khứ
Lửa
Nhảy múa
Hát. Inh ỏi thời tan tác

Lời hoa đưa thu ngoài hiên
Đàn chằng khói thiêng cỏ lam.

NHÁNH SẦU

Với ngày, tiếng nói là miếng nhọn
Đập vỡ những chiều xanh tóc gai
Với thời, bao nỗi mắt ẩm ướt
Ôi chẳng, chảy trôi nước tắt bật

Bồi hồi những trái tim đôi xa
Đập vùi chút dĩ vãng chập chững
Bình nguyên thân nhiên trong lòng ta
Lần theo ngàn sương, bầy ương ngạnh

Thở đi, bao la thay hừng đông
Thổi ra những thương tích bầm vập
Gõ ran những chảo đời có thật
Nghe âm vang sóng rời đầu nguồn

Đã chở tro về chôn bến nhớ
Đã ngừng trong một thoáng từ ly
Là mở ngõ ý tình, bờ ngõ
Ta uống nhầm rượu hay, cơn sầu bi.

MƯA PHỐ KỶ ĐỒNG
NHỚ TRANH THÁI TUẤN

Góc phố hăm hứ hứ lá hứ
Gió trăm năm cào cào nắng đêm xưa
Màu nét thở áo tươi co ro chiều cánh đồng Bắc Việt

Mắt tro xa lạnh ướt chân môi
Mắt tro qua run mặt ngày mới rớt
Không núi mây ngờ mưa tắt khôn nguôi

Giả cho tranh nụ cười của khói
Giả sông đôi cõi thật chông chênh
Ta giữ lại chút Thơ, chút Người của Họ
Sắc xanh hoa mờ lạ nhớ quên.

Sài Gòn 1985

MÁN MƯỜNG

Nhè nhẹ, gieo bóng sương
Với tay tới vô thường
Quê mưa, lẻ tiếng nhận
Lú lo lời mán mường.

LỆ

Mắt khơi, giếng nước ngọc
Rong chơi, lên đồi trong
Cởi ra áo, trắng mọc
Lăm le một lệ dòng.

PHIÊU DIÊU

Khói nhang ngoài hiên chiều
Vấn vợ, hoa bao nhiêu
Trôi đầu, tình vụn thở
Bèo dâu thôi, phiêu diêu.

TÌNH MỘNG

Thấp thoáng chim bay qua
Động nghe lòng khóc òa
Hương xa, đóa quỳnh nở
Ấm êm, tình mộng là ...

Ở BIDONG

Đòi
Nước
Xó thôn bạc
Trùng mắt nhớ ngày thuở tóc trôi dạt

Mộng
Thực
Biển thổi trái tim mưa

Quê hun hút
Cỏ khóc thương tích
Bổ nhói
Hôn ám rừng khói bất trắc
Hát.

TRƯA

Dốc

Nhà

Râu tóc

Xóm quê

Phố người tứ xứ

Lâm lũ nhớ mùa sóng hương nếp

Sông

Ơi chèo

Bến ...

Nheo mắt trưa

Lòng mây.

TÀN ĐÔNG

Như hoàng hôn chảy, tiếng khoan nhặt
Như thời gian đắm trên môi hôn
Nơi cõi sắc mằm gió căn cắt
Len lén nghe lời, mệnh mông non

Giữa âu yếm lửa nén bật tắt
Âm ảm hơi rượu men tuổi xuân
Ta chải chuốt hôn, đồng quạnh quẽ
Hoa, mắt trong
Đời sông thanh tân

Đã nuốt chửng vầng ngày xao xác
Đã điu hiu từ dạo bước chân lên
Những bát ngát của chiều ánh khao khát
Những rừng câm vời vợi, tro lênh đênh

Ta để ngỏ, ao chuôm và áo ngực
Thấy bay ra một cánh thỉnh không
Nói ấp úng
Buổi đời nhạt thực
Vẫy gọi ta về, sương tàn đông.

THỬ VẼ PHÁC CHÂN DUNG MỘT THI SỸ

Gửi chị Tâm, các cháu Dzu Quang Tuệ, Dzu Trinh Thảo

Thở dồn dập phôi pha xưa mắt rối
Gió rêu
Ngày siết nhớ nụ cười đầy hồ tất

Nắng hú
Khỏa thân người
Nhả thân trôi
Lời xăm xanh lời
Hoài hử nói
Khởi góc ghéch đùa điên môi mưa

Sân sùi thổi
Ngồi man mác rong
Thuốc lá cà phê và thi sĩ.

Sàigòn 1986

* Bài thơ viết về nhà thơ Thanh Tâm Tuyền (vẽ chân dung bằng chữ). Trước khi vượt biên, tôi có gửi lại anh, vì biết rằng đi là đi mãi, không có ngày trở lại. Cái tâm trạng vượt biên hồi đó rất kỳ lạ, ngay cả cái sống chết cũng còn không màng nữa là những chuyện khác. Sở dĩ tôi không đề tên anh vì lúc đó, anh là nhà thơ nổi tiếng, còn tôi chỉ là một người bình thường.

NGHE ĐÀN

Gánh vế
một quả nặng trong
Chiều ra
hít thở
cho lòng trống trơ

Thoảng đâu
có một tiếng đàn
Nghe qua ngò ngợ
cái hờn
thâm u

Ngoài trăng gió bãi
thổi vù
Thấy ma trên núi
ngồi tu
quận lời

Kinh xưa một lá
tờ rơi
Trăm năm hỏi giấc
mộng người
có không.

TỰ CA

Mở mắt

Nhấp nháy nghi, hỗn nhiên
Rơi trên thêm, ruộng đồng chảy mật
Chưa bao giờ nước và đất thành bùn
Chưa bao giờ điều linh là mộng

Ta khởi từ đời có thật

Chạy đi rồi về gió tắt tưới
Chiều xa chôn hờ thầy ngoài non
Đợi nhau từng giờ bướm thốn thức

Dừng lại con quay quẻ may rủi

Dắt tay bước qua cầu nước mắt

Thở dài

Cười

Tiếng hùng hổ

Nhè nhẹ rừng lời buông bông lơ

Nhát cước

Cỏ, hẳn nhiên chết

Cho nhanh ngày mầm héo xơ xác

Vay trả ngàn kiếp muôn biến đổi

Ta ca thêm thiếp quê mùa thơm.

MẮT CỬ

Lây lất những
Mùa đổi
Thôi thơm môi

(Không có nụ hoa nào
 nở trong khuya mơ
Mà tiếng ngày thoáng thở)

Khát xanh hoang phố úa
Ai
Ngậm ngùi
Ai
Ngón ngang hoài mắt ứa xưa ôi
 hốc hác lời.

Sài Gòn 1982

TRÚNG BÀY

*Gửi các anh Phạm Kiều Tùng, Phạm Hoán,
Nguyễn Tân Văn, Ngô Khánh Lãng*

Con thuyền
Trôi
Trên đời
Nắng biếc
Thổi
Gió trắng hếu nằm phơi
Trên thảm xanh của rừng

Không có hẩm đá nào để nhốt những cánh rong
Không có chiếc lá nào bám vào sợi mây
Và lửa đùa
Một tiếng âm của rần và móng vuốt của
lũ quái trên bãi non

Trắng
Hay khói
Chảy trong ngày lạ.

XẨM CA

Qua mái hiên chiều, khói tranh tối
Quên, bãi dâu
Chèo, lênh đênh trôi
Ta áo manh hè phố giá buốt
Tro đãi bồi hồ nghi trên môi

Ta cải trang về cõi lá úa
Run mãi run thắm, trắng sông xanh
Nghe thảo nhiên bờ bến khốn nỗi
Trông dỗi khêu
Lửa mùa
Cũng đành

Ai hát ru rừng mắt dã thú
Ngây ngất mưa lời như chôn sâu
Tiếng chim khóc, ẩn lánh biệt xứ
Đá tím hơi chờ bao thiên thâu

Trong giấc ma muội gió bất ổn
Đang réo tên ngàn sao ban sơ
Ta thổi tắt tàn bắc hư hoặc
Nghe xẩm ca ngoài thình không, mơ.

GÓC TRỌ

Nơi gác vắng tiếng trăng nhạt
Cô độc gọi
Hiếm hóc nhớ
Lăn lóc cười mắt thâm quầng trôi

Khỏa thân đồng xanh
Khỏa thân lời
Khói ám

Ném mũi lao vào thình không
Để nghe mùa đông đập cánh thở
Gieo quẻ bói
Tình yêu chói chan

Mặt trời hom hem trên môi ta
Chiếc ghế nói bằng ngôn ngữ điếc
Thuở hạt thóc nảy mầm trong bọt mây
Ta thấy đời theo con xúc xắc

Rực rỡ tóc chanh em ngày qua xưa

Quá khứ nở thành xương rồng
(Kể du mục không về lúc rạng đông
Để làm hể trên sàn tập
Em hóa trang chưa?)

Ta mở ngõ trái tim
Những mối tình ương dở
Đóa hoa khóc
(Chim chóc chẳng bao giờ còn cất tiếng hót
Hay cứ cất tiếng hót
Hãy trông lại giấc mơ, chứ em?)

Giọt nước mắt truyền ra mật ngón tím
Những chiếc lá đi rong
Cần miếng mưa
Ôi vì sao vì sao
Ta không thể nói với em về nụ hôn
Đã mất.

Bataan, June 23-89

RÃ RỜI

Xao xác chim từng đôi
Gối mây tình, luân hồi
Quán ngày, tan tác thờ
Hắt hiu lời, rã rời.

HOA KHÓI

Lên non, lên non cao
Vú căng trần núm đào
Phơi mình trong gió, nở
Hoa khói, nguyệt lao xao.

CỘI THỂ

Mắt ứa, khóc xưa lệ
Lên đèn quên mùa quê
Ánh lòng men ly biệt
Môi hôn run, cội thể.

MONG MANH

Quang quác tiếng chim thối
Biếc trôi thân, hồn quanh
Mắt cũ, rơm già vội
Đất thai hoài, mong manh.

NHƯ KHÔNG

Xập xòe chim chóc liệng
Cỏ ngát, hoa ngoài song
Khói búp, cửa xuân lỏng
Mang mang tình, như không.

VÙ XA

Ngun ngút chân đôi qua
Lãng quên tình quê nhà
Bến người, hoa bướm đậu
Khe khe trắng vù xa.

THƠ DẠI

Ném cội nguồn dưới ngàn
Mở toang tình vạn đại
Thở một tiếng, lòng tan
Gói vo thời, thơ dại.

HỒN MỘNG

Gác mái, con đò trôi
Chờ trăm dòng, cội đời
Mắt liếc cỏi mây nổi
Ngổn ngang hồn mộng rời.

PHIÊU KHÚC

Con chim biến hình

Ngoài gianh mưa

Tiếng hát

Xẩm đêm

Bầy u mặc

Mở ra con đò xuôi mênh mang trôi

Ngủ
Khúc khích thờ
Huyền hoặc
Tha hương
Bảo thân thể
Ngực biếc bát ngát lửa phiêu dạt
Tắt đi. Hoàng hôn trắng phế hưng

Thằng thốt
Cội rẽ lời

Ta nghe dâu ngàn hóa bụi
Vô ngôn tự thưở nằm nôi
Có không chẳng đời qui mị
Sao khuê vệt tắt đỏi non

Trở dậy
Thấy lòng mình là đá
Thấy hồn mình là chỗ không may
Chân sa hố sinh biệt

Ngày nổi chìm
Trong
Đáy nắng xôn xao.

CÔI VẠN CHIỀU

*Tặng Phạm Hoàng Phương Lê, Hồ Thu Thủy,
Nguyễn Thị Loan*

Như thể khoảnh khắc của huyền ảo
Trôi ngoài ngọn nguồn, thân như sương
Ta về xuân khóc bên thềm cửa
Đã biệt lâu rồi. Không cố hương

Đã hết những thời hoa nguyệt thẹn
Đã tan chưa khóc mắt buồn xưa
Nhấp môi. Nước chảy trăm dòng nắng
Có thật ngày quanh, bước cỏ thưa

Mặt trời cần một chiếc đò lớn
Có bầy chim bỏ ra biển đông
Có ta long lanh tựa giọt lệ
Rơi hồn nhiên cùng mơ, thông dong

Ta về thóc ấm giao mùa thở
Uống hết một liêu, tro cô liêu
Ô hay tóc gió chưa là khói
Để mở lòng ra cõi vạn chiều.

ĐÊM CHONG ĐÈN ĐỌC THƯ
NGƯỜI HỌA SĨ GỬI TỪ ORLEANS

Sơn dầu và khói thuốc
Nụ cười tóc trắng
Ôi, mắt biếc trôi mênh mông đâu?

Trong khuya xưa tiếng đàn lẻ vương trên làn môi
hạt sương non
Vuốt một chòm mây ngoài ngày người nghệ sĩ
nghe thánh thót giấc mơ quá khứ
Dẫn lên tuyết bạc, quấn quanh người, quấn quanh ta
vết mờ núi cũ

Con chim sâu gọi mùa xương rồng
Lời ca buốt
Gió run tím
Ngậm cành gai cổ tích thoảng hoài thời thơ ấu qua

Nơi góc biển

Người ngư phủ già khua mái thuyền chiều lên đênh
sóng hát

Tần ngần điểm một màu mưa, cánh gió ... xó quê lam,
trăng phố, Paris thu có nhớ chẳng ta
tiếng thở dài mơ hồ rêu

Ném nụ mầm vào bếp lửa, soi ánh nến thăm hỏi
về đời tro tàn

Tạ ơn chân dung người họa sĩ miền Orleans.

Bataan, March 89

LÁ KHÔNG

Về thôi, hắt mộng đồng xanh
Đã tan chứa hạt nước quanh mắt ngàn
Thuở lời, vọng tiếng chim ran
Đò quê, mặt sóng giữa đàng lá không.

VÓ SẦU

An nhiên, cát bụi lên đồng
Gác khuya hắng gọi thuyền sông, bến bờ
Dội ngoài đầu bãi, rung tơ
Bóng câu đứt mạch nằm trơ, vó sầu.

NƯỚC NON

Lênh đênh biển biếc một chiều
Quanh thôn sóng rộng dập dìu khói xây
Mây trôi chở cội nắng đầy
Lỡ thân tan nhạt làm rầy nước non.

PHỐ NGƯỜI

Hú lên, thỉnh lặng nhánh cành
Thấy mưa bốc ngược bên thành, chốn hoa
Động mùa, khóa cánh bay ra
Những thân trăm nẻo về qua, phố người.

THOÁNG SAY

Tặng các bạn thời Trung Tiểu học

Có thật
Những đồng trăng cội dâu
Bến quên. Sông ngắt mộng non đầu
Áo lam tóc ngược bên đôi, hú
Im bật lời trong khuya, bỗng đầu

Rờ rẫm chiều xanh ngõ đá xanh
Chứa hay thân thể đã tan tành
Mây trôi từ kiếp, ngàn hiu quạnh
Bước vội qua mùa, hoa sang canh

Có đấy
Ta về, quanh quán trọ
Mái ngang, mưa dầm một con đò
Chiều mơ mắt dầm khôn cùng, nhỏ
Và tiếng hồn run rong nước, khô

Ta chờ đời lên theo khói bay
Chim ơi dứt gánh ở cung đây
Lên đênh mấy nổi, du tình dậy
Thuở nhớ rừng sao không, thoáng say.

MÙ SA

Mây hôn, thơm chiều hoa
Mắt hoen bờ lệ nhòa
Xót ly biệt, hiu quạnh
Run run xưa, mù sa.

SÂU LÊN

Về, hoa đèn cô tịch
Lời tình đưa lên đên
Ôm ờ kiếp ôn dịch
Ôm thân ngậy sâu lên.

THUYỀN SAO

Lập lòe, đom đóm dậy
Cỏ ươt, trăng đồng dao
Bước sông, bóng run rẩy
Bến sông xanh, thuyền sao.

RƯỢU SÂU

Hoa trôi, hoài giang đầu
Mơ mơ thôn làng dâu
Hắt hiu, dẫu du sĩ
Mênh mông môi, rượu sâu.

HOA

Em môi không, búp gió
Em mắt không, ngàn non
Em có hay, mây đọi
Em còn, cho nắng hôn.

VÀ HOA

Ngắt nụ hoa hồn nhiên
Râm ran lời cỏ rộng
Vứt một cánh rong hiên
Xổn xang tình tiền biệt.

XUÂN TỬ

Lửa mắt, hôn tóc sao
Chảy và khóc
Lời kinh mưa

Như trái tim kịch, lòng co quắp
Như bát ửng chiều run phiêu linh
Như chim bay qua rừng hát huyền não

Ta, sấm thương nguồn gió đau đớn
Bên quán xưa men rượu còn chờ
Thây man di có tiếng hồn oán
Sông cuối sông về, hoa tinh mơ

Ngăn ngắt quanh ngực núi càn rỡ
Khuya liếp tranh hồn quê siêu sinh
Ta cần răng cùn đá găm rú
Trong nước trôi ngoài trăng lân tinh

Soi, bỗng nhiên dòng nổi lam lũ
Đang cuốn đi từng cơn phiếm du
Thiên thiếp hơi gặm miếng tình cũ
Bao phé hưng ta mùa xuân từ.

CHÁI XƯA

Đã gãy đập tiếng hót lãnh lót
Cháy tàn môi
Lửa bếp
Đò ngang
Thổi tắt tắt hoài giấc thảng thốt
Trong sâu, ru hồi kinh hỗn mang

Như vết dao chém, cỏi hung hiểm
Ta gọi run cành cơn tang thương
Nhai ngấu nghiền thời lúc ô nhiễm
Lênh đèn bao nguồn, mưa Tây phương

Từ thuở tuổi tác như đồng nát
Sương khói xây thành trăng mộ bia
Ta uống say khướt nước quẩn bách
Theo gió ra ngoài biên giới kia

Bóng núi xanh ngu bước ngậy ngất
Đi về giấy khắc như ma đưa
Ôi thôi ném quách thân vào đất

Ta gõ
Trầm luân quanh chái xưa.

PHÂN LY

*Tặng các nhà thơ Nguyễn Lương Ba, Inra Sara, Huy Hùng,
Nguyễn Thanh Hiện, Xuân Thủy, Hường Thanh,
Phạm Quyên Chi*

Trên chiếc ghế thời gian ngược xuôi
Ta chây tan cùng, gió rục rờ
Như dọc ngang tuồng chửa nguôi ngoai
Thơm ngai ngái mùi cỏ ngàn hời

Ta hỏi han chiếc lá, dò dẫm
Trong khói nhang chiều bên thôn xa
Bao mê thiếp giọng bên đầm ấm
Đang vỡ ra thành mây, trôi qua

Hãy ngừng khóc những mắt rừng buốt
Cho sông đem dội về biển sâu
Nơi chôn nhau vàng cánh chim ngóng
Nghe thâm sâu mộng tình đập nhàu

Ta đánh mất nguồn thú ham hố
Run run xưa lửa môi dậy thì
Quên lãng chứ, lời đã hoen ố
Quanh mái không hồn mưa phân ly.

THANH XUÂN

Ta tắt tiếng từ bao giờ không biết
Lúc nhìn em lồ lộ ngoài hư không
Lúc ta theo vô vật màu chiều tà
Và chỉ thấy bụi rơi cùng nắng lạ

Ta ngây dại đến vô cùng thảng thốt
Khi sinh ra trên mặt đất đầy ưu sầu

Một bể sâu xô dạt dưới chân non
Một mảnh chiều phiêu dạt giữa mây rong

Em không thấy rằng ta là tro bụi
Và sinh ra từ một ánh trăng sông

Cùng bể rộng
Đâu xanh
Thác ngàn
Cỏ nội

Ta nhẹ nhàng rảo bước vào ban sơ
Ta nhẹ nhàng khép lại cánh hoang sơ
Và rất sợ khi ngồi coi lá úa

Mà chiều rơi
Chiều rơi
Chiều rơi
Đào dạt một chiều rơi
Ta bỗng chốc tả tơi và nhiều loạn

Trông hoa nở
Em ơi
Đời bất tận
Ta bất ngờ hủy diệt trước thanh xuân

Ta hấp hối vì vô minh lấp ló
Ngọt một đời quanh quẩn trong hang sâu
Và thấp sáng hờn ta bằng ảo vọng
Chút tro tàn cũng đủ làm hân hoan
Chút nắng nhạt cũng đủ làm mê mẩn
Vì chao ôi
Một nhúm sống nhiệm màu

Tôi ngồi lại
Trên cầu xanh
Và thở hắt.

ƯU SẦU

Tôi ngồi lại phân bua cùng nước cuốn
Một bể hồn mù mịt khi sương rơi
Trong hiu hắt đời tan như bóng xế
Có rất nhiều bèo dạt lẫn hoa trôi

Ta bở ngỡ
Xiết bao
Và nghi ngại

Một cánh chiều bay tốt
Một cánh chiều trong suốt đến bên ta

Một buổi sớm
Chim rùng bay
Nhẹ nhàng say

Ta buồn thay đi rong và đếm được
Một ít nhiều sóng nhỏ vỗ lãng xãng
Bền vững xộ với khoảng trời lơ đãng
Sao lôi thôi rất vội vì sương hàn
Sao mênh mông hối hả vì hương lừng
Một chút nắng vô cùng đã ló

Hãy ngồi lại nghe hơi thở tàn
Trên đầm sen vụn màu hôn ám

Em không hay một chiều tiến biệt
Ta thổi tan mất dòng lửa đầu

Trong nôi nắng phơi pha
Dập dồn mở lại
Cánh chiều xưa
Cánh chiều xưa
Mây nước xưa

Ta lơ láo từ cội nguồn hoang phế
Và thấy đời thấp thoáng trong sông sâu

Em cứ khép một nắm mồ nghi hoặc
Ta êm đềm nằm chết giữa mây lan
Ta âm thầm uống hết bụi trắng tan
Và cô quạnh
Quay cuồng trên sông đằm

Một chút gì đã mất ngoài vô tâm
Một chút gì đã thấy ngoài xa xăm
Và em có thân nhiên cùng lạnh nhạt
Khi nhìn ta nhàu nát mộng vô ngần

Lúc trái đất bản thân không quay nổi
Là hồn ta úa chín trên đời xanh

Ôi trái đất vui như mùa lễ hội
Thuở ấu nhi màu nhiệm trút bên ngàn
Và huyền não của ngày xanh diễm tuyệt
Ta huy hoàng hết thở giữa trần gian.

THƯ CỦA MỘT NGHỆ SĨ Ở HÀNH TINH KHÁC

Anh T,

Tôi mới nhận được thư của một nghệ sĩ ở hành tinh xa xôi. Lá thư không lời, không chữ, không âm thanh, không màu sắc, gửi từ một nơi mênh mông.

Một vực thẳm mới được mở ra và chúng ta đang ở lưng chừng giữa sông sâu và núi cao. Năng và gió phút chốc đã cuốn đi những cánh đồng, đồi xanh và biển cả. Thời gian một đời người trong giây lát chỉ dài bằng một chớp mắt. Có hay không sự hiện hữu ở bên kia cõi sống?

Có một thời những nghệ sĩ điên rồ đội vòng gai và đóng mình trên thập tự. Trong khi nghệ thuật thoát ra ngoài cõi sinh diệt và nghệ sĩ với con người cũng chỉ là phương tiện để nghệ thuật bay thai. Hương và sắc của cuộc đời là màu mỡ cho nghệ thuật bay lên. Ở nơi chốn thâm u kia và quanh ta không có dáng dấp vị thần nào cả nhưng lại có hằng hà sa số thế giới khác đang không ngừng sinh hóa.

Hiểu được cái sống là hiểu được cái chết, là hiểu được muôn nghìn cõi sống khác, là hiểu được nghệ thuật. Đó không phải là ý nghĩa của đời sống hay sao?



Phụ bản 2
Thái Tuấn

BILINGUAL SECTIONS

PHẦN SONG NGỮ

“The world is becoming ever smaller, and every civilization is reaching out to others because we are all in the same race; human. Humanity requires understanding and peaceful exchanges which will enrich our lives. In the age of the Internet, poetry has become a simple and convenient means to rapidly discover and begin to understand the cultures of many different peoples.”

“Thế giới trở nên ngày càng nhỏ hẹp, và mỗi nền văn minh đều vươn tới những nền văn minh khác, bởi lẽ tất cả chúng ta đều cùng thuộc một nòi là giống người. Nhân loại cần đến những cuộc trao đổi trên cơ sở thông cảm lẫn nhau và hòa bình để làm phong phú cuộc sống của chúng ta. Trong thời đại Internet, thơ đã trở nên một phương tiện giản đơn và thuận tiện để phát hiện nhanh chóng và bắt đầu hiểu được những nền văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau.”

TRACES OF MY HOMELAND

DẤU QUÊ

GIỚI THIỆU DẤU QUÊ

Tom Riordan

Tập “Dấu Quê” của Khế Iêm có tính đối mới, nét hấp dẫn, lại dễ hiểu, tất cả cùng một lúc – là điều hiếm có trong thơ! Bài thơ đầu tiên cung cấp một dẫn nhập tốt về thi pháp của ông, cũng như về sự phát hiện của tập thơ rằng chúng ta làm gì với những hồi ức đầy tiềm lực [để bùng phát] về những nơi chốn chúng ta đã mất đi:

trút hơi thở
 và ngồi duỗi ra
vào một nơi tưởng là đã tay trắng
 khom

lưng bất động như thế cho đến khi giọt
chuông chiều kia làm tan đi người và vật
kiến tạo im ắng mà lâu nay bị
che lấp bởi cánh liếp của lời kinh

Chúng ta thấy đều từng bị đuổi khỏi nhiều nơi chốn, khởi đầu là khỏi tử cung người mẹ, và rồi vào một thời điểm nào đó, khỏi tuổi thơ. Chúng ta đã từng lìa khỏi – hoặc là, trái với ý nguyện của chúng ta, từng bị buộc phải lìa khỏi – những người, những ngôi nhà, những thành phố, những quốc gia. Những gì chúng ta còn lại là những hồi ức của một bản ngã xưa cũ mà nó cùng đi theo tới nơi ở mới của chúng ta, nơi mà tại đó chúng ta cần phải xây đắp một bản ngã mới. Chúng ta xử trí thế nào với những hồi ức đó?

INTRODUCTION TO TRACES OF MY HOMELAND

Tom Riordan

“Traces of My Homeland” by Khe Iem is innovative, fascinating and clear, all at once – rare, in poetry! The first poem gives a good introduction to his poetics, as well as to the book’s exploration of what we do with potent memories of places we’ve lost:

pour out breaths
 and sit stretched
into a place empty-handed
 bend

back motionless as such until a drop
of afternoon bell dissolves the self and objects
that are created lie silent as in the past being
covered up by the lattice wings of prayers

We’ve all been kicked out of places, starting with the womb and then, at some point, childhood. We have moved away from – or been removed against our will from – people, houses, cities, nations. What we are left with are powerful memories of an old self that comes along to our new location, where we need to construct a new self. How do we deal with those memories?

Trong bài thơ có tựa đề “Dấu Quê”, Khê Iêm tự hỏi liệu là đủ chăng khi

phà vào lũ mục
tử bằng đất nung
vói tay nhón cái phôi

và
pha với khói

vẽ lại hình dạng đã thành quen
thói

Trong bài “Vói Gió”, ông suy tính xem liệu có thể

ngồi lênh đênh trên đôi tranh cời nắng
buộc vào cành non.

Xuyên suốt những bài thơ đó, là nét thuần nhất rõ rệt. Hầu như bất kì bài thơ nào cũng có thể biểu trưng cho toàn tập thơ, tuy thế lại không là sự lặp lại. Hết thấy chúng ta, hoặc là

phổ lai lai (cáo)
đắm như trời giáng vào
mênh

hoặc

há
miệng cho chim chóc nhạt những
cọng mây giắt răng

In his title poem “Vestiges,” Khe Iem wonders if it is enough to

breathe life into
clay figurines of herders
reach out to pinch the

vanishing smoke

and

redrawing the images that have become
habitual

In “With the Wind,” he contemplates the possibility of

sitting atop a grassy hill untying sunlight
tying it to a young branch.

All through these poems, there is a fine unity. Almost any of them could represent the whole collection, yet there is no repetition. Whether we are all

A town of half-breeds (angered)
punching the air, lost to
the world

or

an open
mouth for the birds to
gather cloud,

hoặc

đuổi một chân
đồng thời ném mẩu thuốc ra ngoài không

gian

hoặc

câm như thóc

Khế Iêm có quan điểm thực dụng và đầy niềm thương cảm,

túm lấy hồn nhiên
hỏi cho ra chỗ vô lý

Cố gắng neo chặt vào những vấn đề thực tiễn của cuộc sống,
nhưng ông nhìn ra nét hài hước trong chúng –

mai nhớ ra ga trở về nơi chôn nhau
nhé

Như vậy, đâu là sự dự đoán của ông, và của chúng ta? Có những

tình cảm

nén lại ngoài cửa ngoài

Chúng ta có được những cơ hội. Như trong bài “Ấm Ó”, nếu chúng
ta đủ mạnh để

or

stretching one leg out
while simultaneously flicking a cigarette butt into

space

or

mute as paddy

Khe Iem's viewpoint is pragmatic and compassionate,

grasping for the natural
requesting the unreasonable that was it for me

Trying to stay anchored in life's practicalities, he sees the humor
in them –

tomorrow remember to leave for the station to re
turn to one's birthplace okay

So then, what is his, and our, prognosis? There are

feelings of falling in love

suppressed from beyond the front door

We have opportunities. If, as in "Stammering," we are strong
enough to

trói chặt
những khoảnh khắc, và ngã
hôn tang thương
cùng mộng

thì chúng ta có cơ may để

chộp lấy hoang vu trên mắt biển
hôn nhanh nhanh

Nếu chúng ta có thể gom đủ niềm can đảm để giữ được một khoảng cách nào đó giữa bản thân chúng ta với quá khứ, thì chúng ta có thể thành công trong cuộc di cư tị nạn. Trong bài thơ cuối cùng, “Gửi Người Đồng hành”, những người nhập cư thành tựu đó rời bỏ nguồn gốc của họ – dù đó là nơi trước-khi-ra-đời, là tuổi thơ, hoặc quê hương –

đang run lên vì mưa sa
ngoài dậm
một cõi thình không nằm trong sương

Đối với tôi, đó dường như là khoảnh khắc mà nhà thơ đã tới được một nơi nào khác, đã nói lời chào tạm biệt cái xưa cũ, và cuối cùng dường như sẵn sàng để bước vào và ngụ cư tại nơi nào đó mới mẻ.

Vậy nên vào lúc này tôi đã trông đợi tập thơ kế tiếp của Khê Iêm rồi. Ông ta đã tới được nơi đâu? Ông đã tìm kiếm được những gì? Cái tôi mới của ông sẽ nói lên những gì, khi giờ đây ông không còn là một di dân, mà là một lãng tử?

Phạm Kiều Tùng dịch tiếng Việt

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

Tập thơ “Dấu Quê” được sáng tác trong khoảng 1994 – 1996, xuất bản lần thứ nhất tháng 12 – 1996. Đây là tập thơ tự do, sau tập thơ vần điệu được sáng tác tại Việt nam, tập “Thanh Xuân”, theo phong cách truyền thống thơ Việt, ý ở ngoài lời. Thơ tự do “Dấu Quê” chủ vào việc tìm kiếm cấu trúc thơ trong quan điểm hình thức và nội dung là một, khác hẳn với những dòng thơ tự do Việt nam trước đó, đặc biệt là vào thập niên 1960 ở cả miền Nam lẫn miền Bắc, chủ vào cái hay của ngôn từ. Có thể nói, do sự khác biệt khí hậu văn hóa đã tạo ra hai cách làm thơ khác hẳn.

Nhà thơ Tom Riordan cho rằng,

“Mỗi nhà thơ như một tinh cầu cô lẻ, mở ra một lối riêng chỉ vừa một người đi trong cái dù che của từ pháp, chỉ vài năm là bí lối. Trong khi thơ, đáng ra không thể là tiểu lộ, phải là đại lộ, hàng ngàn người cùng đi mà vẫn rộng thênh, không thấy đường cùng.” (*Bước Ra, Khế Iêm, Tan Hình Thục Publishing Club, 2012*)

AUTHOR'S NOTES

This collection of poetry, “Traces of My Homeland”, was composed by Vietnamese language between 1994 and 1996 and was published in December of 1996. It is structural poetry which form is only an extension of content. Another formal poetry collection (including some free verse), “Youth”, which I composed a long time ago in Viet Nam (1970s and 1980s) depended on excellent words and an idea-beyond-words. “Youth” was composed in Viet Nam; “Traces of My Homeland” was composed in the United States. So we can say that the cultural climate creates different ways of composing poetry.

Poet Tom Riordan wrote, in the introduction to “Traces of My Homeland”,

“Each poet who travels under the umbrella of rhetoric forges a narrow path like a lonely planet. That path will lead to a dead-end in a few years. Poetry cannot be a narrow path for one; it should be a large thoroughfare for thousands and thousands of travelers, and it should even have room for more. It should lead to infinity, not to a dead-end. (*Khế Iêm, Stepping Out, Tan Hinh Thuc Publishing Club, 2012*)

Sau “Dấu Quê”, tôi không còn làm thơ vần điệu hay thơ tự do nữa, mà chuyển qua thơ Tân hình thức Việt, một thể loại nối kết được rất nhiều yếu tố thơ từ truyền thống tới hiện đại, từ thơ tiếng Anh tới thơ tiếng Việt. Đưa tới khả năng, báo hiệu những sáng tác mang tính tập thể. Bởi trong thời đại của mạng xã hội, mỗi cá nhân vừa hiện diện, vừa không hiện diện, mập mờ giữa ảo và thực. Mạng xã hội nối kết và hoà tan con người thành những hiện thân (avatar) vô danh. Vì thế, sáng tác đơn lẻ của một cá nhân cần kết hợp với những sáng tác tập thể để đáp ứng với tâm vóc của thời đại.

“Những gì chúng ta còn lại là những hồi ức của một bản ngã xưa cũ mà nó cùng đi theo tới nơi ở mới của chúng ta, nơi mà tại đó chúng ta cần phải xây đắp một bản ngã mới. Chúng ta xử trí thế nào với những hồi ức đó?”

Tập thơ song ngữ Tân hình thức “Thơ Khác”, xuất bản năm 2011, cùng với “Dấu Quê” là hai tập thơ sáng tác ở Mỹ, như được sinh ra trong sự tình cờ của lịch sử, bởi nếu không có ngày 30 tháng 4 – 1975 thì tôi không có mặt trên đất nước này.

Tôi chân thành cảm ơn nhà biên tập Carol J. Compton, dịch giả Do Vinh và nhà thơ Tom Riordan đã dành cho tôi rất nhiều cảm tình trong cuộc hành trình đầy thi vị này, của thơ.

This would be true in real life, but how about in poetry? I think that when we integrate ourselves into different cultural climates, we never leave the old self or create a new self but instead integrate into the no-self. If we do not integrate into the no-self, we cannot fly into a new space to make a different kind of poetry.

After writing “Traces of My Homeland, I discovered a movement of American New Formalists that already existed and joined with them; then I founded Vietnamese New Formalism. Vietnamese New Formalism is a kind of poetry which links many principles together, from traditional to modern, from English language to Vietnamese language poetry, and predicts composition by the masses. Maybe in the age of Facebook, “each individual has a presence, without being present, creating ambiguity between the virtual and the real. Social networks and personal connections dissolve into the anonymous incarnations of avatars. So, the compositions of the individual ought to be combined with collective compositions as a response to the magnitude of the era.

“What we are left with are powerful memories of an old self that comes along to our new location, where we need to construct a new self. How do we deal with those memories?”

The bilingual poetry and the new formalism in “Other Poetry” (published in 2011) and free verse in “Traces of My Homeland” were both written in the United States and were created by a chance of history. If there had been no April 30, 1975, I would never have been in this country.

I express my sincere gratitude to English language editor Carol J. Compton, translator DoVinh, and poet Tom Riordan, who are in sympathy with me in this poetic journey.

TRACES OF MY HOMELAND

DẤU QUÊ

A Bilingual Edition
Ấn Bản Song Ngữ

Translator: Do Vinh
Editor: Carol J. Compton

PART 1: STRUCTURE

PHẦN 1: CẤU TRÚC

NÍU LẠI

trút hơi thờ
 và ngồi duỗi ra
vào một nơi tường là đá tay trắng
 khom

lưng bất động như thế cho đến khi giọt
chuông chiều kia làm tan đi người và vật
kiến tạo im ắng mà lâu nay bị
che lấp bởi cánh liếp của lời kinh

rảo bước ngoài mặt
đất và nhận ra có tiếng kêu

níu lại ở đầu ghềnh

LINGERING

pour out breaths
 and sit stretched
into a place empty-handed
 bend

back motionless as such until a drop
of afternoon bell dissolves the self and objects
that are created lie silent as in the past being
covered up by the lattice wings of prayers

pacing on the face of
the earth and acknowledging a call

lingering at the head of the whirlpool

NHAU QUA

cần cầu miếng sấu ra mà rấn rờng

hí lộng

mà gạ gẫm
nhau qua

sông lầy lộng chiều nôm phân thực

CROSSING

bite off a piece of sorrow to make snakes and dragons

flirt

to coax
each other across

the splendid river distinguished by the afternoon's southeasterly
winds

CÀ PHÊ

Tặng Bong Cha

gác mái
con đồ không
giả dụ vậy

ẩn dụ lời
đừng đùa bỡn với ký ức

nóng nảy

đã đến lúc phải chôn sống
cả hơi thở

tí tách
giọt cà phê rơi

COFFEE

For Bong Cha

set the oars
the empty ferry-boat
supposes such

metaphorical words
do not trifle with memory

irascible

it has come time to bury alive
breath itself

drip drop
the coffee drips

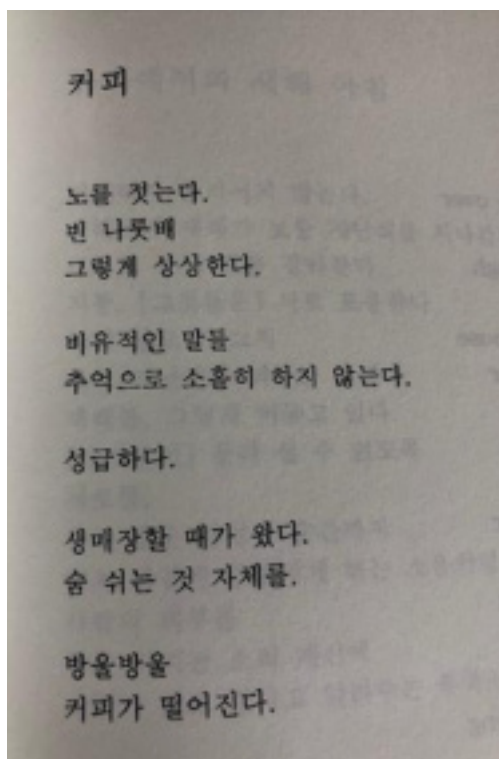
Bản tiếng Anh (được dịch sang tiếng Hàn) đăng trên tuyển tập song ngữ quốc tế (An International Bilingual Poetry Anthology) Hàn-English, trang 110.

Đăng trên Website Ý, Image-poesie:

<https://image-poesie.over-blog.com/search/khe%20iem/>

Chú thích

Bong Cha người Hàn quốc, một tín đồ Cơ đốc giáo, sống tại Colorado. Ngôn ngữ chính của cô là Anh ngữ, ngôn ngữ phụ là Hàn ngữ. Sở thích của cô là đua xe, du lịch, bơi lội. Cô thích gặp gỡ mọi người yêu nghệ thuật, nhạc đồng quê và nhạc blues, chia sẻ ý tưởng, quan tâm đến thiên nhiên, môi trường và văn hóa xã hội. Cô cho rằng tình yêu không có rào cản về màu da, trình độ học vấn, kinh tế xã hội, tôn giáo, ngôn ngữ, tuổi tác, quốc tịch hay khoảng cách. Điều quan trọng là sự thấu hiểu.



Note

Bong Cha Korean, a follower of Christianity, lives in Colorado. Her primary language is English, and secondary is Korean language. Her hobbies are racing, traveling, swimming. She enjoys meeting people who love art, country and blues music, share ideas, care about nature, environment and social culture. She believes that love has no barrier of skin color, education level, socioeconomic, religion, language, age, nationality or distance. The only important thing is understanding.

CHỢ TRỜI

Tặng Lê Thị Ngọc Loan & Kenny, Lê Văn Thông

bụi bặm

ngón ngang nắng gió

thở chút hơi ngày hát cuồng

nghe ngóng

phế thải cả

xao xác, xao xác

chim muông bay

coi chừng hoàng hôn

đóng cửa lại

OPEN-AIR MARKET

For Lê Thị Ngọc Loan & Kenny, Lê Văn Thông

dusty
disorderly, sunny and windy

breaths of days madly singing

listening
eliminating everything

fluttering, fluttering
birds fly about

beware of twilight
closing the door

Bản tiếng Anh (được dịch sang tiếng Hàn), đăng trên Korean-Expatriate Literature (mục International Poets), trang 41.

Đăng trên Website Ý, Image-poesie:

<https://image-poesie.over-blog.com/2020/09/open-air-market-by-khe-iem-vietnam.html>

메넬리크

멘키티

이탈리아 한 남자 파스타 없이 아프리카로 나갔다.

에티오피아와 문제를 일으키려고

그리고 메넬리크, 그는

어느 이탈리아인이든

아프리카에서 문제를 일으키는 자는

싫어했다:

그래서 그는 이탈리아인의

따귀를 보기 좋게 때리고

두 번 다시는 영원히

아프리카에 돌아오지 말라고 했다.

아두와의 메넬리크: 메넬리크 그는 그 모든 일을 아두와에서 했다.

NGÃM RA

con gió trắng
trời buộc

đừng tưởng rằng mọi chuyện đều êm đẹp

nỗi buồn gắt
hẳn nhiên

đánh rơi mất bực bội
khi đi rong

ngẫm ra là
chỉ tại cơn hắt hơi lúc rạng đông

REFLECTING

a white wind
binding

don't imagine that everything is beautiful

an intense sadness
certainly

losing angst
while wandering

reflecting
a sneeze, an instant at the break of day

ĐÊM

lang thang
đầu ghềnh cuối bãi

lắm nhảm
hôm qua hay hôm nay
cũng chẳng làm ai phiền hà gì

khi nào gió lên thì bão

đi hái ít nụ hoa về
cho thơm đêm

NIGHT

wandering
from the falls to the fields

mumbling
all day yesterday and today
yet not bothering anyone

when the wind rises, tell me

let us go pick flowers

to fragrant the night

DẤU QUÊ

phà vào lũ mực
tử bằng đất nung
vói tay nhón cái phôi

pha với khói

tí tách
con mắt góc
xéch
mé trong thế giới hai mặt một lời
(ai ở ngoài lời)

vẽ lại hình dạng đã thành quen
thói

phẩy con đường làm đôi
không biết lối nào có dấu quê

cũ

VESTIGES OF MY HOMELAND

breathe life into
clay figurines of herders
reach out to pinch the

vanishing smoke

tick tock
eyes
slanted
angled in a two-faced, one-worded world
(who, beyond words, is)

redrawing the images that have become
habitual

the road fans out
I know not which path holds vestiges of my former

homeland

GIẬN

nói tận mặt
bằng cách ra dấu

đổ dầu vào lửa

hống

hách

nuốt giận và ném bực dọc về

cội

ANGER

speaking face to face
gesturing

pouring oil on fire

over

bearing

swallowing anger and throwing madness to the

depths

BIỂN XANH

mồ hôi hòa sền sệt với bóng tối bời mặt
đá bật ruộng dâu ra ngoài biển

xanh

THE BLUE OCEAN

sweat mixing thickly with darkness covers one's face
kick the mulberry fields to the blue

ocean

CO DUỖI

thế giới trắng
trắng xóa

không mùi vị

sừng phù
co và duỗi

kịch câm
lập đi lập lại

SHRINK AND STRETCH

the world is white
white all over

without taste or smell

swelling
shrinking and stretching

a pantomime
playing again and again

NGÀY

ngồi

ngó xéo

vào

vết nứt của im lặng

chéo chéo

hoang hoang

ném điều thuốc lá

khô

giữa hỗn độn và phiêu hốt

A DAY

sitting
looking slantingly
 into
 the cracks of silence

oblique
deserted

tossing a cigarette
 dry

amidst the chaos and turbulence

TRẦM MÌNH

vuốt nhẹ

bình minh

cầm lời đi vào chỗ không hề biết trước

treo ngược vết thương

gót chân

bàn tay

nắm thử chút man dã

và

đành chịu trầm mình không nói năng giữa thế giới vắng mặt

(và có mặt)

IMMERSING SELF

stroke gently
the dawn

hold one's words while entering an unknown place
suspend adverse wounds to one's heels hands

taste a bit of the wild

and
willingly immerse speechless self into an absent
(yet present) world

VỚI GIÓ

trợt chân té sấp không gượng dậy nổi

bằng cách hồi lộ với nhân gian
đừng để bị trời đẩy

thở nhẹ
ngồi lên đênh trên đôi tranh cõi nắng
buộc vào cành non

ngậm trắng một dò lời
với gió

AGAINST THE WIND

slipping and falling on one's face unable to get back up

bribing people

begging heaven for deliverance from suffering

breathing gently

sitting drifting atop a grassy hill

untying sunlight

tying it to a young branch

bearing words

against the wind

NGỌN NGUỒN

vỗ sóng
làm nhịp chèo

gieo quẻ bói
về ngày đời sau

có rảnh rang thì nhớ

nói chớ
vào khoảng không
nghe vọng âm

hóa ra là chẳng tìm đâu thấy ngọn nguồn

THE SOURCE

waves beating
in rhythm with oars

forecasting
the afterlife

if you have time try to remember

speaking directly
into emptiness
hearing echoing voices

nowhere is a source to be seen

KHẾ GỌI

quét rác
chống chối

đừng để còn hạt bụi nào

ngãm nghĩ
buông mắt
tìm kiếm quanh quất

khế gọi
quạnh hiu

CALLING SOFTLY

sweeping trash
leaning on a broom

not leaving a speck of dust behind

reflecting
releasing
seeking

calling softly
in desolation

RƠI RA

những khuôn mặt không quen biết
giống hệt nhau
lem (luốc)

đục đẽo gác
ngoài tai lũ tê giác (bằng sáp)
sầm sập
những hoàng hôn rẽ

tre
(và không ai nói với ai)
về con âm mở hổng cửa kéo
từng câu chữ rơi

ra môi và răng

FALLING APART

faces unfamiliar
yet exactly the same
smudged (dirty)
 chiseled chipped
 ignoring the rhinoceros (made of wax)
 crashing down upon
 the twilight of roots of

 bamboo
(and no one speaks to anyone)
about the sound of opening the sliding door
with phrases falling

apart midst lips and teeth

BÌNH MINH

ngheñh ngãng
bắt chước tiếng lóng của bọn đầu đường xó chợ

dụi mắt

chạy đàng trời cũng không khỏi nắng

móc túi
không thấy ánh bình minh

DAWN

hard of hearing
imitating the slang of street corners and marketplaces

rubbing one's eyes

running towards heaven, unable to escape the sunlight

emptying out one's pockets
without seeing the break of dawn

QUAY GÓT

khóa trái cửa
ra bằng sợi dây nối giữa chân không và mặt đất
bởi

chút tàn tro bình minh pha
vào màu

loang phớt
gỗ ngò nhà đã bị đóng băng trong cái thế
chẳng đặng đừng
quay gót

tha hương

HÍ KỊCH

con đường
(vẽ bằng than)

NHÂN VẬT

khập khểnh giữa bàn và ghế
dựa hẳn vuông chiều tàn đánh
thức lũ tính vật dậy bằng đủ mọi hợp
âm kỳ quái để nhân vật hiển hiện
(qua tưởng tượng, ấn tượng, lập thể, dã thú)
là hình dạng của bụi nhùi

nói lóng
(với nhiều thứ tiếng)
đệm thêm phần hòa âm của lục lạc
(tựa như rập và roác)

đội nón
đi vào chỗ dễ câu và có thể
hóa thân

hiếu thì hiếu không hiếu thì mặc
xác

bước
(qua khoảng trắng của ảo giác)

MÀN

kéo lập tức trong nháy mắt để sao không còn lại dấu vết nào

COMEDY

road
(drawn with charcoal)

CHARACTERS

limping between table and chair
leaning squarely into the fading afternoon wake
up the still lifes with all sorts of strange
sounds so that the character appears
(via imagination, impression, cubism, fauvism)
in the form of straw tinder

slangs
(in multiple languages)
accompanied by tintinnabula
(somewhat like rap and rock)

with hat on
walk into a place easily angered and possibly
metamorphosed

if you understand you understand if you don't
then fine

walk
(through empty spaces of illusion)

CURTAIN

draw together in the blink of an eye so as not to leave any trace

MUÔNG THÚ

loanh quanh
gác hai chân lên

đi bằng cách hát ngược trí nhớ

gió chướng
đầu mái đầu xanh

tháo cũ

tối tăm mắt mũi vì cố bắt lấy tiếng nói
của muông thú

WILD ANIMALS

moving around
putting my feet up

thinking back to times past

to the cross winds
of my youth

wanting to break out of this cage

blacking out while trying to acquire a language
belonging to wild animals

LỜI

đốt cháy lời
để mai kia mốt nọ

không truyền rao
không sách sử

nhưng ở bên kia chốn không lời
đóa hoa nở

lúc khởi sinh
ngôn từ đã bắt đầu gây mối hiểm nguy

lên núi hay xuống biển thì cũng chỉ là chuyện của nước non

WORDS

burn up words
so that some day

nothing would be handed down
no history books

but in those places where no words exist
a flower blooms

from birth
language is already dangerous

ascending a mountain or descending to the sea are but
a country's stories

CÁNH SÂU

bật que diêm đốt cháy tung tích
lãng mạn về thời chất phác

ngại gớm nếu cứ phải giả bộ là đã nằm gai nếm mật

đất lạ

moi ra một cánh sâu

WINGS OF SORROW

light a match to ignite the past
romanticizing those rustic times

afraid of putting on airs, having born all kinds of misfortune

in a foreign land

discovering wings of sorrow

BUÔNG QUANH

cành cây gãy

vỗ cánh bay

bao nhiêu thác ghềnh cũng mặc

nói liên tu bất tận về thứ sự thật đã bị đánh tráo

mắt ngất

chân buông quanh

PACING

the branch breaks

wings flutter away

oblivious to the waterfalls

talking endlessly of being cheated out of the truth

eyes

unseeing pacing to and from

CẤM

đứng ở ngoài bìa rừng

khoa chân múa tay

đánh

đổi lấy mạng sống bằng cách ngậm họng
lại

cấm

tuyệt không được thốt ra một lời nào

FORBIDDEN

standing at the edge of the jungle

gesticulating

fighting

for one's life by keeping one's mouth
shut

forbidden

from speaking a single word

CỎ NGÀN

sa

vào nơi lằm
than

túm được miếng gió rách
rười
ngoài đầu
đường

tọng chặt họng

rơm rác và cả cơn cơ
đầu cua tai nheo

há
miệng cho chim chóc nhặt những
cọng mây giắt răng
và phiêu hốt về một đồng

cỏ ngàn hơi

FIELDS OF GRASS

fall

into a dire
place

clasp a piece of torn
tattered wind
on the
road

throat crammed full

of trash and excuses
incoherence

open
mouth for the birds to gather cloud
strands from between teeth
and drift away to fields

full of grass

QUAY

vòng tròn vòng tròn lại vòng tròn

tích tắc
kim đồng hồ
quay

phiêu phiêu như mai
sau

bị đóng đinh ở khoảng lưng chừng
giữa nguyệt và nhật

thực

TURN

the circle the circle again the circle

tick tock
the hands of the clock
turn

gently like tomorrow
the future

crucified half-way between
lunar and solar

eclipses

CHỐNG GẬY

nằm vạ ngoài hè

phố

co

đuổi một chân
đồng thời ném mẩu thuốc ra ngoài không

gian

ngủ theo kiểu bị tẩu hỏa nhập ma
và thức bằng cách chống gậy
tìm
cho được sự thực về nguồn gốc vì sao

lãng cảm

LEANING ON A CANE

throwing a tantrum out on the

sidewalk

curling up

stretching one leg out

while simultaneously flicking a cigarette butt into

space

sleeping as if fleeing from fire-possessed demons

and getting up by leaning on a cane

seeking

earnestly the truth about the origins

of speechlessness

CÂM

hình nộm
(bằng rơm)
dang tay ra

đừng bao giờ hỏi han gì về đời sống nhé

nếu nói không
sẽ biết thế nào là mối lừa

câm như thóc

MUTE

scarecrow
(made of straw)
arms outstretched

don't ever ask anything about life, alright?

if only speaking
would make us aware of what it is to be ignited

mute as paddy

CHẤM PHÁ

phố và nhà
phân hóa giữa xám và trắng

chập choạng nét gãy trên đôi mắt đã quầng thâm

tím
tím than

ngồi như đá

A SKETCH

streets and houses
becoming separated amidst gray and white

at dusk, wrinkles above a pair of eyes already ringed in black

purple
dark purple

sitting like a stone

QUÁT THÁO

đã bảo đừng bao giờ sinh ra

khó nói thật
cùng lắm thì trắm mình trong dòng sông

quát tháo

quay lại với nhân gian

SHOUTING

declaring one should never have been born

a difficult truth to speak
destitute, drowning in streams of

shouting

turn back to this world

MÁNG RƠM

thời dở người

vào và ra
tối và sáng

cứ lầm lỗi và đôi co với tỉnh không

khe khe
đập vỡ cơn lãng du

thống thiết về ngày sinh nơi máng rơm

MANGER

time cracked

in and out
darkness and light

continuing to sin and struggling with the void

softly
shattering the wanderings

agonizing over the birth in a manger

HAN RỈ

không có chút le lói nào
lúc mở cửa

lục lợi đồng xu cũ
rất cũ

khoác áo
động tác có thật

la toáng
bằng thứ tiếng đã bị han rỉ

RUSTY

without even a flicker of light
when the door is open

fumble for an old copper coin
a very old one

put a coat over your shoulders
an authentic action

cry out
in languages that have become rusty

TÌM KIẾM

tu hơi bia
đá chiếc lon ra ngoài

thốc tháo nốt nhạc rời
phân kịch hoang phế

tìm kiếm

cứ mờ mịt mãi rồi cũng có ngày phải sáng tỏ
về thuở khốn cùng
sống ngắc ngoải
cầu bơ cầu bắt

lóc cóc

vẫn biệt vô âm tín

SEARCH ON

chug a beer
kick the can outside

letting loose with one musical note
sharing this ruinous drama

search on

one day all these misunderstandings will be cleared up
about the time of destitution
of living at death's door
homeless

clop-clop

still without news

PHIÊU LÃNG

đứng im
đừng quay lại nhé

vặn ngược thời khắc để
xóa sạch
thời phiêu lãng

nong nóng

cô liêu

WANDERING

stand still
don't turn around

turn back time for a moment
completely blot out
the time wandering

slightly hot

the loneliness

VÔ LÝ

đứng ở đồng không
mất phương hướng

tối xảm
mắt xiêu vẹo

túm lấy hồn nhiên
hỏi cho ra chỗ vô lý

ngheñ hợñ

vẫn thấy là chỉ còn cách
dẫn xác vào hang hùm nọc rắn

UNREASONABLE

standing in the empty countryside
having lost my way

at night blind
my eyes distorted

grasping for the natural
requesting the unreasonable

that was it for me

yet I still find that the only way out
is to enter the tiger's den, to admit the adder's poison

BẾN LỬ

bập bẹ lời chiêu tàn
đã tàn

mong manh cánh hoa ngâu thơm

thoang thoảng

ngậm trong răng nụ hôn
và gắt gỏng vì nỗi điu hiu đã đưa bước chân đi quá xa mép
rìa

của bến lữ

TRAVELER'S PORT

Words babbled as evening faded
have faded already

the delicate scent of aglaia petals

wafts by

like the bud of a kiss withheld
and bad temper from gloomy feelings accompanies one
stepping out to cross a distant border the edge

of the traveler's port

KỊCH MỘT GIẤY

bình minh
(lại bình minh)
nhắc tới là sôi ruột

môi điều thuốc
không cháy

chắc lười
đảng nào cũng đã bị mắc bẫy

hiên mưa
hiu quạnh quá

khán giả đâu
ở ngoài kia kìa

màn

A PLAY IN ONE SECOND

dawn
(dawn again)
prompting one's blood to boil

trying to light a cigarette
that won't light

clicking one's tongue
trapped in every direction

rain on the veranda
so lonely

where is the audience
over there outside

the curtain

THIẾU PHỤ

Gửi các ca sĩ Ái Vân, Hồng Nhung & Thu Vàng

tóc

rối bời mắt
ngai

ngái gương lược
bàn và ghế tựa

soi sắc xanh vàng ấm

tình cầm

nén lại ngoài cửa ngoài

YOUNG WOMAN

For singers Ái Vân, Hồng Nhung & Thu Vàng

hair

tangled; eyes
drowsy

mirror, comb
dressing table and chair

illuminating warm (rays of) blues and golds

feelings of falling in love

suppressed from beyond the front door

Bản tiếng Anh được dịch qua tiếng Ý, đăng trên website Y, Image-poesie:

<https://image-poesie.over-blog.com/2020/07/young-woman-poeme-par-khe-iem-viet-nam.traduction-et-image-par-lidia-chiarelli-avec-une-lettre-par-gina-nguyen.html>

Khe Iem

JEUNE FEMME

cheveux

emmêlés; yeux
endormis

miroir, peigne
coiffeuse et chaise

des rayons lumineux et chauds de bleu et d'or

le sentiment de tomber amoureux

reprimé de l'autre côté de la porte d'entrée

** Translated into Italian language and image by Lidia Chiarelli, Italie*

CHIỀU

chộp lấy hoang vu trên mắt
biếc

hôn nhanh nhanh
phím đàn trầm

ấm

gỗ

anh ánh
chiều vuông

vút

EVENING

catching the wildness in azure eyes
kissing quickly

playing the low strings

softly

strumming

sparkling the image
of that evening

squarely

ĐÁ

nhỏ tận gốc

rễ

cả cơn xúc động

kia

những con mắt vuông vuông

mở

đóng

những con phố thường thì

đông đông hẹp hẹp

những con mắt đá

nhau

GLANCING

entirely extracted from
one's roots

even from outbursts of emotion
over there

the eyes that were square like windows
once open

shutting
there are only the usual streets then
crowded and narrow

there are only eyes glancing at
one another

CỘI NGUỒN

xắn tay áo lên
bước qua xác

những chiếc lá

máy mắt trái

tìm đi tìm lại chỗ cội nguồn
y như rằng

đã không cánh mà bay

ORIGIN

rolling up one's sleeves
stepping across dead

leaves

left eye winking

searching everywhere for one's place of origin
it's exactly like

having flown yet without wings

TRONG CỐI

cầu kính
dù dịu lại

phớt tỉnh như chưa bao giờ bị đắm tàu

mắt rỗng
hóa đá

nổi dóa vì không thấy rặng đồng
trong cối

ON THE HORIZON

furious
then calming down

indifferent as if one had never been shipwrecked

eyes sunken
stony

furious since one sees no daybreak
on the horizon

DẶN

gió chói
sương mắt

thử thời vận

ngón ngấu
mẫu bánh mì

đứng ở đâu đường nhìn về phía

có nói
cũng cạn lời
đành thôi

mai nhớ ra ga trở về nơi chôn nhau
nhé

DIRECTION

a blinding wind
swollen eyes

testing fate

devouring noisily
a sandwich

standing on a street corner staring ahead

to speak
endlessly
is useless

tomorrow remember to leave for the station to return to one's

birthplace okay

HỎI

chân đất
lạ nhi

hút thuốc mãi
phà vào buổi chiều

cứ làm kẻ hát rong nghêu ngao cho đến bao giờ
chết đứng

quá lắm

phải chi đừng vắn vợ về nọ hôn
trong bóng tối
hỏi chưa sinh ra
vào lúc còn ở ngoài bầu trời

ASK

barefoot
strange, isn't it

smoking continuously
puffing away into evening

like a troubador moving about singing to oneself
then standing transfixed with amazement

extreme

I ought not to have wavered about the kiss
in the shadows
when I was not yet born
during the time I was beyond the sky

KIẾM SỐNG

gánh hát
rong hát khuôn mặt đã im
hơi (và dị hợm đi)
cồm cộm âm và nghĩa
chơi chiến thuật du
kích tia từng phần cho
đến khi nào thắm mệt
thì giả làm kẻ hoang
đàng
lãng quăng
kiếm
sống

MAKING A LIVING

traveling troubadour
troop
breathing turn up a face no longer
 (and already ugly)
bulging with sound and meaning
 play with guerrilla
 tactics snipe away one at a time
 until sick and tired
then pretend to be a black sheep
 that keeps around in circles
to make a living

PART 2: TRACES OF MY HOMELAND

PART 2: DẤU QUÊ

BẾN SƯƠNG

Đã vấy mây thành sao
Hát vang
Đã thôi
Đóng cửa
Đắm mưa lũ

Tan tác. Trăng rú
Khuya khoắt trắng
Chân đất khe khẽ, cô liêu xưa

Ngùn ngụt đôi biếc nghe mê man
Ruộng dâu trôi về mắt nước lớn
Khói quê bao lời, thương chứa chan
Rừng rưng buồn chật lòng u uất

Đã đi. Còn gì, quê cũ nhỉ?
Đốt lửa soi thăm, đêm cũng điên
Bụi ẩm giá chưa là quán lú
Thì đời, thì mộng vẫn thất tán

Tình nặng hốt nhiên thấp thoáng núi
Chưa chi ngàn rộng đã biên cương
Bên kia biển mặn, lốc gió hú
Có rất nhiều, hoa rơi bến sương

Thì thăm. Tổ đền
Xứ nắng lóa
Tưởng rằng tiếng nói như xác ve
Cánh chim chết giắc trên non đá
Có biết trầm luân. Chỗ cát xóa.

MISTY PORT

Clouds have drifted by; stars appear
The sound of singing
Has ceased
Doors shut
Drenched with a torrential rain

Dissipated. The moon in the forest
Late at night whitens
Gently barefoot, once lonely

Mist rises from green hills, feeling as though unconscious
Returning to mulberry fields with watery eyes
The village smoke speaks volumes, overflowing with love
Tears welling up with sadness; the heart tightens with anger

Departed. What is it? My homeland, isn't it?
Igniting fire, revealing secrets; night, too, is crazy.
Bold and wet but yet not dull and forgetful
Then lives, then dreams are shattered just the same

A deep love unexpectedly appears over the mountains
Though yet a thousand miles from the border
Across the salty ocean, the wind howls
Fiercely; flowers fall in the misty port

Whispering of a luminous light
A dazzling, sunny country
Imagining one's voice singing like a molted cicada
Birds on the wing fainting on the rocky mountains
Overloaded with misfortune. A happy place obliterated.

NGHI HOẶC

Nước mắt
Hừng đông
(Và hừng đông nước mắt)

Không gian hát
Gió ngược đôi trụy
Ký ức đắng

Cái cọ với trăm năm về nổi hầm hiu
Đốc ngược tiếng nói, búp lá khóc
Nhẹ nhẹ hơi trái tim quen ngoài đồng bằng
Giữa mái rơm lửa mưa, nụ hôn trắng

Dĩ vãng tắm
Nghe tóc sương thì thắm bên kia bờ môi là dòng sông
Có hoang phế trôi

Ngồi dã thú
Hong khô lam lũ
Gậm nhấm lời kết án từ nguồn cội

Trong hầm giam thời gian
Thấy bão rung vỡ, chiều rỗng
Bước vội vòng quay khốn quẫn

Hoài cảm mãi ngày
Tở tình
Giấc rừng sẫm.

DOUBT

Tears
Daybreak
(And tears at daybreak)

Space singing
Wind decadent
Memories bitter

Contending with a hundred years of misfortune
Language reversed, budding leaves weep
So softly dear heart out in the delta
A thatched roof betwixt fire and rain

A budding kiss in the moonlight bathes the past
Feeling hair wet with dew whispering on the other
side of lips is a river

Where abandonment flows

Wild beasts sit
Dried out and wretched
Chewing on the judgment passed from the origin

In time's underground prisons
Storms break out, empty afternoons
Spent pacing in vicious circles

Continuously moved by the day
When love was professed
In the dense forest dream.

CHỐN KHÁC

Hạt mầm

Nảy trên cánh đồng gió ám

Vàng vọt nổi nhớ mong, chim muông gõ vào cánh chiều buồn

Ai, không ai trong ta, thấy được chỗ cuống nước mắt

Ai, không ai trong ta, đi ngược lại đời người

Soi, từng vết bạc thời gian nơi mái rơm

Có bao giờ nụ hôn khát một mặt trời

Cho môi khô sương thành trái đắng

Hỏi ở ngoài đầu hôm sớm mai

(Nước, đã chiến trường từ muôn trước

Mãn ngày

Ai quang gánh cơn diên rồ kia)

Nghe rất nhẹ, rất xa ngực rừng thớ đất

Ai, bao lâu nay đứng ở ghênh sông

Gọi mãi, theo về năm sừng hư thực

Gọi mãi, trôi vèo cuộc nhẵn bình minh

Thà nói nhỏ cho xong, ta người không thực

Thì với lấy nghi tình quay tìm chốn khác

Ta chẳng đợi người, ta chẳng đợi ai.

ANOTHER PLACE

Sprouts

Spring forth on wind-rippled fields

The pallor of longing, as birds chirp in the melancholy dusk

Who, nobody among us, can see the place where wild tears
form

Who, nobody among us, can travel back in life

To illuminate, ever faded tracings of time on straw roofs

As there ever been a time when thirsting in the sun

For a kiss lips, deprived of dew, turned into bitter fruit

Questioning myself from dawn to dusk

(The country, was a battlefield for thousands of years

Until the day arrived

Whose shoulders bore the load of madness)

Feeling very softly, very distantly the savage breast, the
coarse earth

Standing, from then until now, at the waterfall

Calling continually, returning to grasp what is false and

what is true by the horns

Calling continually, in a twinkling of an eye dawn passes by

It is better to speak softly, having finished giving,

if neither of us is truthful

Than to take hold of doubt and turn to seek another place

Not waiting for someone, not waiting for anyone.

KHOẢNH KHẮC

Đã thờ
(Giọng tiếng bát võ)
Đã rợn người gọi
Trăng kiêu binh

Giữa góc ngách của biển đời mọc
Rực đồng xâm
Mảnh gió môi, bình minh

Ướt áo tát
Mắt đăm lấp lú
Sương khói lỏng
Cửa bước ngắt
Hát hồng, mùa chim ca

Tảng lờ
Im. Thật im. Rực rỡ
Tóc bật chiều run cần
Vết thương xa

Ôi giấc mơ, và mơ
Hoa điểm nhiên, từ độ
Tro ngàn
Đằng hẵng
Cho đỡ nhớ rừng mật xanh.

A MOMENT

Having breathed
(The voice of broken bowls)
Shivering with fear one calls to
The moon for protection

Between the ins and the outs of the ocean, life appears
Brilliant on a dark field
A bit of wind on the lips, at daybreak

Wet shirt
Eyes filling with
Tears and the haze of smoke
Hovering over the doorstep
Broken songs, a season for songbirds

Feigning
Calm. True calm. Radiant
Hair at evening trembling biting
At the wounds of old

Alas! but a sweet dream, and to dream
Calm flowery ones about
Ashes of mountains and forests
Clearing one's throat
Bestowing relief from remembering the secret green forest.

GIẢ TẶNG

Dẫm lên quá khứ
Địu dịu nghe trái tim ngàn năm rong sương

Ở biên kia đường hầm đốm lửa xanh hát hiu
Ở bên kia rừng đôi lũ chim chóc khát nhau về
 chiều nghìn trùng
Trên ngực biếc mênh mông, giấc mơ

Ai hát ca nhanh, phiếm du mãi lời hong phơi
Cuồng môi, tóc bay
Lăn lóc đời ngày, hỏi quê đâu
Man mác dòng sông

Đội cho khoảnh khắc vòng kềm gai
Ngồi chờ nổi đổ vỡ, im sững
Lấn lút trong cõi bến, tang thương sao

Đốt cháy bao nhiêu cánh gió buốt
Mắt hoen, góc núi ngun ngút quên
Như xa, những hồn nước và đất
Đã qua phân tranh, mộng và kịch

Giả tặng
Là bão tố cuốn đi
Mặt đấng của thời ngọn ngang trăm mối.

PRETEND

Trample on the past
Quietly listen to the heart of a thousand years covered in dew

At the other end of the tunnel a blue flame flickers
On the other edge of the mountain forest flocks of birds call
To each other to return again to evenings of old
On the vast blue bosom, a sweet dream of

Someone singing rapidly, lingering over the words hanging
in the air

Crazy talk, hair flying
Experiencing the hardships of existence, asking where is
The homeland of the immense rivers

Wear on the head for a moment a barbed-wire crown
Sit and wait for the collapse, motionless and quiet
Steal away to the port, so wretched

To burn with the wings of so many winds biting
Blemished eyes, forgotten on the side of a smoky mountain
As if far away, the spirits of water and earth
Through past conflicts, dreams and tragedies

Pretended
That the violent storm had swept away
The bitter secrets of an age of chaos with hundreds of causes.

ẨM Ớ

Trói chặt
Những khoảnh khắc, và ngã
Hôn tang thương
Cùng mộng

Hoài mắt nhớ
Cõi thuở, đăm đăm mãi gió sao bay
Trên ngọn ngàn lăm lì nụ hôn mùa đông
Long lanh tóc

Đã ra ngoài bầu trời hơi non đời còn để lại tiếng công buồn
Thấm cơn mưa tuổi tác, vàng trắng xưa chứa chất
giọt mây cuồng

Rơm rớm nói
Phục sinh chiều

Hỏi là hỏi nụ cười kia đã thốt
Môi cánh thơm
Sầu lạ
Ngực hoa ngày

Nhặt tiếng khóc
Lãng trí nhè, kẻ mở cửa lấy tai ương kết thành vòng gai

Trên chiếc bè trôi
Và không trôi
Ngọn lửa thổi
Ẩm ớ về thời mệnh mộng quạnh hiu.

STAMMERING

Bind
The moments, and cast
A mournful kiss
To dreams

Eyes continually recalling
The times, fixed upon the wind blowing and stars floating
continually
Above a thousand trees and of clinging winter kisses
And shimmering hair

We have gone beyond the heavens, alas, tender life
leaves behind the sad sound of gongs
Soaked with the rainfall of age, the moon of long ago
holds threatening rain clouds
Words trickled out
An evening reborn

To ask is to question the smile that had escaped
From fragrant lips
Strangely sad
A bosom of day lilies

Gather up the sounds of weeping
Romanticism, all right, he who opens the door weaves
a wreath of thorns from calamities

On a raft floating
And drifting aimlessly
A fire flickers
Stammering a vastly desolate time.

GỬI NGƯỜI ĐỒNG HÀNH

*Gửi nhà thơ Frederick Turner, Frederick Feirstein, Tom Riordan,
các nhà nghiên cứu & phê bình Angela Saunders,
Lidia Chiarelli, và Jan Infantado, giáo chức Bataan tại Philippines*

Lũ chúng ta lặng nghe roi ngàn roi cùng niên kỷ
Bay vèo một thoáng

mà chưa hay

Như tiếng nói

đứng bằng hai chân

ném ngược thời gian vào chốn khác

Trong cùng nỗi

nhớ không

đã tình dang dăng

Bởi chớp mắt yêu đương đong đầy biển mặn

Bởi muôn kiếp chim muông thổi lời biển sâu

Khá gọi mệnh mông giữa rừng siêu thực

Kéo dân cội nguồn

ngang hố đêm

Đứng ở đầu hôm hú về đầu ghềnh

Lũ chúng ta mang theo gánh chiều sần sượng

Lũ chúng ta thiên đi từ nơi hồng hoang

Trăm gió qua đi

nhìn ra đôi quạnh

TO THOSE WHO MADE THE JOURNEY

*For poets Frederick Turner, Frederick Feirstein, Tom Riordan,
critics & researchers Angela Saunders,
Lidia Chiarelli, and Jan Infantado, Bataan teacher of Philippines*

All of us listened in silence to thousands of whips coming
down on a destitute era

Flying past in an instant
and unnoticed

Like voices
standing on two feet
casting back in time to another place

Of shared suffering
don't you remember
a rather bitter love

Because in the blink of an eye love filled the salty oceans
Because eternally the birds and beasts breathed out into
the ocean depths

Gently calling into the vast surreal jungle
Tugging at origins
across the depths of night

Standing at dawn calling out at the head of the waterfall
All of us bearing burdens of evening arguments
All of us in exodus from a place of chaos
A hundred winds passing us by
looking to the deserted hills

Bao cánh mai nay còn nơi đồng xanh
Đang run lên vì mưa sa
ngoài dậm
Một cõi thình không nằm trong sương

lửa

Đang lồi thoi vì xưa sau
xa xa đốm cỏ

Lũ chúng ta chẳng hề thật có
Lũ chúng ta chỉ là bèo giạt
Lũ chúng ta như là hoa trôi.

Having wings in the future leaving green fields behind
Shuddering in a heavy rainfall miles away
A silent empty region lying in the mist and

fire

Dragged out because the past and future
are in the distant tufts of grass

All of us truly didn't matter
All of us are merely duckweed
All of us are like drifting flowers.



Phụ bản 3
Ngọc Dũng

OTHER POETRY

THƠ KHÁC

A Bilingual Edition
Ấn Bản Song Ngữ

Translator DoVinh
Consulting Editor Richard H.Sindt

OTHER POETRY

THƠ KHÁC

GIỚI THIỆU TUYỂN TẬP THƠ KHẾ IÊM

Frederick Feirstein

Robert Frost có nói rằng đọc một bài thơ dịch giống như hôn một cô gái qua lớp vải của chiếc khăn tay. Điều khó khăn nhất, là không thể nghe được bài thơ bằng tiếng nước ngoài. Nhưng với bản dịch thì chúng ta có thể có được cấu trúc, hình tượng và vần luật của bài thơ, và tất cả những thứ này sẽ ban cho chúng ta một cảm nhận về điều mà nhà thơ đang nỗ lực để truyền đạt về mặt cảm xúc.

Đây chính là trường hợp của tác phẩm thơ của Khê Iêm. Thông qua Internet tôi đã nghe được vài bài thơ tiếng Việt của ông, khiến tôi cảm nhận được rằng thật đẹp làm sao những giai điệu gồm *bảy âm* của chúng. Điều thú vị là vần luật thơ ông gọi cho tôi nhớ lại những bài Kenneth Rexroth dịch thơ Trung quốc trong đó ông sử dụng những dòng thơ gồm bảy âm tiết với việc lặp lại của kĩ thuật gọi là trùng âm mà ông học hỏi được từ người Pháp. Tương tự vậy, Khê Iêm cũng sử dụng những dòng thơ gồm 5, 7, 8 *âm tiết* có lặp lại những từ khóa đồng thời còn sử dụng kĩ thuật láy phụ âm (alliteration) cũng để lặp lại, vốn là những phương thức rất hữu hiệu trong thơ tiếng Anh Cổ đại (cũng là loại ngôn ngữ một âm tiết như tiếng Việt).

KHE IEM'S SELECTED POEMS AN INTRODUCTION

Frederick Feirstein

Robert Frost said that reading a poem in translation is like kissing a girl through a handkerchief. What is most difficult is not being able to hear the poems in a foreign language. Yet in translation we can get the structure, imagery and meter of the poem, and these will give us a feeling of what the poet is trying to convey emotionally.

This is the case with Khe Iem's work. Via the Internet, I have heard a few poems of his poems in Vietnamese, which gives me some sense of how lovely are their *seven-tone* melodies. I wish I had a CD of many more. But what he is doing metrically becomes clear through translation. Interestingly enough, the meter reminds me of Kenneth Rexroth's translations from the Chinese in which he uses the seven-syllable line with the repetitive technique of assonance that he learned from the French. In Khe Iem's poetry he similarly uses 5, 7, 8 *syllable* lines that repeat key words and uses alliteration also for repetition which is very effective in ways poems in Old English (also a monosyllabic language like Vietnamese) can be.

Những dòng thơ được giới hạn trong khoảng 5 tới 8 từ đơn tiết, mỗi khổ thơ gồm bốn dòng, có hoặc không có vết dòng, điều này đôi khi tạo ra một đối âm giữa những mô hình đối xứng và không đối xứng. Việc sử dụng kĩ thuật vết dòng cũng cho phép Khế Iêm viết nên những bài thơ tự sự ngắn vốn phụ thuộc vào tính liên tục của tư duy và cảm nghĩ. Dòng chảy này được tuôn trào dễ dàng hơn nhờ cách diễn đạt thẳng thắn của ông, là cách diễn đạt mà Trường phái Tân Hình thức Mĩ coi là yếu tố quan trọng.

Khế Iêm thường đề cập tới tính khả tín và tính bất xác của người tường thuật, và tính khả tín của điều được tường thuật. Tỉ dụ ông kết thúc bài “Những Cái Hộp” theo cách này: “... Nhưng / tôi sắp nói những điều tôi đã / nói, mặc dù, thà có hơn không, đó / chẳng phải là những điều tôi muốn nói.”

Trong bài “Những Chiếc Ghế”, nhà thơ kể ra cho chúng ta biết rằng những chiếc ghế không là những gì, và là những gì, cho tới khi chúng ta làm mất đi cái từ “Những Chiếc Ghế” qua một nỗ lực nhằm tìm lại được cái thực tại cụ thể của từ đó. Khế Iêm đã thành tựu được điều này ở cuối bài thơ sau một cơn lốc những từ về những chiếc ghế: “... những / chiếc ghế không ở đâu xa, những / chiếc ghế ở ngoài mọi điều; những / chiếc ghế chỉ là chiếc ghế.”

Tôi là một nhà phân tâm học và cũng là một nhà thơ, và tôi hiện đang chữa trị cho một nhà thơ trẻ, anh ta cố gắng biểu đạt cho tôi biết điều mà anh ta không thể biểu đạt bằng lời lẽ. Anh ta muốn biết liệu tôi có hiểu được loại trải nghiệm không lời lẽ của anh ta là như thế nào. Tôi đọc bài thơ “Những Chiếc Ghế” của Khế Iêm cho anh ta nghe, và anh ta nói ngay, “Đó chính là điều mà tôi cảm nhận.” Sau đó chính anh ta bắt đầu mô phỏng bài thơ theo nhiều cách khác nhau.

The lines are limited to 5-8 monosyllabic words in four-line stanzas with or without enjambment, which sometimes creates a counterpoint between symmetrical and asymmetrical patterns. The use of enjambment also allows Khe Iem to write short narrative poems which depend on continuity of thought and feeling. This flow is made easier by the plain diction he uses which The New Formalism in America considers important.

Khe Iem often deals with the reliability and indefiniteness of the narrator and the reliability of what is being narrated. For instance, he ends "Boxes" this way: "... but i am about to / say, as i have said the things that i have / said, regardless, it is better to have / been than not to be, but those are not things / that i wish to say."

In "Chairs", the poet tells us what chairs are not and are until we lose the word "chairs" in an attempt to find its concrete reality. Khe Iem accomplishes this by the end of the poem after a whirlwind of words about chairs: "... chairs that / are not far away, chairs beyond / all things; chairs that are just / what they are chairs."

I am a psychoanalyst as well as a poet and am treating a young poet who was trying to express to me what he had no verbal expression for. He wanted to know if I understood what his wordless experience was like. I read "Chairs" to him, and he said, "That is exactly what I feel." He then proceeded to imitate the poem himself in various ways.

Ba bài trong số những bài thơ hay nhất mà Khế Iêm sử dụng sự tương phản khả tín/vô khả tín (trong một tập thơ được chuẩn bị rất kĩ lưỡng) là “Bộ Bàn Ăn”, “Trang Sách”, và “Chuyện Đời Kể”. Dù ông thăm dò tính không xác thực của thực tại, nơi mà ranh giới của thời gian và không gian bị xóa nhòa, nhưng ông trả lại cho chúng ta cái thực tại theo một cung cách gần như là Thiên, ở phần cuối những bài thơ này.

Một trong những bài thơ cảm động nhất trong tuyển tập thơ này là bài tự sự “Cái Chết Trên Truyền Hình” trong đó “... Người đàn bà nhận ra cái chết của / con mình trên màn hình nhưng không tin / con mình đã chết, và dù rằng một / tin báo tiếp theo như cơn bão tiếp / theo về cái chết của đứa con, bà / vẫn không tin điều mình đã thấy.”

Điều này là một trải nghiệm rất thường thấy nơi những người sống sót sau những cơn tâm chấn (chấn thương về tâm lí, tinh thần). Leon Klinghoffer, một người bạn của gia đình tôi, là một trong những nạn nhân người phương Tây đầu tiên của phong trào khủng bố đương đại, được dư luận biết tới khá rộng khắp. Ông đã bị bắn bỏ khi đang ngồi trên xe lăn và xác bị ném qua mạn tàu, chiếc tuần dương hạm Achille Lauro [*]. Khi người ta phỏng vấn vợ ông, bà Marilyn, về sự cố này, bà đã trả lời rằng bà có cảm giác đó là chuyện không có thực khi bà chứng kiến sự việc trên truyền hình, rằng trong một thoáng bà cảm thấy là mình vừa coi một sô diễn trên màn ảnh truyền hình.

Trải nghiệm này một phần do kết quả của sự xóa nhòa những ranh giới [giữa hư và thực] trong thời đại bị bão hòa về những phương tiện thông tin đại chúng của chúng ta. Đây là chủ đề trung tâm trong tác phẩm của Khế Iêm, được thể hiện nghiêm túc và đôi khi thậm chí còn là hài hước như trong bài thơ của ông về lon bia Budweiser sắc mùi thương mại, nhằm minh họa những nỗ lực của những nhà quảng cáo muốn bước hẳn vào cõi vô thức của chúng ta.

Three of Khe Iem's best poems using reliability / unreliability (in a carefully organized book) are "The Dining Set", "Pages (From A Book)" and "Life Story". Although he explores the uncertainty of reality where time and space lose their boundaries, he returns us to reality in almost a Zen-like way by the end of these poems.

One of the most moving poems in the book is a narrative, "A Death On Television", in which "The woman sees the death of her own son / on the screen but does not believe that her / son is dead, and even though the news came like / a storm about the death of her son, she / does not believe what she saw ..."

This is all too common an experience for the survivors of trauma. Leon Klinghoffer, a family friend, was one of the first public, Western victims of contemporary terrorism. He was thrown off the cruise ship the Achille Lauro in a wheelchair. When his wife Marilyn was interviewed about it, she said she had such a sense of unreality when she watched the event on television that she momentarily felt she just was watching a television show.

This experience partly is the result of the blurring of boundaries in our media-saturated age. It is a central theme in Khe Iem's work done seriously and sometimes even comedically, as in his poem about a Budweiser beer commercial, which illustrates the attempts of advertisers to enter our unconscious.

Khế Iêm là một trong những người lãnh đạo phong trào văn học của chính ông, trong phong trào đó có một số nhà thơ có tác phẩm được ông tuyển tập [**] đã đi theo phong cách của ông và tuân thủ những phương thức qua đó ông nhận thức về sự tương phản giữa thực tại và phi thực tại. Phong trào có tên là Thơ Tân Hình Thức Việt, tính tân kỳ một phần do việc sử dụng cách diễn đạt thông tục phối hợp với kĩ thuật vắt dòng hoặc đứt dòng của thơ không vần. Ông nêu dẫn nguồn gốc của thuật ngữ này từ một tên gọi được dùng để chỉ một khía cạnh của loại Thơ Chan Hòa (Expansive Poetry), là phong trào mà Frederick Turner và tôi khởi xướng nhằm mở lối thoát cho thơ Mĩ thuở đó bị hạn chế trong khuôn khổ thơ tự do trứ tình nặng tính chất tự thú. Như tôi đã chỉ ra trong bài tiểu luận của tôi, “After The Revisionists” (Sau Những Nhà Thơ Xét Lại), rằng Thơ Tân Hình Thức chẳng có gì là mới mẻ, rằng nó chỉ là sự trở về với một truyền thống đã bị chối bỏ bởi một số những nhà Hiện đại và Hậu hiện đại. Khế Iêm cũng đã nhìn rõ điểm này. Tôi đã không chỉ từ bỏ những gì mà những nhà mô phỏng của chúng ta đã thể hiện khá kì quặc về mặt hình thức, mà còn nhấn mạnh rằng Thơ Chan Hòa (Expansive Poetry) chỉ là một phong trào văn học có sử tính, như những phong trào Hiện đại và Hậu hiện đại. Tôi trông chờ ở Khế Iêm, như một nhà thơ đầy tính sáng tạo độc đáo, sẽ có thể tìm ra một phương thức biểu đạt mới, và có lẽ sẽ mở rộng những gì mà ông và những người đi theo ông đang thể hiện. Về phần tôi, tôi mong mỗi được thấy, nếu như điều tôi muốn thấy thì chưa từng hiện hữu, là sẽ có nhiều bài thơ tự sự rất dài mà thể loại này cho phép thể hiện. Xin đơn cử một tỉ dụ, là Turner đã hoàn tất ba bài thơ tự sự có độ dài của một cuốn sách.

Tôi rất quan tâm tới những gì mà phong trào của Khế Iêm thực hiện, không chỉ trong thơ ông, mà còn được minh thị trong văn xuôi. Trong bài tiểu luận của ông, “Giới Thiệu Thơ Tân Hình Thức Việt”, ông đã xác định rõ ràng những đặc tính chủ yếu của phong trào của

Khe Iem is one of the leaders of his own literary movement in which several poets whose work he anthologizes* follow his style and the ways he perceives reality / unreality. The movement is called Vietnamese New Formalism – the newness partly being the use of colloquial diction in combination with enjambed or end-stopped blank verse. He traces the origin of the term to a name given to an aspect of Expansive Poetry, the movement Frederick Turner and I started to open up American poetry, then restricted to the free-verse confessional lyric. As I have pointed out in my essay “After The Revisionists”, there was nothing new about The New Formalism, that it simply was a return to a tradition discarded by several of the Modernists and Postmodernists. Khe Iem sees this clearly as well. I have not only disavowed what our imitators have made quaintly formal but have emphasized that Expansive Poetry is simply one historical literary movement like Modernism and Postmodernism. I expect that Khe Iem, being such an original poet, might find yet another new way to articulate and perhaps expand what he and his followers have been doing. Personally, I would like to see, if they already doesn't exist, very long narratives which the form allows for. Turner, for instance, has written three book-length narratives.

I am very interested in what Khe Iem's movement not only is doing in his poems but is explicitly stating in prose. In his “Introduction to Vietnamese New Formalism Poetry”, he has defined clearly the main characteristics of his movement. He also

ông. Ông cũng đã nhấn mạnh vào một trong những mục tiêu rộng lớn hơn của phong trào khi nói rằng “Mục đích của thơ Tân Hình Thức là muốn đưa thơ Việt bước ra ngoài thế giới, nên mới chú tâm vào dịch thuật, để tìm kiếm người đọc khác ngôn ngữ và văn hoá.”

Từ những gì tôi đọc được nơi Khế Iêm và nơi bản dịch những tác phẩm của những người liên kết với ông, thì với tôi, chừng như Khế Iêm đã thành tựu được điều vừa nói trên. Ông có tờ tạp chí Thơ của chính ông và ông có dịch một số tác phẩm của chúng tôi sang tiếng Việt. Ông đã trích dẫn câu sau đây trong một bức thư đăng trên trang web www.thotanhinhthuc.org : “Hãy đến với chúng tôi, nơi chốn nhỏ bé và ấm cúng này của thơ, để nâng ly rượu mừng trong ngày họp mặt.” Và thế là tôi đã nâng cao chiếc li của tôi, và tôi xin có lời chúc mừng tác phẩm tuyệt vời của ông, cùng những tuyển tập và những tiểu luận của ông.

Phạm Kiều Tùng chuyển dịch

CHÚ THÍCH

[*] Leon Klinghoffer [1916-1985] một thương gia Mỹ về hưu, phải ngồi xe lăn. Năm 1985 ông cùng bà vợ đi trên chiếc tuần dương hạm Achille Lauro để kỉ niệm lễ kết hôn lần thứ 36 của hai vợ chồng. Không may cho họ, là tuần dương hạm này bị nhóm khủng bố của Mặt trận Giải phóng Palestine PLF khống chế, đưa yêu sách đòi nhà nước Israel phải trả tự do cho 50 người Palestine đang bị nhà nước Israel cầm tù. Yêu sách không được đáp ứng, lập tức nhóm khủng bố lựa ra một người gốc Do Thái, là Leon Klinghoffer, bắn vào trán và vào ngực ông, khi ông đang ngồi trên xe lăn, rồi ném xác ông qua mạn tàu.

[**] “Thơ Không Văn”, Blank Verse, Tan Hinh Thuc Publishing club, 2006, gồm 64 tác giả. Và “Thơ Kể”, Poetry Narrates, Nxb Lao Động, Việt nam và Tan Hinh Thuc Publishing club, 2010, gồm 21 tác giả.

emphasizes one of its broader goals in saying: “The purpose of New Formalism poetry is to propel Vietnamese poetry onto the international stage. That is why translation is emphasized to seek readers from different languages and cultures.”

From what I have read of his work and the translation of his allies, Khe Iem seems to me to be accomplishing that. He has his own press and is translating some of our work into Vietnamese. He quotes a letter from the website www.thotanhinhthuc.org that says: “Come join us in this small, yet warm corner of poetry. Let us raise a glass and toast each other in this meeting of minds.” And so my glass is raised and I congratulate Khe Iem on his excellent book, his anthologies, and essays.

FOOTNOTES

* “Blank Verse”, Tan Hinh Thuc Publishing club 2006, 64 Vietnamese poets. And “Poetry Narrates”, Lao Động Publisher, Viet nam and Tan Hinh Thuc Publishing club 2010, 21 Vietnamese poets.

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

Đây là tập thơ đầu tiên của tôi được dịch qua tiếng Anh, sau hai tập thơ vần điệu (Thanh Xuân) và tự do (Dấu Quê), và là một giai đoạn thơ hoàn toàn khác biệt. Tôi luôn luôn sáng tác bằng tiếng Việt, một ngôn ngữ giúp tôi thể hiện nhuần nhuyễn hồn thơ và nghệ thuật thơ, vì đó là ngôn ngữ tôi yêu mến, và là ngôn ngữ mẹ đẻ của tôi. Nhưng là một người di dân đến Mỹ, tôi cũng yêu mến miền đất mới của tôi. Và đó là những động lực thúc đẩy tôi làm việc, giới thiệu với bạn đọc Việt, những nhà thơ tiên phong và phong trào tiên phong Mỹ, đồng thời tìm một phương cách sáng tác mới, dễ dàng trong dịch thuật, giới thiệu thơ Việt một cách hiệu quả đến với người đọc Mỹ. Phương cách đó tôi đã nhắc tới nhiều lần, và để hoàn thiện, tôi cũng đã giới thiệu đến người đọc Việt lý thuyết Hỗn Mang và hình học Fractal, áp dụng Hiệu Ứng Cánh Bướm, sự phản hồi và lặp lại, vào thơ để có được nhịp điệu tự nhiên. Dĩ nhiên, để có những sáng tác như ý, chúng ta cần phải có thời gian rất dài để thực hành.

Nhìn lại thơ Mỹ, từ thời hiện đại, từ Ezra Pound, T. S. Eliot, William Carlos Williams, e. e. cummings ... nửa đầu thế kỷ 20, cho đến nửa sau thế kỷ từ Charles Olson tới phong trào tiên phong Thơ Ngôn Ngữ (L=a=n=g=u=a=g=e Poetry), thập niên 1980, mà Paul Hoover gọi là Thơ Hậu hiện đại Mỹ, tôi hoàn toàn kích động với phong trào thơ Tân hình thức (sau này là thơ Mở Rộng), và phong trào thơ trình diễn slam poetry, xuất hiện sau đó và nở rộ vào những thập niên 1990.

AUTHOR'S NOTES

This is my first collection of poetry translated into English. I had previously published two collections of poetry, *Youth* (rhyming) and *Traces of My Homeland* (free verse), in Vietnamese only. This new collection has an entirely different style. I have always composed in Vietnamese, a language that permits me to express the art and spirit of poetry – it is a language that I love, and my mother tongue. However, as an immigrant to America, I also love my new-found land. And that is my motivation to labor: to introduce American poets and avant guard movements to my Vietnamese readers, to seek new compositions that can easily allow translations, and to effectively introduce Vietnamese poetry to American readers. I have previously written of these techniques and have refined them. I have introduced Vietnamese readers to the theories of Chaos, Fractal Geometry, and the application of Butterfly Effect, feedback and iteration, in that poetry which imbues natural rhythm. Of course, in order to produce works of quality to our satisfaction, a long period of time is required.

Let us look back on American poetry in modern times, from Ezra Pound, T.S. Eliot, William Carlos Williams, and e.e. cummings at the first half of the 20th century, then the later half, with Charles Olson until the avant guard poetry movement of Language Poetry in the 1980s, which Paul Hoover calls the post-modern American poetry. But I was excited about the New Formalism, Expansive poetry and Slam poetry coming next, and peaking in the 1990s.

Lý do là thơ Mở Rộng, đã hồi phục thơ thể luật, cân bằng với sự ưu thế của thơ tự do. Hơn nữa thơ Mở Rộng và thơ slam, sử dụng ngôn ngữ thông tục, đưa thơ Mỹ ra khỏi ảnh hưởng hàn lâm, đến với mọi con người, là chức năng đích thực của thơ. Điều này chẳng khác gì thơ Việt, từ cổ điển tới hiện đại, thơ chính yếu, chỉ phục vụ cho giới cung đình và tầng lớp trí thức. Đó là một cuộc cách mạng thực sự để bước qua thế kỷ mới. Thơ bây giờ không còn quan trọng và ảnh hưởng như những thế kỷ trước, vì nền văn minh điện toán đã làm cho đời sống con người bận tâm tới nhiều điều khác. Nhưng có điều trái ngược, là tại sao ở mọi nơi, mọi lúc, người làm thơ lại nhiều gấp bội? Tôi cho rằng, thơ vẫn còn sức mạnh tiềm tàng và không hề suy giảm, có khi còn tăng lên, vì thơ có khả năng đưa con người trở về với đời sống thực, cân bằng với đời sống ảo của internet.

Trở lại với tập thơ, có những bài thơ như “Độc Chinh Phụ Ngâm”, “TV Ký”, chúng tôi cần có bài viết đi kèm để bạn đọc hiểu rõ bài thơ hơn. Có những sáng tác không thể dịch ra tiếng Anh, vì cái hay của nó nằm trong ngôn ngữ Việt như vở kịch “Những Chiếc Ghế”, bài viết về tiến trình thơ tôi của nhà thơ và nhà phê bình Đỗ Minh Tuấn. Tập thơ có được sự giới thiệu của nhà thơ Frederick Feirstein, là điều tôi hân hạnh và biết ơn, vì những thành quả nhỏ nhoi ấy của chúng tôi đã được biết đến. Nhưng những thành quả nhỏ nhoi ấy lại là do công sức của rất nhiều người, những dịch giả, những nhà thơ tham gia sáng tác thể loại thơ này, và xa hơn, những bạn đọc, nhà thơ, nhà phê bình, dịch giả cả trong lẫn ngoài nước đã cộng tác nhiệt tình với *Tạp chí Thơ* trong suốt 10 năm (1994-2004). Nhân đây, tôi xin gửi lời đa tạ.

Expansive Poetry has revived poetic forms to balance the dominance of free verse poetry. Furthermore, Expansive Poetry and Slam Poetry utilize common language and thus has freed American poetry from academia in order to communicate the poetic expression to a wider, more general audience. This development is similar to Vietnamese poetry from classical to modern times; its main function was to serve the nobility and intelligentsia. Thus a revolution was required in order to usher in a new century. Poetry today no longer has the important effects of past centuries because information technology has captured the time and attention of the public with many other things. However, it is ironic that poets have sprung up in abundance everywhere and at all times. I believe that poetry's hidden potentials have not subsided, but have actually increased because poetry has the ability to bring people back to the realities of life, and to balance out the illusory existence of cyberspace created by the Internet.

Regarding this collection of poetry, there are poems, like "Readings Of The Song Of A Warrior's Wife" or "TV Script", which require an accompanying essay in order for the reader to better understand the poems. Some composition could not be translated into English because its essence is grounded in the Vietnamese language, such as the drama "Chairs", an essay about my poetic developments by the literary critic Do Minh Tuan. This collection of poetry is introduced by Frederick Feirstein, to whom I am grateful and honored. It is these small accomplishments that have given us the much needed exposure. These achievements have been the contributions of many: writers, authors, translators and poets who composed in this new form and beyond; also the readers, critics and essayists who collaborated with *The Journal of Poetry* throughout its 10 years of existence (from 1994 to 2004). I beg your indulgence to allow me to collectively thank you all.

Tôi cũng xin đa tạ những nhà biên tập Dr. Carol Compton, Angela Saunders, Richard H. Sindt, những nhà thơ Mỹ Alden Marin, Frederick Feirstein, Frederick Turner, Michael Lee Johnson, Rick Stansberger, Stephen John Kalinich, Tom Riordan, những nhà thơ Anh James Murphy, Paul Henry, và nhà thơ Úc Phillip A. Ellis đã cộng tác và giúp đỡ tôi rất nhiều trong những công việc kể trên.

I am also indebted to and grateful for the contributions of editors Dr. Carol Compton, Angel Saunders, Richard H. Sindt; American poets Alden Marin, Frederick Feirstein, Frederick Turner, Michael Lee Johnson, Rick Stansberger, Stephen John Kalinich, Tom Riordan; English poets James Murphy, Paul Henry, and Australian poet Phillip A. Ellis for their collaborations which have assisted me tremendously.

TÂN HÌNH THỨC VÀ CÂU CHUYỆN KỂ

Khi tôi ngồi uống cà phê ngoài lề
đường và kể lại câu chuyện đã được
kể lại, từ nhiều đời mà đời nào
cũng giống đời nào, mà lời nào cũng

giống lời nào, về người đàn bà và
đàn con nheo nhóc (nơi góc phố được
gọi là chỗ chết, nơi góc phố được
gọi là chỗ sống), kể những đường kẻ

bằng than đen; gãy góc, xấu xí như
cái bóng trong tấm hình cũ, như dĩ
nhiên hôm nay ngày mai ngày mốt, như
thế thôi thì thế thôi, biết đâu chừng

nhưng người đàn bà và đàn con nheo
nhóc, vẫn kể lại câu chuyện đã được
kể lại, như người khác đã từng kể
lại, dù chẳng để lại gì ngoài câu

chuyện đã kể, bởi câu chuyện đang tự
kể lại, và không ai, ngay cả người
đàn bà và đàn con nheo nhóc, bước
ra ngoài câu chuyện đã được kể lại.

NEW FORMALISM
AND A STORY

While I sit sipping my coffee
on the curbside and telling my
story passed down the generations
telling a story like the story

told by every generation,
about a woman and her sorry
brood (on a corner of a city
known as the place of death, on a

corner known as the place of life),
drawn in by dark lines of charcoal;
broken curves, ugly shadows of
old photographs, like today and

tomorrow and the day after
tomorrow, and that's about it,
who knows if the woman and her
sorry brood, still telling the story

that has been told by so many
others, nothing different from
the story, the story that tells
itself, even though there is no-

thing beside the story that tells
itself, including the woman
and her sorry brood, stepping out-
side of the story being told.

CÁI HỘP

Những rác rưởi ở ngoài lề đường, những
giẻ rách ở ngoài lề đường, những cái
hộp phế thải ở ngoài lề đường, đó
là điều không thể chối cãi, đó là

điều không thể hồ nghi; nhưng tôi sắp
nói những điều tôi sẽ nói, như tôi
cứ nói những điều tôi đã nói, rằng
tôi chật chội, chật chội trong cái hộp

phế thải, như tôi chật chội, chật chội
ở ngoài lề đường; mà tôi không thể
nào bước ra ngoài cái hộp, và cái
hộp cũng không thể nào bước ra ngoài

tôi; những cái hộp đựng giày dép cũ,
những cái hộp đựng quần áo cũ, những
cái hộp toàn đồ lạc xon, những cái
hộp vất vưởng, những cái tôi vất vưởng;

những cái hộp kể chuyện đời cũ, những
cái tôi lập lại, kể chuyện đời cũ,
những hình ảnh cứ thế, hiện ra rồi
biến mất, những thực tại cứ thế, hiện

ra rồi biến mất, những tai ương cứ
thế, những hạnh phúc cứ thế, những thuở
nào cứ thế, và cứ thế, cứ thế,
cứ thế; những cái hộp bằng cát tông,

BOXES

The trash upon the streets, the rags upon
the streets, the thrown-away boxes upon
the streets, that cannot be argued with; and
i am about to say the things that i

am about to say but i keep saying
the things that i have said, that i am crowded
in a thrown-away box, as i am crowded
upon the streets; unable to step outside

of the box, just as the box is unable
to step beyond me; like the boxes that
hold old shoes the boxes that hold old clothes,
the boxes filled with vanity items,

the boxes lost and confused, as i am
lost and confused; boxes telling old stories,
boxes repeating themselves, retelling
old stories, such images, appearing then

disappearing, such realities, appearing
then disappearing, such unfortunate
events, such unhappiness, such pasts, and
as such, as such, as such; carton boxes,

giấy dầu, nhựa dẻo, những cái tôi bằng
cát tông, giấy dầu, nhựa dẻo, như rác
rưởi, giẻ rách ở ngoài lề đường, tan
tác như thế, lồi thoi như thế; nhưng

tôi sắp nói những điều tôi sẽ nói,
như tôi cứ nói những điều tôi đã
nói, mặc dù, thà có hơn không, đó
chẳng phải là những điều tôi muốn nói.

plastic wraps, soft nylon, personas of cartons,
of plastic wraps, of soft nylon like trash,
like rags upon the streets, scattered as such,
miserable as such; but i am about

to say the things that i am about to
say, as i have said the things that i have
said, regardless, it is better to have
been than not to be, but those are not things

that i wish to say.

BẬC THANG

Những bậc thang nối với nhiều tầng
lầu, những bậc thang dẫn tới nhiều
đường tầu, những bậc thang và những
bước chân; những bước chân trong tôi

có ngón giao chỉ, từ phố phường
đi ra biển đông; những bước chân
trong tôi rướm đời du mục, dù
rằng tôi chưa bao giờ sống đời

du mục; điều này ám chỉ rằng
tôi là mảnh vỡ tí ti của
quá khứ, bị cánh bướm đập, văng
ra thành kẻ lưu cư nơi miền

đất lạ; không khác nào những bậc
thang và những bước chân, tái hiện
rồi tái hiện, rơi trong hỗn mang;
bởi chẳng phải là những bậc thang

vẫn nối với nhiều tầng lầu, những
bậc thang vẫn dẫn tới nhiều đường
tầu, và những bước chân trong tôi
vẫn còn đang vang lên thanh âm

quyến rũ dị kỳ; thật ra, tôi
không muốn nói hơn một ly những
gì tôi nói – những bước chân và
những bậc thang đến đây là hết.

STAIRS

Stairs connecting many floors, stairs leading
to many ports, stairs and footsteps; footsteps
within me some pigeon-toed, from the city
to the open sea; footsteps within me

bleeding a lifetime of nomadic
wandering, though I have never lived
the life of a nomad; this is to
allude to the fact that i am a

fragment of the past, crushed by butterfly
wings, cast away to become exiled in
strange lands; no different from the stairs
and the footsteps, appearing and then

reappearing, fallen into chaos; because
it isn't the stairs connecting many
floors, stairs leading to many ports, and
footsteps within me still echoing sounds

drawing me eerily closer in fact;
I do not wish to speak an iota
more of what I am speaking, the footsteps
and the stairs are coming to a close here.

CHIẾC GHẾ

*Gửi các nhà phê bình & nghiên cứu Văn Giá, Đỗ Minh Tuấn,
Bửu Ý, Nguyễn Hữu Sơn, Nguyễn Đăng Điệp,
Nguyễn Vy Khanh*

Những chiếc ghế không cùng một màu,
những chiếc ghế không dùng để ngồi,
những chữ ghế, không phải là ghế;
những chiếc ghế có thể sờ được,

những chiếc ghế có thể gọi tên,
những chiếc ghế đúng ghế, không phải
là ghế; những chiếc ghế không bao
giờ vẽ được, những chiếc ghế không

bao giờ nói được, những chiếc ghế
không bao giờ có được, bởi những
chiếc ghế không bao giờ biến dạng,
những chiếc ghế không bao giờ mất

đi, những chiếc ghế không hiện diện;
những chiếc ghế, ôi chao, chỉ là
nó đó; những chiếc ghế, ôi chao,
không cùng một màu, những chiếc ghế,

ôi chao, không dùng để ngồi; những
chiếc ghế không ở đâu xa, những
chiếc ghế ở ngoài mọi điều; những
chiếc ghế chỉ là chiếc ghế.

CHAIRS

*For critics & researchers Văn Giá, Đỗ Minh Tuấn,
Bửu Ý, Nguyễn Hữu Sơn, Nguyễn Đăng Điệp,
Nguyễn Vỹ Khanh*

Chairs not of the same colors,
chairs not used for sitting,
the words for chairs, not chairs; chairs
that can be touched, chairs that can

be called names, chairs that are
indeed chairs, that are not chairs;
chairs that can never be drawn,
chairs that can never speak, chairs

that can never be had,
because they are chairs that
never change their form, chairs that
can never be misplaced or

lost, chairs that are not present;
chairs, alas, that is what they
are indeed chairs, alas, not
of the same colors, chairs, alas

not used for sitting; chairs that
are not far away, chairs beyond
all things; chairs that are just
what they are chairs.

BÀI THƠ KHÔNG VẤN

Để tưởng nhớ nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn (1947-2005)

Anh đến với tôi mỗi ngày thứ sáu,
như mỗi ngày đều là ngày thứ sáu,
còn những ngày khác anh đến với các
bạn khác, như mỗi bạn khác mỗi ngày

là mỗi ngày khác, cho đến một ngày
bất ngờ tôi biến mất, như mỗi ngày
thứ sáu biến mất vào mỗi ngày khác,
như mỗi đời người biến mất vào chỗ

đời khác, tôi biến mất khỏi anh, anh
biến mất khỏi tôi, vì tôi bị cuốn
theo cuộc đời lưu lạc, còn anh mãi
mãi đơn độc, mãi mãi không nhà, mãi

mãi ở lại, và tôi không biết nơi
nào anh trú ngụ vào mỗi ngày thứ
sáu, cho đến hôm nay bất ngờ anh
biến mất, anh biến mất khỏi anh, anh

biến mất khỏi tôi như mỗi chúng ta
là một tình cờ, như mỗi con đường
là một ngộ qua, tạm thời là thế,
có gì hay ho, có gì đáng nói

BLANK VERSE

In memory of writer Hoàng Ngọc Tuấn (1947-2005)

You came to see me every Friday
as if everyday was a Friday and
on other days you went to other friends
as if for other friends everyday

was another day, until one day I
suddenly disappeared, like every
Friday disappeared into another
day, like one life disappearing

into another life, I disappeared
from you, you disappeared from me because
I was swept up into a life of exile,
and you were forever lonely, forever

homeless, forever remaining, and I
did not know where you lived on every
Friday, until today when you suddenly
disappeared, you disappeared from yourself,

you disappeared from me as if we are
both coincidental, like every road
is a passage, temporary as such,
nothing interesting, nothing worth

nơi cái chỗ ở là trần gian này,
chỉ có điều đáng nói là những gì
anh còn để lại, “Cô bé treo mùng”,
“Hình như là tình yêu”, “Thư về đường

Sơn cúc”... giống như những bài thơ không
vần, vì ngay cuộc đời anh cũng là
cuộc đời không vần, không vần gì cả
với những cuộc đời chung quanh, nên anh

cứ mãi lãng du, cuộc lãng du bất
tận kéo dài về nơi gió cát, còn
tôi thì cũng cứ mãi lãng du, nhưng
là cuộc lãng du giữa cuộc đời bình

thường và rất đổi tầm thường, chưa biết
đến bao giờ mới xong, chưa biết đến
bao giờ mới hết. Nhưng bây giờ chúng
ta có thể nói câu già từ thứ

sáu, và già từ nhau, vì từ lâu
lắm rồi chẳng còn ngày nào là ngày
thứ sáu, của anh và tôi, và từ
đó đến nay anh và tôi cũng chưa

một lần gặp lại. Thôi, chúc anh an
giác.

talking about in this world, there is only
what you leave behind that is worth talking
about. “The Hammock-Hanging Girl”,
“Maybe It’s Love”, “Letters to the Chrysanthemum

Mountain Road”... Like blank verses, like your life
because it is also without rhyme, no
rhyme at all with life all about, thus, you
are forever a wanderer, a never

ending wandering towards wind and sand,
while I am also a wanderer, but
wandering through a normal life, very
ordinary, not knowing when I will

be finished, when I will be done. But now
we can say goodbye to Fridays, and say
goodbye to each other, because it has
been a long time since there was not any day

that was Friday, your’s and mine, and since then
you and I have not once met. Anyway,
let me wish you a peaceful rest.

CHÚ THÍCH

Nhà văn Hoàng Ngọc Tuấn sinh năm 1947 tại Thừa thiên, Huế, mất lúc 2 giờ 50 ngày 9 tháng 7 – 2005 tại Sài Gòn, tác giả các tập truyện ngắn dành cho tuổi mới lớn: “Hình như là tình yêu”, “Cô bé treo mũng”, “Ở một nơi ai cũng quen nhau”, “Hôn lễ”, “Thư về đường Sơn cước”.

FOOTNOTES

The writer Hoàng Ngọc Tuấn was born in 1947 in Thừa Thiên, Huế and died July 9, 2005 in Sài Gòn. He was the author of several short stories written for teenagers: “Maybe It’s Love”, “The Hammock-Hanging Girl”, “A Place Where Everyone Knows Each Other”, “The Wedding”, and “Letters to the Chrysanthemum Mountain Road”.

BỘ BÀN ĂN

Bộ bàn ăn chiếm một khoảng không
gồm một cái bàn và bốn chiếc
ghế khung sắt trắng sát mảng tường
trắng có bức tranh treo mặt bàn

tròn mica nâu viền nâu da
ghế nâu bộ bàn ăn rẻ tiền
được mua từ một garage sale
và người bán garage sale lại

mua từ một garage sale khác
dùng qua bán lại vừa bán vừa
cho; bộ bàn ăn xuất thân không
đâu cảm nín thuộc thế giới đồ

vật chiếm cứ một khoảng không không
có gì đáng nói nhưng vẫn đáng
nói làm cho khoảng không có thực
bức tranh có thực bình hoa có

thực hư ảo có thực bộ bàn
ăn chỉ với một cái bàn và
bốn chiếc ghế vốn dĩ xưa kia
đến từ một garage sale.

THE DINING SET

The dining set takes up an empty space,
including a table and four chairs, white
metal, next to a white wall with a hanging
painting; the face of the table is a brown

circular formica, the leather of
the chair is brown; it is a cheap dining
set, bought from a garage sale, and the person
who sold it at a garage sale had bought

it from another garage sale, used it
and resold it, selling it and giving
it away at the same time; the dining
set had no origin, mute, belonging

to the world of things, to take up an empty
space, nothing worth talking about, just to
realize the true existence of space,
the true existence of the painting,

the true existence of the flower vase,
abstractly existing. The dining set
including a table and four chairs, once
upon a time, came from a garage sale.

TRANG SÁCH

*Gửi các nhà thơ Hồ Đăng Thanh Ngọc, Nguyễn Khoa Kha,
Bửu Nam, Trần Hoàng Phó, Nguyễn Văn Vũ, Ngô Minh Hiền,
Phạm Thị Anh Nga*

Chàng bước ra khỏi trang
sách nghe thì thầm lời
kể về những mối tình
từ *Thằng Gù Nhà Thờ*
Đức Bà tới *Liêu Trai*
tới “hiện thực huyền ảo”
(*Trăm Năm Cô Đơn*) hàng
ngàn hàng vạn mối tình
và hình như toàn là
những chuyện bịa đặt bịa
đặt như thật và chàng
sau khi bước ra khỏi
trang sách chàng cũng không
còn là chàng chàng là
chàng bịa đặt chàng không
phải chàng bây giờ không
phải chàng trước kia chàng
là chàng nhưng tại sao
người ta vẫn say mê
những điều bịa đặt và
không tin những điều có
thật như chàng vẫn tin
chàng là chàng và không
tin chàng không phải là
chàng có điều là không
có điều nào có thật
là thật nên những điều

PAGES (FROM A BOOK)

*For poets Hồ Đăng Thanh Ngọc, Nguyễn Khoa Kha,
Bửu Nam, Trần Hoàng Phó, Nguyễn Văn Vũ, Ngô Minh Hiền,
Phạm Thị Anh Nga*

He steps out from pages of
whispered tales of love stories
from *The Hunchback*
of *Notre Dame* to the
Strange Tales of Liaozhai to
the “magical realism” (*One
Hundred Years of Solitude*)
thousands and tens of thousands
of love stories and all as
fictitious as reality and
after he had stepped out from
the pages he is no longer
himself and he is a fictitious
character he is no longer
himself now no longer the
person he was he is himself
but why is it that people
are still crazy about fiction
unbelieving of that which
is real but he still believes
that he is himself and not
believing that he is not
himself although neither is
real and thus that which is fictitious

bị đặt được coi như
là thật dầu gì chẳng
nữa thì chàng đã bước
ra khỏi trang sách mà
trang sách lại không thể
bước ra khỏi chàng như
vậy những câu chuyện kể
bây giờ đang ở trong
chàng hay ngoài chàng và
chàng kể câu chuyện hay
câu chuyện kể chàng cũng
có khi chàng đang kể
chàng và câu chuyện đang
kể câu chuyện hoặc câu
chuyện chỉ là câu chuyện
và chàng chỉ là chàng
vân vân và vân vân
cho đến khi cả câu
chuyện và chàng đều chỉ
là những điều bị đặt
bị đặt như thật.

CHÚ THÍCH

1. “Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà” là tiểu thuyết của nhà văn Pháp, Victor Hugo (1802-1885).
2. “Liêu Trai Chí Dị” là tiểu thuyết của nhà văn Trung Hoa, Bồ Tùng Linh (1640-1715).
3. Hiện thực huyền ảo là kỹ thuật tiểu thuyết của nhà văn Colombia, Gabriel Garcia Marquez.

is considered to be real
after all he had stepped out
of the pages but the pages
had not stepped out of him
so that these stories are now
within him or without him
and he tells about stories
or the stories are telling
about him and then there are
times when he is telling about
himself and the stories are
telling about themselves or
the stories are just stories
and he is just himself
etcetera etcetera until both
he and the stories are fictitious
as fictitious as reality.

FOOTNOTES

1. *The Hunchback of Notre Dame* is a novel by French writer Victor Hugo (1802-1885).
2. *Strange Tales of Liaozhai* is a novel by Chinese writer Pu Songling (1640-1715).
3. *Magical Realism* is the technique that Gabriel Garcia Marquez (born in Aracataca, Colombia, in March 1928) uses in his novels and short stories.

CÂU NÓI

“Tôi bước ra cửa lúc năm giờ” nhưng
bước ra cửa là ra cửa nào và
lúc năm giờ là lúc nào cùng hàng
loạt những câu hỏi không bao giờ có

câu trả lời cho rớt ráo bởi câu
nói “Tôi bước ra cửa lúc năm giờ”
là câu nói rơi ra từ một câu
chuyện kể nào đó đã tan biến trong

mở âm thanh hỗn độn ngoài đường phố
giữa cuộc đời thường và không ai lần
ra được dấu vết mặc dù ai cũng
có thể nhét nó vào bất cứ câu

chuyện nào khác và dĩ nhiên bất cứ
câu chuyện nào khác không hẳn là câu
chuyện đúng thực của câu nói “Tôi bước
ra cửa lúc năm giờ” vậy thì câu

chuyện đằng sau cái câu nói tầm thường
như bao nhiêu câu nói tầm thường khác
ấy mãi mãi là điều bí mật dù
rằng câu nói vẫn truyền từ người này

qua người khác trong đám đông vô danh
mang theo câu chuyện không bao giờ đúng
thực của câu nói “Tôi bước ra cửa
lúc năm giờ”. Thôi, tôi đi nhé! Chào.

A SAYING

“I stepped out my door at five” but which of the doors and what of the hour, five, and a bunch of other questions that should never be answered to an end, because “I stepped

out my door at five” is a saying that came from a story that has since disappeared like so much noise in the city, like so many daily lives, even though

anybody can stuff it into any other story and any other story is not necessary the same story whence came the saying “I stepped out

my door at five”; so what is the story behind that ordinary saying that’s like every other saying that’s secret even though a saying is still

handed down from person to person and to a yet unknown crowd, to spread the untrue story of the saying “I stepped out my door at five”. I go! Bye.

ẢNH ẢO

Người đàn ông hai mươi năm sau nói
với người đàn ông hai mươi năm trước
rằng, trên băng ghế này, dưới bầu trời
này, đã hai mươi năm, mà vở tuồng

vẫn chưa được viết, và đêm kịch vẫn
chưa mở ra, những thùng rác vẫn chứa
rác và không chứa gì khác, những bước
chân lê trên lề đường, giặc ngủ trên

hè phố, những khớp xương đau, những khớp
xương đau, đã hai mươi năm; người đàn
ông hai mươi năm sau, kéo áo che
cái rét của đất ẩm, đo bằng gang

tay giữa đôi mắt cú vọ và lông
ngực đôi trụ, vợ lấy mớ bản thảo
xé nát rồi ráp lại, để tìm nơi
kẽ rách, lữ ký ức ôn dịch; nhưng

người đàn ông hai mươi năm trước, không
nghe, không thấy được gì từ người đàn
ông hai mươi năm sau, cứ lằm lũi,
lằm lũi, lằm lũi, tựa bóng ma, và

chẳng hề hay biết, người đàn ông hai
mươi năm trước cũng là người đàn ông
hai mươi năm sau, đang đợi nhau đợi
nhau, đợi nhau, như cái sống đợi cái

ILLUSION

A man twenty years late speaks to
the man twenty years early that on this
bench, under this sky, almost twenty years
that the drama not been written yet, and

the nighttime play did not start yet, the trash can
contains trash but nothing else, and there
are the heavy footsteps in the streets and
sleeplessness in the town, the muscle sprains

and fractured spines, for twenty years; the man
twenty years late pulls a coat over to
shield the cold from earth, measured by hand between
the evil eyes and decadent breasts, groping

for scripts torn and then glued together in
stupid memories; but the man twenty
years early is not listening, not seeing anything
in the man twenty years late,

he still walks lonely, lonely like a ghost and
never knows that the man twenty years early
is the same man twenty years late, waiting
for each other as if the life waits for

chết, rỗng rã, đã hai mươi năm, dù
vở tuồng vẫn chưa được viết, và đêm
kịch vẫn chưa mở ra, những thùng rác
vẫn chứa rác và không chứa gì khác.

the death, almost twenty years, that
the drama not been written yet, and the
nighttime play did not start yet, the trash can
contains trash but nothing else.

CÁI CHẾT TRÊN TRUYỀN HÌNH

AP. – BÀ ROSA GONZALEZ THẤY XÁC CON XUẤT HIỆN TRÊN TRUYỀN HÌNH Ả RẬP AL JAZEERA VÀO SÁNG CHỦ NHẬT, VÀ HÔM SAU NHẬN ĐƯỢC GIẤY BÁO CON BÀ TỬ TRẬN. HẠ SĨ JORGE A. GONZALEZ, 20 TUỔI, TIỂU ĐOÀN 1 TRUNG ĐOÀN 2 PHÁO BINH, LỬ ĐOÀN THỦY QUÂN LỤC CHIẾN VIÊN CHINH HOA KỲ, CAMP LEJEUNE, NORTH CAROLINA, CÓ VỢ JUZTY, 25 TUỔI, VÀ ĐỨA CON TRAI ALONSO, CHÀO ĐỜI NGÀY 4 THÁNG 3 NĂM 2003, VÀI TUẦN TRƯỚC KHI ANH LÊN ĐƯỜNG SANG CHIẾN TRƯỜNG TRUNG ĐÔNG. BẢN TIN CHẤM DỨT. CHẤM DỨT. IM LẶNG. KHÔNG THỂ IM LẶNG. VÀ BÀI THƠ, ĐỌC ĐỀU ĐỀU NHƯ MỘT BÀI KINH CẦU ...

Người đàn bà nhận ra cái chết của con mình trên màn hình nhưng không tin con mình đã chết, và dù rằng một tin báo tiếp theo như cơn bão tiếp

theo về cái chết của đứa con, bà vẫn không tin điều mình đã thấy; không ai nhận được tin báo và nhìn ra cái chết của con bà và cũng không

A DEATH ON TELEVISION

AP. – MRS. ROSA GONZALEZ SAW HER SON’S BODY ON THE ARAB NEWS-CHANNEL AL-JAZEERA ON SUNDAY MORNING, AND THE NEXT DAY SHE WAS NOTIFIED THAT HER SON HAD BEEN KILLED IN ACTION. “I SAID POOR, POOR BOYS. THEY FELL THERE. BUT WHEN I SAW THE FACE, IT WAS THAT OF MY SON,” CPL. JORGE A. GONZALEZ, 20 YEARS OLD, WAS ASSIGNED TO THE 1ST BATTALION, 2ND MARINE REGIMENT, 2ND MARINE EXPEDITIONARY BRIGADE, IN CAMP LEJEUNE, NORTH CAROLINA. MARRIED TO JUZTY, 25 YEARS OLD; HIS SON ALONSO, WAS BORN MARCH 4, 2003, SEVERAL WEEKS BEFORE HE WAS DEPLOYED FOR COMBAT IN THE MIDDLE EAST. END OF NEWS FLASH. END. THE END. SILENCE.

CAN NOT BE SILENT.

AND A POEM, READ

RYTHMICALLY,

LIKE A

PRAYER...

The woman sees the death of her own son
on the screen but does not believe that her
son is dead, and even though the news came like
a storm about the death of her son, she

does not believe what she saw; no one received
the news and recognized the death of her
son and she also could not understand
even her own pain because that is only

ai thấu được nỗi đau ngay cả chính
bà vì đó chỉ là cái chết dở
đang trên màn hình và trong tin báo,
và nỗi đau chỉ là nỗi đau dở

đang; như vậy câu chuyện hư thực về
đứa con của thời chinh chiến cứ tiếp
tục được kể đi kể lại không bao
giờ chấm dứt như nỗi đau không bao

giờ chấm dứt trong lòng bà; con của
bà đã chết hay chưa chết, không ai
có thể biết được gì đằng sau cái
chết của người lính trẻ có người vợ

và đứa con sơ sinh, khi lớn lên
không thấy cha đâu ngoài trừ lá thư
còn lưu lại “Và nếu con có thể
chờ, chỉ ít lâu thôi, cha sẽ trở

về ...”; “cha sẽ trở về ...” không ai hiểu
được gì ngoài người đàn bà đang ngậm
nỗi đau chờ đợi một cái chết khác,
của chính mình, để mong gặp lại đứa

con đã quên mất con đường trở về,
và bà cũng dần dần quên mất, đã
hơn một lần bà không tin điều mình
đã thấy về cái chết của đứa con.

Ngày 27 tháng 3 – 2003

a partial death on the screen and in the
news, and the pain is only a partial
pain; the story both real and unreal
about a son in times of war continues

to be told without ever quitting like
the pain shivering in her heart; her son
dead or alive, no one could know what is
behind the death of a young soldier leaving

a wife and a newborn child growing up
without a father other than a letter remaining
“And if you can wait just a little longer,
I’ll be there as soon as the war ends.”

“I’ll be there ...” no one could understand
except the woman swallowing her pain
waiting another death of her own in
order to be with the son losing the

way home, and her memories fading for
more than once she does not believe what
she saw – the death of her son.

March 27–2003.

CON MÈO ĐEN

Cho các cháu Brielle & Riley

Con mèo đen có linh hồn và chiếc
xương sườn của tôi, mỗi buổi sáng thức
dậy không bao giờ rửa mặt, mỗi buổi
sáng thức dậy không bao giờ đánh răng;

con mèo đen có đôi mắt bằng đất
sét, mở ra và nhắm lại, hay cứ
mở ra và không bao giờ nhắm lại,
trong lúc lên thang xuống thang, mang theo

linh hồn và chiếc xương sườn của tôi,
mà quên rằng, tôi đã sống những ngày
hôn ám biết bao, tự thuở nào và
tại sao thì tôi đành chôn kín, trong

cái túi đựng đầy những đoạn chú thích,
được lượm lặt từ rất nhiều mẩu chuyện,
để cấu thành câu chuyện về con mèo
đen, mang linh hồn và chiếc xương sườn

của tôi; dĩ nhiên, đó là con mèo
đen có đôi mắt bằng đất sét, chứ
không phải bất cứ đôi mắt nào khác;
mù đặc, trong lúc lên thang xuống thang.

CHÚ THÍCH

“Con Mèo Đen” là một trong ba bài thơ hay nhất trong tháng 12 – 2007 của Diễn đàn thơ Mỹ Poetry.about (<http://poetry.about.com>)

THE BLACK CAT

For my children Brielle & Riley

The black cat with my soul and a piece of
my rib, wakes up every morning not
washing its face, every morning not
brushing its teeth; the black cat with clay-like

eyes, opening and closing, or open-
ing and never closing, as it climbs up
and down the stairs, dragging with it my soul
and a piece of my rib, forgetting that

i had lived much darker days, since when and
why it was i had buried them in my
pocket full of notes gathered from
many different tales, strung together

to make up this story about the black
cat with my soul and a piece of my rib;
of course, that is the black cat with clay-like
eyes, not any other kind of eyes; even

as the black cat climbs up and down the stairs.

FOOTNOTES

“The Black Cat” is one of three very fine poems in the December 2007 edition of Poetry.about Forum (<http://poetry.about.com>).

* Bản tiếng Anh đăng trên website của Ý: <https://imagespoetry.wordpress.com/2020/09/01/black-cat-poem-by-khe-iem-vietnam-digital-art-by-lidia-chiarelli-italy/?fbclid=IwAR01MjRzI6sP82N4cA3pWWkpiIq8KdkFBmTrcnF2ty6hSkYMOZkhU-BrZSJ0>

COMMENTS

1/ I would like to nominate "The Black Cat" by Khe Iem which is even more impressive with its sparse, innovative imagery and plays of metaphors, as I understand the writer's first language is not English. This is such a wonderful, image rich, quirky poem! I'm not sure who Khe.Im is, eg. a well known poet? or if the translation is accurate, but it doesn't matter, it's one of those poems I can get excited about. om beautiful god, hallelujah! chanlily.deviantart.com for art and visual poems – *Blissbuhda* (poetry.about.com)

Tôi muốn đề cử “Con Mèo Đen” của Khế Iêm, một bài thơ gây ấn tượng với cách tạo hình ảnh mới mẻ, chọn lọc và đầy ẩn dụ, như tôi biết thì ngôn ngữ chính của anh không phải là tiếng Anh. Đây là bài thơ tuyệt vời, giàu hình ảnh, quanh co. Tôi không biết Khế Iêm là ai, chẳng hạn như một nhà thơ nổi tiếng? hoặc sự chuyển dịch có chính xác không, nhưng không thành vấn đề, đó là bài thơ làm tôi kích thích.

2/ Khe lem ... I enjoyed this tale of the black cat ... RDB–Roniece Dawson-Bruce

Tôi thích thú về câu chuyện con mèo đen ...

3/ Hi, Khe Iem! – and a "hello" to your translator DoVinh! This rather eerie – highly imaginative – poem fits in perfectly with up – coming Halloween! – That's the spirit! Lol,. Giving you a warm, welcoming pip hug – *Earth Angel*

Đây là bài thơ kỳ bí, giàu tưởng tượng thích hợp với Halloween sắp tới. Đó là tinh thần Halloween.

4/ It's poetry – *Kalle*

Đó là thơ.

5/ This is a very strange poem. I like it a lot, it has something mysterious. Perfect for this Halloween day. – *Sweets America*

Đây là bài thơ lạ. Tôi rất thích, nó chứa đựng điều gì bí ẩn. Hoàn bích cho ngày Halloween.

6/ I agree ... this is a very strange poem. I really don't know how I feel about it actually. I do think the strangeness of it makes it appropriate with Halloween now here but it's a weird one. – *Xillus Xavier*

Tôi đồng ý ... đây là bài thơ lạ. Tôi thực sự không biết cảm giác của mình ra sao. Tôi nghĩ sự kỳ lạ đó rất đúng với Halloween bây giờ, nhưng nó rất kỳ quặc.

7/ A bit more dark but real. It is visual and interesting. – *Stephen*

Một chút tối hơn nhưng thực.

8/ i thought this poem was different but very unique i liked it –
Lyricalo29

Tôi nghĩ bài thơ rất khác nhưng lạ thường. Tôi thích nó.

9/ Wow! Striking read, KI Thanks for posting it. – *Maggie*

Đọc hấp dẫn.

10/ Hey, Khe.Iem,

I've decided that I'm definitely a fan. You've got an interesting take on things and obviously know your craft. Love this.

Tôi quyết định là người hâm mộ bạn. Bạn gây được sự chú ý và rõ ràng biết được kỹ năng của mình.

11/ Thanks for this, a fine poem. Always hard to make a critique of a translation, but did just wonder if you could find something more concrete for 'allusions' to go in the pocket. Wondered if 'keys' would work, with their metaphorical significance. Just a thought. (I change to “notes”) . – *Milner*

Cám ơn về một bài thơ hay. Rất khó để phê bình một bài dịch, nhưng nếu bạn tìm từ nào cụ thể hơn thay cho 'allusions' (ảo tưởng) để bỏ vào túi. Nếu chữ đó có ý nghĩa ẩn dụ. Chỉ là một suy nghĩ (Tôi đổi là “những chú thích”)

12/ I like it very much, it has a great rhythm and repetition, even for what I understand is a translation. I can't make any suggestions for improvements, I like it just as it is. Thank you for sharing. – *Star_Anise, President of AFFOPM*

Tôi thích lắm, nó có nhiều nhịp điệu và lặp lại, dù tôi biết đó là bài thơ dịch. Tôi không có gì đề nghị sửa đổi. Tôi thích nó như vậy. Cám ơn đã chia sẻ.

13/ I daresay you have poetic talent. I like this poem quite a bit, and expect it is much better sans translation. – *AwayAloneAlastAloved*

Tôi dám nói bạn có tài thơ.

GIỮA AI VÀ AI

Thật ra thật ra thật ra tôi không
biết bắt đầu như thế nào, từ khi
nhận ra khoảng cách giữa chiếc ghế không
ai ngồi và chiếc ghế tôi đang ngồi,

mà chiếc ghế không ai ngồi, tôi cũng
đã từng ngồi và chiếc ghế tôi đang
ngồi, có lúc tôi đã không ngồi, vậy
thì khoảng cách giữa chiếc ghế không ai

ngồi và chiếc ghế tôi đang ngồi, chẳng
đáng bận tâm, hưởng chi ngay tôi, tôi
cũng không biết tôi có không hay tôi
không có, tôi ngồi không hay tôi không

ngồi; tôi nói thứ tiếng gì trong cùng
một lúc và trong cùng lúc ấy, đôi
khi gặp toàn tai bay vạ gió và
tại sao tôi cứ nói nhiều thứ tiếng

trong cùng một lúc, với toàn tai bay
vạ gió mà không dám trục xuất hết
chúng ra khỏi con người tôi, nhưng đó
là chuyện sau rồi, tôi sẽ kể nốt;

ngay bây giờ, tôi vẫn chưa biết bắt
đầu như thế nào, bắt đầu như thế
nào; đợi đấy, một lát nữa thôi; phải
gom cho đủ lời đã chú, đúng không!

BETWEEN WHO AND WHO

The truth is, the truth is, the truth
is i don't know how to begin,
since i acknowledged the space be-
tween the unoccupied chair and

the chair i am sitting in, but
i had sat in the unoccu-
pied chair before, and the chair that
i am sitting in, i also

had sat in, so the space between
the unoccupied chair and the
chair i am sitting in shouldn't
occupy my mind at all, such

as myself, i don't even know
if i exist or not, if i
am sitting or i am not sit-
ting; what i am saying and at

the same time, sometimes when i meet
with bad winds and why i am just
saying a bunch of things at the
same time, but that's the conclusion,

i will tell everything; right now,
i still don't know how to begin,
how to begin; let's wait a few
moments to catch enough words, right!

NGƯỜI ĐÀN BÀ

Người đàn bà ngủ với người đàn ông
không phải chồng của mình, trong căn phòng
không phải căn phòng của mình, với cái
tôi không phải cái tôi của mình, vào

buổi tối không giống buổi tối nào (vào
buổi tối không khác buổi tối nào), giữa
nhà ga đầy muối mòng và nước đá
ngựa, nhai lại bất cứ thứ gì có

thể nhai lại, bôi xóa bất cứ thứ
gì có thể bôi xóa, ném vào đồng
đồ đạc cũ, mảnh báo cũ, kể về
nỗi nhọc nhằn đời trụ; xô chân vào

đôi guốc mộc, và bước qua ngưỡng cửa,
để đi tìm người chồng nơi những người
đàn ông không phải chồng của mình. Biết
thế thì. Thôi thế thì. Người đàn bà

đánh mất quá khứ, hay quá khứ đã
tàn phai, thất thiệt, từ hàng trăm năm
trước, rằng đã có một thời, đã có,
“một thời áo trắng xa xôi”. Người đàn

bà quay gót, trở về căn phòng không
phải căn phòng của mình, với cái tôi
không phải cái tôi của mình, đứng đưng,
như sự thật chẳng bao giờ có thật.

“Một thời áo trắng...”: Lời nhạc của Trầm Tử Thiêng.

THE WOMAN

The woman sleeps with a man who is not
her husband, in a room that isn't her
room, with herself that isn't herself, in
an evening that is unlike any

other (like any other evening),
in a station full of mosquitoes and
horse piss, regurgitating whatever
can be regurgitated, erasing

whatever can be erased, throwing the scrap
of old newspaper into a pile of
trash, telling a depraved and tired story;
stepping into wooden heels, lifting past

the threshold, to find the man who isn't
her husband. That's a given. So let it
be. The woman who's lost her past, or her
past has faded, unreal, a hundred years

gone past, once upon a time, once upon
"a white-shirted time long ago"*. The woman
spins on her heels, goes back to the room that
isn't her room, with herself that isn't

herself, apathetically, such as
the truth was never true.

*"A white-shirted time long ago ..." quoted from a song by Tram Tu
Thieng

CHUYỆN ĐỜI ANH

Tặng các nhà thơ Bùi Quang Viễn, ng. anhanh

Những cái chết chưa bao
giờ có thật những cái
chết chưa bao giờ xảy
ra như chúng ta sinh

ra không cần không cội
và đến đây từ nơi
hồn mang dừng lại giây
lâu bởi sống chết lâu

nay chỉ là câu chuyện
được kể lại kể lại
kể lại tình cờ và
chẳng qua mọi câu chuyện

chỉ mới trong vài giây
lâu mọi câu chuyện đã
cũ sau vài giây lâu
mọi chuyện kể kể xong

là xong mọi chuyện kể
kể xong trở về nơi
đã kể để những chuyện
kể khác kể lại những

THE STORY OF YOUR LIFE

For poets Bui Quang Viên, ng. anhanh

Deaths that have never been real
deaths they have never occurred
like we have been born without
origin and arrived here

from the chaos momentarily
stopped because life and death
have been a story retold
incidentally retold and

is nothing more than a story
that within a few moments
has become old and after
a few moments the story

has been told and it is over
after it is told returning
to the teller so that other
stories like those have not been

chuyện chưa kể như cuộc
sống lặp lại lặp lại
mà chưa một lần có
thật vì chúng ta chỉ

vật vờ trong đời có
vài giây lâu rồi trở
về nơi nào từ đó
chúng ta đến đây những

cái chết chưa bao giờ
có thật và anh chỉ
mới dừng lại trong vài
giây lâu. Cảm ơn anh

đã đến với đời và
kể xong câu chuyện đời
anh.

told about life repeated
that have never been real
because we only exist
temporarily in a

life's few moments and then
return somewhere from where we
came deaths that have never
been real and you have just

momentarily stopped
a few moments. Thank you for
coming into life and for
telling the story of your life.

CÔ GÁI DA ĐEN

Cô gái da đen ơi
khuôn mặt cô đẹp như
thế sao đôi mắt cô
buồn như thế buồn như

bản nhạc jazz buổi chiều
buồn nghe tin đứa em
traoi sống ngoài lề đường
bị bán gục ngoài lề

đường hay như câu chuyện
buồn về người cha chẳng
ra gì cờ bạc và
nghiện ngập đã bỏ người

vợ trẻ và hai đứa
con thơ ra đi không
lời từ biệt cô gái
da đen ơi hân đôi

mắt ấy chẳng phải của
cô mà chỉ là bản
sao đôi mắt của mẹ
cô vì đó là nỗi

u buồn chồng chất qua
thời gian về người chồng
và đứa con thơ đã
làm nên đôi mắt buồn

DARK-SKINNED GIRL

Oh dark-skinned girl, with a
beautiful face and yet your
eyes are so sad, sad as jazz
songs in the afternoon sad,

upon hearing the news
about her younger brother
living on the streets and shot
down on the streets or like a

sad story about a father
that amounted to nothing
because of gambling and
addictions and he left a

young wife and two young children
leaving without a single
word of goodbye oh dark-skinned
girl certainly those eyes

are not your own but exact
duplicates of your mother's
eyes because that is the sadness
that has built up over time,

over a husband and a
young child that has made up those
sad very sad eyes as such,
oh dark-skinned girl with a

như thế cô gái da
đen ơi khuôn mặt cô
đẹp như thế hẳn phải
có đôi mắt hồn nhiên

của một thiên thần nên
chẳng hãy trả cho mẹ
cô đôi mắt ấy vì
cuộc đời cô đâu phải

cuộc đời của mẹ cô
cuộc đời nào thuộc về
cuộc đời đó đâu phải
cuộc đời nào cũng là

cuộc đời nào và hỡi
cô gái da đen ơi
tôi nói không sai đâu
(nếu có sai thì cũng

chẳng sai nhiều) khuôn mặt
cô đẹp như thế phải
có đôi mắt hồn nhiên
của một thiên thần chứ.

beautiful face who should
really have the innocent
eyes of an angel and so
you should return those eyes

to your mother, because
your life is not the life
of your mother, each life
belongs to itself, and

no life should be the life
of another, and oh dark-
skinned girl my words are not wrong
(even if they are wrong they

are not too far off) such a
beautiful face as yours should
have the innocent eyes of
an angel.

KHỔ ĐAU

Viết cho ba người em

Bởi sinh ra vào nơi khổ đau
và đã qua hết đường đau khổ
nên mới đủ nhận biết rằng nỗi
khổ đau cứ lớn dần lớn dần

cho đến khi không thể tù túng
mãi trong thân xác và thân xác
cũng quá còm cõi không thể chịu
đựng nỗi khổ đau nên chẳng bắt

đầu cuộc phân ly nước mắt nước
mắt phân ly khổ đau già từ
thân xác thân xác già từ khổ
đau và chúng ta cũng phải già

từ nhau dù rằng đã sống với
nhau trong tình anh em rất lâu
khởi từ một duyên cớ tình cờ
nào ... Thân xác trở về đất mẹ

vĩ đại còn khổ đau tan biến
vào bầu trời để rồi chẳng còn
khổ đau chẳng còn thân xác trong
bước độc hành về đi chốn khác.

Thôi, hãy yên nghỉ, hỡi người anh
em thân thiết năm nào, hãy yên
nghỉ, lắng nghe đất với trời đang
tàn theo khúc nhạc chiều tàn.

SUFFERING

For three young brothers

Because you were born into suffering
and having traveled all the paths of
suffering and thus capable of
understanding that suffering grows and

grows until it can no longer be
forever imprisoned in bodies and
bodies are too wasted to bear the
suffering and thus perhaps that is why

the tears start falling the tears are the
suffering departing from the body
the body departing from the suffering
and we depart from each other although

we have lived with each other in brotherhood
for a long time beginning with some
fortunate chance... the body returns to
the great motherland while suffering

disappears into the skies and then suffering
is no more bodies are no more in the
lonely journey elsewhere. Alas, let's
rest, o my beloved brother of old, rest

you now, listen to the earth and the skies
disappearing with the melodies of
a sunset afterglow.

March 7, 2008

MỘT HÀNG NGƯỜI

Một hàng người ngồi trên băng ghế, trên
băng ghế một hàng người ngồi, từng người,
từng người giống y như khuôn, từng người,
từng người không thân không sơ – mấy tiếng

lóng giắt trong kẽ răng, âm à âm
ừ, lấp ba lấp bắp; không thốt ra
được lời, thì cứ coi như là câm
họng đi – chờ đợi, chờ đợi một cái

gì, một cái gì đó nữa, nhưng một
cái gì, một cái gì đó nữa (chưa
xảy ra hay chẳng bao giờ xảy ra),
không mảy may liên can tới một hàng

người ngồi trên băng ghế, trên băng ghế
một hàng người ngồi, như giấc mơ không
cội nguồn (làm gì có cội nguồn), trông
buồn cười (ngược lại là đáng khác), trong

lãng quên (lãng quên cái gì) – bởi một
hàng người ngồi trên băng ghế, trên băng
ghế một hàng người ngồi chỉ là lời
bịa đặt của bản sao không có thật

của cùng một hàng người ngồi trên băng
ghế, trên băng ghế một hàng người ngồi;
nhìn đăm đăm, đăm đăm, đăm đăm ...

A ROW OF PEOPLE

A row of people sitting on a bench,
on a bench a row of people sits, each
person, each person as if from a mold,
each person, each person, not known, not unknown –

some slang seeps out from between their teeth,
um-ahs, um-ahs, blah-blahs; no words uttered,
just imagine that they are mutes – waiting,
waiting for something, something else, but that

something, that something else (that hasn't happened
and will never happen), has nothing to
do with a row of people sitting on
a bench, on a bench a row of people

sits, like a dream without a source (how could
there be a source), they look sad happy (and
to the contrary), within that which is
forgotten (what is something forgotten) –

because a row of people sitting on
a bench, on a bench a row of people
sits only some words made up from copies
that are not real at all this row of people

sitting on a bench, on a bench a row
of people sits; staring straight away,
staring straight away, staring ...

NỖI BUỒN

*Gửi các nhà thơ Ý Nhi, Phan Dã Thảo;
các nhà văn Nguyễn Thị Hậu, Nguyễn Thị Hoàng Bắc,
Phan Thị Trọng Tuyển, Nguyễn Thị Thanh Bình,
Nguyễn Thị Ngọc Nhung*

nỗi buồn đứng bên kia
đường vẫy tay chào và
tôi đứng ở bên đây
đường thôi nhé chào nỗi

buồn từ nay đường ai
ấy đi đời ai ấy
biết và dĩ nhiên chẳng
ai biết nỗi buồn sẽ

đi về đâu sau bao
nhiều năm nằm mãi trong
tôi ngoài nỗi buồn vì
ai cũng có nỗi buồn

riêng và chẳng ai muốn
chứa chấp thêm một nỗi
buồn khác nữa (nỗi buồn
sẽ lụi tàn khi không

tìm được chỗ nương thân,
chắc hẳn vậy) nhưng dù
sao thì giữa tôi và
nỗi buồn cũng có một

SADNESS

*For poets Ý Nhi, Phan Dã Thảo;
writers Nguyễn Thị Hậu, Nguyễn Thị Hoàng Bắc,
Phan Thị Trọng Tuyển, Nguyễn Thị Thanh Bình,
Nguyễn Thị Ngọc Nhung*

sadness stands on the other
side of the street waving to
me and I stand on this side
of the street waving goodbye

goodbye to sadness from now
on we each part to our own
ways in life and of course no
one really knows where sadness

would go after so many
years lying within myself
other than sadness because
everyone has their own private

sadness and who wants to store
even more and more sadness
(sadness will fade away once
it can no longer find a

place to be nurtured, certainly
so) regardless I and sadness
still have some sort of sympathetic
relationship thus there is

chút tình nên chi mới
có cuộc tiễn đưa này
và tình cảnh bây giờ
thì nỗi buồn vẫn đứng

bên kia đường vẫy tay
chào và tôi đứng ở
bên đây đường thôi nhé
chào nỗi buồn buồn ơi

chào mi.

CHÚ THÍCH:

Bài thơ, bản tiếng Anh dịch qua tiếng Ý, và hình ảnh lắp ráp của Lidia Chiarelli đăng trên website Ý: Immagine & Poesia:

<https://immagine-poesia.over-blog.it/2020/07/sadness-for-gina-poem-by-kh-iem-vietnam.digital-art-and-translation-in-italian-by-lidia-chiarelli-italy.html?fbclid=IwAR2SxGA8-WcejgZjiWyXsDirdX8CfFRHAMHk19xz-DvfUas8Ujz-BDLs-XVs>

this moment of departure
and the situation now is
sadness still stands there on the
other side of the street waving

to me and I am still here
on this side of the street waving
sadness, goodbye, oh, sadness.

Khê Iem

TRISTEZZA

Per Gina

la tristezza sta sull'altro
lato della strada e mi saluta
ed io sto da questa parte
della strada e saluto con la mano

addio alla tristezza d'ora in poi
ognuno va dalla la sua parte
con i propri modi di vita e naturalmente
nessuno sa davvero dove la tristezza

se ne andrebbe dopo così tanti
anni dentro di me
solo tristezza, perché
ognuno ha la propria privata

tristezza e chi vuole conservare
sempre più tristezza
(la tristezza svanirà una volta che
non riesce più a trovare un

luogo dove essere coltivata, certamente è
così) indipendentemente da me e dalla tristezza
ha ancora un certo partecipe
rapporto così c'è

questo momento di partenza
e la situazione ora è che
la tristezza è ancora lì
dall'altro lato della strada che mi saluta

e io sono ancora qui
da questo lato della strada che dico addio
alla tristezza, oh, tristezza.

* *SADNESS, translated into Italian language and digital collage by Lidia Chiarelli, Italy*

TSUNAMI

Tsunami, Tsunami
ngàn thước lên cao mở
ra thăm thẳm hớp mất
anh em. Hỡi anh em

của nhiều màu da, hỡi
anh em của mẹ vĩ
đại, hỡi anh em của
mẹ đất đai, phút chốc

xảy chân đã lắm thiên
cổ. Thôi đành, không biết
bao giờ, không biết bao
lâu, lũ chúng ta sinh

ra từ nơi bèo bọt,
lũ chúng ta sinh ra
từ nơi khổ đau, và
dù có nước biển hay

non xanh, thì chúng ta
vẫn còn anh em vì
bèo bọt vẫn là bèo
bọt, vì khổ đau vẫn

TSUNAMI

Tsunami, Tsunami
thousand meters high opening
up the abyss swallowing
my brethrens. Dear brethrens

of many colors, dear
brethrens of one great mother,
dear brethrens of mother
earth, in a moment turned

into defunctness. Oh,
unknown time to come, unknown
time past, we are thus born
from fragile living things we are

born from suffering and
whether it is known by
the green waters or by
the blue mountains, we are

still brethrens because fragile
things are but fragile living things
because suffering remains
with suffering. Tsunami,

cứ khổ đau. Tsunami,
Tsunami, sao quanh
tôi buổi chiều sớm tối?
Hỡi anh em của mẹ

vĩ đại, hỡi anh em
của mẹ đất đai, ngàn
thước lên cao ngàn thước
xuống chóp mắt trăm năm.

Sóng thần Nam Á xảy ra lúc 8 giờ sáng, chủ nhật, 26 tháng 12 năm 2004, với tâm địa chấn ở ngoài khơi Sumatra, Indonesia, cường độ 8.9, giết hơn 203 ngàn người. Indonesia bị nặng nhất, sau đó là Sri Lanka, Ấn Độ, và Thái Lan.

Tsunami, why around
me was it twilight soon?
Dear brethrens of one great
mother, dear brethrens of

mother earth, thousand meters
high thousand meters crashing
down upon a century
in the blink of an eye.

A tsunami in Southeast Asia occurred at 8:00 AM on Sunday, December 26, 2004, with an epicenter off the west coast of Sumatra, Indonesia, magnitude 8.9 Richter, killing over 203,000 people. Indonesia was the hardest hit, followed by Sri Lanka, India, and Thailand.

CON CHIM CHẾT

kể rằng có đàn chim thiên di
bay ngang bầu trời bỗng một con
rơi xuống giá vẽ của người họa
sĩ tài hoa mang theo cả cơn gió

rét cóng của mùa đông chớm, con
chim chết ngủ giấc ngủ ngàn thu
trên khung bố (ghi dấu lại ngàn
đời sau) và có ai trông thấy

đàn chim mất hút ngoài bầu trời
không, trong khi con chim chết (như
thật) vẫn đang sống trước mắt từng
đòng người từ đời này qua đời

khác, con chim chết bay lên thành
cái đẹp, đàn chim bay bay luôn
vào mù tăm, cái sống bước vào
cái chết cái chết ra khỏi cái

sống, con chim chết đã chết đàn
chim bay cứ bay, không ai cần
biết đàn chim nào là đàn chim
nào và dấu sao thì hơi cuộc

đời nhập nhằng nhập nhằng mãi ơi,
xin chào mi.

Hứng khởi từ bức tranh STILL LIFE WITH DEAD BIRDS của họa
sĩ Christoffel Van Den Berghe (1617 – 1642), Dutch, 1624, Oil on can-
vas, 28 1/2 x 39 1/2 in. 71.PA.34

A DEAD BIRD

A story is told of a flock of migrant
birds flying in the sky when one of the
birds falls upon a gifted painter's
stand bringing with it the deathly cold wind

of an early winter, the dead bird slumbers
in a thousand years' sleep upon the canvas
(leaving its mark for a thousand generations)
and for those who have seen the flock of birds

disappearing into the horizon,
while the dead bird (as if it's real) still lives
in front of the eyes of people from one
life to the next, the dead bird flies up to

become beauty, the flock of the bird always
flying in a fog, life entering into
death and death exiting life, the dead bird
has died while the flock of birds flies on, no

one needs to know which flock of birds is which
although, no matter what, life continues
to be unexplainable confusion, goodbye.

Inspired by the painting *STILL LIFE WITH DEAD BIRDS* by the
painter Christoffel Van Den Berghe (1617 – 1642), Dutch, 1624, Oil
on canvas, 28 1/2 x 39 1/2 in. 71.PA.34

TỨC CẢNH

Ngồi nhắm nháp ly cà
phê buổi sáng nghe tiếng
chim hót ngoài đầu nhà
và cảm thấy nhẹ ... như

bóng mây * ... như bóng mây ...
ly cà phê ... như bóng
mây ... bàn ghế ấm chén
tĩnh vật tôi và người ...

như bóng mây ... biến vào
đời quơ chân múa tay ...
ngày lại ngày ngồi nhắm
nháp ly cà phê đợi

chờ đợi chờ gì ... như
bóng mây ... tiếng chim hót
đầu ngày bàn ghế ấm
chén tĩnh vật tôi và

người ngay cả cuộc đời
âu sầu và tươi tắn
kia cũng không có gì ...
cả như bóng mây ...

* “như bóng mây” đọc nhẹ và dài như ba tiếng chuông ngân.

ON THE SPUR OF THE MOMENT

Sitting and sipping a cup
of coffee in the morning
and listening to birds singing
on rooftops and feeling light ...

like cloud shadows * ... like cloud shadows ...
a cup of coffee... like cloud
shadows ... tables and chairs and
pots and cups and still life and

me and others ... like cloud shadows ...
turning into life gesticulating ...
day after day sitting and
sipping a cup of coffee

waiting waiting waiting for
what ... like cloud shadows ... the songs
of birds early in the day
tables and chairs and pots and
cups and still life and me and

others right in the life of
sadness and joy but nothing
comes of it ... not even cloud
shadows ...

* “like cloud shadows” is to be read softly like four bell sounds.

Ý NGHĨ

*Gửi Trần Huyền Sâm, Trần Đình Nhân, Chu Sơn &
Nguyễn Thị Kim Thoa*

Những ý nghĩ bật lên từ mặt
đất, những ý nghĩ rớt xuống từ
bầu trời, những ý nghĩ đuổi theo
đuổi theo, những bước chân bước nhanh

bước nhanh, những ý nghĩ bị triệt
tiêu, bật lên rớt xuống, những ý
nghĩ bị bỏ lại và thân xác
mang theo tâm trí rỗng không trôi

đi, trôi đi, hiện hữu như mặt
đất và bầu trời, bình yên như
nỗi chết sống trong tiếng kêu lặng
thình xưa ... rồi cứ thế cứ thế

những bước chân chậm dần, chậm dần,
những ý nghĩ đuổi theo, đuổi theo
cho đến khi tràn đầy tâm trí
và những bước chân lại bước nhanh

bước nhanh, những ý nghĩ lọc cọc
lọc cọc, khua khoáng trong đêm thanh
và héo tàn, còn chẳng vẫn là
thân xác và tâm trí mà cũng

chẳng đáng phải rợn rùng gì.

THOUGHTS

*For Gửi Trần Huyền Sâm, Trần Đình Nhân, Chu Sơn &
Nguyễn Thị Kim Thoa*

Thoughts springing up from the earth, thoughts
falling down from the skies, thoughts chasing
and pursuing, quick footsteps growing
ever quicker, thoughts eliminated

rising and falling, thoughts that are
left behind and a body that
carries an empty mind flowing
away, flowing away, ever

present like the earth and skies,
peaceful like life and death in the
sound of silence of old ... and then
continuing as such footsteps slowing

down, going ever slower, thoughts
chasing and pursuing until they
fill up the mind and then quick footsteps
growing ever quicker clumsy,

cluttered thoughts, making noise on
a clear, quiet night and then
dissolving, what remains is
a body and a mind that really

aren't anything to be busied
or bothered with.

BÀI THƠ XE ĐẠP

Tặng Dr. Carol J. Compton

Người đàn ông dựa xe đạp
vào vách tường vừa kịp
cơn giông ập xuống mang
theo mưa và mưa và

mưa xoá nhoà biên cương
giữa sáng tối và sự
vật và bụi mờ đầy
người đàn ông dần dần

lùi lại khoảng cách giữa
tiếng rơi mái hiên và
gió lạnh và chiếc xe
lấn tới lấn tới cho

đến khi những đường cong
vòng tròn những nan hoa
những góc cạnh khảm sâu
vào bức tường đã ố

màu thành bức tranh hiện
thực và người đàn ông
là chiếc bóng phai mờ
và cơn giông và mưa

THE BICYCLE POEM

For Dr. Carol J. Compton

The man leans the bicycle
against the wall, just in time
as the storm pours down, bringing
rain and rain and rain, erasing

borders between light [and] dark
and things and blurring dust, pushing
the man slowly slowly back
the distance between the sounds

of rain dropping on eaves and
cold wind, and the bicycle
gaining on gaining on until
the various shapes, the circles,

the spokes, the edgy corners
were deeply embedded in
the wall [of] discolor to
become a realism painting

and the man is the shadow
fading and the storm and rain
and the amplitude between
two ways of reality still holds

và biên độ giữa hai
chiều thực tại còn đọng
lại nhiều năm sau đó
trong ký ức người đàn

ông những phút giây lạ
lùng tưởng chừng như câu
chuyện chỉ xảy ra trong
tâm trí.

* Bài thơ (bản Anh ngữ) đã được nhà thơ Dana Gioia đọc trong buổi
“Độc Thơ” của ông, ngày 20 tháng 11 năm 2016, tại thư viện Katie
Wheeler, thành phố Irvine, Quận Cam, California.

many years after, in the
memories of the man, those
moments bizarre as if [it
was] a story which happened

only in the mind.

Translated into English by Tran Vu Lien Tam

* This poem was read by poet Dana Gioia in his “Poetry Reading” on November 20, 2016, at Katie Wheeler Library, Irvine, Orange County, California.

TẾT Ở NEW YORK

*Tặng Michelle Trân & Quốc Chương
và bé Thụy Lam*

Năm cũ không bước qua
năm mới vì năm mới
vốn thông thương với năm
cũ, trong lúc lũ tết
và lũ tuyết ập xuống
mái nhà, ôm lấy nhau
không chịu tan ra, chẳng
khác nào năm cũ nằm
ôm lấy năm mới, nhì
nhằng không thể bước qua
nhau, mãi cho đến lúc
giật mình thức giấc bởi
tiếng động của cái lạnh
làm se da thay cho
tiếng pháo nhắc tới tết.

20/2/2015

LUNAR NEW YEAR IN NEW YORK

*For Michelle Trần & Quốc Chương
and child Thụy Lam*

The old year doesn't step over
the new year because the new year
usually passes through the old
year, when gangs of the lunar-new-
year and gangs of snow strike down on
the house roof, and hug each other
to not melt apart, just as if
the old year snuggles the new year,
and lingers so that they cannot step
over each other, until the moment

Translated into English by Tran Vu Lien Tam

*Bản tiếng Anh (được dịch sang tiếng Hàn) đăng trên tuyển tập
song ngữ quốc tế (An International Bilingual Poetry Anthology)
Hàn English, trang 112.*

Khe Iem

키 엠

VIETNAMESE AMERICAN



Coffee

커피

Tết in New York

뉴욕에서의 새해 아침

Khe Iem, Vietnamese poet, is the founder and editor-in-chief of *Vietnamese Poetry Journal* (Tap Chi Tho), in the Vietnamese language in 1994. In 2014, he published Poetry Journal in Print in a Vietnamese version, and in an English and Vietnamese version in 2016, with American and Vietnamese Editorial Staff.

키엠은 베트남 시인. 1994년 베트남어로 『베트남 시학저널』 (Tap Chi Tho)의 창간자 겸 편집장이다. 2014년에는 베트남어로 『시 저널』을 베트남에서 출간. 2016년에는 미국 및 베트남 편집인과 함께 영어 및 베트남어로 『시 저널』을 출간했다.

뉴욕에서의 새해 아침

지난해가 물러서지 않는다.
새해에게 새해가 보통 지난해를 지나간다고 해서,
그리고 눈이 집을 강타한다.
지붕, [그것들은] 서로 포옹한다.
녹지 않도록, 그저
마치 지난해가 껴안는 것같이
새해를, 그렇게 머물고 있다.
[그것들이] 물러 설 수 없도록
서로를,
충격 받은 각성의 순간까지
마치 차갑게 주름지게 하는 소음처럼
사람의 피부를
폭죽 터지는 소리 대신에
새해가 오고 있다고 알려주는 폭죽소리.

HÉO TÀN

*Gửi các nhà phê bình & nghiên cứu Võ Văn Nhơn,
Phan Nguyên, Trần Hoài Anh, Lê Quang Trường,
Nguyễn Đức Tùng, Huỳnh Hữu Ủy*

Hắn bước vào quá khứ
hắn là quá khứ nơi
căn gác dưới lớp tôn
mái tôn những trưa hè

nắng nóng hắn là nắng
nóng ngổi đó hắn là
ngổi đó quay lại một
thời niên thiếu chậm trôi

bây giờ đã chìm trong
ký ức như chiếc bóng
đậm đặc quạnh hiu kéo
dài cho đến khi hắn

như hạt bụi bị cuốn
vào cơn bão thời đại
mịt mù sương khói bỏ
lại đằng sau những người

sống trong ngôi nhà nửa
xây tường nửa gác gỗ
bây giờ không còn ai
và ngôi nhà cũng không

WITHERING

*For critics & researchers Võ Văn Nhơn,
Phan Nguyên, Trần Hoài Anh, Lê Quang Trường,
Nguyễn Đức Tùng, Huỳnh Hữu Ủy*

He walks into the past he
is the past, where the attic
room under the metal roof,
the summer midday sun

scorches him / he is the sun
scorching, sitting there must be
sitting there, returning to
the slow-moving teenage years

[which] now had sunk in the
memories, like the shadow
dark dense loneliness drags
on until he's once like a

dusk fleck, being rolled
into the current era
storm grimmy with hazy fogs,
leaving behind the folks

living in the house half-brick
and half-story wooden, now
there's no one and the house too
is here no longer, they have

còn họ đã đi xa xa
rời mang theo thời niên
thiếu đơn độc lặng câm
của hần hần nhớ họ

nhiều họ và hần như
giọt mưa tung tóe trên
hè phố và mỗi tia
nước là một ngã đường

đời trần trụi bây giờ
họ ở đâu những người
anh em của hần hần
khóc những giọt nước mắt

khô bên cạnh mối sầu
thương và quá khứ hần
bước ra phút giây như
chiếc lá đã héo tàn.

gone far away, away
already, carrying with
them the years of teenager
of loneliness, silent of

his he remembers them much,
they and he are like rain drops
spattered on the city
pavements, and each spray

of water is a street
direction of the exposed
life, now where are they, the folks
who are his brothers of his,

he cries, the tear drops dry, next
to the lament of love, and
the past him walks out, the
moment like a withering leaf.

Translated into English by Tran Vu Lien Tam

VÔ ĐỀ

*Gửi các họa sĩ Nguyễn Đại Giang, Lê Thánh Thư,
Nguyễn Đình Thuần; các nhà thơ Đỗ Quyên,
Nguyễn Đình Chính, Nguyễn Văn Thục*

Tôi đứng ở góc phòng lơ
mờ giữa sự vật và hiện
thực trong phút chốc tôi lắng
nghe và chùng như hoang phế

lan dần và cơn sốt lan
dần như hòn than nóng lên
trong tôi tôi đang mất tôi
từ từ từ từ bưng bưng

tôi là hòn than cơn sốt
giải phóng tôi khỏi tâm trí
và cảm xúc tù ngục của
con người từ trong ra ngoài

toàn thân tôi là chất đen
giống loài tôi là than ngôn
ngữ tôi là lửa linh hồn
tôi là tàn tro thế giới

tôi là đêm tối và lửa
hồng chào bạn người nhé tôi
là hòn than tôi là tôi
dị kỳ không sai.

Translated into English by Tran Vu lien Tam

UNTITLED

*For painters Nguyễn Đại Giang, Lê Thánh Thư,
Nguyễn Đình Thuần; poets thơ Đỗ Quyên,
Nguyễn Đình Chính, Nguyễn Văn Thực*

I stand in the room corner
hazy between things and
reality, in a moment
I listen and it seems like

a desert is spreading and
a fever spreading like a
hot coal burning up inside
me, I'm losing myself bit

by bit, bit by bit, blazing
blazing, I am the hot coal,
the fever frees me out of
my mind and the imprisoned

feelings of humanity, from
inside outwardly my whole
body is the dark matter,
as if my race is coal, my

language is fire, my soul is
ash, my world is dark nights and
red fires, hello dear friend,
I am a coal, I am me,

Strange, that's right.

MỘT THỜI THƠ

Thơ sống trong tôi như tôi sống
trong thơ nhìn ngắm bầu trời thơ
như một nửa giấc mơ được nhớ
lại và những Bùi Giáng Mai Thảo

Thanh Tâm Tuyên Tô Thùy Yên Đặng
Đình Hưng Lê Đạt của những thời
Sáng Tạo Nhân Văn mãi mãi là
những vì sao lấp lánh lấp lánh

ở mọi thời thơ nhưng họ cũng
là nạn nhân của lịch sử và
nếu lịch sử không bao giờ mất
và văn học nằm trong một thời

đại lịch sử không bao giờ mất
thì nạn nhân của lịch sử dĩ
nhiên cũng không bao giờ mất đi
không những thế họ còn là

những nhân vật của một thời văn
học mãi mãi là những vì sao
lấp lánh lấp lánh ở mọi thời
thơ và những *Mưa Nguồn, Tôi Thấy*

Hình Tôi Những Miếu Đền, Liên Đêm
Mặt Trời Tôi Thấy, Thơ Tuyển, Bến
Lạ, Bóng Chử như những ánh chớp
lóa lên vào mỗi đêm tối trời

A TIME OF POETRY

Poetry lives within me like I live
within poetry, gazing at the poetry
sky, it is almost like a half-remembered dream,
and Bui Giang, Mai Thao, Thanh Tam Tuyen,

To Thuy Yen, Dang Dinh Hung, Le Dat of the
era of Creative [literature magazine],
and Humanities [journal], Which forever
are twinkling stars, twinkling in every era

of poetry, but they also are victims
of history and if history is
never gone, and literature rests
within the age of history that's

never gone then the victims of history
of course are also never gone, and not
just that, they are also the figures of
an era of literature, forever

[they] are the stars that twinkle, twinkle,
in all eras of poetry, and the [poetry
collections] *Rain Source, I See My
Image [As] Temples, Lien, Night, Found*

*Sun, Special Collections of Poetry, Strange
Port, Shadow of Letters*, like the lightning,
flare up in each dark night, and the past
is almost like a half-remembered dream,

và quá khứ như nửa giấc mơ
được nhớ lại các bạn ạ đến
với thơ hãy đến với giấc mơ
thơ và nhớ lại một thời thơ.

– Bùi Giáng, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên (miền Nam),
Đặng Đình Hưng, Lê Đạt (miền Bắc), sống vào thập niên 1960, thời
điểm đất nước bị chia đôi, chủ nghĩa cộng sản ở miền Bắc và chủ nghĩa
công hòa ở miền Nam.

– *Mưa Nguồn, Tôi Thấy Hình Tôi Những Miếu Đền, Liên Đêm Mặt Trời
Tìm Thấy, Thơ Tuyển, Bến Lạ, Bóng Chữ* là tên những tác phẩm.

oh friends, come to poetry come to the
dream of poetry and remember again
an era of poetry.

Translated into English by Tran Vu Lien Tam

– Bui Giang, Mai Thao Thanh Tam Tuyen, To Thuy Yen (South Viet Nam), Dang Dinh Hung, Le Dat (North Viet Nam) who lived in 1960s. At that time, Vietnam had been divide into two parts: communism in the North and republicanism in the South.

– “Rain Source”, “I See My Image [As] Temples”, Lien – Night – Found Sun”, “ Collections of Poetry”, “Strange Port”, “Shadow of Letters” are the name of works.

NÓI

Nói lúc không thể nói và không nói
lúc phải nói, và tình trạng này kéo
dài, dễ chừng cả thế kỷ trước, “ê,
cái bọn thấp cổ bé miệng kia, kéo

cao cái đầu lên một chút”, điều này
tôi không dám cả quyết, vì tôi không
biết cái thế kỷ trước ấy nó bắt
đầu từ lúc nào, bởi ngay khi đang

nói đây tôi cũng chẳng biết tôi đã
nói từ bao giờ, mà có phải là
tôi nói hay ai đó đang nói và
tôi đang nghe; và sở dĩ tôi bị

du vào tình thế khó khăn này cũng
tại cái lũ thời gian quỷ tha ma
bắt, không từ một ai, lừa đảo và
đều cang hết sức; mặc dù tôi đã

thử nhiều cách như hoán đổi cái tôi
này với cái tôi khác, nhưng tôi đâu
phải là một nhân vật chính trong tôi
và rằng tôi đâu thể bước ra khỏi

cái thân tôi hay cái thân tôi bước
ra khỏi tôi được, vì như vậy thì
cũng hơi ức hiếp cái bản mặt của
Thượng Đế; mà tìm kiếm làm gì khi

TALK

Talk when it is not possible to talk
and don't talk when talk is necessary,
and this dilemma is prolonged, perhaps
from a century earlier, "hey, those of

you who have low necks and little mouths stick your
head out a little further", these things i
am uncertain, because i cannot know
when that century earlier actually

began because as i am talking right
now i cannot know when i actually
began talking, and is it me who is
talking or is it someone else who is

talking and i am listening; and maybe
i had been enticed into this dilemma
because the devils and demons of time
have captured me like they have everyone

else by trick and by treachery; although
i have tried many different ways to
change one me for another me, although
i am not the main character of myself

and neither i could step out from my own
body nor my own body step out from
me, and as such there is some oppression
upon the face of God; for what to seek

bên tai bọn Mẹ hàng xóm, chúng chơi
nhạc râm râm, chịu không thấu, nên tôi
đành phải bỏ công ra xem cái giống
người ấy là giống người gì, xử thế

và sinh hoạt ra sao, nhưng khi mở
cửa, tôi ngỡ ngàng vì chẳng có ai
ngoài căn phòng trống trơn, khắc ra những
âm thanh chát chúa, vầy hăm tứ bề,

còn tôi không thể chui sông sộc vào
túm lấy cái cột nhà để hỏi cho
ra lẽ, và giả thử có túm được
thì cũng rơi vào cảnh tiến thoái lưỡng

nan vì ngôn ngữ bất đồng, nên tôi
đành bới trên đồng sách cũ; cuối cùng
vớ được cuốn sách giấy đã ố vàng,
mày mò tư tưởng của người xưa, rình

rình giở trò chôm chĩa; vậy bây giờ
mới vỡ lẽ, tôi có hay ho gì,
phường tưởng cả đấy, lắm nhảm những điều
của ai đó từ bao đời nay, và

những điều của ai đó từ bao đời
nay, có khi cũng chỉ hiểu lơ mờ,
chẳng có gì đến nơi đến chốn; nhưng
trở lại cái âm thanh âm ĩ mà

when my Mexican neighbors are near earshot,
they play their music unbearably loud,
and so i have to make efforts to go
outside to see what kind of people these

people are, how do they behave, but when
i open the door, i am surprised to
find that there is no one in the empty
room, screeching with irritating noises,

closing in from all sides while i can no
longer crawl and pounce upon a pillar
of the house to interrogate why,
perhaps if i could grab hold of something

or other what would befall me except
deadlock because of a language barrier,
therefore i dig into these piles of old
books; finally latching onto a book

with yellowed pages chock full of ancient thoughts
of thievery lying in wait; and now
it occurred to me, that i am not much
good, only a stagy manner, regurgitating

things that had been handed down, and things
belonging to others from ages past, that
i rarely understood in any sense,
never leading to any finality;

tôi cứ phải nghe hàng ngày, từ sáng
đến tối muốn phát điên tới nỗi đôi
lúc đã tính cắt phứt hai cái tai
đi, nhưng nếu thế thì chắc là khuôn

mặt dị hợm lắm; vả lại, nếu giải
quyết xong hai cái tai thì mắt mũi
tay chân còn lại phải làm sao, nên
tôi cứ loay hoay mãi, thôi đành, “kia

cái anh lòi thối lếch thếch kia, sao
lại treo cổ giữa ban ngày ban mặt
như thế mà không biết xấu hổ à”;
tưởng tượng lúc bấy giờ, tôi như khúc

gỗ lăn lóc ngoài bìa rừng, nếu chẳng
may gặp phải tên đốn củi khốn kiếp
nào đó nhặt về, bỏ dăm nhát rồi
ném vào bếp lửa, nấu nấu nướng nướng,

đời chắc tàn; nhưng vốn trí trá, tôi
phải bỏ tôi ra khỏi cái thân tôi
đã chứ không thì ... hồng. Chào.

but back to the loud noises which i am
still burdened by, and thus subjected to
hearing on a daily basis, from
morning to evening and i want to

go crazy such that sometimes i feel like
i want to cut off my ears, but if i
do that then my face will certainly appear
strange; on the contrary if i remove

the ears then what shall i do with the eyes,
nose and limbs that remain, “hey, rugged ragged
guys, why hang yourselves in the middle of
the day like this without shame” imagine

right now, that i am like a log rolling
at the edge of the forest, and having
the misfortune of running into a
woodcutter who takes me home, chops me into

pieces and tosses me into the fire pit,
to cook and to burn, then my life would turn
into ashes; but being the chameleon that
i am i would have to step out of myself

otherwise all would be ... lost. Bye.

TV KÝ

bud weis er

Cách dùng:

- Đọc theo âm kêu của ãnh ương.
- Tước đoạt nghĩa của chữ, cả đen và bóng.
- Lặp đi lặp lại để nảy sinh hình và ý.

TV SCRIPT

bud weis er

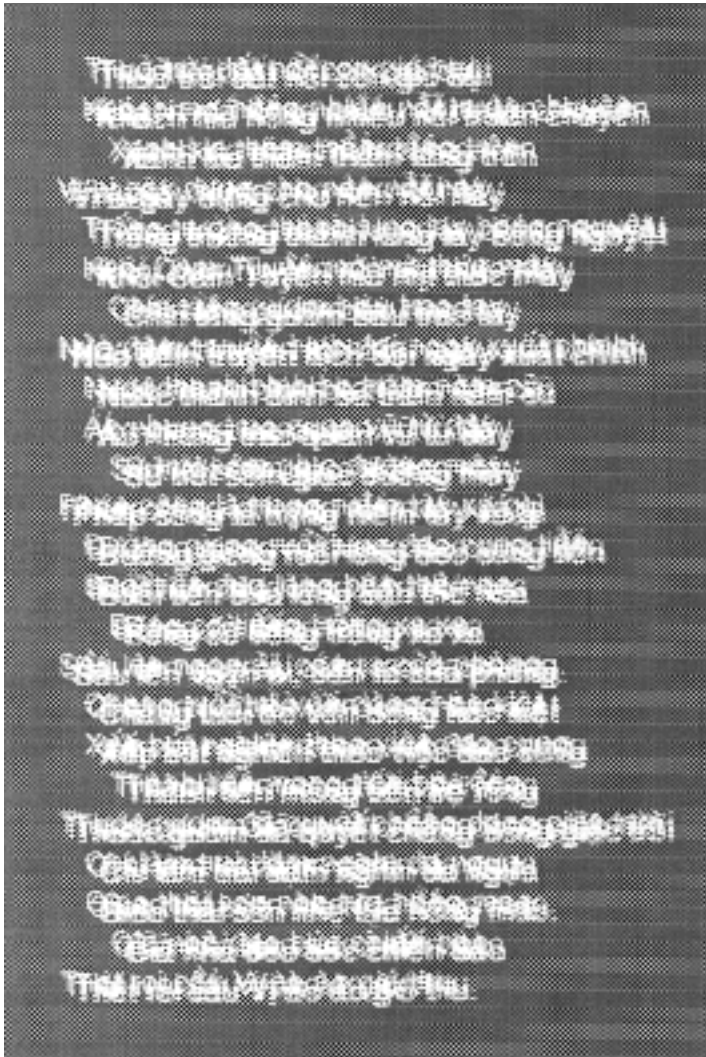
Suggested Use:

- Reading depends on the sound of the voices of bull-frogs.
- Take away the sense of words, both literal and figurative senses.
- Repeat it to produce the images and ideas.



READINGS OF “THE SONG OF A WARRIOR’S WIFE”

ĐỌC CHINH PHỤ NGÂM



CHÚ THÍCH

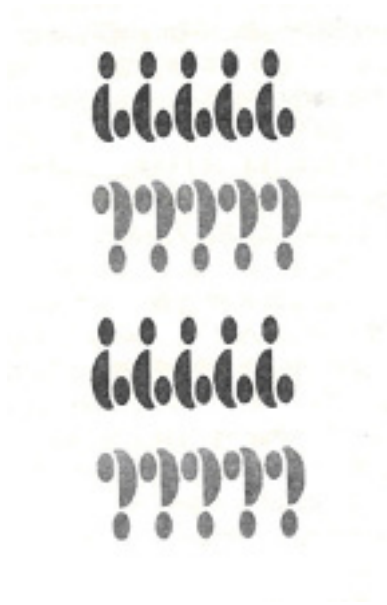
Chinh Phụ Ngâm (1741) là một khúc ngâm bằng Hán văn của Đặng Trần Côn, viết theo thể tự do, câu dài câu ngắn, do Đoàn Thị Điểm (1705-1748) dịch ra chữ Nôm. Đặng Trần Côn (1715?-1745?) không rõ năm sinh và năm mất, tính tình phóng khoáng, thích rượu, và là một người làm thơ hay. Đời vua Lê chúa Trịnh có lệ cấm lửa ban đêm, ông đào hầm đốt lửa để đọc sách. Thời đại của ông, chúa Trịnh cầm quyền, tin dùng bọn hoạn quan, người dân bị đè nén áp bức, giặc giã nổi lên khắp nơi, quan quân phải di đánh dẹp. Người lính phải lìa cửa nhà, xa vợ con, bỏ mình nơi chiến trường. Do đó Đặng Trần Côn đã làm ra khúc Chinh Phụ Ngâm nổi tiếng và được truyền tụng cho đến ngày nay.

NOTES

“Chinh Phu Ngam” (“The Song of a Warrior’s Wife”, 1741) is a lamentation written by Dang Tran Con in Han characters and free verse, with long and short sentences, and was translated into Nom by Doan Thi Diem (1705-1748). Dang Tran Con (1715?-1745?), exact dates of birth and death unknown, was reputed to be liberal minded, to like wine, and to be a good poet. During his period, the Le emperor and Trinh Lord enforced strict rules regulating such things as no fire at night. To avoid punishment for breaking this regulation, Dang Tran Con dug a shelter in the ground and lit lamps to read books under cover of earth. When the Trinh Lords took power, they entrusted much power in eunuchs who abused their privilege and oppressed the people. Hostilities broke out throughout the country. The mandarins sent in soldiers to crush these rebellions. These soldiers had to renounce their homes, wives and children, and were often killed in battle. Dang Tran Con wrote these famous Chinh Phu Ngam epic poems, which have been handed down through many generations.

QUATRAIN

TỨ TUYỆT



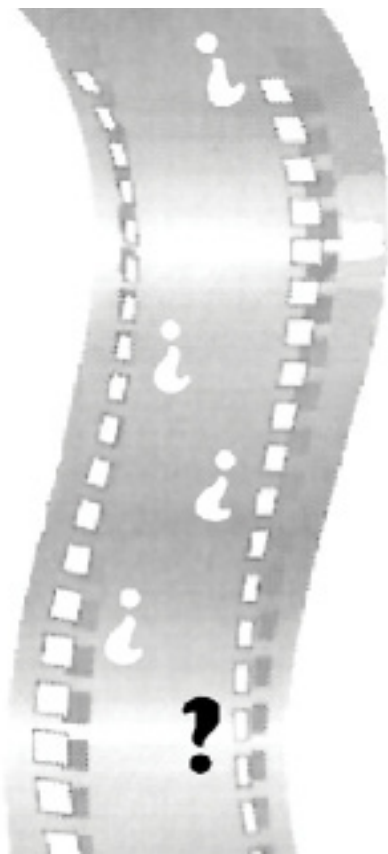
MANY FACES

ĐA BẢN MẶT



NEGATIVE

ÂM BẢN



THE POEM SEARCHES FOR THE POEM

BÀI THƠ ĐI TÌM BÀI THƠ



KİÇH



THE BLUISH-PRISON

NGỤC BIẾC

Căn phòng kín bưng. Ánh sáng hắt vào từ một hàng chấn song thấp, ngăn. Ba người đàn ông ngồi bó gối. Im lặng. Một lúc sau.

Người đàn ông 1 (*với người đàn ông 2*): Anh tội gì?

Người đàn ông 2: Ta tội gì? Ta tội gì à?

Người đàn ông 3: Khi ta sinh ra trần trụi trên mặt đất.

Người đàn ông 1: Chiều đã tàn.

Người đàn ông 2: Bình minh đấy. Ta nghe có tiếng chim hót.

Người đàn ông 3: Bình minh à? Khi tôi vào đây cũng có tiếng chim hót.

Người đàn ông 1 (*với người đàn ông 2*): Nhớ lại lúc ta ngồi cà kê.

Người đàn ông 2 (*với người đàn ông 1*): Thuở đông tàn.

Một thuở đông tàn. Anh bắt đầu toàn bằng những lời bịa đặt. Tôi còn đang bận cời bỏ ...

Người đàn ông 3: Hỡi ơi, khi nhà tù làm ta ngộp thở thì các anh cứ lái nhài về những lý do vu vơ. (*Lớn tiếng*) lúc ta rong chơi, ta ngủ, ta thở, chưa đủ để bị nhốt trong hầm tối hay sao?

Người đàn ông 1: Anh im đi. (*Đứng dậy đi rời rã*) một nơi u ám.

Người đàn ông 2: Không một kẻ hở.

Người đàn ông 3 (*ngạc nhiên*): Vậy mà ta đã chui ra từ ... mâm dĩa trá ... Mà sao khi không ta lại sa vào tay bọn chết bầm này nhỉ?

Người đàn ông 1: Một nơi đầy rác rưởi.

Người đàn ông 2: Không hơi ấm.

Người đàn ông 3 (*đứng lên, bất ngờ túm chặt lấy*

người đàn ông 1): Anh là ai? Anh là ai? Tại sao anh lại bắt ta? (*Nhàu nát*) trong lúc ta đang khốn khổ với giấc mơ man rợ ...

Người đàn ông 1 (*dằng co*): Tại sao anh bắt ta? Trong lúc ta đang lắng nghe ... (*Ám ức*) cơn hấp hối của ngàn xanh.

The room's door is closed. Light shines through a column of low, short bars. Three men sit with their arms around their knees. Silence. A while later.

Man 1 (*speaking to Man 2*): What is your crime?

Man 2: What is my crime? Oh, what is my crime?

Man 3: I was born naked on the ground.

Man 1: The afternoon has come to pass.

Man 2: It's dawn. I hear the birds singing.

Man 3: Is it dawn? When I came here the birds were
also singing.

Man 1 (*speaking to Man 2*): I remember when I was relaxing.

Man 2 (*speaking to Man 1*): When the east fades. Once upon a
time when the east fades. You always begin with
fabricated words. I am still busy trying to take
off ...

Man 3: Alas, while this prison chokes us you men keep
mumbling about nonsense. (*Loudly*) 'cause I play,
'cause I sleep, 'cause I breathe, isn't that enough
reason to lock me in the hole?

Man 1: You be quiet. (*Gets up and gropes around*) A dark place.

Man 2: No slit.

Man 3 (*surprised*): Then we have crawled out of... the seeds of
lies ... Why else would we
have fallen into the hands of these
damn bastards?

Man 1: A place full of trash.

Man 2: No warmth.

Man 3 (*stands up, suddenly grabbing Man 1*):

Who are you? Who are you? Why did
you imprison me? (*Disappointing*) while I was suffering
barbarous dreams ...

Man 1 (*struggling*): Why did you imprison me? While I was
listening... (*Angrily*) to the death throes of
a thousand jungles.

*Hai người cầu xé nhau dữ dội, cho đến khi mệt
nhoài ... Cùng đứng im.*

Người đàn ông 3: Tại sao anh bắt ta?

Người đàn ông 1: Tại sao anh bắt ta?

Người đàn ông 3: Cứu tôi với.

Người đàn ông 1: Cứu tôi với.

*Bỗng có tiếng chân bước dồn dập. Cánh cửa hé
mở vừa đủ từng người lọt vào. Các cô gái cầu nhau,
đứng chụm lại. Cửa đóng. Hai người đàn ông
buông ra. Im lặng một lát.*

Người đàn ông 2 (với các cô gái): Các cô tội gì?

Các cô gái: Để tôi lấy ra coi.

Người đàn ông 3 (với người đàn ông 1): Tôi phải nói với anh điều
gì?

Người đàn ông 1: Cơ ác mộng đã hiện ra.

Người đàn ông 3: Hãy tóm lại.

Người đàn ông 2 (nói một mình): Mọi chuyện đều vô ích khi
những khoảnh khắc cứ trôi đi.

Các cô gái (nói với nhau): Tôi không thấy. Tôi không thấy gì cả.

Người đàn ông 1: Thôi cũng đành phó mặc.

Các cô gái (nói với nhau): Đừng động đậy.

Có tiếng cười.

Người đàn ông 3: Đồ ngu ngốc.

Các cô gái (nói với nhau): Thì ra ... cái sản sùi của mặt mũi rõ
ràng đâu phải là bằng chứng của sự đổi thay ... Vậy
mà ta cứ mãi lần mò...

The two maul each other until they are both exhausted ... Stand silently together.

Man 3: Why did you imprison me?

Man 1: Why did you imprison me?

Man 3: Help me.

Man 1: Help me.

Suddenly there are rapidly advancing footsteps. The door opens just enough for three ladies to enter one by one. The ladies protest, huddle together. The door is closed. The men let each other go. Silence for a while.

Man 2 (*speaking to the ladies*): What are your crimes?

The Ladies: Let me take it out and show you.

Man 3 (*speaking to Man 1*): What must I talk to you about?

Man 1: Our nightmares have appeared.

Man 3: Wrap them up.

Man 2 (*speaking to himself*): Everything is futile when the moments keep slipping away.

The Ladies (*speaking simultaneously to each other*): I can't see. I don't see anything at all.

Man 1: Just let it be.

The Ladies (*speaking simultaneously to each other*): Don't move.

There is laughter from off-stage.

Man 3: Stupid idiot.

The Ladies (*speaking simultaneously to each other*): So ... the roughness of the face isn't proof of change ...
What a waste of time to search ...

Người đàn ông 1 (*với người đàn ông 3, sùng sộ*): Anh nói ai?

Các cô gái (*nói với nhau*): Thử lột trần ...

Nhiều tiếng cười.

Người đàn ông 2 (*với người đàn ông 1*): Anh nói sao?

Các cô gái (*nói với nhau*): Phải đập tan cái bí ẩn mênh mông kia mới được.

Im bật

Người đàn ông 3 (*bình tĩnh*): Chẳng có gì phải cãi cọ. Các người chỉ thích om sòm vì những chuyện chẳng ra đầu. (*Với các cô gái*) này cô, bên ngoài trời còn sáng không?

Các cô gái (*với người đàn ông 3*): Khi chiều vàng ...

Tiếng thanh: Lúc nửa đêm.

Tiếng khàn: Tôi biết chắc là ban mai.

Người đàn ông 1: Trời còn sáng không? Có gì anh phải hỏi sáng hay tối? Sao anh không căng mắt ra mà nhìn xem ... Ở cái nơi đây cùng này mà anh lại tưởng tới một đốm mây rơi ... Khi ta sinh ra trong hang đá ...

Người đàn ông 3: Lúc lột lòng ...

Người đàn ông 1: Ta đã từng nằm gai nệm mật.

Người đàn ông 3: Đừng loái khoét.

Người đàn ông 2 (*với các cô gái*): Các cô tốt tươi như cây cỏ ... Nhưng sao lại cứ bản khoăn về một nỗi tiêu ma. Hỡi ơi, cuộc rồ dại chưa xong thì các cô lại bày thêm một trò trở trêu khác. Hãy dứt đi cho khuất mắt.

Các cô gái: Anh nói chơi ư?

Man 1 (*speaking to Man 3, offended*): Who are you speaking of?
The Ladies (*speaking to each other*): Try undressing ...

Lots of laughter from off-stage.

Man 2 (*speaking to Man 1*): What did you say?
The Ladies (*speaking simultaneously to each other*): We have to
smash that great big secret.

Silence.

Man 3 (*calmly*): There's nothing to argue about. You all just like
to be loud about nonsensical things. (*Speaking to all
Ladies*) Miss, is it still bright outside?

The ladies (*speaking to Man 3*): When the afternoon fades
to yellow ...

A sweet voice (*From off-stage*): At midnight.

A gruff voice (*From off-stage*): I know for sure it is morning.

Man 1: Is it still bright outside? Why must you ask if it's bright
or dark? Why don't you open your eyes widely
and look for yourself ... In these pits you are
still imagining a floating cloud ... When I was
born in a cave ...

Man 3: Upon my birth...

Man 1: I have already had a bitter pill to swallow.

Man 3: Don't lie.

Man 2 (*speaking to all Ladies*): You ladies are fresh like the
trees and grass ... But why are you worried about
an apparition. Alas, your stupidity has not come
to pass and already you are starting another
trouble some game. Be gone with you.

The Ladies (*Speaking simultaneously to three men*):

Tiếng Thanh: Anh châm biếm.

Tiếng khàn: Anh nói chơi thật ư?

Tiếng nhiều người: Anh cố tình châm biếm?

Người đàn ông 1 (*với người đàn ông 3*): Anh chửi tôi
đấy à? Có thật là anh muốn phỉ báng?

Người đàn ông 2 (*với các cô gái*): Có thật là các
người muốn phỉ báng?

Người đàn ông 3 (*với người đàn ông 2*): Chúng ta
đi thôi ... Đi khỏi cái nơi phiền muộn này,
lên một mỏm núi có cây xanh và thú lạ.

*Hai người khoác tay ra đi, đứng phải
cánh cửa, đợi lại.*

Người đàn ông 2 (*với các cô gái*): Cuối cùng rồi ta
cũng gặp nhau.

Người đàn ông 3 (*với người đàn ông 1*): Cuối cùng rồi
ta cũng gặp nhau.

Các cô gái (*với ba người đàn ông*): Tại sao các
người chưa lui vào khu rừng ... ẩn mật?
Các người chỉ làm bộ hồ nghi để cho
tan mất bao nhiêu cơn cuồng mộng.
Rồi các người còn nở bắt tiếng nói
phải chịu đựng cả một cuộc tồn vong.
Các người cầm đi, cầm đi, cầm đi.

Ba người đàn ông: A! Cái bọn láo xược.

Các cô gái: A! Cái bọn già hợm.

*Các cô gái ôn ào, dợm tới. Ba người
đàn ông nắm tay nhau, lùi lại.*

Người đàn ông 1 (*nói nhỏ*): Ta chạy thôi.

Người đàn ông 2: Phải, ta chạy thôi.

Người đàn ông 3 (*nói to*): Ta chạy thôi.

Are you joking?

A sweet voice (*From off-stage*): You mock us.

A gruff voice (*From off-stage*): Are you really joking?

Many voices (*From off-stage*): You intend to mock us?

Man 1 (*speaking to Man 3*): Are you swearing at me? Are you sure you want to slander me?

Man 2 (*speaking to all Ladies*): Are you sure you all want to slander?

Man 3 (*speaking to man 2*): Let us go now ... Let us leave this troublesome place, and go to a mountain top full of green trees and strange animals.

The two men lock arms and proceed to leave, they run into a door, are knocked back.

Man 2 (*speaking to all Ladies*): Finally we meet each other.

Man 3 (*speaking to Man 1*): Finally we meet each other.

The Ladies (*speaking simultaneously to the three Men*): Why haven't you gone into the jungle ... hidden? You are just pretending to suspect us so that your nigh mares would disappear. And then you dare to speak about sharing great sacrifices. You all shut up, shut up, shut up.

The three Men (*speaking simultaneously*): Aha! A bunch of rude liars.

The Ladies (*speaking simultaneously*): Aha! A bunch of talkative old men.

The Ladies cause a commotion and push forward. The Men lock arms and back up.

Man 1 (*speaking softly*): Let us run away.

Man 2: Right, let us run away.

Man 3 (*speaking loudly*): Let us run away.

Ba người cùng quay lại, chạy đi, đung phải cánh cửa, ngã xuống. Bất động. Một lúc sau ... Cố gắng giương dây, diu nhau trở về chỗ cũ.

Người đàn ông 2 (với các cô gái): Cuối cùng rồi ta cũng gặp nhau.
Các cô gái (với người đàn ông 2): Anh làm ta cảm động.

Cười khúc khích.

Người đàn ông 1 (với người đàn ông 2): Giữa thanh thiên bạch nhật anh lại dám tỏ tình à?

Người đàn ông 2 (với người đàn ông 1): Anh vẫn quen thói bỡn cợt. Anh cũng biết rằng mặt trời biển mất khi chúng ta còn thơ ấu. Và anh đã ôm tôi khóc ngất giữa một đêm trăng non.

Người đàn ông 3: Ta nhức nhối toàn thân. Mà các anh lại cứ lảm nhảm về trăng với sao. Thế còn mặt đất đang run rẩy dưới chân ta? (*Tức giận*) Đúng là các anh muốn chơi xỏ khi xui tôi ngập lặn dưới bùn nhơ.

Người đàn ông 1 (với người đàn ông 2): Anh hãy ôm cái dĩ vãng của anh đi đi. Tôi đâu có mắc mớ gì tới những cái vợ vắn của anh.

Người đàn ông 2 (*thất vọng*): Thế là ta lại lang thang một mình với nỗi cô quạnh. Ôi, rừng hoang, rừng hoang, rừng hoang ...

Người đàn ông 3 (với các cô gái): Còn cái lũ yêu tinh này.

Người đàn ông 2: Cái lũ yêu tinh này.

Người đàn ông 1: Cái lũ yêu tinh này.

Các cô gái: A! Một bọn gàn dở.

The three men turn to run away, striking the door, falling down. Motionless. A while later ... They struggle to get up and help each other back to their former places.

Man 2 (*speaking to all Ladies*): Finally we meet each other.

The Ladies (*speaking simultaneously to Man 2*): You move me.

Giggling from off-stage.

Man 1 (*speaking to Man 2*): Right in broad daylight, you dare to express your feelings?

Man 2 (*speaking to Man 1*): You are still taken to joking. You know that the sun had disappeared when we were still young. You had embraced me and cried until you passed out one young moon night.

Man 3: I am aching all over. But you guys keep going on and on about moon and stars. What about the earth trembling beneath our feet? (*Angrily*) You guys are really back-stabbing me by coaxing me to submerge myself in mud.

Man 1 (*speaking to Man 2*): You gather up your past and take it with you. I have nothing to do with your foolishness.

Man 2 (*let down*): So I am left to wander alone with my loneliness. Oh, wild jungle, wild jungle, wild jungle ...

Man 3 (*speaking to all Ladies*): What about you band of demons?

Man 2: This band of demons.

Man 1: This band of demons

The Ladies: Aha! A bunch of kooky old men.

Các cô gái hùng hổ, bao quanh. Ba người đàn ông sợ hãi, lùi lại.

Người đàn ông 1: Tôi trốn đây.

Ba người cùng lùi lại một bước.

Người đàn ông 2: Thôi trốn đi.

Ba người cùng lùi lại thêm một bước.

Người đàn ông 3: Đến nước này, ta cũng phải trốn thôi.

Ba người vừa ngó chung quanh vừa kéo nhau đi nhanh ra cửa. Bỗng có tiếng ồn ào rồi rất nhiều bước chân dồn dập và không ngớt ... Cánh cửa mở. Thêm một tốp con gái ủa vào. Ba người đàn ông ôm lấy nhau, đứng dựa sát tường ... Trong lúc các cô gái xô đẩy, la hét, cào cấu kịch liệt ... Căn phòng bị nê m cứng đến nỗi mọi người không ai cựa cựa nổi. Cửa khép chặt.

Ba người đàn ông: Cứu tôi với.

Các cô gái: Cứu tôi với.

Tiếng kêu thét rồi chỉ còn là tiếng rống, tiếng rên, tiếng thờ đốc. Mọi người lần lượt ngã xuống, vật vã, chồng chất lên nhau ... cho đến khi căn phòng chỉ còn vừa đủ ánh sáng để nhận ra những khối đen bất động và im lặng.

MÀN

The Ladies circle about sinisterly. The frightened men back up.

Man 1: I am hiding.

The three men all take a step back.

Man 2: Let us go hide.

The three Men take another step back.

Man 3: It has come to this, I have to hide too.

The Men look about and pull each other toward the door. Suddenly a rush of noisy footsteps advance on them ... The door is opened. Another group of ladies are forced in. The three men hold tightly to each other, stand themselves up against the wall ... While the ladies push and shout and scratch at each other ... The room is packed so full that no one is able to move. The door is shut tightly.

The three Men: Help us.

The Ladies: Help us.

The screams ebb into growls, moans, heavy breathing. Everyone falls down one by one, exhausted, piling upon each other ... until the room is barely lit, just enough to notice the silent and motionless shadows.

CURTAIN

Tập thơ “Dấu Quê” gồm ba phần: Cấu Trúc, Dấu Quê và Ngục Biếc, như nét vẽ nguệch ngoạc một nẻo đường, mang ý nghĩa: Chúng ta thúc đẩy phải ra đi bởi vì vẫn ám ảnh có một chỗ quay về. “Ngục Biếc” được hoàn tất vào khoảng 1984, nhân vật và khung cảnh có thật, tác giả chỉ thêm vào lời nói như một bài thơ trong dạng kịch.

The poetry collection “Traces Of My Homeland” consists of three parts: Structure, Traces of My Homeland and The Bluish-Green Prison, like the brush strokes drawing a road, with the meaning: We are motivated to leave because we are haunted by a place to return to. “The Bluish-Green Eyes” was completed in 1984, the characters and situations were real, the author only added dialogue like a poem in the format of a play.

(This play is under the editorship of Carol J. Compton and the reading of poet Tom Riordan.)

GHẾ VÀ NGƯỜI

Sân khấu tối mờ mờ, gồm một màn ảnh rộng được chiếu sáng ở phía sau, tạo nên sự tương phản cho một ý niệm phi thời gian và nơi chốn. Trên màn ảnh phóng lớn những hình họa, hay những diễn biến kịch. Tất cả tạo nên những tầng hình ảnh. Sử dụng kỹ thuật ánh sáng để phân hai bóng tối và ánh sáng.

Người đàn ông từ phía trái bước ra, cứng đơ và vô cảm, kiểu cách khô cứng và bụi đời (có thể mang mặt nạ), ngồi ngay giữa, bó gối, ngược nhìn lên màn ảnh. Sửa lại thế ngồi, duỗi ra, khoanh lại, nắn các khớp. Âm thanh làm nên được thu từ những tiếng động của của đời thường như tiếng máy giặt, tiếng xe, tiếng cười, tiếng cãi cọ, tiếng ồn của đám đông, tiếng động vật, tiếng côn trùng ...

Người đàn ông nhìn quanh, bất an, đứng dậy. Quay trở vào phía trái.

Màn ảnh trắng trong khoảnh khắc. Âm thanh tắt. Im lặng.

Người đàn ông bước ra, mang theo một chiếc ghế, đặt ở khoảng giữa sân khấu. Ngắm nghía, đo bằng chân từ bốn phía. Ngồi xuống bên cạnh, phía trái. Tiếng huýt sáo, la ó từ phía trái. Đứng dậy, vòng

qua phía bên phải, ngồi xuống. Tiếng huýt sáo, la ó từ phía bên phải. Đứng dậy, ngồi phía sau chiếc ghế. Tiếng huýt sáo và la ó từ phía sau. Đứng dậy, ngồi trước chiếc ghế. Nhìn lên màn ảnh.

(Có thể làm một đoạn phim ngắn về những chiếc ghế, bằng hoạt họa hay nếu hay hơn sử dụng như kỹ thuật quảng cáo, về thế giới ghế, chiến tranh ghế, di sản ghế, hội nghị ghế, băng đảng ghế, tội phạm ghế ...)

Từ phía trái, người dẫn chỗ bước ra, tay cầm đèn bấm. Tới giữa sân khấu, rọi đèn vào chiếc ghế, rồi vào người đàn ông. Bỏ đèn vào trong túi áo, nắm lưng áo người đàn ông, kéo lên, nhận vào chiếc ghế. Người đàn ông lúng túng, lấm lét. Người dẫn chỗ bước xuống phía phải khán giả. Người đàn ông giữ thế bất động, nhìn theo, cho đến khi tiếng chân mất hút, thì xuống ngồi lại phía trước chiếc ghế. Sửa lại thế ngồi, duỗi ra, khoanh lại, nắn các khớp.

(Khi tiếng nói từ hậu trường vừa dứt, đoạn văn được phát lại qua máy thu, vừa đủ để có thể nghe tiếng người đàn ông, một cách hòa trộn giữa quá khứ và hiện tại. Hoặc có thể thu tiếng nói người đàn ông lại bằng một máy nhỏ đeo bên mình rồi phát ra, như một thứ tiếng nói giả, trong lúc người đàn ông diễn những động tác câm. Tiếng nói người đàn ông cũng có thể phát ra từ người nhắc tuồng, mang ý nghĩa, tiếng nói của một người được nói ra từ một người khác. Tất cả tạo nên những lời độc thoại song song, tương tự hai cột trên một trang báo. Điều này tùy thuộc vào sự sắp xếp của đạo diễn, sự diễn xuất của diễn viên, cùng kỹ thuật âm thanh và ánh sáng. Trong khi vở kịch chưa diễn được, bạn đọc tạm đọc bắt đầu từng đoạn, từ cột bên phải phía trước rồi đến cột bên trái. Tuy nhiên, kịch chỉ để đọc thì mất vui. Cũng cần ghi chú thêm, với cách nhìn và kỹ thuật dàn dựng mới về kịch, không có vở kịch nào mà không diễn được. Khả năng sáng tạo của đạo diễn và diễn viên, cùng sự thưởng ngoạn của khán giả là những yếu tố quyết định).

Khi đoạn văn đứt, được phát lại qua máy thu. Tiếng người đàn ông.

Cánh cửa phải được đóng lại (hay mở ra). Đóng lại (hay mở ra). Đóng lại (hay mở ra). Khi ra đi và trở về. Khi trở về và ra đi. Tôi chưa đóng cánh cửa lại. Cánh cửa chưa đóng tôi lại. Bởi tôi không biết lúc nào trở về và ra đi. Bởi cánh cửa không biết lúc nào trở về và ra đi. Mà chừng như tôi đã nhiều lần trở về và ra đi. Điều này thực sự là tôi (và cánh cửa) đều không nhớ hết. Nếu nhớ thì cũng không biết nơi nào là nơi trở về, nơi nào là nơi ra đi. Giữa cái trở về và ra đi ấy, quả khó làm cho minh bạch, nhất là trong cái đầu vừa chặt ních vừa rỗng không của tôi. Đó là chưa kể cảm xúc của tôi (khi chạm vào cánh cửa) hay của cánh cửa (khi chạm vào tôi). Vả lại, cho đến bây giờ tôi cũng không biết đâu là cửa, đâu là không cửa, và cánh cửa cũng không biết đâu là tôi, đâu là không tôi. Vì tôi có ra khỏi cánh cửa, và cánh cửa có ra khỏi tôi bao giờ. Nếu có thì tôi phải biết lúc nào

Tiếng nói từ hậu trường.

Tôi không kể chuyện bởi vì những chuyện kể luôn luôn được kể từ những chuyện kể khác. Mà thật ra, cũng chẳng có chuyện kể nào đáng kể, vì những chuyện kể nào rồi cũng giống chuyện kể nào. Vậy thì tôi nói chẳng qua cũng chỉ để nói. Từ ngôn ngữ này qua ngôn ngữ khác, từ tiếng nói này đến tiếng nói khác, đó là âm bản, âm bản của những âm bản. Tiếng nói sống và chết, không sống và không chết. Bây giờ tôi không nói, vì tôi chính là hiện thân của tiếng nói tôi. Tiếng nói tự nó là chính nó, tôi chính là tôi. Tôi là bóng ma, và bóng ma cũng là tôi. Tôi đã chôn tiếng nói, chôn tôi hay chôn cái bóng ma của tôi. Dù sao thì tôi vẫn phải chôn cả tôi lẫn cái bóng ma của tôi. Như cuộc đời này chôn cuộc đời khác, thế hệ này chôn thế hệ khác, thế giới này chôn thế giới khác. Vả chăng, tôi ghét sự bất tử. Tôi ném tôi vào trong khoảng khắc. Khoảng khắc thức giấc, nổi nóng, chửi đổng. Bởi khoảng

bước qua, lúc nào đứng lại chứ. Nhưng mà thôi, đằng nào tôi cũng phải đóng cửa lại (mở ra) mặc dù cánh cửa có đóng tôi lại (mở ra) hay không. Và đóng lại (hay mở ra) chẳng qua chỉ cần một động tác. Động tác, hẳn nhiên, phải thật đơn giản, vì tôi (hay cánh cửa) vốn đơn giản. Bởi là tôi (hay cánh cửa) chưa hóa thành loài kỳ đà mà. Thật tức cười.

Đứng dậy, quay sang bên trái. Tiếng la ó từ bên phải. Quay qua bên phải. Tiếng la ó từ bên trái. Đi qua phía phải, đến nửa chừng đổi ý, đi vào phía trái sân khấu. Vừa lúc, tiếng máy thu dứt.

Khi đoạn văn dứt, được phát lại qua máy thu.

Trong lúc người đàn ông mang ra một chiếc ghế khác. Để ở phía sau chiếc ghế trước. Tiếng la ó từ phía sau. Để ở phía trái chiếc ghế trước. Ngồi phía phải chiếc ghế trước.

Tôi biết điều tôi không biết, và không biết điều tôi biết. Và

khắc không bao giờ đứng dậy, bởi khoảng khắc không bao giờ ngồi yên, bởi không có khoảng khắc nào giống khoảng khắc nào. Những bàn chân mắc bẫy bàn tay, những thớ ra đánh tráo trở vào, những thói thường lừa gạt thói quen.

Cứ như thế.

Và cứ như thế.

Những đường thẳng bằng nhau, những đường ngang bằng nhau, những hình vuông bằng nhau, những mặt phẳng bằng nhau. Những khoảng không so le, và đầy hơi; những chiếc bụng đầy hơi, những lỗ dơi đầy hơi.

Tiếng nói từ hậu trường. Sân khấu trống.

Căn phòng không cửa vào, chiến tranh không cửa vào, tấm lịch không cửa vào. Cái bàn giả trang cái ghế, số ít giả trang số nhiều, tôi giả trang tôi. Người cha gây gỗ với người mẹ, hòa bình gây gỗ với chiến tranh. Nhưng tôi sinh ra từ một thế giới là bản sao của thế giới

giữa điều biết và không biết đó, tôi cũng không chắc, cái nào là biết, cái nào là không biết vì trong cái biết, cũng có cái không biết, trong cái không biết, cũng có cái biết. Và cái không biết trong cái biết, cái biết trong cái không biết, lại có cả cái biết và không biết khác nữa. Như vậy thì làm sao tôi có thể phân biệt cái không phân biệt hay không phân biệt cái phân biệt. Cũng giống như nói với kẻ không biết nghe và nghe những kẻ không biết nói. Điều này đôi lúc cũng phiền không ít, vì tôi không rõ, tôi nói hay không nói với kẻ không biết nghe, và nghe hay không nghe với kẻ không biết nói. Như vậy, nói chẳng phải cốt để nghe, và nghe chẳng phải cốt để nói. Tôi vẫn nói đấy mà tôi có nghe đâu. Tôi vẫn nghe đấy mà tôi có nói đâu.

Đứng lên, đi vào phía phải sân khấu. Vừa lúc, tiếng máy thu dứt.

Khi đoạn văn dứt, được phát lại qua máy thu.

khác. Những giấc mơ là bản sao của giấc mơ khác. Những giấc mơ đau răng, những cái tôi đau răng. Những câu hát đề lên câu hát, những hoàng hôn đề lên bình minh. Như thực tại chẳng bao giờ hiện hữu, như thực tại đã từng hiện hữu, như con người lang thang ở từng góc phố, như góc phố say khướt ở mỗi lễ đường. Những mái tranh trôi trên dòng sông, những dòng sông tỏ tình với đồng bằng, cô gái tỏ tình với chàng trai, con mắt tỏ tình với cái mũi. Những cái mũi đeo bong bóng cặp kè với cái mũi đeo nữ trang. Tôi già từ đời sống, đời sống già từ cái chết, cái chết già từ cái chết khác. Không ai thực sự đã sống, không ai thực sự đã chết.

Cứ như thế.

Và cứ như thế.

Những bức tranh cà nhắc, những người thân cà nhắc, những lán giếng cà nhắc, những bữa ăn cà nhắc, những cửa hàng cà nhắc. Những con đường cà tàng, những dãy phố cà tàng, những nỗi buồn cà tàng, những hạnh phúc cà

Trong lúc người đàn ông ra từ phía phải, mang theo một chiếc ghế. Để ở phía sau chiếc ghế đầu tiên. Tiếng la ó từ phía sau. Để ở phía sau chiếc ghế thứ hai. Tiếng la ó từ phía sau. Để ở phía phải chiếc ghế đầu tiên. Ngồi ở phía trước chiếc ghế đầu tiên.

Tôi ngủ giữa lúc thức và thức giữa lúc ngủ. Tình trạng này đã thành thói quen, và chính tôi cũng không thể biết, lúc nào đang ngủ, lúc nào đang thức. Có khi chính trong lúc đang ngủ, tôi lại thức và chính trong lúc đang thức, tôi lại ngủ. Như vậy giữa đêm và ngày, trắng và đen, sáng và tối chỉ là chuyện hàm hồ. Và những chuyện tôi làm hay không làm, không làm hay làm, cũng chỉ là chuyện hàm hồ. Có chăng trong lúc tôi làm hay không làm ấy, tôi biết tôi làm không làm. Nhưng cũng có khi tôi không biết tôi làm lúc làm, và không biết không làm lúc không làm. Cái sự thể tréo cẳng ngỗng này tôi không biết phải xử sự ra sao, bởi nếu cứ kéo dài mãi, tôi sẽ tưởng cái nọ là cái kia, cái kia là cái kia khác; mà thật ra cái kia cũng chỉ là cái nọ, cái nọ

tàng. Những cái thân cà khổ.

Tiếng nói từ hậu trường. Sân khấu trống. Con người tiếp tục con người, chiến tranh tiếp tục chiến tranh. Sự sống đứt lia sự sống, cây đứt lìa rễ, môi đứt lìa răng, mỏ mả đứt lìa đất đai, què cũ đứt lìa què người. Và cứ vậy con người tiếp tục con người, chiến tranh tiếp tục chiến tranh. Nơi chốn này chông lên nơi chốn khác, những chiếc ghế chông lên chiếc ghế khác. Những chiếc ghế không cảm xúc, đeo mặt nạ, mang găng tay. Những chiếc ghế sát nhân, những chiếc ghế ở ngoài vòng pháp luật. Tôi ở ngoài tôi. Những cái tôi ở ngoài định kiến; những định kiến đầu đường xó chợ, những giấc mơ đầu đường xó chợ, những sự thực đầu đường xó chợ, những cuộc đời đầu đường xó chợ. Những giá mua nghi ngờ giá bán, những giá đắt thử thách giá rẻ, những giá rét đối chác giá băng. Những cái giá hôm nay, những cái giá hôm qua.

Cứ như thế.

Và cứ như thế.

cũng chỉ là cái kia khác. Đó là kiểu trông gà hóa quóc, lấy hư làm thật để dọa nạt suông cho vui đời thôi. Mà đời thì đâu có đáng, nó không làm tôi vui thì cắc cớ gì tôi phải làm cho nó vui chứ. Với lại giữa tôi và đời nào có liên hệ gì. Đời là đời, tôi là tôi, như chiếc áo mặc ngoài, đổi thay hoài. Tôi đổi đời này lấy đời khác, đổi tôi này lấy tôi khác, đổi áo này lấy áo khác vậy mà.

Đứng lên, đi vào phía trái sân khấu. Vừa lúc, tiếng máy thu dứt.

Khi đoạn văn dứt, được phát lại qua máy thu.

Trong lúc người đàn ông ra từ phía trái, mang theo chiếc ghế. Để ở phía sau chiếc ghế đầu tiên, tiếng la ó từ phía sau. Để ở phía sau chiếc ghế thứ hai, tiếng la ó từ phía sau. Để ở phía sau chiếc ghế thứ ba, tiếng la ó từ phía sau. Để ở phía trước chiếc ghế đầu tiên. Ngồi ở phía trái chiếc ghế đầu tiên, tiếng la ó từ phía trái. Ngồi ở phía phải chiếc ghế đầu tiên.

Những chiếc ghế yêu nhau, những chiếc ghế không yêu nhau. Tôi lách mình ra khỏi đồ vật, đồ vật lách mình ra khỏi ngôn ngữ. Những danh từ mắng nhiếc động từ, những động từ bị cáo xử án những động từ quan tòa. Khán giả là nhân vật bị lật ngược. Đừng hỏi cái tủ lạnh làm gì cho chúng ta, hãy hỏi chúng ta làm gì cho cái tủ lạnh. Mọi người có nhiều khuôn mặt; những khuôn mặt bình đẳng, những mã số bình đẳng, những trò chơi bình đẳng. Những trò chơi không bao giờ lập lại, và chấm dứt. Những câu văn không bao giờ lập lại, và chấm dứt. Những chủ từ lỡ bước, những túc từ sang ngang.

Tiếng nói từ hậu trường. Sân khấu trống.

Tôi bước qua quá khứ, bước qua tuổi trẻ, bước qua tuổi già, bước qua những hầm chôn người. Những cánh đồng thuốc lá đến thăm cánh đồng lúa mì. Em đến thăm tôi. Nhưng không nhất thiết tôi cứ phải lay lắt với nỗi lay lắt. Tôi mai kia và tôi

Làm sao tôi có thể trả lời câu hỏi của tôi? Làm sao tôi có thể trả lời câu hỏi của tôi? Mà câu trả lời của tôi lại từ câu hỏi của tôi. Cứ như thế, tôi càng lúc càng rời xa câu hỏi của tôi. Và khi tôi đi tìm lại câu hỏi của tôi thì tôi càng lúc càng xa câu trả lời của tôi. Vậy thì đâu là câu hỏi, đâu là câu trả lời của tôi. Và câu trả lời có lạc ra ngoài câu hỏi, câu hỏi lạc ra ngoài câu trả lời, tôi lạc ra ngoài tôi? Và tôi ở đâu đó, trong bóng tối hay ngoài ánh sáng, bên bờ này hay bên bờ nọ, giữa câu hỏi và trả lời, giữa câu hỏi và câu hỏi, hay giữa trả lời và trả lời? Tôi làm sao biết được.

Đi vào phía phải sân khấu. Vừa lúc, tiếng máy thu dứt.

Khi đoạn văn dứt, được phát lại qua máy thu.

Trong lúc người đàn ông ra từ phía phải, mang theo chiếc ghế. Để ở phía trái chiếc ghế đầu

bây giờ, tôi lảng nhãng và tôi khó hiểu. Tôi lờ đi mọi thứ, và mọi thứ lờ đi mọi thứ khác. Tôi đóng kịch như đóng đĩnh, tôi múa rối như múa lân. Tôi bất động. Mặc dù trái tim vẫn đập. Những trái tim đập cửa vào lúc chạng vạng, những trái tim đập cửa vào lúc nửa đêm, tôi đập tôi giữa lúc tỉnh giấc.

Cứ như thế.

Và cứ như thế.

Những kẻ đánh giày thất thểu trong đêm tối mùa đông. Những đứa con của cùng một người đàn bà, những đứa con của cùng một người đàn ông, những đứa con cùng cha khác mẹ, những đứa con cùng mẹ khác cha, những đứa con không cha mẹ, những đứa con tha phương cầu thực, những đứa con từ đông qua tây, từ nam ra bắc, từ trái sang phải, những đứa con nói cùng một thứ tiếng, những đứa con nói nhiều thứ tiếng, những đứa con có cùng màu da, những đứa con có nhiều màu da, những đứa con có quá nhiều dị biệt.

tiên. Tiếng la ó từ phía trái. Để ở phía phải chiếc ghế đầu tiên. Ngồi ở phía trái chiếc ghế đầu tiên.

Tôi chỉ nói nửa lời, còn nửa lời được nói từ kẻ khác. Tôi không biết kẻ khác, và kẻ khác cũng không biết kẻ khác khác. Nhưng nửa lời này cũng nằm trong nửa lời khác, và nửa lời khác cũng nằm trong nửa lời khác khác. Tôi chỉ biết nửa điều, còn nửa điều rơi vào nơi nửa điều khác. Và giữa nửa lời và nửa điều, ở giữa nửa lời và nửa điều khác. Vậy thì cái nửa tôi và giữa tôi đâu có khác gì cái nửa tôi và giữa tôi khác. Còn cái trong lời và ngoài lời, trong điều và ngoài điều, trong tôi và ngoài tôi chẳng qua cũng chỉ là cái trong lời và ngoài lời, trong điều và ngoài điều, trong tôi và ngoài tôi khác. Như thế thì tôi đang là tôi hay không đang là tôi. Ngay cái đang ấy cũng chỉ là cái nửa đang và nửa không đang, giữa đang và giữa không đang, trong đang và trong không đang, ngoài đang và ngoài không đang khác. Vậy thì có đáng gì để bàn luận nữa đâu.

Tiếng nói từ hậu trường. Sân khấu trống.

Thế giới chó đánh nhau với thế giới chó khác. Kẻ mất ngủ đánh kẻ khó ngủ, đười ươi đánh đười ươi, những phường tuồng cứ làm phường tuồng. Những cơn suyễn kéo đến lúc ban mai, và chẳng có gì mất đi, hay còn lại lúc chiều hôm. Những kẻ ngu cú ngu, những kẻ khôn cú khôn. Mâu thuẫn vẫn y như vậy. Sân khấu không có kịch bản, kịch bản không có nhân vật, biến cố là không biến cố. Những âm thanh lẫn lộn, những âm thanh bỏ rơi âm thanh, biến cố bỏ rơi biến cố, kịch bản bỏ rơi kịch bản, sân khấu bỏ rơi sân khấu.

Cứ như thế.

Và cứ như thế.

Sự thật nằm trong dối trá, hãy dối trá. Cảm xúc nằm trong tư tưởng, hãy tư tưởng. Cái lương nằm trong hát chèo, cây cỏ nằm trong đất đai, đất đai nằm trong rừng rú. Như bão tố nhái bão tố, bình yên nhái bình yên, hình nộm nhái hình nộm, tật nguyện nhái tật nguyện.

Đi vào phía trái sân khấu. Vừa lúc, tiếng máy thu dứt.

Khi đoạn văn dứt, được phát lại qua máy thu.

Trong lúc người đàn ông ra từ phía trái, mang theo chiếc ghế. Để ở phía trái chiếc ghế đầu tiên. Đi vào phía trái sân khấu. Nói vọng ra:

Những cuộc đời đầu làng, những lũy tre đầu làng, những nụ cười đầu làng, những mái tóc đầu làng, những mối tình đầu làng.

Cứ mở cửa ra rồi bước vào, phải không; cứ mở cửa vào rồi bước ra, phải không; cứ bước tới rồi lui, phải không; cứ chết đi rồi sống lại, phải không?

Và mỗi chúng ta là những vật phế thải. Được thải ra, thải ra, thải ra... Không có trí nhớ nào được phép tồn tại, không có lãng quên nào được phép quên đi, không có già cõi nào được phép già cõi. Những bóng ma luôn luôn có thật. Những chợ trời mở cửa trong đêm tối. Những kẻ đầu trộm đuôi cướp đầu thai thành tượng gỗ, những kẻ ăn chay nằm đất đầu thai thành tượng đất nung.

Tiếng nói từ hậu trường. Sân khấu trống.

Tiếng nói co dãn, trở thành trừu tượng, bị phủ nhận, ném vào hậu trường. Tiếng nói không phải của ai, tiếng nói của tất cả mọi người. Tiếng nói đuổi theo tiếng nói, bản văn đuổi theo bản văn. Chúng ta là ai? Chúng ta không phải là người, chúng ta không phải là những chiếc ghế, chúng ta là những bản văn. Nhưng không có tiếng nói nào đúng là tiếng nói, không có bản văn nào đúng là bản văn. Những bản văn được đọc từ người đọc. Không có người đọc nào đúng là người đọc, không có khán

Những con đường mèo, những con đường không mèo, những con đường ngan, vịt, những con đường nhái bèn, những con đường ếch ương.

Khi đoạn văn dứt, được phát lại qua máy thu.

Trong lúc người dẫn chỗ lên từ phía trái khán giả, soi đèn qua dây ghế. Không thấy ai. Đi vào phía phải sân khấu. Tiếng vọng của người đàn ông từ phía trái.

Sự vật thôi là sự vật, ngôn ngữ thôi là ngôn ngữ, hình ảnh thôi là hình ảnh.

Ai có thể ngăn cản được điều này, ai có thể đọc những điều đã đọc, ai có thể nhận biết những điều đã nhận biết, ai có thể lấy ra những điều đã lấy ra?

Tôi chưa nói một lời nào vì tôi chưa sống một lần nào, tôi chưa nói một lời nào vì tôi chưa chết

giả nào đúng là khán giả, không có diễn viên nào đúng là diễn viên. Không có chúng ta nào đúng là chúng ta.

Tiếng nói từ hậu trường. Sân khấu trống.

Tôi sống mệt, chết mệt.
Tôi phải đi. Tôi phải đi ngay.

Hồi những kẻ nói toàn chuyện hũ nút, hồi những kẻ nói toàn chuyện tào lao, hồi những kẻ cầm, mù, què quặt, hồi những kẻ điêu ngoa, những lời nói dối, hồi những kẻ thật thà, những lời nói thật, hồi những kẻ ra đi, không bao giờ trở lại, hồi những kẻ ở lại, không bao giờ ra đi, hồi những kẻ gạo chợ nước sông, hồi những kẻ nằm gai nếm mật, hồi những năm, những ngày, những tháng, hồi những ngày, những tháng, những năm.

Kịch giết kịch.

Kịch cứu kịch.

Kịch chẳng còn là kịch.

Kịch vẫn là kịch.

một lần nào, tôi chưa là tôi một lần nào vì bầu trời chưa hề có từ đầu, tôi chưa là tôi một lần nào vì trái đất chưa hề có từ đầu.

Tôi phải trở ra. Tôi phải trở ra ngay.

Tôi phải đi. Tôi phải đi ngay.

Chàààooo!

Tiếng người đàn ông hòa cùng tiếng nói từ hậu trường (hay nhiều người). Trong lúc sân khấu vẫn trống.

Câu chuyện chấm dứt ngay lúc chấm dứt. Mọi người có thể ra về hay ngồi lại. Cấm hút thuốc với ai hút thuốc, không cấm hút thuốc với ai không hút thuốc (phải có giấy của bác sĩ tai mũi họng). Mọi người có quyền kể lại câu chuyện, nhưng tuyệt đối không được lập lại lời đã nghe, điều đã thấy, có nghĩa là phải tự giải phóng khỏi ký ức, vì ký ức luôn luôn xuyên tạc và bóp méo sự thật (dù rằng sự thật chưa bao giờ xuất hiện). Đeo mặt nạ để che dấu chân tướng, cảm xúc trong khi diễn tuồng vì kịch không cần cảm xúc, không cần cá tính, ai cũng như ai. Mọi người có thể cùng một lúc lên diễn lại vở kịch của mình, cãi và cọ, hay cọ và cãi, nhưng không được xâm phạm cơ thể hay thuần phong mỹ tục, và ra ngoài giới hạn quyền làm người (điều này mông lung, mờ ảo nhưng vẫn là một điều luật). Ai vi phạm sẽ bị trục xuất về chỗ ngồi. Những kẻ say rượu sẽ bị treo bằng lái. Những bằng lái bị treo phải được treo ở nơi dễ thấy. Những bọn chim chuột, mèo mả gà đồng, những bọn vô công rồi nghề, những bọn ngủ bờ ngủ bụi, phải tuân theo luật (sân khấu), ra và vào, lên và xuống, không được lẫn lộn vai này với vai kia, cảnh này với cảnh nọ. Những kẻ nổi loạn cấm nổi loạn, những kẻ ngây thơ cấm ngây thơ. Những kẻ buôn thúng bán bưng luôn luôn buôn thúng bán bưng. Những kẻ lạng tai luôn luôn lạng tai. Những kẻ gà mờ luôn luôn gà mờ. Những kẻ chán cứ chán. Những kẻ không chán cứ không chán. Mọi điều cần nói đã nói hết. Kể từ nay, cấm nói.

Người đàn ông bước ra từ phía trái, tiếng la ó nổi lên. Trở vào. Ló đầu ra. Tiếng la ó nổi lên. Nhiều lần như vậy.

Người đàn ông bước ra từ phía phải, tiếng la ó nổi lên. Trở vào. Ló đầu ra. Tiếng la ó nổi lên. Nhiều lần như vậy.

Chiếc ghế được ném ra từ phía trái, tiếng la ó nổi lên, và kéo dài. Chiếc ghế được ném ra từ phía phải, tiếng la ó nổi lên, và kéo dài. Những chiếc

ghế liên tiếp được ném qua từ cả hai phía, phải và trái, chông chát lên nhau. Tiếng la ó không dứt, lẫn với những âm thanh được phóng đại. Màn ảnh tắt. Sân khấu tối hẳn.

Im lặng. Sân khấu sáng dần, một đồng ghế lẫn với cả những đồ phế thải, giống như một kho chứa đồ cũ. Màn kéo lại. Văng ra tiếng dọn dẹp, tiếng quét, tiếng chân. Âm thanh được phóng cực đại.

Im lặng. Màn mở ra. sân khấu không có gì cả, và chừng như cũng chẳng có chuyện gì xảy ra. Khoảng một phút sau, màn kéo lại.

(Kịch tới đây chưa phải hết. Khán giả cùng lúc lên sân khấu để diễn theo ý mình vì cho rằng, mỗi người đều có cách đạo diễn và thể hiện khác nhau, và rằng kịch bản là một phần trong cái kịch bản đã có sẵn của họ. Nếu không, đạo diễn, diễn viên và khán giả có thể đẩy tới, chẳng hạn tranh luận về việc đạo diễn có theo đúng kịch bản, diễn viên có theo đúng đạo diễn hay không, mục đích là đi tìm, hay tạo ra ý nghĩa, khởi từ một tiền đề, vỡ kịch vô lý, đứt đoạn và rời rạc. Những diễn biến vỡ kịch trong khi tập được thu lại và phóng lên màn ảnh, như một cách diễn lại những hậu cảnh từ đằng sau hậu trường, mang ý nghĩa, vỡ kịch bị lộn trái. Trong suốt tiến trình, đạo diễn làm cho vỡ kịch sống động nhưng tránh tạo cảm xúc, vì mục đích là tạo sự vô cảm nơi khán giả. Mọi hoạt cảnh có thể thay đổi nhưng tiếng nói phải giữ nguyên, dù hay dở, đúng sai, cũ mòn hay mới mẻ, vì giả thuyết rằng, tiếng nói đó từ trong quá khứ hay chính là quá khứ. Mà quá khứ thì chỉ tàn phai đi chứ không bao giờ thay đổi được. Câu cuối cùng từ hậu trường, “Kể từ nay, cấm nói,” nhưng ở phần này, cứ nói vì cũng được giả thuyết rằng, tiếng nói đang nói là tiếng nói đã được nói từ quá khứ. Kịch bị lộn trái nhiều lần, cho đến khi trở lại là chính đời thường).

HẾT

MỘT CẢNH CÂY MỘT ĐÁM MÂY

Giữa sân khấu. Vân và Thu đứng cạnh nhau, hăng người, vẽ mơ hồ. Phía sau là bầu trời trống trơn. Không có gì cả. Thật im lặng.

VÂN: Này.

THU: Nói khẽ chứ.

VÂN: Tôi cứ ngỡ là ...

THU: Xuyt.

VÂN: Có khốn lắm không.

THU: Phải liệu để phòng.

VÂN: Thế thì ...

THU: Thôi đi đi.

Đứng im. Một lát

VÂN: Này.

THU: Nói nhỏ thôi.

VÂN: Tôi định ninh là ...

THU: Xuyt.

VÂN: Về bầu trời đó.

THU: Không có gì cả đâu.

VÂN: Thế thì ...

THU: Im đi.

Lặng thinh

VÂN: (*rất nhỏ*), Ô!

THU: Gì đó?

VÂN: Tôi đang thử tưởng tượng.

THU: Có thấy không?

VÂN: Cái gì?

THU: Hừ!

VÂN: Tôi hồ nghi là ...

THU: Đừng nói nữa.

VÂN: Nhưng ...

THU: Lại về bầu trời đó à.

VÂN: Tôi phải thay đổi thế nào?

THU: Tôi không muốn bận rộn đâu.

Im lặng

VÂN: (*lo lắng*), Vậy ra ...

THU: (*giận*), Thôi, tôi đi đây.

Bất động

Vân ra.

Một lúc sau

Tâm vào

VÂN: Ôi!

THU: Ai đó?

VÂN: Ai đây?

THU: Chà ... Chà ...

VÂN: Tôi đang nói về mây xanh mà.

THU: Có đáng gì.

VÂN: Tôi nổi giận bây giờ.

THU: À!

VÂN: Thế này nhé!

THU: Hãy gượng đã.

Im lặng

VÂN: Nói về trái đất vậy.

THU: Tôi đâu có hiểu nổi.

VÂN: Tôi chắc là ...

THU: Tôi lắm rồi.

VÂN: Tôi không lắm chứ!

THU: Không lắm đâu.

Im lặng

VÂN: Thử cố một chút đi.

THU: Hoài công thôi.

VÂN: Không đuổi theo à.

THU: Có dễ dàng gì

VÂN: Sao nữa?

THU: Há?

VÂN: Tôi điên rồi lắm ư!

THU: Phải nghiệm đã.

VÂN: Tôi chưa tập mà.

THU: Ồ!

Im lặng

Bất động. Một lát.

Vân vào

VÂN: Tôi đã nhớ ra là ... (với Thu), Ai đó?

THU: Tôi không rõ lắm.

VÂN: Tôi đoán thử ...

THU: Tôi có hiểu đâu.

VÂN: Tôi vẫn có chứ.

Im lặng

THU: (*với Thu*), Này

VÂN: Gì chứ!

THU: Còn về cành cây.

VÂN: Nói đi.

THU: Lá rơi.

VÂN: Và cỏ non.

THU: Ôi chao! (*nhắm mắt*), Tôi xuống hố rồi.

VÂN: (*với Thu*), Thế nào!

THU: Gọi lớn lên coi.

VÂN: (*cổ gằng*), Á a a ... (*một lát*) Đã được chưa?

THU: Tôi điếc mất.

VÂN: Bây giờ thì ...

THU: Tìm cách khác vậy.

Im lặng

Một lúc sau

VÂN: Tôi lập lại nhé!

THU: Thôi!

VÂN: Tôi thấy nghẹt thở.

Im lặng

THU: (*thở mạnh*), Ôi chà!

VÂN: (*với Tâm*), Ô!

THU: (*với Vân*), Ô!

VÂN: Tôi chưa mất ư?

Im lặng

THU: (*với Vân*), Thế còn về vòm trời?

VÂN: Một đám mây.

THU: Và cành cây.

VÂN: (*ngắt*), Thế thì ...

THU: Cũng đành vậy,

*Im lặng
Mắt nhắm nghiền. bất động.
Một lúc sau*

MÀN

LÚC MÀ

*Căn nhà ở ngoại ô. Buổi chập tối.
Băng ghế vừa đủ hai người ngồi, y phục
hoàn toàn giống nhau.
Ánh sáng mờ nhạt.
Mất động. Một lúc sau.*

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – *(thở ra)*, Một lúc nào tôi ngồi đây,
một lúc nào tôi đứng dậy, một lúc nào tôi ra đi ...
Ô! Một lúc nào ...

NGƯỜI BẠN: – Anh không im đi một chút à ... *(hôm hem)*,
Tôi có nói gì ... Tôi có nói gì ... tôi lại
muốn ngộ chứng ... Lại muốn ngộ chứng ...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Ô!

NGƯỜI BẠN: – Mà trời đã sáng chưa?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Trời đã sáng chưa ... Trời đã sáng chưa ...
Anh lại hỏi tôi như vậy à?

NGƯỜI BẠN: – Thế còn ánh trăng?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Ánh trăng ư!

NGƯỜI BẠN: – Tôi chắc là không bao lâu.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đã loạn trí chưa?

NGƯỜI BẠN: – Ôi chao!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – *(bốt hoảng)*, Gì thế?

NGƯỜI BẠN: – Tôi đã loạn trí chưa?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Anh còn đùa bỡn được đến bao giờ.

NGƯỜI BẠN: – Thế thì ...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Anh có cảm hợng đi không.

NGƯỜI BẠN: – (*run giọng*), Tôi phải hiểu thế nào về trần gian.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi có may mắn gì.

NGƯỜI BẠN: – Và ...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – (*nóng nảy*), Thì hãy cứ hỏi về giấc mơ và đêm tối của anh. Tôi phải nói thêm gì về những sự cầm nín.

NGƯỜI BẠN: – (*lúng túng*), Tôi không chắc là sự tàn tạ ...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – (*ngắt*), Thì đến tuyệt cùng ... của lúc chết hụt ... Tôi tưởng là đã mừng rỡ ... Anh có thở ngậm lại

NGƯỜI BẠN: – ... A! Về cái mầm mới ung thối.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Đừng nhạo báng tôi.

NGƯỜI BẠN: – Anh cứ trắng mắt mà trông xem.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đã từng bị đe dọa.

NGƯỜI BẠN: – (*trầm giọng*), Cho rằng trần xanh và lá vàng, cho rằng sự xàm xỡ và thói hung bạo, cho rằng đêm tối và nguồn cảm hứng ... Tôi tưởng đã dẫm phải...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Ô!

NGƯỜI BẠN: – (*đẩy hứng thú*) ... Cái hư nát của khoảng không kia.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Cho tôi thử đã chứ. (*đột ngột tức tối*), Anh không có cách nào từ chối nữa à. Mà sao tôi phải uống những lời mạn chất đến thế này (*cay đắng*). Dù cho ngậm độc được.

Bất động.

Mắt nhắm nghiền

Một lúc sau.

NGƯỜI BẠN: – Tôi còn trông thấy chứ.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi còn trông thấy chứ.

Im lặng

NGƯỜI BẠN: – Trời có soi xét.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – ... Và cát bụi
NGƯỜI BẠN: – Tôi muốn được cứu vớt.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đang héo gan
NGƯỜI BẠN: – Sao tôi khổ thân đến thế này. (*Tàn tệ*),
Anh nên tự đâm cổ cho rồi.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Đừng xô đẩy tôi.
NGƯỜI BẠN: – Khi trăng dấy lên, và mặt trời ửng đỏ ...
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Mà mới hạnh phúc ...
NGƯỜI BẠN: – Tự cái đày thăm thăm ... của lúc dấy chết.
Ta phải tự tin
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Hãy kéo tôi ra.
NGƯỜI BẠN: – (*nhỏ nhẹ*), Đừng nói thêm một lời nào.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đã khổ hạnh.
NGƯỜI BẠN: – Tôi đến hết hơi.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi cần một chút ân huệ.
NGƯỜI BẠN: – (*ra dấu*), Để tôi nghe ngóng.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Là lúc nằm xuống.
NGƯỜI BẠN: – Anh không cầm đi một lát à.

Im lặng.
Thời gian lún sâu
Lặng đặng.
Một lúc sau đó

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Mà ... Cái đêm tối mênh mông.
NGƯỜI BẠN: – Chả lẽ, phải hỏi lại về giấc mộng.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – A!
NGƯỜI BẠN: – Là một chiều vàng.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Lúc đầu mùa ... Và chuông thu không.
NGƯỜI BẠN: – Thì cứ chho là như thế.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Trên cánh đồng màu mạ non.
NGƯỜI BẠN: – Có thật chứ.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi tưởng tượng ra ...

NGƯỜI BẠN: – Tôi vẫn ngỡ ...
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Chút sương xanh.
NGƯỜI BẠN: – Đến bao giờ mới ngã ngũ.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Vãng huyết thống.
NGƯỜI BẠN: – Anh nói sao?
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Lúc ...
NGƯỜI BẠN: – Mà cảnh hoa, lời kinh dị
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Quả là ...
NGƯỜI BẠN: – (*mê mẩn*), Trong thẳng thốt, cái hạt vỡ ra. Ô!
Hoàng hôn, mà hoàng hôn, mà hoàng hôn.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Cái đầu tôi ...
NGƯỜI BẠN: – Trong đêm trường.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi tưởng đã mục nát
NGƯỜI BẠN: – Cái cuống cuồng ngỡ ngỡ.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Đáng ra, tôi nên cáo biệt.
NGƯỜI BẠN: – Cái oái oăm.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi như chết trôi (*một lát*). Thì ...

*Im lặng.
Thời gian co dãn.
Như thao thức,
Như lặng cầm.
Sau đó.*

NGƯỜI BẠN: – (*suy nghĩ*), Tôi có cần trời lại.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Khốn nỗi.
NGƯỜI BẠN: – Rằng hàng ngày.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – (*giận dữ*), Tôi hết muốn sống rồi.
NGƯỜI BẠN: – Đừng điên rồ.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – (*lớn giọng*), hãy cho tôi một nhát dao.
NGƯỜI BẠN: – Hãy cho tôi một nhát dao.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Anh không giả bộ nữa à.
NGƯỜI BẠN: – Tôi không giả bộ nữa à ... (*một lát*). Anh không giả bộ nữa à?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – (*thoảng thoát*), Đó là lần của ngàn lần tôi hết được, đó là năm – Anh còn thốt ra được.

NGƯỜI BẠN: – Tôi.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Về cái đời ảm đạm này.

NGƯỜI BẠN: – Để tôi xám hối.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Ôi!

NGƯỜI BẠN: – Anh không giận chứ.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi không giận chứ! Trời ơi, anh cứ lái nhải đến tro trên thế ư.

NGƯỜI BẠN: – Tôi xấu hổ.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Anh có im đi không.

NGƯỜI BẠN: – Đây!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Gì nữa.

NGƯỜI BẠN: – Đừng bỏ rơi tôi.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Đã hẳn là khi tôi trút sạch ... lớp bụi bặm .. Trong khoảnh khắc ...

NGƯỜI BẠN: – Cái hờ hênh của hình thù càn rỡ này.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – A!

NGƯỜI BẠN: – Anh thấy không?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi nứt ra. Rồi tôi ôm lấy mớ xương cốt nhơ nhớp ấy của loài người. tự cùng tận nỗi lầm than, tôi đã tự bịp bợm ... Mà anh chưa thấy sao? mà anh chưa chưa có dịp nào nhìn cho chết điếng cái phình phờ chó má ấy ư? Hãy cứ cho rằng cơn bạo bệnh đã qua đi, cái đốn mặt, cái ngu si, cái ảm áp của cõi đời đặng đặng này ... Hãy cứ cho rằng đêm tối rồi cũng thay màu ... Những đóa hoa rực rỡ ... Hãy cứ cho rằng ta phải nói cho tan tành cái cùng thẳm.

NGƯỜI BẠN: – Tôi thiết tưởng.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Đừng ngắt lời.

NGƯỜI BẠN: – Tôi có đốt nát không?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Hừm!

NGƯỜI BẠN: – Về cái hiện tại.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Cùng một loài ...
NGƯỜI BẠN: – Thôi.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Có nghĩa là cái thảng thốt.
NGƯỜI BẠN: – Một đám mây.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Một áng mây? Anh không nói khác
hơn được ư?
NGƯỜI BẠN: – Đã đành là ...
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi muốn thổ huyết.
NGƯỜI BẠN: – Với trời trăng vàng vạc.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Ôi!
NGƯỜI BẠN: – Cái hồn xanh.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Anh còn ảm ức đến bao giờ?
NGƯỜI BẠN: – Cái xấp xoải, mịt mù.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Ngày rồi qua, ngày đã qua, ngày rồi
chưa qua; ôi hương đềm phơi phới, ôi đời tỏa búp
non ... ôi ... cơn ác mộng vô vấp, cơn úa héo,
cơn chập chùng, cơn bầm vấp tràn trẻ ...
cái bé bỏng, cái vù qua. Tôi hầu như tắc nghẽn.
NGƯỜI BẠN: – Bà hoàng hôn.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Anh có thấy trên mắt tôi.
NGƯỜI BẠN: – Tôi nhuộm bệnh.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đã đui chưa?
NGƯỜI BẠN: – Đã đui chưa? Anh hỏi tôi đã đui chưa à?
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Đã đui chưa, đã đui chưa!
NGƯỜI BẠN: – Anh cứ cái.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Không chắc là ...
NGƯỜI BẠN: – Anh cầm chưa.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Chút dĩ vãng ...
NGƯỜI BẠN: – Chẳng lẽ là tôi không thể sống với cơn ác
mộng của tôi ư ... Thử hỏi rằng tôi không thể
chết với cơn ác mộng của tôi ư ... Thử hỏi rằng
tôi đã chương xác ... Mà vạn vật ... Anh còn
quấy rầy tôi ... Anh còn quấy rầy tôi ...

Im lặng

- NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Với mớ đời thừa mứa.
NGƯỜI BẠN: – Tôi muốn ...
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Dưới bóng cây.
NGƯỜI BẠN: – Dưới bóng cây à.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Màu cát vàng
NGƯỜI BẠN: – Màu cát vàng.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Và bầu trời khô ráo
NGƯỜI BẠN: – Tôi không rảnh rang.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi rảnh rang
NGƯỜI BẠN: – Anh không thấy là ... đêm tối.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Cái hun hút.
NGƯỜI BẠN: – Lúc lao đao.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Lúc say khướt.
NGƯỜI BẠN: – Anh không thấy ... mưa bay.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Mưa bay à.
NGƯỜI BẠN: – Đã ngốn mất.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Cái nhỏ noi muôn thuở này.
NGƯỜI BẠN: – Anh nói sao.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Mớ than hồng.
NGƯỜI BẠN: – Sao không nói ... là máu đào.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Cái bể bộn.
NGƯỜI BẠN: – Sao không nói ... là con trắng.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Anh làm tôi rối loạn.
NGƯỜI BẠN: – Sao không nói ... là nắm mồ ... Anh không
nhận ra ... là thời gian đang trôi mất ...
Thử ngắm nghĩa cái vô tận.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – ... Anh không nhận ra là chúng ta
đang chìm đắm.
NGƯỜI BẠN: – Tôi không mấy bận tâm.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – A!
NGƯỜI BẠN: – Về cái nguy khốn.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Thế thì ... tôi đi chứ.

NGƯỜI BẠN: – Anh nói sao.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đi đây.
NGƯỜI BẠN: – Anh điên rồi.

Im lặng

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Thú thực ... Tôi thú thực là ...
NGƯỜI BẠN: – Anh chưa đi à.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Về cái bí ẩn của trăng sao.
NGƯỜI BẠN: – Này.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Sau đó.
NGƯỜI BẠN: – Anh có thấy mặt trời đang rọi xuống.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Trên vũng lầy.
NGƯỜI BẠN: – Có thật không?
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Anh mới kể hồi hôm ... về một vụ
loạn đả.
NGƯỜI BẠN: – Tôi lấy làm ân hận.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Nói trắng ra ...
NGƯỜI BẠN: – Là tôi đã chạy trốn cái bọn người chết dẫm
đó ... Anh không hiểu nổi lúc tôi bị bủa vây.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Có thoát không? Anh lại muốn tôi
rơi vào bọn người man rợ đó à? Hỡi ơi!
(*thống thiết*) Anh làm sao hiểu thấu nỗi cô độc
NGƯỜI BẠN: – Anh nói đến cả ngàn lần.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Ô!
NGƯỜI BẠN: – Mà dĩ vãng ...
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Khoan đã.
NGƯỜI BẠN: – Tôi nghe cơn lạnh lẽo.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Đã chạm phải mùa Đông rồi.
NGƯỜI BẠN: – Có lẽ là mùa Thu.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi chỉ đoán mò là bọn họ đã chết tiệt
cả ... Trên gò đất ... ở quê hương. Anh có chắc
chắn về chiếc gậy.

NGƯỜI BẠN: – Anh đừng dụ dỗ. Tôi không hiểu ... về chiếc
gậy ... Thời gian ... và cơn tâm tối của anh đâu.
Tôi không hiểu ... cả giọt nước đang vỡ ra.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Thôi

NGƯỜI BẠN: – Anh đi chưa?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Cả anh cũng muốn tôi ...

NGƯỜI BẠN: – Tôi sắp đi đây.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Đợi tôi đã.

NGƯỜI BẠN: – Đâu có gì bó buộc là tôi với anh phải sống
chung.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Vậy ...

NGƯỜI BẠN: – Đi đi. (*ngáp ngừng*) Thì đi đi ...

Bất động.

*Thời gian động đây, cái xao xuyến của đợi chờ...
ngan ngát cỏ xanh ... Vạn vật hiển hiện cái sống
cái chết ... Hôn độn ...*

Im lặng. Một lúc lâu sau.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Này, tôi không còn nghe rõ ... Trong
cơn gió thoảng ...

NGƯỜI BẠN: – Một sớm sương rơi.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Phải ... và cánh chim.

NGƯỜI BẠN: – Anh đã đi chưa!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Mà anh đã đi chưa!

NGƯỜI BẠN: – ... Cái bề mặt kín bưng thế này.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Không có gì chắc chắn, ta phải ngồi
đây đến bao lâu, hãy nhớ kỹ ... cái máng cỏ ...
mà nắng vàng ...

NGƯỜI BẠN: – Cùng bầu trời và mưa bay ... Cùng bầu trời
và mưa bay ...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi tắt thở mất thôi.

NGƯỜI BẠN: – Trời đã sáng ... Trời đã sáng chưa?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi rơi xuống tới đầu rồi.

NGƯỜI BẠN: – Mà rối mù thế nào.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Và lời phỉnh phờ thô bỉ.
NGƯỜI BẠN: – Mớ ngôn ngữ lạ lùng.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi phải nói cho khô họng ... Tôi phải
 khuấy cho nát cái tịch mịch ... Tôi không nhận
 ra ... Tôi không nhận ra ... cái hình dạng phản trắc
 ... cái tấm tối vô bờ ... Tôi không thể mất được ...
 Tôi không đánh mất được ... Mà anh đã đi chưa?
NGƯỜI BẠN: – Ta phải tập ... Tôi phải tập tành cho quen.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đã nói gì rồi.
NGƯỜI BẠN: – Đời sống lại được mở ra.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Mớ xương cốt rày rạc. Và một rức rở
 khác. Nhớ lại lúc ta chặt vật để men theo ống
 khói ... không một nền trời, không một đóm mây.
NGƯỜI BẠN: – Tôi thấy rồi ... Tôi thấy lại rồi ...
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đã thấy chưa?

Im lặng

NGƯỜI BẠN: – Ô!
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – A!

Im lặng

NGƯỜI BẠN: – Tôi vẫn còn hy vọng ... Tôi chưa bị bỏ quên ...
 Không đời nào.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi không còn quá khứ
NGƯỜI BẠN: – Ta không vứt bỏ được quá khứ
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Mọi sinh vật đều biết mất.
NGƯỜI BẠN: – Ta trở trời cùng cái trống không.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – (*giận dữ*), Cái bọn người đốn mạt.
NGƯỜI BẠN: – Hãy tự nguyên rửa.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đang nói.

NGƯỜI BẠN: – Tôi không nghe thấy ... Cả những cơn
động kinh.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tất cả đã tiêu tan.

NGƯỜI BẠN: – Tôi ở đâu đây.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đang ở đâu đây.

NGƯỜI BẠN: – Hỏi để mà hỏi ... Ta là kẻ cuối cùng ... Ta là
kẻ độc nhất còn sót lại.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi là kẻ cuối cùng.

NGƯỜI BẠN: – Mà một năm, một ngày, một tháng ... Mà
một ngày, một táng, một năm ... Mà trăng sao,
mà bia xanh, mà cát bụi ...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đang sống.

NGƯỜI BẠN: – Tôi ở ngoài dòng sống.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Cái ngậy ngô.

NGƯỜI BẠN: – Thì cứ thử hỏi ... Xem lúc nào mới là quá
khứ. Mà ta đã suy, đã ngộ, đã chìm ... đã
chông chênh, đã hắt hiu, đã cô lý ...

Im lặng

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Không có gì ... Không có gì cả.

NGƯỜI BẠN: – A! ... Một lần tôi đã từng là kẻ ...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Đừng đầu độc tôi.

NGƯỜI BẠN: – Đừng nhắc lại ... Đừng khuấy lên.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Một buổi chiều như bao nhiêu
buổi chiều.

NGƯỜI BẠN: – Một hừng đông như bao nhiêu
hừng đông khác.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Ô!

NGƯỜI BẠN: – Đừng gọi lại ... Thời thơ ấu.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Lúc xuân xanh.

NGƯỜI BẠN: – Tôi đã chôn cất.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Mọi sự đều êm xuôi.

NGƯỜI BẠN: – Anh đã chôn cất rồi à.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Thế nhưng ... cái ngày dài lê thê.
NGƯỜI BẠN: – Thì cứ cho là như thế ... Trời đã tối và giấc
mơ oan khiên.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Có chắc rằng khi chào đời.
NGƯỜI BẠN: – Anh cứ mãi bận bịu về những điều vô ích.
Đường như trong hang tối ...
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – ... Là ta đã chết đi.
NGƯỜI BẠN: – Lúc hụt hẫng ... Anh muốn nói như thế ... Hay
ý chừng anh không muốn nói như thế ... Là từ
cái hố sâu ngẫu nhiên, chúng ta được vớt lên ...
Trên sườn đồi có trăng non ... Anh không nhớ
là hai đứa đã ôm nhau.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Và sống lại.
NGƯỜI BẠN: – Tôi không nhớ nổi.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Cùng với cơn ác mộng.
NGƯỜI BẠN: – Ôi!
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi phải bịa ra.
NGƯỜI BẠN: – Cha ... cha ...
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Nơi sinh sôi, nảy nở, đâm chồi.
NGƯỜI BẠN: – Là thưa ông, một ngày nay, một ngày nay
khác ... Một hoàng hôn, một sớm mai. Hoa hững
hờ một đóa, hoa, hoa ơi cỏ, cỏ non xanh ... Hơi
tro tàn, lửa óng ... A, đã bảo rằng một hôm tôi già
từ vầng trăng đó mà một hôm tôi vui đùa cùng
bầu trời ...
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Anh chỉ làm bộ ngạc nhiên.
NGƯỜI BẠN: – A!
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Và nhớ nhãng.
NGƯỜI BẠN: – Cái trò chơi ...
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Cái mạng lưới.
NGƯỜI BẠN: – Tôi muốn ói.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Cái vờ vỉnh xoay vần.
NGƯỜI BẠN: – Anh ...
NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi đã ...

NGƯỜI BẠN: – Hừ!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Suýt nữa ...

Im lặng. Một lúc sau

NGƯỜI BẠN: – Tôi không còn can đảm.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi tưởng rằng ...

NGƯỜI BẠN: – Tôi không còn can đảm.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi tưởng rằng ...

NGƯỜI BẠN: – ... Sao mà vắng ngắt đến dường này.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Vạn vật im lặng.

NGƯỜI BẠN: – Cả tiếng nói cũng bắt đầu phản bội.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi làm sao thế này.

NGƯỜI BẠN: – Ôi!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Chẳng lẽ.

NGƯỜI BẠN: – Ôi!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Chẳng lẽ! (*một lát*), Sự đổi thay, ngay cả
sự đổi thay ... Lời là lời ma mãnh ...

NGƯỜI BẠN: – Tôi không còn nhận ra ...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Tôi còn nước trần trướng anh mới hả
nữa sao?

NGƯỜI BẠN: – Tôi đã mất, tôi đang tan ra ...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Ôi chẳng!

NGƯỜI BẠN: – Ôi!

NGƯỜI ĐÀN ÔNG: – Ôi chao!

NGƯỜI BẠN: – Ôi!

Cả hai ôm lấy nhau.

Ngã xuống ... dày dứa một lúc.

Những tiếng kêu thất thanh không dứt.

Đến khi cả hai bất động, không nhúc nhích nổi.

Im lặng. Một lúc sau.

MÀN

ADDENDA



PHỤ LỤC

CẢM HỨNG TỪ KHẾ IÊM NGỢI CA SỰ IM LẶNG

Stephen John Kalinich

tôi đọc chúng một mạch và được chuyển hóa
chúng tuôn chảy những bài thơ
tôi yêu thích chúng vì chúng đơn giản và phức tạp chúng tuôn
chảy giống như một dòng suối nhỏ và đôi khi
một dòng sông ào ạt trôi qua chúng
bạn đáng được ca ngợi hay những gì bên trong bạn
là bạn và không phải là bạn đáng được ca ngợi
điều là bạn bên trong bạn
đã viết những câu thơ và khám phá những dòng thơ
tưởng như chúng được phát hiện ...
những bài thơ của bạn lớn dậy chúng tiêu điều và đẹp như cây
liễu mảnh mai hoặc như một nhánh cây với vài chiếc lá nhưng rễ
mạnh mẽ đặc trưng như thân tre
nhìn xuyên suốt tới bên kia và bên trong và không vướng vào
ảo tưởng
rằng cái mà chúng ta trải nghiệm là cuộc sống
nhưng nó cũng lại là giấc mơ như nỗi đau và tỉnh thức của toàn
nhân loại có phải con đường dẫn đến sự tốt lành
là trách nhiệm của chúng ta và cái gì không ở bên trong chúng ta
có phải chúng ta không ở ngay cả bên trong chính bên trong
chúng ta vì không có gì ở bên trong chúng ta
những gì chúng ta biết
Chúa chỉ có thể hiện hữu ở nơi chúng ta hiện hữu
cánh cửa này

INSPIRED BY KHE IEM
A CELEBRATION OF THE SILENCE

Stephen John Kalinich

i read them in one sitting and was transformed
they flow the poems
i love them they are simple and complex they flow like a little
stream and at times
a great mighty river runs through them
you are to be commended or what within you that
is you and not you is to be commended
the you in you
that wrote the verses and rediscovered the lines
that feel like they were revealed..
your poems have grown and they are stark and beautiful like a
slender willow or a tree branch with a few leaves but strong roots
into the nature of things like bamboo
seeing through and beyond yet in and not getting attached to
illusion
that what we experience is life
but is a dream like suffering and awakening of mankind woman-
kind the road to kindness
lies with us and yet what is not within us
are we not even within our own within for is not everything
within us
what we know
God can only be where we are
this door

qua đó chúng ta nhận thức bản thân
và thể hiện bản thân chúng ta là cửa và cửa sổ chúng ta không là
gì khác ngoài những hình ảnh nổi trôi của mây và màu sắc khói
và cái tự nhiên tạm bợ thì đẹp và
vâng đúng vậy bạn nắm bắt và gợi ý trong các bài thơ
và đưa kinh nghiệm của người đọc người nghe chú tâm tới bên
kia những hình ảnh và những chữ
và người đọc trở thành kinh nghiệm về việc đọc những bài thơ
của bạn và khi nhìn ngắm chúng
nhận ra rằng bạn sẵn sàng buông bỏ chúng
và không gán bó gì tới chúng bạn không hét lên như nhiều nhà
thơ ... những nhà thơ nhìn tôi
tôi là cái gì đó
bạn chia sẻ cuộc hành trình của bạn và đẹp để biết bao trong sự
đơn giản của cách biểu đạt
vì cái ghế
là ghế và không phải là ghế và cầu thang là cầu thang nhưng
không để đi tới nơi đâu
có lần tôi nghĩ tôi
đã viết một bài hát về những chiếc cầu thang một ngàn quăng đời
trước
và những tấm gương bao quanh tôi trong những bài thơ của bạn
và ở nơi nào tôi nhìn thấy chính mình và cảm thấy chính mình
và tôi mắc kẹt trong cái biết đó
và đó là cánh cửa giải thoát cho tôi vì chúng ta là một và chúng ta
kinh nghiệm chính chúng ta
chúng ta là các loài sinh thể đó và tin rằng bạn đã nắm bắt điều
này trong những bức ảnh chụp vội đáng yêu của tâm hồn bạn và
cái chết của đứa con trai đối với người mẹ là điều gì đó
mà không ai có thể thực sự nói tới
trừ phi

through which we perceive ourselves
and express ourselves we are the door and window we are nothing but floating images of clouds and colors smoke and the transitory nature is the beauty and
ye yes you capture and hint of that in the poems
and take the attentive reader-listener's experience beyond the images and the words
and one becomes the experience
of reading your poems and viewing them one
finds that you are willing to let them go
and not attached to them you are not screaming like many poets
... poets look at me
i am something
your are sharing your journey and there is much beauty in the simplicity of your expression
for a chair
is a chair and not a chair and stairs are stairs but going no where
i think once i
wrote a song about stairs a thousand lifetimes ago
and mirrors surround me in your poems
and every where I see myself and feel myself
and i am trapped in that knowing
and there is the door to my liberation for we are one and we experience ourselves
we are these kinds of beings and believe that you have captured this in these lovely snap shots of your soul and the death of a son to a mother is something
that one can not really talk about
unless

họ đã sống nó qua lộ trình này
bạn ám chỉ rằng không có chữ để nói về cuộc sống và những sự
thể này và điều đó đưa tới vẻ đẹp
của sự im lặng
nước trên một hồ nước
nước trên
một đại dương
không có tai để nghe âm thanh
không có mắt để nhìn cái đẹp
hoặc sự xấu xa
và một thoáng hy vọng nổi lên
và cuộc sống có niềm vui được nắm hờ và thích thú
vâng bạn ơi tôi rất thích những bài thơ bạn có thể trích dẫn
tôi.

Tình yêu
Bình an
Stephen

tôi ít nhận được tin bạn trong những ngày qua và chẳng cần thiết
mấy nhưng đây là những trao đổi thú vị và tôi chúc
bạn điều tốt lành ...
vì không có bạn và tôi
chỉ có chúng ta

Bình an
vì bài thơ lớn nhất
là sự im lặng ...

one has lived it walked this path
you hint that there are no words for life and these things and it
draws one to the beauty
of the silence
water on a lake
water on
an ocean
no ears to hear the sound
no eyes to see the beauty
or the ugliness
and a glimpse of hope emerges
and life has joy and is to be taken lightly and enjoyed,
yes my friend i enjoyed these poems you can quote me.

Love
Peace
Stephen

i am seldom hear from you these days and it is not necessary but
this was a good exchange and i wish you well..
for there is no you and me
only us

Peace
for the greatest poem
is the silence ...



“Bud weis er”
Drawing by Lê Thánh Thư

“Bud weis er”
Drawing by
Đình Cường



Bud wei ser
Drawing by Nguyễn Đại Giang



TIỂU LUẬN

CÁCH ĐỌC

Nguyễn Hoàng Nam

Ba con ếch, từ một đám sậy trong đầm, nhìn qua cửa sổ thấy cái tủ lạnh đựng bia trong nhà. Một con khởi đầu bằng giọng ếch “Bợợợ”; con kế bên tiếp theo “waaaiz”; con chót kết thúc “zơơơ.” Cái này không phải còi siêu thực, khi vô thức chạm trán với ý thức, nảy ra cái merveilleux quái gì đó. Đây là quảng cáo bằng graphic của máy điện toán. Cứ đàn bà đẹp mặc bikini tay cầm chai bia hoài cũng chán, hãng Budweiser bịa ra trò mới cho vui. Mà quảng cáo là dĩ nhiên lặp đi lặp lại nhiều lần trên truyền hình, để ngấm vào đầu chúng ta hiệu bia và cái thông điệp ngấm “Ếch mà còn thích bia Budweiser hưởng gì người.” Hay có thể xỏ lá hơn, nếu chúng ta nghĩ kỹ: “Người mà không thích bia Budweiser thì còn thua ếch nhái.”

Đó là chuyện quảng cáo. Mà quảng cáo thì cái gì cũng được, miễn là tăng số tiêu thụ và đừng bất hợp pháp. Còn thơ?

Trước hết, bài thơ phải thế nào? Đưa ra vấn đề có nghĩa là đã đặt giới hạn, trong khi thơ thật sự không nằm trong một giới hạn nào. Chúng ta phải bắt đầu từ “bài thơ là cái gì và thế nào cũng được” để đặt câu hỏi cho đúng: khi hoàn toàn tự do trong thể loại và cách diễn đạt, tác giả đã chọn lựa thế nào và chọn lựa cái gì? Và từ đó, chính người đọc chọn lựa cái gì?

HOW TO READ

Nguyễn Hoàng Nam

Three bull-frogs in a swamp look past a window and see a refrigerator full of beer in the house. One of them begins with a croak “Bợợợ”; and then the next one follows with a “waaaiz”; and then the last one ends with a “zợợợ.” This is not the realm of surrealism, where unconscious meets with conscious, giving rise to something strangely marvellous. This was a computer-generated commercial graphic. The Budweiser Company must have gotten bored with beautiful women in bikinis holding bottles of beer, so they created this new TV ad for fun. But these commercials were repeated again and again many times on television, to imprint in our minds the beer brand and the subliminal message, “even frogs love Budweiser beer, so humans should too.” Or, to be more roguish, we can infer that: “If humans don’t love Budweiser beer, then they are worse than frogs.”

That’s commercials. Anything goes with commercials, as long as it increases consumption and isn’t illegal. What about poetry?

First of all, how should a poem go? To raise an issue is to place restrictions, whereas true poetry is not bounded by any limitations. We must begin with the questions, what is a poem, and what does it mean that anything goes. Then we can properly pose another question: When the poet has complete freedom of form and expression, what should the poet do, and how should he do it? And, by extension, what should a reader do?

Như vậy bạn đọc quen với lối đọc thơ Việt Nam lâu nay dễ gặp trở ngại.

Đối với bài “TV Ký” bạn có thể cảm thấy khỏi cần đọc, khỏi cần chiêm nghiệm chữ nghĩa có gì ghê gớm không, ý tứ có gì sâu sắc, có bộc lộ một nỗi đau mơ hồ nhưng vĩ đại nào không. Phản ứng đầu tiên của bạn là liên tưởng ngay tới quảng cáo của hãng bia, mà ông Khế Iêm đã ngang nhiên chôm gần như nguyên con và tỉnh bơ thấy nó ngay trước mặt bạn. Tác giả rõ ràng đã lợi dụng trắng trợn sự phổ biến của quảng cáo bia Budweiser. Bạn có thể cảm thấy khó chịu vì tác giả có vẻ không biết xấu hổ là gì, có vẻ chẳng đếm xỉa tới sự trông đợi một thái độ nghiêm trọng, cao cả mà người Việt Nam thường xem như đi đôi với một con người chữ nghĩa, và hơn nữa, một chủ bút của một tạp chí văn chương. Bạn càng thấy khó chịu hơn khi thấy những dòng chữ nhỏ phía dưới dường như chứa đựng nhiều hơn bài thơ phía trên, nhưng lại không phải là “ghi chú” để làm rõ nghĩa một điều gì, mà là “cách dùng” như thể bài thơ là một thứ đồ vật thường ngày, như máy hát, bàn ủi, thuốc cảm, áo mưa v.v.

Tôi đang cố gắng lựa lời để khỏi làm mịch lòng bạn: Nếu bạn có những triệu chứng vừa kể thì cách đọc thơ của bạn đã lỗi thời, và ngay chính sự lỗi thời đó cũng chẳng có một nền tảng lý luận vững vàng gì.

Bạn thử suy nghĩ về những điều tôi trình bày. Thứ nhất, thơ không còn là báu vật làm trang sức cho địa vị của những quan huyện, ông đồ, và những người du học từ Pháp về (tôi chẳng rõ những người này đã học được gì; thử đặt một câu hỏi căn bản nho nhỏ: nếu chúng ta chịu nhiều ảnh hưởng thơ Pháp cuối thế kỷ 19, tại sao gương sáng của Rimbaud không thấy nhắc đến, tại sao chúng ta có quá nhiều người chẳng có điều gì để nói mà không chịu ngưng viết?). Thứ hai, người làm thơ không đại gì muốn làm thượng đế.

This means that, if you are used to reading Vietnamese poetry in the past (old style), you will meet with difficulties.

With “Television Script”, you might feel that you do not need to read, you do not need to absorb and digest words because there is nothing grandiose about it, no deep thought, no expressing some illusory yet great suffering. Your initial reaction is to associate with the beer commercial which Khế Iêm blatantly stole wholesale and placed in front of your face as if nothing has happened. Clearly, the poet had overtly taken advantage of the proliferation of the Budweiser beer commercial. You might have felt uncomfortable because the poet appears to be shameless, without concern or deference for any solemn attitude, which the Vietnamese often attribute to a person of letters, in this case, an editor of a literary magazine. You will feel even more uncomfortable upon noticing the fine print beneath, which seems to convey even more than the poem, but it is not a footnote to clarify any meaning; instead, it is a “suggested use”, as if the poem is a common household item, such as a karaoke machine, an iron, flu medicine, a condom, etc.

I am trying to choose my words carefully so as not to offend you. If you have all of the symptoms which I have just described, then how you read poetry is obsolete, even while that old-style notion has no solid philosophical foundation at all.

Try to think of the things which I have just presented. First of all, poetry is no longer precious ornaments to decorate the mandarins, the learned men, and those who went abroad to France and returned back home. (I’m not sure what these people really learned.) Let’s pose a simple question: If we have been greatly influenced by French poetry from the end of the 19th century, then why is Rimbaud’s shining example not alluded to, and why do we have so many people who have nothing to say yet keep writing on and on? Secondly, the poet is not stupid enough to

Sự tự nhận một sứ mệnh cao cả để nhìn ra cách cứu rỗi nhân loại là việc vô ích. Nhiều kẻ có tài thiên bẩm đã thất bại, như Rimbaud đã thất bại và Breton đã thất bại (lại thêm một câu hỏi về bài học từ ảnh hưởng thơ Pháp); đối với những người có tí năng khiếu lai rai, nó là trò kiêu ngạo tự đánh lừa, mà kết quả chỉ là sự lãng phí thời giờ học hỏi và rèn luyện. Thứ ba, bạn có hiểu “lãng mạn” là gì không? Nhiều nhà thơ, mà bạn hằng tôn sùng một cách dễ dàng và vô điều kiện, không thể trả lời suông sẻ câu hỏi này. Cái quan niệm thơ mà bạn đã quen thuộc có một tiến trình kỳ cục. Nó bắt đầu, trẻ khoảng 50 năm, bằng ảnh hưởng của thơ Pháp cuối thế kỷ 19, thời kỳ hậu Lãng Mạn khởi đầu Tượng Trưng, và không hiểu sao ở Việt Nam ngang nhiên thành “lãng mạn.” Thật ra nó gần như chẳng có gì Lãng Mạn, rất ít hậu Lãng Mạn và rất ít Tượng Trưng, khi chúng ta so sánh nó với cái gốc của những phong trào này. Phần lớn nó là sự phóng đại những nỗi đau không có thật, những lời khen ngợi nữ sinh trung học một cách mơ hồ từ những ông trời con tự xưng là “ta” như trong truyện kiếm hiệp và phim bộ. Những thứ này lặp đi lặp lại hoài thành ý nghĩa của thói quen, và bài thơ chỉ còn là một màn tranh tài của chữ – ai cũng đã thuộc lòng cốt truyện tuồng cải lương rồi, tới chỉ để coi đào kép diễn xuất. Khoảng cuối thập niên 60, trẻ khoảng 30 năm, tự nhiên nó nhảy phóc qua lấp ló ở ngưỡng cửa Siêu Thực và đứng thập thò mãi ở đó tới bây giờ. Càng kỳ cục hơn là suốt nửa thế kỷ mù mờ vừa kể, lý luận phê bình rất nghèo nàn, gần như không có.

Cho nên những điều trên, và cái quan niệm thơ kèm theo, mới thật sự là khó hiểu. Còn thơ kiểu “TV Ký” thì dễ hiểu thôi. Bởi vì nó có truyền thống khá rõ ràng để chúng ta bắt đầu.

want to be God. It's futile to self-affirm with a higher purpose or mission in order to find salvation for humankind. There are many geniuses who have failed, like Rimbaud has failed and Breton has failed (which raises another question about what was learned from French poetry); for those who have some minor talent, indulging in deceptive arrogance results in a waste of time spent learning and practicing. Third, do you really understand what "romantic" is? Many poets whom you admire or worship glibly and without condition cannot readily answer this question. The notion of poetry which you are familiar with has a strange history of development. It started, about 50 years late, with the influence of French poetry at the end of the 19th century, the period of post-Romantic writing beginning with Symbolism, and then somehow transformed into "romantic" in Vietnam. Actually, there is almost nothing Romantic, very little post-Romantic and even less Symbolism, when we compare this notion of poetry with the original movements of these schools. Mostly, it is the exaggeration of unreal suffering, the praising of high-school girls in vague terms, like the little braggarts in sword-hero drama tales and epic movies who refer to themselves as "we". These things are repeated over and over again, and gain meaning because of familiarity. Poetry becomes a contest of talent with words – anyone could internalize or memorize a Vietnamese modern play; one needs only be a spectator and watch the leading actors and actresses perform. Towards the end of the 1960s, being about 30 years late, this notion of poetry suddenly leapt across the threshold of Surrealism, and there it has remained until now. What's even stranger is that, during that foggy half century, philosophical debate and criticism had been very poor, almost non-existent.

Therefore, the above issues, and the notions about poetry which accompanied it, are truly difficult to understand. However, the type of poetry which is "Television Script" is easy to understand because it has a clear tradition from the start.

Trước hết là chuyện ông Tristan Tzara trộn chữ trong một cái bị rồi nhắm mắt bốc ra xếp thành bài thơ. Chúng ta để chú ý vào bài thơ và lầm tưởng nó là trò đùa. Thật ra phần lớn ý nghĩa nằm trong cách tác giả làm bài thơ. Bài thơ chỉ đóng vai trò kích thích người đọc tìm hiểu nó được làm thế nào. Ông Tzara xóc chữ để nói rằng tất cả trong cuộc đời đều tùy thuộc vào may rủi, thượng đế đã chết, trò trẻ nít thú vị hơn những kinh nghiệm làm con người khô cứng ù lì v.v. Chắc bạn cũng đã từng nghe những thứ linh tinh này ở đâu đó rồi. Nhưng điều chúng ta cần nắm bắt là cách làm cũng là một phần của bài thơ, và cách làm có thể là nơi sáng tạo nhất của tác giả.

Kế đến là chuyện ông Marcel Duchamp gửi cái bồn tiểu đi triển lãm. Quan niệm nghệ thuật hiện đại được nhấn mạnh: nghệ thuật không chỉ ở bảo tàng viện, hay trên những trang “cảo thơm,” mà chúng ta nên khám phá những điều thú vị nơi những đồ vật thường ngày quanh chúng ta – cái đẹp là do mỗi chúng ta tự chọn. Sự sáng tạo không có gì ghê gớm, ai cũng làm được cả, vì nó không ngoài sự tự đi tìm niềm vui của mỗi tâm hồn, sự đi tìm ý nghĩa chủ quan trong một thế giới vốn vô nghĩa.

Như vậy dễ lên đài danh vọng quá? Không hẳn. Một mặt, ông Tzara là người đầu tiên xóc chữ, cũng như ông Duchamp là người đầu tiên gửi cái bồn tiểu đi triển lãm. Nếu tôi, chẳng hạn, cũng xóc chữ y vậy thì thật là thừa, nghĩa là tôi chẳng nói thêm được gì. Tuy nhiên, nếu tôi thích xóc thì tôi xóc cái khác. Mặt khác, bài học cho chúng ta ở đây không hẳn là chúng ta phải cố làm những thứ giật gân để nổi tiếng, mà là ở cái tinh thần để ý cuộc đời quanh mình để tập nhìn nó một cách khác đi, lạ hơn, thú vị hơn. Đó chính là cái thi sĩ ở mỗi chúng ta.

First, there is the story about Tristan Tzara mixing up words in a bag and then blindly drawing them out to form a poem. We can easily confuse a poem with a simple game when, in actuality, the meaning of a poem lies in how the poet had created the poem. The poem's only role is to stimulate the reader to seek knowledge of how the poem was created. Tzara mixed up words to make the statement that everything in life is dependent upon chance, that God is dead, that a child's game is more interesting than human experience, which is dry and stagnant, etc. Certainly, you have heard of these miscellaneous things somewhere already. But what we need to grasp is that how the poem is created is part of the poem, and how the poem was made might be the most creative aspect of the poet's work.

Next, there is the story about Marcel Duchamp submitting a toilet for exhibition. Modern artistic expression emphasizes that art is not just in museums or on "perfumed" pages, but that we can discover many interesting things in normal everyday things all around us – beauty is something which each of us can choose for ourselves. Creativity is nothing grandiose; anyone can embark on it because, besides the search for happiness of each individual spirit, the search for meaning is subjective in a meaningless world.

Thus, has it become too easy to gain fame? Not necessarily. On the one hand, Tzara was the first person to mix up words, just like Duchamp is the first person who submitted a toilet for display in an exhibition. For example, if I were to mix up words, that would be redundant; that is, I cannot speak to anything more. However, if I like to mix up one thing, I can mix up other things. On the other hand, the lesson for us here is not necessarily that we have to do shocking things in order to gain fame, but that the spirit of human beings pays attention to observe life around us and to practice looking at things differently, more strangely, more interestingly. That, in fact, is the poet in all of us.

Thì đó là truyền thống căn bản (mà cái quan niệm thơ của bạn đã lờ một cách ấu tả và nhảy phóc sang đứng thập thò hoài ở cửa Siêu Thực, như đã nói ở đoạn trên) nhưng mà như vậy thì “TV Ký” muốn nói gì? Hay lặp lại lời của mấy ông Dada?

Bạn đừng nóng. Trước hết, thơ ông Tzara từ thời 1916, cái bồn tiểu của ông Duchamp năm 1919, bài thơ của ông Khế Iêm năm 1996, được kể như thuộc thời hậu hiện đại, dĩ nhiên phải nói nhiều điều hơn. Sự áp dụng quan niệm nghệ thuật thời hiện đại dù sao vẫn giới hạn trong cái chủ quan (và sự tự tôn) của những cường quốc: “quốc tế” thật ra chỉ là Nga, Mỹ, và Âu Châu. Trên bình diện xã hội nó càng thu hẹp hơn. Vẫn lấy Dada làm điển hình, những bước khai phá của phong trào này dù sao vẫn chỉ là phản ứng của trí thức cấp tiến Tây Phương đối với sự ù lì trong cái mã hào nhoáng của xã hội trung lưu Tây Phương lúc đó, mà đại diện văn hóa là Ấn Tượng – tức là tất cả đều chỉ là chuyện của những anh đàn ông da trắng. (Thí dụ: ông Duchamp triển lãm bồn tiểu thì được hiểu, còn chẳng hạn bà TTKh.* gửi cái cầu cá tra của chúng ta đi thì không. Những thứ được hô hào là “kinh nghiệm chung của nhân loại” thật ra là cái nhìn của đàn ông da trắng.) Bị chỉ trích kịch liệt trong thời hậu hiện đại, sự độc tôn này đã phai dần trong những năm gần đây để nhường chỗ cho quan niệm chung là tôn trọng những tiếng nói đa văn hóa và đa phái tính – quốc tế thật sự là quốc tế. Tiếng nói và kinh nghiệm của thế giới thứ ba, của các sắc dân thiểu số ở Tây Phương, của phụ nữ, và của thành phần đồng tính luyến ái, đã thành những truyền thống rõ nét trên văn đàn quốc tế.

Như vậy, mặc dù có thể sử dụng những thể loại và lý thuyết có truyền thống từ Tây Phương, bản sắc và tinh thần của chúng ta vẫn được thể hiện. Bởi vì chúng ta nói chuyện của chúng ta, theo kinh nghiệm của chúng ta, không phải nhắm mắt lặp lại và ca ngợi kinh nghiệm của các tên tuổi lớn Tây Phương như thế hệ trước đã làm

That is basically the tradition that your notion of poetry recklessly ignored and leapt over to stand peeking into the window of Surrealism, as I mentioned in the above paragraph. But, if that is the case, then what does “Television Script” wish to speak to? Or should we repeat the words of the Dadaists?

Don't be impatient. First, Tzara's poems from 1916, Duchamp's toilet from 1919 and Khế Iêm's poems from 1996, are considered part of post-modernism, so, obviously, more must be said. The application of artistic notions in modern times is still limited to the subjectivism (and arrogance-narcissism) of the superpowers: “international” in fact refers to Russia, America and Europe. In the social realm, it is even more contracted. Take Dadaism for example: The discoveries of this movement are really a reaction by Western progressive intellectualism in response to the stubbornness of the petty bourgeoisie (middle class) of the period, of which the Impressionists are representative – all of which are the doings of white men. (For example: Duchamp exhibiting a toilet is understood, but, when our own TTKh * entered a catfish bridge for exhibition, it was not understood. What is acclaimed as “the common human experience” is in fact the perspectives of white men.) Criticized roundly in post-modernity, this kind of singular veneration has faded in recent years, giving way to a common notion of respecting multiple cultural and gender voices – internationalism has truly become international. The voices and experiences of the third world, of ethnic minorities in the West, of women, of homosexual men, have gained recognition on the international literary stage.

And so, although we utilize forms and philosophies which are traditionally Western, our own unique cultural and spiritual imprint can be expressed. Because we are telling our own stories, our own experiences, we do not have to close our eyes and praise the experience of the great Western artists and thinkers, as the past genera-

ở Việt Nam. Chúng ta có thể hiểu “TV Ký” là sự châm biếm đời sống tinh thần tê bại, đầy lừa bịp quảng cáo của người sống ở Tây Phương, nhưng con ếch ương lại là biểu tượng của Việt Nam. Tức là bài thơ cũng có thể là một loại “xa quê hương nhớ mẹ hiền”: xem ếch trên TV nhớ con ếch ương dưới ao xưa. Một người chủ trương hòa hợp hòa giải có thể nghĩ rằng “ếch ương và bia còn đồng điệu được, hưởng gì là ... quốc gia và cộng sản.” Một người bảo thủ có thể chửi tác giả dám đem bản sắc dân tộc ra đùa giỡn (dù nó chỉ là ... con ếch ương.) Hay bài thơ có thể là một cú xô lá thi ca Việt Nam: ai cũng nghĩ mình là cậu ông trời, nhưng thực ra toàn là ếch (ngồi đáy giếng), ếch ương (mồm rỗng kêu to), chàng hui (núp trong bóng tối nhảy ra hù dọa những người yếu bóng vía). Có thể phức tạp: sự kết hợp và va chạm giữa quảng cáo và bài thơ, hình ảnh thật và hình ảnh TV và hình ảnh trên trang giấy, tiếng kêu của ếch giả trên TV và âm thanh thảm của ếch ương trong ký ức – những nguồn động cơ khác nhau ảnh hưởng đến sự hình thành ý nghĩa từ mọi thứ xảy ra trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, mà chúng ta không để ý, hoặc không có thời giờ, để phân tích. Cũng có thể rất đơn giản: bợn nhậu xem bài thơ thấy thèm bia lạnh và đùi ếch chiên bơ. Và v.v. và v.v.

Tới đây chúng ta nhận thấy: bài thơ không quan trọng, tác giả còn kém quan trọng hơn, điều quan trọng nhất là người đọc và cách đọc. Sự sáng tạo của mỗi chủ quan không có nghĩa là mỗi người một cõi, mà đòi hỏi mỗi chúng ta phải nhận thấy là luôn luôn có những lối nhìn khác với chủ quan của mình. Và đó cũng là hy vọng của chúng ta trong thời hậu chiến.

Mùa Thu 1996

CHÚ THÍCH

* Nhà thơ TTKh. làm thơ khoảng thập niên 1930-40.(TTKh. was a Vietnamese woman poet who wrote poetry in the 1930s.)

tion has done in Vietnam. We can think of “Television Script” to be a kind of satire of life in a negative spirit, promoting the commercials of those who live in the West, yet the bull-frogs are a symbol for Viet Nam. That is, a poem could be a kind of “home away from home”: to watch the bull-frogs on TV is to remember the swamps of old. A person who subscribes to reconciliation tendencies can think that “even frogs and beer can be reconciled, so why not nationalism and communism.” A conservative person could curse this poet because he dared to poke fun at our national character (although it is only bull-frogs.) Or a poem could be a satire of Vietnamese folk poetry: Anyone can think of himself as the “uncle of heaven” when, in fact, they are just a frog (sitting at the bottom of a well), a bull-frog (noisily empty) or a tree frog (hiding in the shadows and jumping out to startle the unsuspecting). Perhaps even more complex is the mixing and merging between commercials and poetry, between real images and TV images and images on paper, the croaking of imaginary bull-frogs on TV, and the silent sounds of bull-frogs imprinted in past memory – motivational sources from many different influences borne out of our ordinary daily experiences which create meaning, without our conscious awareness and without time for analysis. Or, to put it simply, an alcoholic would crave cold beer with buttered frog-legs upon encountering this poem. And etc. and etc.

At this point, we recognize that the poem is not important, that the author (poet) is even less important, that the most important thing is the reader and how the poem is read. The creativity in every subjective viewpoint does not mean that each person is in their own world, but it demands that each one of us realize for ourselves that there are always many different perspectives to our subjectivity. And that is the best hope for us in our post-war era.

The Fall of 1996

BÌNH LUẬN VỀ THƠ KHÁC

Alexander Kotowski

Trong khoảng vô số giờ phút thú vị tôi chúm mũi vào một tập thơ hoặc văn, có những lúc tôi ngẩng đầu khỏi cuốn sách hoặc ngược mắt khỏi dòng chảy nhịp nhàng của bài thơ, và tự đặt một câu hỏi mà nó đòi được giải đáp: điều gì đã buộc tôi tiếp tục; điều gì hiện hữu bên trong bài thơ khiến đôi mắt khát khao của tôi dán chặt vào những dòng dưỡng chất, năm này qua năm khác? Có vài lý do ùa vào tâm trí, tất cả chúng đều quan trọng và xác thực như nhau, trừ một lý do, chừng như đứng ở vị trí cao hơn cả. Đó là khi những dòng thơ nối kết tôi với Cái Tôi đã mất của tôi, cái tôi lang thang, và điều này đánh thức tâm hồn giữa lòng thế giới hỗn độn quá thiên về chủ nghĩa vật chất này, nhắc nhở tôi rằng tôi sở hữu được cái gì đó vốn là phi vật chất; rồi thì dường như tôi nhớ được tại sao tôi yêu thơ, bởi vì thơ đã nhớ tới tôi, cái tôi vĩnh hằng bị giấu kín. Và khi tôi tình cờ gặp được một bài thơ hoặc một tập thơ giữ lại được yếu tố phi thời gian, vô giá và, tôi lấy làm tiếc phải nói rằng đó còn là yếu tố hiếm hoi trong thế giới viết văn làm thơ đương đại của chúng ta, sau đó thì tôi biết tôi đã tình cờ gặp được một cái gì đó lớn lao.

Của Khê Iêm: thơ tỏ lộ sự thấu hiểu thật sâu sắc, những tiểu luận kích động tư duy, và đặc biệt là tuyển tập thơ song ngữ đầu tiên và gần đây nhất được đặt tên là *Thơ Khác*; tất cả là một gương mẫu quý giá về sự lớn lao mà tôi xin trân trọng để nói thế. Ngay sau khi người đọc có thể rời mắt khỏi sự phối hợp và nhịp điệu đẹp đẽ của những họa tiết trên bìa sách, để đắm chìm nơi miền sâu thẳm của những bài thơ của Khê Iêm, họ có thể thấy rằng những bài thơ của

REVIEW OF OTHER POETRY

Alexander Kotowske

During the countless pleasant hours that I have spent with my nose buried in a book of poetry or literature, there are occasions when I lift my head from the book or raise my eyes from the rhythmic flow of the poem, and ask myself a question that begs to be answered: what is it that compels me to continue; what exists within poetry that keeps my hungry eyes fixed to the alimetal lines, year after year? Several reasons rush to mind, and they are all equally important and true, except one, which seems to stand superior to them all. This is when the lines of poetry connect me to my lost Self, the wandering I, and awakens the soul amidst this chaotic world that is consumed with materialism, reminding me that I possess what is immaterial; then I seem to remember why I love poetry, because poetry has remembered me, the hidden eternal me. And when I stumble upon a piece or book of poetry that withholds this timeless, priceless and (I regretfully say, within our contemporary world's writing and poetry) rare element, then I know that I have stumbled upon something great.

The deeply insightful poetry and lofty, thought-provoking essays of Khe Iem and especially his latest debut collection of bi-lingual poetry entitled *Other Poetry* are golden examples of this greatness which I speak of so highly. The readers are able to remove their eyes from the beautiful interplay and rhythm of the designs which cover the surface of this book, and to dive into the depths of Khe Iem's poems, they may find that his endearingly simple,

ông, một cách khả ái, chúng giản dị, uyển chuyển, biểu đạt rõ ràng, và sâu sắc; và chúng chẳng thể dẫn họ theo hướng nào khác ngoài hướng đi vào bên trong, và hướng tới một sự thấu hiểu sáng suốt hơn về thực tại của chính họ. Trong khi chúng ta bước chậm rãi xuyên qua mê cung những ý nghĩ lấp lánh sắc thái của sự quan sát nội tâm đan quyện vào nhau qua suốt những bài thơ của Khế Iêm, thì chúng ta bắt đầu đặt câu hỏi về thực tại của thời gian, về thực tại của không gian, và về đời sống mà chúng ta coi như thực tại của chúng ta. Đôi khi một bài thơ thật trang nghiêm lại kết thúc bằng một cảm giác đột ngột về sự cô độc cực kì, như thể chỉ những điều để biết, để cảm nhận, nối kết chúng ta với thực tại của chúng ta, mới là những cảm xúc gào thét bên trong ta. Và rồi, trong những khoảnh khắc đó, khi Khế Iêm để mặc chúng ta tự hỏi chúng ta nên đi đâu, thì ông bắt đầu vẫy chào tạm biệt một ảo tưởng khác, khi ông đứng bên đây đường, nóng lòng từ biệt niềm xúc cảm buồn rầu đã cứng đờ lại, nhưng nó vẫn kiên trì trụ ở bên kia đường; và dù ông có thể thốt lời “buồn ơi, tạm biệt, buồn ơi” trong khi vẫy tay chào, thế nhưng ông không thể dứt khỏi người bạn thân thiết ấy mà ông từng giữ trong lòng và “nuôi dưỡng” đã quá lâu. Những bài thơ nhiều lần nhắc nhở chúng ta về tính tạm bợ của cuộc sống chúng ta, và về vài sợi dây mỏng manh ít ỏi ràng buộc chúng ta với nó, nhưng chính từ cuộc hiện hữu chùng như trần thế đó lại tuôn trào những từ thật táo bạo trong bài thơ *Chuyện Đời Anh*, “Những cái chết chưa bao giờ có thật những cái chết chưa bao giờ xảy ra”. Điều bí ẩn mỉa mai này mà ông để xướng chùng như giải phóng chúng ta một cách huyền nhiệm khỏi những âu lo vô ích về cái không biết. Dường như ông muốn nói rằng còn có nhiều điều cần biết hơn là chỉ riêng cuộc sống và cuộc hiện hữu này, vì thế đừng quá bám chặt lấy nó, tốt hơn hãy thả lỏng bàn tay nắm chặt nó do sợ hãi, để buông trôi vào vịnh cứu, vì bạn đã sống ở bên trong vịnh cứu rồi. Trong bài thơ *Tức Cảnh*, một cách thích thú người đọc sống trọn một ngày thư giãn với cà-phê và tiếng chim hót mà ông nói tới, và cái bóng thoáng hiện của đám mây trôi qua chùng như

fluid, articulate and profound poems may lead them in no other direction than into themselves, and towards a more lucid understating of their own reality. As we slowly step through the labyrinth of introspection-sparking thoughts intertwined throughout Khe Iem's poems, we begin to question the reality of time, the reality of space, and the life we consider to be our reality. At times, a solemn poem ends with a sudden feeling of sublime loneliness, as if the only things to know, to feel, linking us to our reality, are the emotions roaring within. And then, in these moments when Khe Iem leaves us wondering where we should go, he begins to wave goodbye to another illusion, as he stands upon the opposite side of the street, longing to say goodbye to the immovable emotion of sadness, but it remains steadfast on the other side of the street; and, although he may say, while waving his hand, "sadness, goodbye, oh, sadness," he cannot part from a close friend whom he kept within and "nurtured" for so long. The poems repeatedly remind us of the transitory nature of our life, and of the few thin strings that connect us to it, but bursting forth from this seemingly temporal existence come the bold words within the poem *The Story of Your Life*, "Deaths that have never been real deaths have never occurred". This ironic enigma which he proposes seems to mysteriously free us from the needless worries of the unknown. He seems to say that there is more than life and this existence to be known, so do not cling too tightly to it; rather, release the fearfully clenched grip and drift into the everlasting, for you already live within it. In the poem, *On the Spur of the Moment*, the reader pleasantly absorbs a relaxing day of coffee and the song of birds he speaks of, and the fugacious shade of a passing cloud seems to remind us of our fleet-

nhắc nhở chúng ta về cuộc đời phù du nhưng đẹp đẽ của chúng ta, và đúng vào lúc người đọc nghĩ rằng mình biết được điều gì đang xảy tới hoặc biết được điều có thể được ám chỉ, thì Khế Iêm lại kết thúc bài thơ bằng câu “cũng không có gì ... cả như bóng mây.” Cái tính chất đôi khi hàm hồ và mĩa mai mà nó là đặc trưng của một số bài thơ của Khế Iêm có lẽ là một trong những yếu tố thú vị nhất và duy nhất của thơ ông. Những bài thơ này cho phép người đọc bắt đầu hiểu rõ được cái thế giới mà ông trình ra và tính phân cực của những gì có thể là chân lí, và dành cho người đọc vai trò của người quyết định tới hậu về quan điểm của họ về thực tại.

Trong khi tôi đọc những bài thơ đó, và đọc lại chúng một cách thú vị, tôi không ngừng nhận ra niềm hối thúc phải đọc lớn lên, và mặc dầu chúng được dịch từ tiếng Việt qua tiếng Anh, tôi vẫn nghe ra được một bài hát phổ biến trôi qua đầu lưỡi, một bài hát được nhận ra là không thuộc một ngôn ngữ từng được biết nào. Những dòng thơ tuôn chảy vừa lặng lẽ vừa hùng hồn. Những bài thơ không bị câu thúc và không bị lây nhiễm cái bệnh dịch của người viết hiện đại, đó là sự giả trá. Khế Iêm cho thấy tinh thần khiêm tốn nồng hậu và đầu óc sáng suốt của ông trong những dòng thơ đó, và chúng ta bắt đầu cảm thấy quen thuộc với nhà thơ cũng như với những bài thơ của ông khi chúng trôi xuôi theo dòng sông chảy nhịp nhàng của tư duy thông tuệ của ông. Có những lúc trong khi đang đọc *Thơ Khác*, những người đọc nào cực kì tập trung đầu óc và hướng sự tập trung đó vào bên trong con người mình, về những gì được viết ra, thì những người đọc đó sẽ tìm được cảm giác an nhiên khuây khỏa trong sự tĩnh lặng của tư duy của Khế Iêm. Trong một bài thơ như bài *Con Chim Chết*, sự nghiêm ngặt của thời gian và sự không tránh khỏi của cái chết dường như trôi đi mất, như con chim từng một thời đẹp đẽ và sinh động giờ sa xuống cái chết trên bức tranh vẽ sơn dầu bất tử cho “ngàn đời sau”, và rồi, trong vòng cái chu kì lộng lẫy này mà chúng ta gọi là cuộc đời, con chim đó có thể trở lại với sự sống chừng nào mà những gì là đẹp trong thế giới vẫn tiếp tục tồn tại. Mặc dù toàn bộ chuyện

ing but beautiful life, and just as the reader thinks that he knows what's coming or what may have been implied, Khe Iem concludes the poem with, "but nothing comes of it... not even cloud shadows." The sometimes ambivalent and ironic nature which characterize some of the poems is perhaps one of the most interesting and unique elements of his poetry. They allow the reader to come to grips with the world he presents and the polarity of the possible truths, leaving the reader the ultimate decider of their own view upon reality.

As I read and enjoyably re-read the poems, I continually find the urge to read them aloud, and although they are translated from Vietnamese into English, I hear float off my tongue a universal song, which is recognized as no known language. The lines flow both quietly and eloquently. The poems are uninhibited and uninfected with the plague of the modern writing man, pretense. Khe Iem has borne his warm modest spirit and insightful mind within these lines, and we begin to feel acquainted with the poet as well as his poems as they drift along the rhythmic river of his wise thought. There are times while reading *Other Poetry* that the readers who focus deeply and inwardly on what is written will find a consoling sense of serenity in the quietude of Khe Iem's thought. In such a poem as *A Dead Bird*, the rigidity of time and inevitableness of death seem to float away, as the bird which was once beautiful and living descends in death upon the immortal canvas for "a thousand generations," and then, within this magnificent cycle we call life, it then can return to the living as long as what is beautiful in the world remains. Although this all may seem very

này có thể xem ra rất rối rắm, với những cuộc sống tươi đẹp của chúng ta và những cái chết không tránh khỏi, và với tất cả những câu hỏi không thể trả lời được mà chúng bao quanh nó, thì Khế Iêm để chúng ta ở lại trong một trạng thái ngòai ngoai không sao tả xiết, khi ông điếm tĩnh nói, “hỡi cuộc đời nhập nhằng nhập nhằng mãi ơi, xin chào từ biệt mi.” Chúng ta nghe thấy những lời lẽ của một người đã thực sự giải hòa được với cái không biết, và người đó chừng như không còn sống trong sự sợ hãi nữa, mà mỉm cười trước sự huyền bí đẹp đẽ bao quanh cuộc hiện hữu của chúng ta.

Có những câu hỏi tinh tế bên trong những bài thơ; những câu hỏi xưa cũ khiến tôi tự hỏi, “Làm sao tôi có thể đòi quyền hiện hữu nếu tôi không biết thực sự thì hiện hữu nghĩa là gì?” Và rồi một bài thơ khác xuất hiện sau đó để đập tan mối hoài nghi của tôi bằng câu hỏi và câu trả lời khôn khéo “ai là tôi”, và một giọng nói đáp lại bằng một sự thật hầu như có hàm ý một cách châm chọc, “tôi là ai”. Khế Iêm không cần phải trình bày cặn kẽ những giải thích chi li về những sự thật mà ông ngụ ý. Ông chỉ đề xuất một điều có thể là sự thật, và để cho người đọc thâm trầm đưa ra quyết định sau cùng. *Thơ Khác* của Khế Iêm là một cái giếng sâu thẳm của thứ minh triết cực kì đơn giản. Người đọc được mời uống một ly tư duy của ông, và để thấy điều có thể được làm ngòai ngoai bên trong cái ly đó. Tôi chắc rằng người đọc sẽ không trở nên khát. Dù chủ đề bài thơ là đề tài về sự khổ đau vốn đòi hỏi sự tinh tế, hoặc là một cô gái da đen xinh đẹp không thể làm khô cạn nỗi buồn làm ướm sũng đôi mắt cô do nỗi sầu khổ tuôn tràn của một cuộc đời khác; dù là một bài thơ xúc xạo vào mọi ngõ ngách của thực tại và ướm thử những phối cảnh của một vật tầm thường như chiếc ghế, thì một dòng êm ả của những ý nghĩ lặng lẽ và an nhiên chừng như tuôn chảy xuyên suốt tất cả những bài thơ, và để người đọc ở lại trong sự an bình vô giá của tâm trí khi trang thơ cuối cùng được gấp lại.

Phạm Kiều Tùng dịch

perplexing, with our beautiful lives and unavoidable deaths, and all the unanswerable questions which surround it, Khe Iem leaves us in a state of indescribable solace, as he calmly says, “no matter what, life continues to be unexplainable confusion, goodbye.” We hear the words of a man who has truly made peace with what is unknown and who seems to live no longer in fear, but smiles at the beautiful mystery wrapped around our existence.

There are subtle questions within the poems; age-old questions that cause me to ask myself, “How can I claim to exist if I don’t know what it truly means to exist?” And then another poem comes along later to demolish my doubt with the clever question and answer “who am I,” and a voice returns with the almost sarcastically implied truth, “I am who.” Khe Iem does not need to state elaborately detailed explanations of the truths which he so cleverly purports. He merely propounds a possible truth, and leaves the thoughtful reader to make the final decision. Khe Iem’s *Other Poetry* is an abysmal well of simplistic wisdom. The readers are invited to take a drink of his thought, and to see what may be found quenching within it. I am sure that the readers will not go thirsty. Whether the subject is the delicate topic of suffering or a beautiful dark skinned girl who cannot dry the sadness that has soaked into her eyes from the spilled grief of another’s life; whether it’s a poem that pokes around the reality and tries on the different perspectives of an object as mundane as a chair, a calm current of tranquil and serene thoughts seem to flow throughout all the poems, and leaves the reader in a priceless peace of mind as the final page is turned.

LỜI BÌNH

Đó là một quan niệm tuyệt vời, và là một đóng góp quan trọng đối với văn học thế giới. Có lẽ ý tưởng xưa về nền “cộng hòa văn chương” có thể nổi lên lần nữa trong thời đại nơi tất cả đều nhận ra tính nhân bản chung của chúng ta và tìm kiếm cho văn học nghệ thuật một nền tảng đúng hơn, vì sự đồng cảm hơn là hệ tư tưởng.

Nhà thơ & học giả Frederick Turner

Bài “Những Chiếc Ghế” thách thức cái giả định rằng chiếc ghế là chiếc ghế, liệt kê một loạt những gì mà một chiếc ghế có thể là, hoặc có thể không là, hoặc là, hoặc không là, hoặc khác với những chiếc ghế khác, về cơ bản đã kết luận rằng chúng ta không biết gì cả về những chiếc ghế, và không thể biết, không biết chút gì về bất cứ thứ gì, và không thể biết ...

Một trong những bài thơ, “Giữa Ai Và Ai,” bắt đầu:

Thật ra thật ra thật ra tôi không
biết bắt đầu như thế nào, từ khi
nhận ra khoảng cách giữa chiếc ghế không
ai ngồi và chiếc ghế tôi đang ngồi,

mà chiếc ghế không ai ngồi, tôi cũng
đã từng ngồi và chiếc ghế tôi đang
ngồi, có lúc tôi đã không ngồi ...

COMMENTS

It is a splendid concept, and an important contribution to world literature. Perhaps the old idea of the “republic of letters” can rise again in an age where we are all recognizing our common humanity and finding literature and art a better basis for communion than ideology.

Poet & scholar Frederick Turner

“Chairs,” challenges the assumption that a chair is a chair, cataloging a series of things one chair might be, or might not be, or is, or isn’t, or is different from chairs, concluding essentially that we know nothing at all about chairs, and cannot; nothing at all about anything, and cannot ...

One of the poems, “Between Who and Who,” begins

The truth is, the truth is, the truth
is i don’t know how to begin,
since i acknowledged the space be-
tween the unoccupied chair and

the chair i am sitting in, but
i had sat in the unoccu-
pied chair before...

Điều này cho bạn thấy quan điểm của Khế Iêm về những khía cạnh mâu thuẫn và khó nắm bắt của thực tại, và ở vài mức độ, làm sao chúng tác động lên những mối quan hệ cá nhân. Trong khi diện mạo những bài thơ thì trong sáng và đơn giản, nhưng những mối quan tâm của ông lại phức tạp.

Nhiều bài thơ ý nghĩa trùm lấp lên nhau như những lớp ngói, nhiều hơn hết thấy những bài thơ nếu đọc riêng lẻ. Chúng phản ánh điều đáng suy nghĩ thuộc trải nghiệm về hai văn hóa, “ai và ai” là một người, hai người, hoặc là một lỗ hổng – lỗ hổng tha hương, lỗ hổng giữa tất cả chúng ta và thế giới trong đó chúng ta tìm – và không tìm – chính chúng ta.

Nhà thơ Tom Riordan

This gives you an idea of Khế Iêm's interest in the elusive and/or contradictory aspects of reality, and to some degree, how they impact personal relationships. While the faces of his poems are clear and simple to read, his concerns are complex.

Many of the poems overlap like shingles, more than the sum of their parts. They reflect something of the experience of being bi-cultural, the “who and who” being one person, two people, or a gap – the expatriate's gap, and the gap between all of us and the world in which we find – and don't find – ourselves.

Poet Tom Riordan

BẢN TIN

Sự Kiện Đọc Thơ và Ca Nhạc Đặc Biệt của Nhà Thơ Danh Dự Tiểu Bang California, Kỷ Niệm Cộng Đồng Người Việt thuộc Quận Cam: Chủ nhật, ngày 20 tháng 11 tại Irvine.

- Vai chính bao gồm Dana Gioia, Nhà Thơ Danh Dự Tiểu Bang California; Duc Le (Khe Iem), nhà thơ và dịch giả; và Tina Huỳnh, nhạc sĩ.
- Ngày 26 tháng 10 năm 2016.

Tham gia cùng nhà thơ Dana Gioia tại Irvine vào Chủ Nhật, ngày 20 tháng 11, với sự kiện thơ ca đặc biệt kỷ niệm Cộng đồng người Việt tại Quận Cam và những thành tựu trong nghệ thuật. Buổi đọc thơ tự do với các bài thơ bằng tiếng Anh và tiếng Việt của Dana Gioia và Duc Le & nhạc sống của Tina Huỳnh. Đây là lần đầu tiên Dana Gioia xuất hiện tại Quận Cam trong khuôn khổ chuyến lưu diễn 58 Hạt California với danh nghĩa nhà thơ Danh dự Tiểu bang California.

Chi tiết sự kiện

ĐIỀU GÌ: Đọc thơ Dana Gioia bằng tiếng Anh và tiếng Việt & nhạc

KHI NÀO: Chủ Nhật, ngày 20 tháng 11 lúc 2:30 chiều

Ở ĐÂU: Thư viện Irvine Katie Wheeler, 13109 Old Myford Road, Irvine, CA 92602

THÔNG TIN BỔ SUNG: Đây là buổi đọc thơ ai cũng có thể tham dự. Truy cập www.capoetlaureate.net để biết thêm về Nhà thơ Danh Dự California, Dana Gioia.

NEWS

Special California Poet Laureate Poetry Reading and Music Event Celebrating Orange County's Vietnamese Community: Sunday, November 20th in Irvine.

- Featuring Dana Gioia, California Poet Laureate; Duc Le (Khe Lem), poet and translator; and Tina Huynh, musician.
- October 26, 2016.

Join California Poet Laureate Dana Gioia in Irvine on Sunday, November 20th for a special poetry event celebrating Orange County's Vietnamese community and their achievements in the arts. The free event will feature poetry readings in English and Vietnamese from Dana Gioia and Duc Le, with live music from Tina Huynh. This is Dana Gioia's first appearance in Orange County as part of his ambitious 58-County California Poet Laureate tour.

Event Details

WHAT: Dana Gioia Poetry Reading in English and Vietnamese with Music

WHEN: Sunday, November 20th at 2:30 PM

WHERE: Irvine Katie Wheeler Library, 13109 Old Myford Road, Irvine, CA 92602

ADDITIONAL INFO: This is a free event. Visit www.capoetlaureate.net for more information on California Poet Laureate, Dana Gioia.

Được trình bày với sự hợp tác của Hội đồng Nghệ thuật California, Trung tâm Sách California và Thư viện tiểu bang California. Tổ chức bởi Thư viện Irvine Katie Wheeler.

Giới thiệu các nghệ sĩ

Dana Gioia là nhà thơ đoạt giải Danh dự tiểu bang California. Được Thống đốc Jerry Brown bổ nhiệm vào tháng 12 năm 2015, ông đóng vai trò là người ủng hộ tiểu bang cho thơ và văn trong các thư viện, lớp học và phòng họp trên khắp California. Một nhà thơ từng đoạt giải thưởng, Gioia là tác giả của *Thơ Có Thể Quan Trọng?*, được ghi nhận đã giúp làm sống lại vai trò thơ ca trong đời sống công chúng Hoa Kỳ. Ông cũng là cựu Chủ tịch Quý Quốc gia về Nghệ thuật, nơi ông quán quân về giáo dục nghệ thuật. Với tư cách là người đoạt giải tiểu bang, Gioia làm việc để truyền cảm hứng cho thế hệ nhà văn mới và tôn vinh di sản văn học vĩ đại của California. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập www.capoetlaureate.net. (Hình trên bên trái.)

Tina Huỳnh là một nhà giáo dục âm nhạc với 15 năm kinh nghiệm trong việc giảng dạy hợp xướng và nhạc cụ ở các cơ sở công, tư và phòng thu. Là nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Trường Âm nhạc USC's Thornton, cô đã hoàn thành luận văn thạc sĩ của mình bằng cách biên soạn cuốn sách *Bài hát cho trẻ em Việt Nam*, dựa trên các bài hát thiếu nhi và dân ca mà cô sưu tầm được từ cộng đồng người Việt ở Quận Cam. Cô là một nghệ sĩ hòa tấu cấp độ trong buổi hòa nhạc. Cô vừa giới thiệu sự kiện vừa thổi sáo để kèm theo bài đọc.

Duc Le, bút danh là Khế Iêm, sinh năm 1947 tại Việt Nam và di cư sang Mỹ năm 1990. Ông là người sáng lập và chủ bút *Tạp chí Thơ* Việt Nam. Duc Le đã là người đổi mới thơ Việt ở cả Hoa Kỳ và quê hương của ông. Ông là người lãnh đạo Chủ nghĩa Tân hình thức Việt và đưa thể thơ Không vần tiếng Anh vào tiếng Việt. Ông cũng là người tích cực dịch thơ Mỹ sang tiếng Việt và là người thúc đẩy giao lưu văn học giữa hai quốc gia.

Presented in partnership with the California Arts Council, the California Center for the Book, and the California State Library. Hosted by the Irvine Katie Wheeler Library.

About the Artists

Dana Gioia is California's state Poet Laureate. Appointed by Governor Jerry Brown in December, 2015, Gioia serves as the state advocate for poetry and literature in libraries, classrooms and boardrooms across California. An award-winning poet, Gioia is the author of *Can Poetry Matter?*, which is credited for helping revive poetry's role in American public life. He is also the former Chairman of the National Endowment for the Arts where he championed arts education. As state laureate, Gioia will work to inspire a new generation of writers and celebrate California's great literary legacy. For more information visit www.capoetlaureate.net. (Pictured above on left.)

Tina Huynh is a music educator with 15 years of experience in teaching choral and instrumental music in public, private, and studio settings. A doctoral student at USC's Thornton School of Music, Huynh completed her master's thesis by compiling *The Vietnamese Children's Songbook*, based on children and folk songs she collected from the Orange County Vietnamese community. She is a concert level flutist. She will both introduce the event and play flute to accompany the readings.

Duc Le, whose pen name is Khe Iem, was born in Vietnam in 1947 and emigrated to the U.S. in 1990. He is the founder and editor of *Tap Chi Tho*, a journal of Vietnamese poetry. Duc Le has been an innovator in Vietnamese poetry both in the U.S. and his native country. He is the leader of Vietnamese New Formalism which has brought the form of English blank verse into the Vietnamese language. He also is an active translator of American poetry into Vietnamese and a promoter of literary exchange between the two nations.

*

Nhiệm vụ của Hội đồng Nghệ thuật California, một cơ quan của tiểu bang, là thúc đẩy California thông qua nghệ thuật và sự sáng tạo. Hội đồng cam kết xây dựng ý chí và nguồn lực của công chúng cho nghệ thuật; khuyến khích các sáng kiến nghệ thuật có thể tiếp cận phản ánh sự đóng góp từ tất cả các nhóm dân cư đa dạng của California; phục vụ như một nhà lãnh đạo tư tưởng và nghệ thuật; và cung cấp các chương trình và dịch vụ hiệu quả và phù hợp.

Các thành viên của Hội đồng Nghệ thuật California bao gồm: Chủ tịch Donn K. Harris, Phó Chủ tịch Nashormeh Lindo, Larry Baza, Phoebe Beasley, Christopher Coppola, Juan Devis, Kathleen Gallegos, Jaime Galli, Louise McGuinness, Steven Oliver, và Rosalind Wyman.

Tìm hiểu thêm tại www.arts.ca.gov.

Caitlin Fitzwater

916-324-6617

caitlin.fitzwater@arts.ca.gov



*

The mission of the California Arts Council, a state agency, is to advance California through the arts and creativity. The Council is committed to building public will and resources for the arts; fostering accessible arts initiatives that reflect contributions from all of California's diverse populations; serving as a thought leader and champion for the arts; and providing effective and relevant programs and services.

Members of the California Arts Council include: Chair Donn K. Harris, Vice Chair Nashormeh Lindo, Larry Baza, Phoebe Beasley, Christopher Coppola, Juan Devis, Kathleen Gallegos, Jaime Galli, Louise McGuinness, Steven Oliver, and Rosalind Wyman.

Learn more at www.arts.ca.gov.

Caitlin Fitzwater

916-324-6617

caitlin.fitzwater@arts.ca.gov

TÂM TÌNH THƠ

VIRUS VŨ HÁN VÀ BI KỊCH KHỔ ĐAU

Sàigòn Nhỏ hân hạnh giới thiệu cùng độc giả những suy nghĩ của nhà thơ Khế Iêm về cuộc sống trong đại dịch corona, và trân trọng cảm ơn ông đã gửi tới chúng tôi tản văn này.

oOo

Mặt trời mọc ở phương Đông, lặn ở phương Tây. Quay trở lại lịch sử phương Tây, văn minh Ai cập có từ khoảng 3200 năm, trước công nguyên. Sau đó truyền lại cho Hy Lạp, La Mã, và Âu Mỹ hiện nay. Còn văn minh phương Đông, tiêu biểu là Trung Hoa, thời Tam hoàng Ngũ đế, cũng khởi đầu vào khoảng 2850, trước Công nguyên. Đến thời kỳ Phục hưng, sau Công nguyên, phương Tây bắt đầu có những khám phá về khoa học kỹ thuật, đồng thời mở đầu cho những thể chế dân chủ. Thế kỷ 20 đánh dấu thời kỳ những tiến bộ vượt bậc của phương Tây, tiêu biểu là Mỹ, về mọi bộ môn, mang tính sáng tạo. Còn Trung hoa, thay vì tiếp nhận những giá trị nhân bản của văn minh phương Tây, thì lại tiếp thu chủ thuyết karl Marx, với tuyên ngôn Cộng sản của Marx và Engels, lập nên chế độ độc đoán. Sự khác biệt giữa hai thể chế, đưa tới cuộc đối đầu không khoan nhượng. Muốn thắng Mỹ, chỉ còn nước hủy hoại nền văn minh Mỹ? Thuyết âm mưu với vũ khí sinh học, virus Vũ Hán, có phải là sự thật? Dĩ nhiên, không có bằng chứng nào cả, nhưng thực tế thì ai cũng biết, vì không có tự do ngôn luận nên thông tin bị bưng bít, vừa đủ để con virus lan rộng đến không ngờ. Virus bệnh dịch thì vô hình, nhưng nỗi hoang mang lo sợ thì đã hữu hình

WUHAN VIRUS AND THE TRAGEDY OF SUFFERING

*Little Saigon is pleased by the thoughts of poet Khế
Iêm on the Corona virus pandemic, and we would
like to thank him for delivering this essay to us.*

oOo

The sun rises in the East and sets in the West. Going back in Western History, Egyptian civilization dates from around 3200 B.C. The mantle was then passed on to Greece, Rome and then Europe. As for Eastern civilization, we typically date it to the period of the Three Emperors, meaning it also began around 2850 B.C. By the time of Renaissance, the West began to make scientific advances and technical discoveries while also developing democratic institutions. The 20th century marked a period of outstanding progress in the West, especially in the United States, where creativity was notable in all subject areas. China, instead of embracing the humanist values of Western Civilization, absorbed the doctrines of Karl Marx, with the Communist Manifesto of Marx and Engels, establishing a form of authoritarianism. The difference between the two forms of institutions resulted in an uncompromising confrontation. Is it that to beat the U.S. is to ruin only the fundamentals of American civilization? Are the conspiracy theories of the Wuhan virus as a biological weapon to be treated as truth? Of course, there is no evidence for these

trong ánh mắt và trên khuôn mặt mỗi người. Virus Vũ Hán nói với người dân Trung quốc, muốn tránh những tai họa, phải sống trong một thể chế dân chủ. Người dân chỉ giao chức quyền cho những ai phục vụ quyền lợi của người dân, qua những cuộc bầu cử công bằng, liêm chính.

Để tránh Virus Vũ Hán, chúng ta phải sống cách ly, hạn chế gặp gỡ. Con người là sinh vật đáng sợ, so với bất cứ sinh vật nào. Chiến tranh chẳng phải là những bệnh dịch khác, vốn đã tiềm tàng trong lương tâm và nhân cách con người? Con người có tốt có xấu, nhưng thường thì cái xấu nhiều hơn. Có những người đầy lòng nhân ái, nhưng cũng có những kẻ chuyên cướp bóc, bức hại lẫn nhau. Điều này cũng bình thường và chúng ta phải chấp nhận, vì đã là con người thì có sự khác biệt về tâm tính và hiểu biết. Sống chung đụng với nhau, càng chênh lệch về kiến thức và bản chất, càng dễ gây ra đổ vỡ. Văn hóa phương Tây giải quyết bằng cách ly dị, tránh gặp mặt nhau. Còn văn hóa phương Đông giải quyết bằng cách để mặc khổ đau.

Virus Vũ Hán là điềm báo, văn minh nhân loại lúc nào cũng có thể bị hủy diệt, buộc con người phải quay về thời hồng hoang (primitive age). Chẳng có giai tầng nào là thượng đẳng, và cuộc sống chỉ như một sợi chỉ mong manh. Cái chết bình thường là tự nhiên, không đáng sợ, nhưng cái chết vì virus Vũ Hán là bất thường, gây lan nhiễm tới những người xung quanh. Mỗi người phải bảo vệ sức khỏe của mình, không phải vì mình mà vì người khác. Những sự kiện trên là mảng thông tin mang tính thời sự, ở tầm mức xã hội, có thể đúng hay sai, tùy thuộc nhận xét của từng người. Nếu thấy không đúng, xin cứ bỏ qua. Nếu thấy đúng, chúng ta thử đi sâu vào chi tiết để tìm rõ ngọn nguồn.

conspiracy theories. But everyone knows that there is no freedom of speech in China, that information is controlled very tightly, and this created part of the preconditions for the virus to spread unexpectedly. The pandemic virus is invisible But bewilderment and fear are visible in the eyes and faces of all people. The Wuhan virus, according to the people of the PRC, who want to avoid disasters, must have a democratic society. The people only authorize those who serve the interests of the people through fair and honest elections.

To avoid the Wuhan virus, we must live in isolation and limit our encounters. Humans are terrifying creatures, more so than any other creatures. Are wars may be similar to diseases, inherent in the consciences and human character? Humans are good and bad, but more often bad. There are those people who are full of kindness, and also those who specialize in plundering and persecuting one another. This is normal and we have to accept that as human beings, there is a distinction between thoughts, feelings and understanding. Living together causes us to collide with each other. The more there is a difference in knowledge and nature, the more this is likely to cause a breakdown. Western culture deals with separation with avoid meeting one another, and Eastern culture deals with the acceptance of suffering.

The Wuhan virus is an omen, as civilization can always be destroyed, forcing people to return to a primitive state of existence, where class structure is less vivid, and life hangs on a fragile thread. Predictable death is natural, unafrightening. But a Wuhan virus death is unpredictable, causing infectious crowds. Each person must protect their health not only for themselves but also for others. The above events are quite topical on a societal level depending on the individual's understanding. If you do think this is correct, please simply ignore it. If you do not think this is right, we may try to drill down into the details to find the source of the information.

Trong đời sống bình thường, đa số chúng ta đều có một gia đình tương đối hạnh phúc và ổn định, tuy có đôi lúc bất đồng. Nhưng với một số nhân vật nổi tiếng, hạnh phúc thật sự của họ lại ở đằng sau cánh cửa khổ đau, triết gia Hy Lạp Socrates là một ví dụ. Công trình triết học của ông đóng góp cho nhân loại, hình thành nền văn minh phương Tây, phát triển về mọi mặt từ triết học, khoa học, văn hóa là những chứng cứ. Nhìn về khía cạnh tôn giáo, Phật giáo cho rằng, “sự sống tự nó không bất ổn, chính thể dạng tâm thức của chúng ta phát sinh ra hạnh phúc hay khổ đau.” Như vậy, tìm hiểu về khổ đau chẳng phải là những quan niệm chủ quan sao? Mà chủ quan là sai. Cái sai được viết ra, trở thành cái đúng, giúp chúng ta thấy được niềm vui khổ đau. Hạnh phúc chỉ xảy ra trong thoáng chốc, còn khổ đau thì triền miên.

Thơ, thiền, tình, tiền, có lẽ đó là những phạm trù bao gồm tất cả của đời sống. Nếu tình, tiền gây ra khổ đau thì thơ và thiền là phương tiện giải thoát khổ đau. Nhưng nếu thiền là nơi ẩn náu cho những người bình thường, thì thơ dành cho những người không bình thường. Càng khổ đau, con người càng mau chóng tìm được sự an bình trong thiền định, và người làm thơ trở thành nhà thơ. Nếu muốn tránh khổ đau thì đừng nghĩ tới khổ đau. Cái ngã làm ra cái nghĩ, cái nghĩ làm ta khổ đau. Của cải vật chất có thể làm cái ngã lớn lên, nhưng hiểu biết và kiến thức làm cho cái ngã nhỏ lại. Mỗi người đều có cái nghĩ, không hẳn là đúng, nhưng nếu quá khác biệt sẽ gây va chạm, phản ứng, nghịch cảnh, kịch bản khổ đau. Triết gia cổ đại Hy Lạp, Socrates có một bà vợ dữ dằn, và cũng nhờ thế mà ông trở thành triết gia.

Con người sinh ra để sống, mục đích là sống còn, mà sống còn thì phải trả giá. Sinh, lão, bệnh, tử; có sinh phải có diệt, muốn có hạnh phúc phải ném mùi khổ đau. Hạnh phúc làm cho cuộc đời vui

In normal life, most of us have a relatively happy and stable family, although there may be disagreements sometimes. But for some celebrities, their true happiness is hidden behind the door of suffering; for example, the Greek philosopher Socrates. His philosophical work contributed to humanity, formed Western civilization, and developed all aspects of philosophy, science and culture. From a religious perspective, Buddhism says that “life itself is not unstable; the form of our minds produces happiness or suffering.” Thus, is the study of suffering not a subjective concept? That subjective nature is simply wrong. The error is written and then becomes right, which helps us to see joy or suffering. Happiness happens only for a while, while suffering is constant.

Poetry, meditation, love, money – perhaps these are all-encompassing concepts in life. If love and money cause suffering, then poetry and meditation are the means to relieve suffering. But, if meditation is a refuge for ordinary people, then poetry is for extraordinary people. The more people suffer, the more quickly they find peace in meditation, and an author of poetry becomes a poet. If you want to avoid suffering, don't think about suffering. The self makes the thought; the thought makes us suffer. Material wealth can make the self grow, but knowledge and understanding make the self smaller. Everyone has thoughts which are not really the truth, but confusion will also cause collisions, reactions, adversity and scenarios of suffering. Ancient Greek philosopher Socrates had a fierce wife, so he became a philosopher.

Man is born to live, the purpose is alive, but to live is to pay the price. Birth, age, sickness, death; there must be birth to death, and there must be the desire for happiness to have suffering. Happi-

sướng, còn khổ đau giúp con người trưởng thành, lớn lên, học hỏi, tạo thành sự nghiệp. Một câu chuyện đầu đó, người chủ nhà, một hôm, bỗng thấy một đồng phân ai đổ trước sân, không biết làm thế nào, đành xúc từng sỏi rải ra sau vườn, chẳng bao lâu, bỗng thấy cây cối um tùm, hoa thơm trái ngọt. Đồng phân tiêu biểu cho sự khổ đau, và hoa trái là hạnh phúc của đời người. Có hạnh phúc phải có khổ đau.

Muốn tránh khỏi cái nghĩ, chỉ có cách thiền định và tụng niệm, sống cuộc đời tu hành, vượt qua cái ngã, cái nghĩ là cái ngã. Còn thơ thuộc về đời sống, mà đời sống là cội nguồn thách thức khổ đau. Đối với những người không biết đến thơ và thiền, thì chỉ có cách giải quyết bằng chiến tranh. Trong lịch sử nhân loại đã xảy ra biết bao nhiêu cuộc chiến, như thế chiến thứ nhất và hai. Nếu trải nghiệm qua khổ đau, sẽ không còn khổ đau. Thơ và thiền giúp con người nhận biết khổ đau. Tránh khổ đau, đưa tới cô độc. Cô độc là niềm vui sướng vô biên. Những thiền sư đều là những người cô độc. Nhà thơ cũng vậy.

Nhưng bi kịch là những khổ đau tột cùng, chỉ xảy ra đối với một số người tột cùng. Nếu chúng ta giúp người khác của cải vật chất, chúng ta mất của cải vật chất. Nếu chúng ta giúp đỡ người khác về tinh thần, chúng ta rước lấy khổ đau. Chẳng phải những nhà tranh đấu cho nền độc lập dân tộc đã phải hy sinh cả mạng sống, đó sao? Hạnh phúc hay khổ đau không phải do những gì ta làm từ kiếp trước, luân hồi sinh tử, mà do chúng ta tự chọn, từ ngay cuộc đời này. Đừng trách cứ một ai. Được cái này, mất cái kia. Cái nào cũng phải có cái giá của nó. Giá trị càng lớn, khổ đau phải trả càng nhiều.

Ngẫm lại, con người sinh ra đã là may mắn, hạnh phúc hay khổ đau cũng chỉ là vô thường, hoại diệt, đến rồi đi. Nhưng nếu không nhờ có vô thường thì làm sao chúng ta buông bỏ được cái ngã, để nhận

ness makes life happy, and suffering helps people grow, mature, learn and have a career. A story somewhere, somebody, one day, suddenly saw a pile of manure pouring in his yard, and he did not know what to do. He had scooped it into the back of a garden, and soon saw luxuriant trees and sweet – scented flowers. The pile of manure represents suffering, and the fruit represents the happiness of life. To have happiness, there must be suffering.

To avoid thinking, there is only the way of meditation and chanting, living the spiritual life, overcoming the self and the thoughts which are the self. Poetry belongs to life, but life is the source of the challenge of suffering. For those who do not know poetry and meditation, there is only war as a solution. In human history, we have had so many wars, such as the First and Second World Wars. If you have passed the experience of suffering, there will be no more suffering. Poetry and meditation help people recognize suffering. Avoiding suffering leads to loneliness. Loneliness is a boundless joy. Zen masters are solitary people. So too is the poet.

But tragedy is the ultimate misery. It happens only in extreme circumstances. If we help others' material wealth, we lose material wealth. If we help others' mental health, we receive suffering. Have not the fighters for national independence sacrificed their lives? Happiness or suffering is not due to what we do from a previous life, samsara, but from our own choices right from this life. Do not blame anyone. Get this, lose that. Everything has its price. The bigger the value, the more suffering you have to pay.

In retrospect, humans are born lucky, as happiness or suffering is also impermanent, perishing, coming and going. But, if it were not for impermanence, how can we let go of the self to realize that

ra, “cuộc sống là đất đai, sáng tạo là hạt mầm, và khổ đau là màu mỡ cho nghệ thuật sinh ra.” Nghiệm về khổ đau giúp chúng ta nhận thức được vị trí chính mình và mọi thứ chung quanh, không thể tách lìa, dù là bi kịch, cũng cứ coi như không có. Thế thôi.

Thứ Sáu, 13 tháng 3 – 2020

Bản tiếng Việt “virus vũ hán và bi kịch khổ đau - khế iêm” được đọc trên YouTube:

https://www.youtube.com/results?search_query=virus+v%C5%A9+h%C3%A1n+v%C3%A0+bi+k%E1%BB%8Bch+kh%E1%BB%95+%C4%91au+-+kh%E1%BA%BF+i%C3%AAm

“Life is soil, creativity is a seed, and suffering is fertilizer for the art of being born.” The experience of suffering helps us to be aware of ourselves and everything around us, inseparable, even tragedy, just as if it is not. That is all.

Friday, March 13 – 2020

Translated by Dr. William B. Noseworthy

** Bản tiếng Anh đăng trên website của Ý: Blog di imagine.poesia.
over-blog.it: <https://imagine-poesia.over-blog.it/2021/02/the-wu-han-virus-and-the-tragedy-of-suffering-essay-by-khe-iem-vietnam.html>*

Chú thích

Khi sống một cuộc đời không hạnh phúc, bạn phải ly hôn, đó cũng là chuyện bình thường. Không thiếu những nhà thơ nổi tiếng thuộc dòng chính Mỹ, sau khi lập gia đình đã phải ly dị, và trải qua cuộc đời đầy bi kịch:

Dorothy Parker (August 22, 1893 – June 7, 1967) là nhà phê bình, nhà thơ và nhà văn viết truyện ngắn. Bà cũng thích tự kịch hóa. Người chồng đầu tiên của bà, Edwin Pond Parker II, một nhà môi giới chứng khoán Phố Wall, là một người nghiện rượu và morphin. Họ kết hôn vào năm 1917 và ly hôn năm 1928. Người chồng thứ hai, Alan Campbell, là một diễn viên lưỡng tính (bisexual) kiêm nhà văn, kém bà 11 tuổi. Cuộc hôn nhân của họ kết thúc bằng ly hôn nhưng sau đó họ tái hôn, cho đến khi ông qua đời. Giống như người chồng đầu tiên của mình, Campbell chết vì dùng ma túy quá liều, Dorothy Parker tự nghiện rượu.

Edward Estlin Cummings (14 tháng 10 năm 1894 – 3 tháng 9 năm 1962), thường được gọi là E. E. Cummings. Ông đã ly hôn hai lần, lần đầu tiên với Elaine Thayer (1918), sau đó là Anne Minnerly Barton (1929). Và cuối cùng, kết hôn với Marion Morehouse (1934).

Anne Sexton (1928-1974) thường được xếp chung nhóm với các nhà thơ như Sylvia Plath, John Berryman và Robert Lowell như một nhân vật hàng đầu trong nhóm gọi là “Confessional Movement”. Bà kết hôn với Alfred Muller ‘Kayo’ Sexton II ở tuổi mười chín. Tuy nhiên, đến năm 1973, Sexton ly hôn và sống cuộc đời trầm cảm, đơn độc.

Louise Glück, nhà thơ Mỹ, sinh năm 1943 tại New York và sống ở Cambridge, Massachusetts. Bà là giáo sư tiếng Anh tại Đại học Yale, New Haven, Connecticut. Bà đã nhận được một số giải

Notes

When living an unhappy life, [and] you must divorce, that's a typical story. There are many poets in the main American stream, have to divorce after marriage, and go through a life full of tragedies:

Dorothy Parker (Aug 22, 1893-Jun 7, 1967) A critic, poet, and short stories writer. She also like to self dramatizing. Her first husband, Edwin Pond Parker II, a Wall Street stockbroker, an alcoholic and morphine addict. They got married in 1917 and divorced in 1928. The second husband, Alan Campbell, a bisexual actor and writer, who's 11 years younger than Parker. Their marriage ended in divorce but were remarried, until he passed away. Just like her first husband, Campbell died from an overdose of narcotic. Dorothy Parker then addicted to alcohol.

Edward Estlin Cummings (October 14, 1894 – September 3, 1962), also known as E.E. Cummings. He was divorced twice, first with Elaine Thayer (1918), and after that Anne Minerly Barton (1929). And finally, was married to Marion Morehouse (1934).

Anne Sexton (1928-1974) is normally grouped together with poets like Sylvia Plath, John Berryman, and Robert Lowell like the leading characters of the group calls "Confessional Movement". She was married to Alfred Muller 'Kayo' Sexton II at the age of nine-teen. However, in 1973, divorced Sexton lived in a depressing and lonely life.

Louise Glück, an American poet, born in New York in 1943 and loved in Cambridge, MA. She's a well known English professor at Yale University, New Haven, CT. She received many prestigious

thường danh giá, trong đó có Giải thưởng Pulitzer (1993) và Giải thưởng Sách quốc gia (2014). Giải Nobel Văn học năm 2020 được trao cho bà, “với giọng thơ không thể nhầm lẫn và vẻ đẹp khắc khổ của bà làm cho sự sống riêng lẻ trở nên phổ biến”. Trong đời sống hôn nhân, bà ly dị với người chồng, Charles Hertz Jr., vào năm 1967. Đến năm 1977 bà kết hôn với John Dranow, và ly dị vào năm 1996. Cuộc đời ngẫm lại, nếu không có khổ đau thì làm sao có được một thế giới nghệ thuật, và sự nghiệp để đời?

Còn đối với giới nghệ sĩ Việt Nam thì sao? Nữ danh ca Thái Thanh, Hồng Nhung, nhạc sĩ Phạm Đình Chương, Trúc Phương đều có một gia đình đổ vỡ và sống cô độc. Nhưng với những nhân vật nổi tiếng, cô độc lại là niềm hạnh phúc vô biên, không phải do tình yêu đôi lứa, mà họ còn thời gian để sống tròn đầy với cuộc đời nghệ sĩ.

Góp Ý

• *Daniel Edward Duffly*

Thân gửi Khế Iêm, cảm ơn rất nhiều về bài viết, vì được nghe từ một người nhiệt tình với văn học về vấn đề Virus Vũ Hán, như khi anh nói chúng ta vừa ra khỏi chỗ ở, tới với nhân loại. Những gì anh nói về Virus Vũ Hán và Bi kịch Khổ đau thâm thúy và đúng thời khắc, phát triển trong suốt đời anh đọc, phản ảnh, giúp ích, và viết, tập trung vào những hoàn cảnh mới lạ và đổi thay. Cảm ơn anh về mối giao tiếp này. Chân thành, *Dan*.

awards, among them the Pulitzer (1993) and the National Book Award (2014). The 2020 Nobel literature prize was awarded to her, “unmistakable poetic voice that with austere beauty makes individual existence universal”. In her marriage, she was divorced from her ex-husband, Charles Hertz Jr., in 1967. Then in 1977, she married John Dranow, and divorced in 1996. Life in reflection, if there’s no pain and suffer then how can [we] have a world of art and memorable career for life?

How about Vietnamese artists? The diva singer Thai Thanh, Hong Nhung, song-writer Pham Dinh Chuong, Truc Phuong, all have a broken family and living with loneliness. But with the well-known figures, solitary is the unending happiness, not from the romance love, but from the time they have to [be able] to live fully with their artist life.

Comments

• *Daniel Edward Dufty*

Dear Khe Iem, thank you so much for the essay. It means so much to hear from a man so devoted to literature in these troubles, when as you say we both withdraw to our homes and reach to humanity. What you have to say in *The Wuhan Virus and Tragedy of Suffering* is at once profound and timely, growing from your lifetime of reading, reflection, and service, and writing, but focusing on new and changing circumstances. Thank you for this communication. Yours truly, *Dan*

• *Frederick Turner*

Bài viết rất hay và uyên bác. Cảm ơn.

• *Tom Riordan*

Chào Khế Iêm. Tôi thích thú đọc. Cảm ơn, *Tom*.

• *Carol Compton*

Cảm ơn, Khế Iêm

• *Stephen Kalinich*

Tuyệt vời.

• *Tan Huynh*

Phản ảnh trong thời dịch bệnh. Bài viết hấp dẫn.

• *Lidia Chiarelli*

Cảm ơn những lời lẽ khôn ngoan này. Tựa đề cho chúng ta một viễn cảnh mới về thế giới. Đây là triết luận lý thú của nhà thơ Khế Iêm, khởi đầu từ sự khảo sát vấn đề Covid-19, qua những tháng khổ đau – không phân biệt – các quốc gia trên thế giới, phân tích những phản ứng và hành xử khác nhau giữa Đông và Tây (tùy thuộc vào nền tảng văn hóa khác nhau), sau đó, ông chú tâm tới ý nghĩa khổ đau, vốn có trong đời sống nhân loại, rồi đưa tới kết luận, nguồn gốc đúng thực của sự hiện hữu: “Đời sống là đất đai, sáng tạo là hạt mầm, và khổ đau là màu mỡ cho nghệ thuật sinh ra”.

- *Frederick Turner*

This is a beautiful and wise piece of writing. Thank you.

- *Tom Riordan*

Hi, Khe Iem. I enjoyed reading. Thank you, *Tom*.

- *Carol Compton*

Thank you, Khe Iem

- *Stephen Kalinich*

wonderful .

- *Tan Huynh*

A reflection during our epidemic time. A nice piece.

- *Lidia Chiarelli*

Thanks for these wise words. Your article gives us a new perspective on the world. This is a very interesting philosophical dissertation of the poet Khế Iêm who, starting from the examination of the problem of Covid-19, which in these months is afflicting – without distinction – every country in the world, goes on to analyze the different reactions and behaviors of Western and Eastern countries (mainly due to different cultural backgrounds), then he dwells on the meaning that suffering has in human life, coming to an important conclusion that contains a true principle of wisdom for our human existence, “Life is soil, creativity is a seed, and suffering is fertilizer for the art of being born.”

Italy, April 26 2020

VIRUS VÚ HÁN VÀ VẤN VƯƠNG TÌNH NGƯỜI

Tặng Dr. William B. Noseworthy

Con người với cái tên *Homo erectus* (erect man) xuất hiện từ Phi châu, và bắt đầu có mặt trên trái đất vào khoảng 1 triệu 6 tới 300 ngàn năm trước đây. Trí thông minh giúp họ di cư tới Âu châu và Đông Á châu, và đặc biệt, phát minh ra ngôn ngữ trong mỗi giao tiếp. Họ hợp tác với nhau săn mồi, phân phối thực phẩm, và cuối cùng, phát minh ra lửa vào 400 ngàn năm trước. Sự khác biệt giữa *Homo erectus* và *Homo sapiens* là chiều cao – hơn nhau một cái đầu – trán nhô ra như khỉ, còn trí óc chỉ bằng 70 % trí óc của chúng ta bây giờ. Giữa *Homo erectus* và con người hiện đại chuyển từ hai giai đoạn của *Homo sapiens*: *Homo sapiens* cổ xưa khoảng 300 tới 125 ngàn năm trước, và Neanderthal Man khoảng 40 ngàn năm trước. Neanderthal Man tạo ra dụng cụ bằng đá như dao, dựng nên chỗ ở bằng cành cây, hang hốc ... săn thú rừng như hươu, nai ... Họ biết thiêu xác và cúng thức ăn cho người chết. Những người Neanderthal Man mất dấu vào khoảng 40 hoặc 30 ngàn năm trước. Và lịch sử chỉ bắt đầu được viết vào khoảng 3200 B.C ở Summer, vùng Mesopotamia cổ, nay thuộc Iraq, Syria, Phi châu.

WUHAN VIRUS AND CONSULTING HUMANITY

For Dr. William B. Noseworthy

Humans with the name *Homo erectus* (upright human) appeared in Africa and began to inhabit the rest of the world from 1.6 million to 300,000 years ago. Their intelligence helped them migrate to Europe and East Asia. They collaborated on hunting and distributing food and eventually adopted the use of fire 400,000 years ago. The difference between *Homo erectus* and *Homo sapiens* is the height – more than a head – and the protrusion of the forehead, which sticks out like a monkey, although they had only 70% of our brain capacity. Between *Homo erectus* and modern humans we have two stages of *Homo sapiens*: the ancient *Homo sapiens* of about 300 to 125 thousand years ago and *Homo sapiens neanderthalensis*, which lived appeared about 40,000 years after that. Neanderthals created stone tools, like knives, built houses with branches, burrows...and they can hunted wild animals – such as deer. They burned the bodies of their dead and offered food to them. Neanderthals disappeared around 30 to 40 thousand years ago, yet history began to be written only around 3200 BCE in Sumer, in ancient Mesopotamia, which is now Iraq.

Văn minh nhân loại xuất phát từ Ai Cập, từ trước năm 3100 B.C. Ai cập mở mang hệ thống chữ viết Hieroglyphic. Hieroglyphic căn cứ trên 3 đặc tính: pictograph (lối chữ hình vẽ), Syllable (âm tiết), alphabet (bảng chữ cái). Hai đặc tính trước hợp thành chữ cuneiform (hình nêm), riêng đặc tính 3 hình thành hệ thống Alphabet vào khoảng 1400 B.C. Sau đó, người Phoenicians, thuộc người Semitic ở phía Đông bờ biển Mediterranean, chuyển thành Alphabet cho những người Hebrews, Arabs, Greeks, và Romans.

Văn minh Hy Lạp xuất hiện từ nhiều trăm năm, trước khi thành Athens được thành lập. Tác phẩm Iliad của Homer, "Troy War" (Cuộc Chiến Thành Troy), được viết vào khoảng 8 thế kỷ trước B. C. Như vậy, lịch sử Hy Lạp đã bắt đầu trên một ngàn năm trước Socrates (470 – 399 B. C.) Đơn vị hành chính là các thành bang, bao gồm Athens và Sparta. Thời kỳ đầu, các thành bang theo chế độ quân chủ. Nhưng về sau, nền dân chủ đặc biệt được thành lập tại Athens. Tuy nhiên chế độ dân chủ ở Hy Lạp cổ khác xa so với ngày nay, chỉ những công dân nam giới mới được quyền bầu cử. Hai đặc tính chính của văn minh Hy Lạp, ngoài thể chế dân chủ, còn có phương pháp giáo dục cổ điển, phát huy trí tuệ và sức sáng tạo của con người. Đó cũng là hai đặc tính châu Âu tiếp thu từ Hy Lạp, sau đó phát triển thành hai yếu tố nền tảng của văn minh phương Tây bây giờ.

Thời Trung cổ, kết thúc vào thế kỷ 15, văn minh châu Âu tiếp nối văn minh Hy Lạp, với phong trào Phục hưng, bắt đầu từ thế kỷ 15 tới 18, tại Florence, Ý. Vào cuối thế kỷ 18, Anh phát minh ra động cơ hơi nước, đến khoảng thập kỷ 1860s, tiếp theo là điện tín, điện thoại, đường sắt, áp dụng dây chuyền sản xuất hàng loạt, kinh tế, nhờ thế kỹ thuật bắt đầu phát triển. Từ giữa thế kỷ thứ 16, các nước châu Âu hình thành chủ nghĩa tư bản, đi tìm kiếm tài nguyên, thuộc địa, xâm chiếm các nước châu Á, châu Phi. Đến

Human civilization comes from Egypt before 3100 BCE. Egypt expanded the Hieroglyphic writing system. Hieroglyphics are based on three characteristics: pictographs, syllables and a system of individual letters. The first two properties also constitute cuneiform, and the third became the Alphabet around 1400 BCE. The Phoenicians, a Semitic people on the eastern coast of the Mediterranean, transformed the Alphabet into a writing system which was further developed by the later Hebrew, Greek and Roman civilizations.

Greek civilization dates back hundreds of years before the founding of Athens. Homer's Iliad, about the "Trojan War," was written about eight centuries before the common era. Thus, Greek history began over a thousand years before Socrates (470 – 399 BCE). Ancient Greek administrative units were separate city-states, including Athens and Sparta. In the early days of Greek civilization, the Greek city-states followed a monarchic model. But a special form of democracy was later established in Athens. However, the democracy of ancient Greece was very different from the democracy of today. The two main characteristics of Greek civilization are democratic institutions as well as classical educational methods, which promote human intelligence and creativity.

With the end of the Medieval period in the 15th century, European civilization rediscovered Greek civilization, giving birth to the Renaissance movement from the 15th through the 18th centuries, starting in Florence, Italy. At the end of the 18th century, the steam engine was invented in England, and, thanks to such later inventions as the telegraph, the telephone, the railroad and mass production, economies and technologies began to develop more rapidly. From the middle of the 16th century onward, European countries formed capitalist economies, seeking ever more resources and invading and colonizing Africa, Asia and the Amer-

đầu thế kỷ XX, Đức vượt qua Anh, Pháp, trở thành cường quốc công nghiệp đứng đầu châu Âu, và là nước hiếu chiến nhất, đề cao chủng tộc Đức, tích cực chạy đua vũ trang. Nước Đức cùng Áo – Hung, Ý thành lập “phe Liên Minh” vào năm 1882, chuẩn bị chiến tranh.

Năm 1914 – 1918, thế chiến thứ I xảy ra, giữa phe Hiệp Ước (Anh, Pháp, Nga, và sau đó là Hoa Kỳ, Brasil) và phe Liên Minh (Áo-Hung, Bulgaria và Ottoman). Sau thế chiến thứ nhất, khủng hoảng kinh tế xảy ra vào năm 1929, tiếp theo thế chiến thứ II (1939–1945) giữa các nước Anh, Pháp, Nga và sau đó Mỹ, với liên minh các nước Đức Ý Nhật. Kết thúc thế chiến II, Đức Ý Nhật bại trận, và tình trạng kinh tế châu Âu kiệt quệ, chấm dứt nền văn minh sau hơn 400 năm. Thế giới rơi vào cuộc chiến tranh lạnh, giữa Mỹ và Nga, cho đến năm 1989, khi Liên bang Xô Viết tan rã, và vị tổng thống đầu tiên của Nga là Yelsin đắc cử vào năm 1991, Mỹ và Nga hợp tác trở lại. Thế giới bước vào thời đại toàn cầu hóa.

Trước thế chiến thứ I, châu Âu đã có cơn đại dịch gọi là *Cái chết đen*, bùng phát tại Ý, bắt nguồn từ Trung quốc hoặc Trung Á (vùng này có Con đường Tơ lụa và có những người dân du mục, từng là điểm trung chuyển hàng hóa giữa Đông Á, Nam Á, Trung Đông và châu Âu.) Trong khoảng cuối thập niên 1320s hoặc 1330s, các thương gia và binh lính đã mang căn bệnh này tới bán đảo Krym (Phía Nam Ukraina) theo con đường tơ lụa. Một số nhà khoa học đưa ra giả thuyết cho rằng đại dịch bùng nổ ở chính khu vực này. Trong cả 2 trường hợp, bệnh dịch đều đã từ Krym lan đi khắp Bắc Âu, Tây Âu và Bắc Phi trong thập niên 1340s. Tổng cộng có khoảng 75 triệu người chết, trong đó 25 – 50 triệu là dân số châu Âu. Như vậy *Cái Chết Đen* là thủ phạm gây ra cái chết của khoảng 30 – 60% dân số châu Âu.

icas. By the beginning of the 20th century, Germany had surpassed England and France economically, becoming a leading industrial power and the most belligerent nation in Europe, promoting notions of “German supremacy” and starting another arms race. Germany, the Austro-Hungarian Empire and Italy established the “Triple Alliance” in 1882, preparing for war.

From 1914 through 1918, World War I took place between the Allies (England, France, Russia, and later the United States and Brazil) and the Central Powers (the Austro-Hungarian Empire, Germany, Bulgaria and the Ottoman Empire). After World War I, an economic crisis occurred in 1929, and World War II (1939 – 1945) followed between Britain, France, the Soviet Union, China and the United States, and the alliance of Germany, Italy and Japan. At the end of World War II, Germany and Japan were defeated, and the economic situation in Europe was exhausted, leading to a collapse after 400 years of civilizational growth. The world then became involved in the Cold War between the United States and the Soviet Union until 1989, when the Soviet Union disintegrated. The first Russian president, Boris Yeltsin, was elected in 1991, which led to the United States cooperating with Russia again. Thus, the world entered the new era

Europe has experienced several pandemics, such as *the Black Death*, in the past. In the mid-1340s, merchants and soldiers brought the Black Death from Central Asia to the Krym Peninsula (southern Ukraine) along the Silk Road. The disease spread from Krym through the Black Sea region, the Aegean Sea region, the entire Mediterranean Sea region, southern Europe, northern Europe and finally northeastern Europe (Moscow) by 1352. In total, about 75 million people died, including about 25 million Europeans. Thus, *the Black Death* was the cause of death for about one-third of the European population.

Nhưng dịch bệnh Vũ Hán, cũng bắt nguồn từ Trung quốc rồi phát tại Ý, sau đó lan qua các nước Âu châu. Nhưng ngoài châu Âu, còn lan qua Hoa Kỳ và các nước khác trên thế giới, vì các phương tiện di chuyển hàng không trở thành phổ biến. Số người chết chưa thể so sánh với đại dịch *Cái chết đen* – tuy số ca lây nhiễm cũng đã lên tới hàng triệu – vì cơn dịch bệnh chỉ mới bùng phát, nhưng khó trở thành đại dịch, vì dụng cụ y tế và thuốc men là kỹ nghệ đã phát triển tốt cùng. Sau thế chiến II, nước Anh trả lại độc lập cho các nước họ đô hộ. Nước Pháp cũng trả lại độc lập cho các nước Phi châu. Văn minh châu Âu chuyển sang Hoa Kỳ về mọi mặt, từ văn hóa, chính trị, khoa học kỹ thuật, Hoa Kỳ trở thành cường quốc trên thế giới.

Văn minh phương Tây, quay về với con người, với niềm tin tôn giáo, sau khi trải qua hai cuộc thế chiến. Ngẫm lại, nước Mỹ vĩ đại không phải do sức mạnh quân sự hay khoa học kỹ thuật, mà do lòng vị tha, giúp đỡ mọi đất nước khốn khó vì tai ương, bão táp, hay bị các nước khác xâm chiếm, tiếp nhận các đợt sóng di cư từ khắp nơi trên thế giới ... Những hội từ thiện Hoa Kỳ giúp đỡ trẻ em nghèo, mồ côi, tất cả đều thể hiện bằng hành động cụ thể, không phải chỉ qua lời nói.

Tại sao nước Mỹ như thế, lại trở thành cơn dịch bệnh hàng đầu thế giới? Có phải vì đó là cái giá phải trả cho nền văn minh? Như văn minh châu Âu phải trả bằng đại dịch *Cái chết đen*? Tại sao có người đầy lòng nhân ái, giúp đỡ người khác, nhưng lại nhận được cái giá khổ đau? Khổ đau có không? Cái nghĩ và cái tình, hai cái khác nhau. Hạnh phúc nằm ở nơi cái tình (bên não phải), còn cái nghĩ (bên não trái) làm ra khổ đau. Có người nghiêng về não phải, có

The Wuhan virus (Wuhan is the capital of Wubei province) arose in China. It then spread rapidly to Europe and North America because global air travel has become easy. The number of deaths caused by the virus Covid-19 is not comparable to the number of deaths caused by *the Black Death* pandemic, perhaps because the Wuhan disease has only recently broken out. The virus Covid-19 might not have originally seemed likely to transform into a pandemic because of medical equipment and medicines and the continuing development of the medical industry. After World War II, Britain returned independence to the countries which it had once dominated. France also returned independence to several African countries which it had once dominated. European civilization seemed to yield to the United States in all aspects of culture, politics, science and technology as the United States became the dominant world power.

Western civilization, recently returned to the people with religious beliefs. In this retrospective vision, America was not great due to military power or scientific technology but by altruism, by helping every country which was made miserable by disasters, storms or invasion by other countries. American charities help the poor and orphaned children, as expressed by specific actions, not just through words.

Why did America become the world leader in the number of infections in the virus Covid-19 pandemic? (Total cases: 1,7000,000 – Deaths: 100,500). Is it because the infections are the price to pay for civilization? Why are there people who are full of kindness, helping others but receiving the cost of suffering? Is there suffering? Thought and love are two different things. Happiness lies within love (in the right hemisphere), and thought (in the left hemisphere) causes suffering. Some people rely on the right brain, while other people rely on the left brain. In the 20th centu-

người nghiêng về não trái. Thế kỷ 20, khi kỹ thuật tiến nhanh, con người đa số nghiêng về não trái. Chúng ta cần dung hòa giữa tình và lý. Nếu không vượt qua được cái lý, thì không đến được cái tình.

Trường hợp giúp đỡ người khác, thay vì trả ơn, họ lại coi chúng ta là kẻ thù. Nhưng hãy cảm ơn họ, vì nhờ họ mà chúng ta biết rõ bản chất mỗi con người. Virus Vũ Hán giúp chúng ta nhận rõ cái tốt, xấu, vượt lên cả hai, để còn giữ lại tình người. Nhờ vậy, cái tình mới nảy sinh. Mong thay.

Thứ Hai, ngày 04 tháng Năm – 2020

Source Materials

1. Western Civilization, Robert Lerner, Standish Meacham and Edward McNall Burns
2. Source: National Geographic Almanac of World History, 3rd Edition, 2014.

* Bản tiếng Anh đăng trên website của Ý: Blog di imagine.poesia.over-blog.it: https://imagine-poesia.over-blog.it/2020/05/kh-iem-wu-han-virus-and-consulting-humanity.html?fbclid=IwAR0FzfwKxuhrEQZ2AVqt3tCdw2Lm20UCZBD2UqA_rpnOyvUUYxbHJSWEI0

ry, when technology advanced, most people became inclined toward the left brain. We need to reconcile ourselves between love and reason. If we cannot overcome reason, we cannot obtain love.

When we try to help others, they consider us enemies. But we can thank them because, through them, we can know the nature of each person. The Wuhan virus helps us to recognize the good and the bad, to rise above both to retain our human affection. Thanks to that, new love arises. Hopefully.

Monday, May 04 – 2020

Translated by Dr. William B. Noseworthy

VIRUS VỮ HÁN VÀ ĐỘ KHÔNG TÂM THỨC

Mọi hành động có ý thức bắt đầu với một ý nghĩ, mà ý nghĩ lại đến từ thế giới bên ngoài, thông qua năm giác quan. Nhưng ý thức chỉ dừng lại ở chỗ nhận biết, còn tiến trình tiếp theo và cuối cùng lại là chức năng của tiềm thức. Tiềm thức mạnh hơn một triệu lần ý thức, và 95 đến 99 % hành động của chúng ta đã được quyết định bởi tiềm thức. Và chỉ có dưới 5% những gì chúng ta làm, được điều khiển bởi những hành động có ý thức. Như vậy, tỉ lệ phần trăm rất nhỏ những suy nghĩ có ý thức được lặp đi lặp lại và tái hiện trong tiềm thức, theo thời gian, trở thành thái độ hay niềm tin, kiểm soát hành động của chúng ta.

Neocortex, não tư duy chiếm 2/3 bộ não là trung tâm kiểm soát và hành xử bộ não, chia làm bán cầu não phải và trái. Vấn đề của Neocortex là luôn luôn muốn chế ngự những não bên dưới, đặc biệt là cảm xúc, nhưng ít khi thành công. Limic system (tiềm thức) hay não cảm xúc là cái đệm giữa ý nghĩ (neocortex) và hành động bản năng (não bò sát), trong đó, có phần nhận thông tin cảm giác bên trong cơ thể (đói khát, nóng lạnh, đau đớn ...), và phần nhận thông tin từ môi trường chung quanh, ngoài cơ thể (nguy hiểm, thực phẩm, vui thú ...)

WUHAN VIRUS AND ZERO DEGREES OF CONSCIOUSNESS

Every conscious action begins with one thought. But the thought comes from the outside world, through the five senses. Consciousness stops at awareness, and the next and final process is the function of the subconscious. The subconscious is over a million times more powerful than the conscious. 95 to 99% of our actions are determined by the subconscious. Less than 5% of what we do is driven by conscious thought. Thus, a very small percentage of conscious thoughts are repeated and subconsciously expressed over time, becoming attitudes or beliefs controlling our actions.

The neocortex, the thinking brain, which accounts for two thirds of the brain, is the control center for the utilization of the brain, divided into the right and left hemispheres. The problem with the neocortex is that it always wants to tame the underlying aspects of the brain, especially the emotions (the limbic brain), although it rarely succeeds. The system (the subconscious mind), or the emotional brain, is the buffer between thought (in the neocortex) and instinctive action (the reptilian brain), in which there is the part which receives sensory information from inside the body (hunger, cold, pain, etc.) and the part which receives information from the surrounding environment outside the body (danger, food, pleasure, etc.)

Mỗi người sản sinh trung bình khoảng 50.000 ý nghĩ mỗi ngày, và 95% là cùng những ý nghĩ được lặp đi lặp lại nhiều lần. Những ý nghĩ được lọc qua Bộ lọc Tâm trí, trung bình 80% những ý nghĩ này không quan trọng, và bị loại bỏ. Tâm trí căn cứ vào niềm tin của bản ngã, niềm tin về giá trị, niềm tin về kinh nghiệm, niềm tin về khả năng sống còn. Nói tóm lại là vào chính kinh nghiệm, và những gì mà chúng ta tin là đúng thực. Khi chúng ta sinh ra, mang theo gene di truyền của cha mẹ, lớn lên được sự giáo dục của gia đình, xã hội, ảnh hưởng môi trường văn hóa, tôn giáo và chính trị của thời đại. Tất cả tạo thành những niềm tin vững chắc được lập trình trong tiềm thức, những nhà nghiên cứu về não bộ gọi là những thói quen cũ, và những nhà tôn giáo gọi là định kiến.

Đối với người bình thường, mỗi người đều có cái nghĩ khác nhau, họ nhìn thế giới qua cái nhìn của họ. Như vậy, không có thế giới nào thực, chỉ toàn ảo. Theo kiến trúc hậu hiện đại, Charles Jencks, "Không có sự thực: tất cả sự thật chỉ là nửa sự thật." Một nửa sự thật, dĩ nhiên, không phải là sự thật. Không phải thật thì giả. Đó là lý do con người phải sống trong cô độc, ngoại trừ với cha mẹ, vì chỉ có cha mẹ mới biết thương yêu và hy sinh mọi thứ cho con. Lời Phật dạy: "Cùng tốt điều thiện không gì hơn hiếu, cùng tốt điều ác không gì hơn bất hiếu" (kinh Nhãn Nhục). Cha mẹ sinh con trời sinh tính, có đứa bất hiếu, để bù lại, có đứa có hiếu. Nhưng dù sao thì cũng chẳng ai có thể báo đáp được ơn nghĩa sinh thành.

John Assaraf, trong một cuốn sách, ông viết, "Tất cả mọi thứ trong thế giới vật chất được làm từ các nguyên tử. Các nguyên tử được tạo ra từ năng lượng. Năng lượng được tạo ra từ ý thức." Điều này có nghĩa, vật chất được làm từ các phân tử, các phân tử lại được làm bằng các nguyên tử, các nguyên tử được làm bằng các hạt proton, neutron và electron, tất cả được làm bằng sự rung động. Như vậy, mọi thứ chung quanh, ngay cả ý nghĩ, chỉ là những tần số

Each person produces an average of 50,000 thoughts per day and 95% of these are the same ideas over and over again. Thoughts pass through mental filters, and an average of 80% of these are unimportant, and thus are discarded. The mind is based on the beliefs of the ego, beliefs about values, beliefs about experience, beliefs about ability to survive. In short, it is about experience and what we believe is true. When we were born, we were carrying the genetics of our parents, growing up, educated by our families and societies, and affecting the cultural, religious and political environment of our times. All of these elements constitute strong beliefs which are programmed subconsciously, which researchers of the brain have called “old habits” and religious people have occasionally termed “prejudices.”

The ordinary person each has a different mindset, and each sees the world through each one's gaze. Thus, there is no real world, only the virtual world. In the field of postmodern architecture, Charles Jencks has said, “There are no whole truths: all truths are half-truths.” Half of the truth, of course, is not the truth. It means falseness. That is why people must live alone, except with parents, because only parents can love and sacrifice everything for their children. The Buddha's Teaching, “The ultimate good is nothing more than filial piety, the extreme of evil is nothing more than filial impiety” (the forbearance prayer) is true here. Parents give birth to a child naturally; some have not piety, and in return, they receive some piety. At any rate, no one can repay the gift of birth.

John Assaraf has written in one of his books, “Everything in the physical world is made of atoms. Atoms are created from energy. Energy is created from consciousness.” This means that matter is made of molecules, molecules are made of atoms, atoms are made of protons, neutrons and electrons, all of which are made from vibrations. Thus, everything around us, even our thoughts, is just an expression of a vibrational frequency, and, when analyzed to the

rung, và khi phân tích tới mức hạ nguyên tử, chúng ta không thấy vật chất, mà chỉ thuần năng lượng. Mọi thứ trong vũ trụ di chuyển và rung động, không lúc nào yên.

Độ không tâm thức là độ không của cái nghĩ. Tu tập theo Phật giáo Nguyên Thủy (Theravada Buddhism) thường là tụng niệm bằng tiếng Pàli, có nghĩa là làm mất đi cái nghĩ, giải thoát khỏi mê muội khổ đau, để tâm thái bình an. Vũ trụ có âm có dương, có sáng có tối. Cái nghĩ, nếu sinh ra khổ đau thì cũng tạo nên đời sống và nền văn minh nhân loại. Bản tính con người có hiền lương, có hiểm ác, và không ai có thể tự thay đổi. Đó là số phận. Bộ óc con người chia ra não trái (lý trí), não phải (cảm xúc), được kết nối bởi bộ dây thần kinh Corpus callosum. Corpus callosum lớn có thể dễ dàng chuyển các dữ liệu giữa bên phải và trái, vì vậy giữa hai bên có thể cân bằng hơn. Nếu Corpus callosum nhỏ, con người có tính quyết đoán hơn. Như vậy làm sao bỏ được cái nghĩ đi dù phải mất cả đời tu tập?

Cái nghĩ không bỏ được, và cũng không nên bỏ, vì đó là đặc tính của con người. Cái tốt, cái xấu, hạnh phúc hay khổ đau, phát sinh từ cảm giác, qua dây thần kinh, chuyển thành cảm xúc, đưa tới cái nghĩ, cái nghĩ đưa tới hành động. Trừ sinh lão bệnh tử, khổ đau luôn luôn gây ra từ hành động của kẻ khác. Cái ngã, tùy theo bản tính mỗi người, chỉ biết mình không biết người, hành động theo cái tính, chứ không có tình, ngay cả với cha mẹ, anh em. Thật ra, cảm giác hay cái nghĩ không thuộc về mình. Mỗi người có cái nghĩ khác nhau, nếu giao tiếp hay sống cùng nhau, dễ gây va chạm, đổ vỡ, khổ đau. Khổ đau không hẳn chỉ là khổ đau, mà còn đưa tới hạnh phúc. Vì nếu không có khổ đau thì làm sao chúng ta nhận biết được tình người, và người nghệ sĩ làm sao sáng tác những tác phẩm văn học nghệ thuật, làm cho nền văn hóa mỗi dân tộc trở thành phong phú? Hạnh phúc hay khổ đau đều là những nguyên

sub-atomic level, we don't see matter, only pure amounts of energy. Everything in the universe moves and vibrates, never ceasing.

The zero degree of consciousness is the zero degree of thought. Practicing according to Theravada Buddhism is usually prayed in Pàli, which means losing the thought, liberation from the misery of suffering, and peace of mind. The universe has yin and yang, light and dark. The thought, if born of suffering, also creates human life and civilization. Human nature is gentle, evil, and no one can change it on its own. It is fate. The human brain is divided into the left brain (the mind), and the right brain (the emotion), but connected by the corpus callosum. A big corpus callosum can easily transfer data between the right and left, thus, each side can equilibrium the other more. If a corpus callosum is small, a person is more assertive. So how to get rid of thoughts even if it takes a lifetime of practice?

Thoughts cannot be dropped, nor should they be, because they are a human characteristic. Good, evil, happiness, suffering arise from feelings, through nerves, turning into emotions, leading to thought, thought leading to actions. Except for birth and death, suffering is always caused by the actions of others. The self, depending on the nature of each person, knows only that it does not know the person, acting according to their nature, not having love, even with their parents and siblings. Actually, this feeling or thought does not belong to us. Each person has a different mindset; if communicating or living together, it is easy to cause collisions, crashes, and suffering. Suffering is not just suffering, however, it also leads to happiness. Because, if there is no suffering, how can we recognize human love and how can an artist create literary and artistic works which enrich each culture? Happiness and suffer-

tổ tạo nên đời sống. Dù cái nghĩ có thuộc về mình hay không, không thành vấn đề. Vấn đề là chúng ta có chấp nhận hay không? Nếu không, chẳng lẽ chúng ta không phải là người?

Cuối cùng, đừng trách cứ một ai, mà hãy coi người khác cũng như chính mình, vì không ai làm chủ được cái nghĩ. Mỗi người đều sống trong môi trường và hoàn cảnh khác nhau, với cái giá phải trả. Không ai hiểu họ ngoài chính họ. Nếu nhận biết được khổ đau, họ sẽ không còn khổ đau, và không gây khổ đau cho người khác, nhưng mấy ai có được tầm hiểu biết như vậy. Chúng ta không trốn tránh khổ đau, nhưng chấp nhận như sự hiện hữu của con người. Đời người ngắn ngủi, hãy sống với từng giây phút hiện tại, và coi mọi thứ chỉ như một thoáng mây bay. Rồi chia tay, giã từ.

Tuesday, 9 tháng 6, 2020

Bản tiếng Anh đăng trên trang website Ý:
<http://immagine.poesia.over-blog.it/2020/06/kh-iem-vietnam-virus-and-zero-degrees-of-consciousness.html>

ing are both elements of life. Whether or not the thought belongs to us does not matter. The problem is whether or not we accept thoughts? If not, are we not human?

Finally, we must not blame anyone but must consider others as ourselves, because no one can control other's minds. Everyone lives in different environments and situations at a cost. No one understand themselves but themselves. If they are aware of suffering, they will no longer suffer and will cause no suffering to others, but few people have such knowledge. We do not avoid suffering, but we accept it as human existence. Human life is short. Live it with the present moment and consider everything as fleeting as the clouds. As there is separation, farewell.

Tuesday, June 9, 2020

Translated from Vietnamese to English by Dr. William B. Noseworthy, phó giáo sư tiến sĩ sử học, đại học Wisconsin, Madison, Hoa kỳ.

VIRUS VỮ HÁN VÀ CÂU CHUYỆN TÌNH YÊU

Boris Leonidovich Pasternak (1890 – 1960) là một nhà thơ, nhà văn Nga, đoạt Giải Nobel Văn học năm 1958. Ông nổi tiếng thế giới với tiểu thuyết Bác sĩ Zhivago, tuy nhiên người Nga lại coi trọng nhất là thơ ca của ông. Olga Ivinskaya là biên tập viên ban thơ của tạp chí “Thế giới mới” là người tình của Boris Pasternak. Ông nói với bà, “Cuộc đời của anh, thiên thần của anh, anh yêu em”. Olga Ivinskaya đã trở thành nguyên mẫu của nữ nhân vật Lara trong tiểu thuyết “Bác sĩ Zhivago”. Lúc hai người gặp nhau, cô 34 tuổi, ông 56. Đối với Pasternak, điều quan trọng hơn hết là cô yêu ông không chỉ như một nhà thơ nổi tiếng, mà còn vì có ông hiện diện trên cuộc đời này.

Câu chuyện về mối tình của Pasternak đặt cho chúng ta một câu hỏi, “Thế nào là tình yêu?” Bài thơ có thể là một hình thái nghệ thuật, nhưng thơ ở trong tâm hồn, cũng như tình yêu, mang tinh thần lãng mạn, không hề liên quan tới tuổi tác, địa vị hay những giai tầng xã hội. Thế kỷ 20, thơ tự do Mỹ là thời đại của lý trí, nhưng bước qua thế kỷ 21, thơ trở về với thể luật, lập lại thời kỳ lãng mạn mới. Văn hóa làm nên con người, con người tạo ra nền văn minh nhân loại. Thơ tiêu biểu cho văn hóa vì vậy nền văn hóa càng cao, thơ càng sâu lắng, mang giá trị phổ biến. Còn tình yêu thì sao? Tình yêu cũng vậy, phải có sự hiểu biết mới có sự cảm thông. Pasternak là nhà thơ, còn Olga là nhà biên tập thơ.

WUHAN VIRUS AND LOVE STORIES

Boris Leonidovich Pasternak (1890 – 1960) was a Russian poet and writer who won the Nobel Prize for Literature in 1958. He is world famous for his novel *Doctor Zhivago*, but Russians place most of his importance on poetry. Olga Vsevolodovna Ivinskaya, the poetry editor of “The New World” magazine, was Boris Pasternak’s lover. He told her, “My life, my angel, I love you.” Olga Vsevolodovna Ivinskaya became the prototype of the female character lead in the novel *Doctor Zhivago*. By the time they met, she was 34 years old, and he was 56. For Pasternak, the most important thing was that she loved him not only as a famous poet but also because he was present in her life.

Pasternak’s love story asks us a question, “What is love?” The poem may be an art form, but the poem is also in the soul, along with Love, which has a romantic spirit, not related to age, status, or social strata. In the 20th century, American Free Verse poetry was made in an era of reason, but, in the 21st century, poetry has returned to regulation, re-establishing a new romantic period. Culture, of course, makes people, while people create civilizations. Poetry is a typical product of culture, so the higher the culture, the deeper the poetry is, and the more popular it is as well. But what about Love? Love, too, must produce an understanding to establish sympathy. Yet, Pasternak was a poet, and Olga was a poetry editor.

Trước hết, chúng ta nên tìm hiểu về con người. Con người hình thành bởi ý thức và vô thức, ý nghĩ và cảm xúc. Và khi ý nghĩ, được lọc qua bộ lọc tâm trí, căn cứ trên niềm tin tồn trữ trong tiềm thức, hòa trộn với cảm xúc, làm thành thực tại riêng biệt của chúng ta. Những bộ lọc tâm trí, mỗi người hoàn toàn khác nhau, vì những hóa chất dẫn truyền thần kinh, xung động điện năng và DNA tạo nên cá tính mỗi người mỗi khác. Thí dụ, khi nhìn vào những bức tranh của Vincent Van Gogh miêu tả méo mó thực tại, hoặc khi đối diện với một biến cố xảy ra, có người cảm thấy thương tâm, sợ hãi, bất lực ... không ai giống ai. Những nhà tư tưởng, qua thời gian, đều cho rằng thực tại (thế giới) chúng ta biết, chỉ là ảo tưởng. Đúng ra, thực tại không phải là ảo tưởng, mà phiên bản thực tại của chúng ta mới là ảo tưởng. Chúng ta nhận biết thực tại không phải tự chính nó hiện hữu, mà qua những gì chúng ta muốn nó hiện hữu.

Trước thế kỷ 19, con người sống bằng tình cảm, thơ thể luật là dòng thơ của cảm xúc. Đến thế kỷ 20, khoa học kỹ thuật phát triển, con người nghiêng về lý trí, với thơ tự do, tập *Lá Cỏ* (Leaves of Grass) của Walt Whitman, 1856, chẳng hạn. Nhưng bước qua thế kỷ 21, con người lại trở về với thơ thể luật, bằng cách thay đổi cho phù hợp, không còn giống như thế kỷ 19. Như vậy, tình cảm con người cũng thay đổi theo từng thời đại, và theo thời gian.

Một biến cố bất ngờ, con Covid-19 xảy ra tại Vũ Hán, thủ đô tỉnh Hồ Bắc, Trung quốc. Ở đây, chúng ta không đề cập tới vấn đề chính trị, mà là những biến động mang tính xã hội. Kinh tế suy thoái, thất nghiệp tăng cao, con người phải đối mặt những khó khăn ngoài khả năng của họ. Không những thế, virus Vũ Hán cách ly mọi người, không ai được gần ai, ngay cả thân bằng quyến thuộc. Nhưng trong cái bất thường, chừng như vẫn có cái hơn cả bình thường. Virus Vũ Hán nói cho chúng ta biết một điều, tất cả mọi sự trên đời đều phù vân, chẳng mang một ý nghĩa nào cả. Vũ trụ có âm có dương, con người có tốt có xấu, virus Vũ Hán cho

First of all, we should learn about people. People are formed by consciousness and unconsciousness, thoughts and emotions. And, then opinion filtered through the filter of the mind, is based upon beliefs stored in the subconscious, blended with emotions, making our separate reality. The mind filters are different for everyone because neurotransmitters, electrical impulses and DNA create different personalities. For example, if we examine Vincent Van Gogh's paintings as distorted reality, or if faced with a difficult incident, a person will feel pitiful, scared or helpless ... as nobody resembles anyone else. Still, the thinkers, over time, think that the reality (the world) we know is just an illusion. Reality is not an illusion, but our original version is an illusion. We perceive reality not as being itself but through what we want it to exist.

Before the 19th century, people lived according to emotions, with poetic lines of formal poetry written according to feelings. By the 20th century, science and technology had so developed that people leaned increasingly toward reason, including Free Verse poetry, such as the collection *Leaves of Grass (Lá Cỏ)* by Walt Whitman (1856). But, in the 21st century, people have begun to return to more poetic forms by changing accordingly, although these forms are no longer like the 19th century forms. Thus, human emotions have also been amended from time to time and over time as well.

An unexpected incident, Covid-19 emerged (apparently) in Wuhan, capital of Hubei Province, People's Republic of China. Here, we are not talking about political issues but about social changes. People are facing difficulties – economic recession, rising unemployment – beyond their capabilities. Not only that, but the Wuhan virus also isolates people; no one can be near anyone, even relatives. But, in the usual way, it seems that this is more than reasonable. The Wuhan virus tells us one thing: everything in the world is frivolous and has no meaning. The universe is composed of yin and yang. People are good and evil. The Wuhan virus tells

chúng ta biết mình là ai, giữa cuộc đời bất trắc. Mỗi người chúng ta cảm thấy cô đơn, nhưng vì thế mà luôn luôn khao khát tình người.

Sự đời nước mắt soi gương
Càng yêu nhau lắm càng thương nhớ nhiều

Câu ca dao dành cho những người đang yêu say đắm, thể hiện tình yêu qua sự thương nhớ nhau. Điều này đưa chúng ta tới một câu chuyện tình, khác với thời của Boris Pasternak.

Nếu cuộc tình giữa Boris Paternak và Olga Vinskaya xảy ra vào tháng 10, 1046, thì cuộc tình mới xảy ra vào tháng 7, 2020. Nàng là bác sĩ chỉnh hình, còn chàng là một nghệ sĩ. Con virus Vũ Hán thúc đẩy nàng tìm kiếm bạn bè trên Facebook, và nàng đã gặp chàng, cả hai trao đổi thông tin để tìm hiểu lẫn nhau. Bất ngờ tình yêu bộc phát. Theo Jesper, ánh sáng lóe ra trong nội tâm (flashes of insight) là những khoảnh khắc khi tâm trí được thư giãn, và không suy nghĩ theo phương pháp hay luận lý. Điều này có thể giải thích, khi thư giãn và để cho tâm trí đi lang thang, Thùy trán (Frontal lobe) rơi vào tình trạng ngủ tạm thời, giúp chúng ta dễ dàng hơn trong việc đưa ý tưởng từ tiềm thức vào ý thức và các ý tưởng mới sẽ xuất hiện. Đó là bước đến của tình yêu. Nhưng không phải ai cũng có được. Ôi, thần kỳ làm sao.

Nàng kể rằng, nàng đã ly dị chồng cũ, và đã tìm thấy người chồng mới là chàng. Nàng có cảm giác phấn kích, và tự hỏi tại sao một người phụ nữ như nàng lại hạnh phúc như vậy. Nàng chợt nhận ra rằng khi yêu một người đàn ông, nàng yêu một cách mù quáng, không ai có thể làm thay đổi hoặc biến đổi tình yêu của nàng dành cho chàng. Trước khi gặp chàng, nàng luôn nhủ lòng, hãy bảo vệ bản thân khỏi sa vào tình yêu, tránh xa mọi hình thức quan hệ. Cuối cùng, bản tính lãng mạn đã làm nàng và chàng yêu nhau.

us who we are amid this life, full of uncertainty and suffering. Each of us feels lonely, but, because of that, we are always yearning for human Love.

Life's tears mirror

The more you love each other, the more you miss them

This folk verse is for those who love passionately, expressing their Love through the Love of each other. This brings us to a love story, different from that of Boris Pasternak.

If the love affair between Boris Pasternak and Olga Vinskaya happened in October 1946, a new affair has emerged in July 2020. She is an orthopedist, and he is an artist. The Wuhan virus pushed her to find friends on Facebook, and she met him, both exchanging information to get to know one another. Unexpectedly, Love broke out. According to Jesper, "flashes of insight are moments when the mind is relaxed and does not think methodically or logically. This may explain why, when relaxing and letting the mind wander, the frontal lobe falls into the state of temporary sleep, making it easier for us to bring ideas from the subconscious into the conscious. New ideas will appear." That is the step of Love. But not everyone has taken this step. Oh, how miraculous it is.

She said that she divorced her ex-husband and found her new husband. She felt excited and wondered why a woman like her could be so happy. She suddenly realized that, when she loved a man, she loved blindly; no one could change, or alter her Love for him. Before meeting him, she always told herself to protect herself from falling in Love, away from all forms of relationships. In the end, the romantic nature made them fall in Love.

Nhiều người đàn ông trong mối quan hệ với phụ nữ thường nói lời đầu tiên, "Anh yêu em". Phụ nữ lãng mạn hơn, nhưng khi đã thiết lập được cảm xúc về nhau, hay nói "Em yêu anh" thường xuyên hơn, và "người đàn ông [bị hấp dẫn bởi phụ nữ] có thể dễ dàng yêu từ xa", theo Jonathan và David Bennett. Trong lịch sử văn học, âm nhạc và điện ảnh, chủ đề đa số là tình yêu. Những tác phẩm nổi trội, thời Phục hưng, với vở bi kịch "Romeo and Juliet" của William Shakespeare, và tiểu thuyết tình yêu của nhà văn thời hiện đại người Colombia, Gabriel García Márquez, "Love in the Time of Cholera" (Tình yêu thời thổ tả).

Để kết luận, xin trích đoạn kết trong lá thư của nàng, "Lần đầu tiên em nghe anh nói câu: Anh yêu em; nó giống như một gánh nặng đã được trút khỏi vai em. Em nghe nhưng sợ hãi. Em muốn nghe nhiều lần cho đến hết đời từ anh. Anh đã mở ra cánh cửa mới và thú vị cho chúng ta, mà em không thể chờ đợi để khám phá cùng anh. Khi em cảm nhận được sự đụng chạm của anh, trái tim em tan chảy, và tâm hồn em rực cháy, với mong muốn được ôm anh và hôn anh. Anh đã trở thành người bạn tốt nhất của em, và là người yêu của em."

Nếu như thế thì mọi chuyện kể như ổn thỏa. Nhưng nàng lại muốn người yêu trở thành chồng của mình. Còn chàng, với tâm tư của một nghệ sĩ, chàng chỉ muốn có một tình yêu trong cảm xúc. Mà tình yêu đúng nghĩa phải là tình yêu dang dở. Vì vậy, chàng muốn yêu nàng, và không muốn nàng yêu chàng. Chàng tỏ tình với nàng, chỉ để giúp nàng vượt qua nỗi cô độc sau cuộc ly hôn, bằng cơn sóng tình trong thoáng chốc, rồi tìm người tái hôn. Điều chàng muốn có đúng không, hay lại làm tổn thương nàng thêm một lần nữa? Chừng như chẳng một ai đúng, vì thế mà đây rầy khổ đau trong cuộc đời này.

Women are more romantic, and, when they have established their feelings for another, they say, “I love you” more often, and “men [attracted to women] can easily fall in love from afar,” according to Jonathan Bennett and David Bennett. In the history of literature, music and cinema, the themes are mostly about love. Outstanding of the Renaissance, such as the tragedy *Romeo and Juliet* by William Shakespeare, and the love novels of the modern colonial era, such as *Love in the Time of Cholera* by Gabriel García Márquez.

To conclude, please consider the quote at the end of the letter: “The first time I heard you say: I love you, it was like a burden that had been taken off my shoulder. I heard but was scared. I want to hear it many times until the end of my life with you. You have opened a new and exciting door for us, which you cannot wait to explore with me. When I felt your touch, my heart melted, and my soul burned, wishing you would hold me and kiss me. You have become my best friend and my lover.”

If so, then everything is okay. But she wanted her lover to be her husband. And he, with the mind of an artist, just wanted to have a love filled with emotions. But true Love must be unfinished Love. So he tried to love her and didn't want her to love him. He confessed to her, only to help her overcome loneliness after her divorce, with a brief wave of Love, to find someone else so she could remarry. Was what he wanted was right, or did he hurt her one more time? It is as if no one was right, so full of suffering this life is.

Cuối cùng, đó là câu chuyện về một cuộc tình tan vỡ. Nàng là ai? Chàng không biết. Tất cả chi tiết về cuộc đời nàng, mà nàng nói với chàng, chàng không sao kiểm nghiệm. Nhưng chàng vẫn tin nàng là người yêu trong trí tưởng tượng của chàng. Diễn biến câu chuyện quả có tình có lý. Tất nhiên, đó chỉ là một trong những sự cố lạ lùng, giúp tôi viết nên câu chuyện có thật này, để giải khuây trong chốc lát.

Thứ Năm, 23 tháng 7 / 2020

* Bản tiếng Anh đăng trên website của Ý: Blog di imagine.poesia.over-blog.it: https://image-poesie.over-blog.com/2020/09/wuhan-virus-and-love-stories-by-khe-iem-vietnam.html?fbclid=IwAR2m7NrF3aGqytcLzXsnZXyQN40_VJF9Q1CTroHsF-2OD0a2f0Os3T6dbhY

Finally, that is a story about a broken Love. Who is she? He did not know. All the details of her life, which she told him, he could not test. But he still believed that she was a lover in his imagination. The evolution of a story makes sense. Of course, it was just one of those strange incidents which helped me write this true story, for a moment of solace.

Thursday, 7/23/2020

Translated from Vietnamese to English by Dr. William B. Noseworthy. Dr. William B. Noseworthy, phó giáo sư tiến sĩ sử học, đại học McNeese State University, Louisiana, Hoa kỳ.

VIRUS VỮ HÁN VÀ TÂM TƯ SẤU MUỘN

Con người sinh ra đã khổ đau, sinh lão bệnh tử. Cái chết không phải khổ đau mà là chấm dứt khổ đau. Đó là chuyện tự nhiên của muôn loài. Riêng con người, với tâm trí siêu đẳng, tạo ra những nền văn minh, cũng tạo ra những cuộc chiến tranh khốc liệt, hủy hoại nền văn minh do họ tạo ra, và tàn sát những người vô tội. Nhưng ở thời cổ đại thì sao?

Câu chuyện thần kì về một nhà sư tên Ngô Đạt vẫn còn lưu truyền cho tới ngày nay. Ngô Đạt là người rất thông minh, có tài văn chương. Thời vua Đường Tuyên Tông (810 - 859), ông được triệu vào kinh để thuyết pháp, và ban cho danh hiệu Đại đức Ngô Đạt Pháp sư. Ngày nọ, nhà sư gặp một vị từ-khưu (Bhikkhu), là tôn giả Ca-nặc-ca-bạt-phạt-tha, hóa thân đến nhân gian để cứu độ chúng sinh, bị ghẻ lở, nằm thoi thóp bên đường, không ai dám lại gần. Những nhà sư vì lòng thương cảm đã mang đồ ăn đến cúng dường. Không lâu sau, vị từ-khưu chia tay, và nói, "... Tôi là người ở Tứ Xuyên, như sau này ngài có bệnh hoạn gì, thì mời đến núi Cửu Lũng ở Bành châu thuộc Tây Thục mà tìm tôi, phía trước có hai cây tùng rất cao tán tròn xoe".

Vài năm sau, Ngô Đạt Quốc sư được hàng vua quan kính trọng, sống đời hưởng lạc, tự cao tự đại. Đến một hôm, bất chợt trên đầu gối nổi lên cái mụn như mặt người, có mắt mũi miệng, khiến nhà sư vô cùng đau nhức, thầy thuốc giỏi khắp thiên hạ không ai chữa

WUHAN VIRUS AND SAD CONFIDENSES

Human beings are born with sufferings: birth, aging, sickness and death. That is natural for all species – except for humans with super hearts and minds, who create civilizations and violent wars, destroy civilizations which humans have created, and who massacre the innocents. But what about the ancient times?

A miraculous story about a monk name Ngo Dat¹ is still being passed down by tradition. Ngo Dat monk was an intelligent man, with talents in literature. During the era of Emperor Xuanzong of Tang (810-859), Ngo Dat was summoned to the capital to preach, and he was awarded the honorable name of Venerable Shaman. One day, the monk met a bhikkhu, the venerable teacher Kana-kavatsa², who had been incarnated to the world to redeem living beings. The bhikkhu had scabies, and was dying on the side of the road and no one dared to come by. But the monk felt sorry for the bhikkhu and thus made a food offering. Not long afterward, the bhikkhu said goodbye and told Ngo Dat, “I’m from Sichuan. If you ever get any illness in the future, please come to Jiu Long Mountain, in Peng Zhou, Sichuan Province, to find me. There you will find two very tall trees with big, round shades.”

A few years later, Ngo Dat became Chamberlain for Ceremonials of the court and was well respected by the king and mandarins. He was living a hedonistic life and he had become arrogant. Then one

được. Rồi bất chợt, nhà sư nhớ đến câu nói của vị tì-khưu, bèn tìm tới núi Cửu Lũng, gặp vị tì-khưu, “Ngài không phải lo buồn, ở đây có một ngọn núi, dưới núi có dòng suối, bất cứ ai mắc bệnh gì, chỉ cần dùng nước suối này rửa một lần, bệnh lập tức khỏi. Nay đã tối, ngài nghỉ ngơi, sáng mai tôi sẽ dẫn ngài ra suối rửa”.

Sáng sớm hôm sau, lúc sắp rửa thì cái mụn la lên: “Không cần rửa, ta có chuyện quan trọng muốn nói cho người biết”, “Người đọc nhiều sách, nhưng đã đọc truyện Viên Áng giết Triệu Thố trong Tây Hán Thư chưa?”. Sư đáp: “Trước đó, có đọc”. (*Viên Áng và Triệu Thố đều là quan thân triều Hán Cảnh đế, vốn đã bất hòa với nhau. Năm Hán Cảnh đế thứ 2, trước năm 155, Viên Áng dùng thủ đoạn giết Triệu Thố ở Đông thị.*)

Cái mụn nói: “Người vốn là Viên Áng, còn ta là Triệu Thố; ngày nọ ta vì một câu nói mà bị người chém ngang lưng ở Đông thị. Việc này hoàn toàn oan uổng. Từ đó ta nghĩ đến việc báo thù, nhưng rất tiếc ta không có cơ hội, vì người mười đời là cao tăng. Đến đời nay, người được hưởng bổng lộc vua ban, khởi tâm tham lam, khiến đức của người giảm, từ đó ta mới có cơ hội làm cho người bị bệnh. Bây giờ, ta mong rằng tôn giả Ca-nặc-ca-bạt-phạt-tha dùng nước pháp Tam muội rửa cho người, khiến người thoát khỏi, và cũng cứu giúp ta siêu thăng, từ nay về sau, ta và người không còn oán thù nữa”.

day, on his knee suddenly appeared a growth like a human face, with a nose and mouth. The growth made the monk suffer much pain. Physicians from many places could not treat him. Then, suddenly, the monk remembered the words of the bhikkhu and went to Jiu Long Mountain. When the monk met the bhikkhu, the bhikkhu said “Please don’t worry. There’s a mountain here, and below the mountain cliff is a spring of water. Whoever is sick needs only to use this spring water to wash, once and he or she will be healed. It’s already dark now why don’t you rest, and I will take you to the spring tomorrow morning to wash “your knee”.

Early the next day, when the monk was about to wash his knee, the growth shouted, “there’s no need to wash. I have important information to tell you. You are well read, but have you read the story of Yuan Ang killed Chao Cuo in the Western Han Classics?” The monk answered, “I have read them.” (*Yuan Ang and Chao Cuo were both politicians at the court of Han Emperor Jing and were against each other. In the 2nd year of Emperor Jing, before the year 155, Yuan Ang used tactics to kill Chao Cuo in the west city.*)

The growth said, “You were Yuan Ang in your past life, and I was Chao Cuo. One day because of words, you slaughtered me across my back and “killed me” at west city. That was so unjust. From that day on, I have been trying to seek revenge, but, sadly, I did not have an opportunity because, after ten lives, you’re a veteran bonze of high virtues. In this lifetime, you are much favored and have earned many grand awards by the Emperor. Hence, your greed is sprouting, causing your righteousness and high moral to fade, which allows me a chance to make you sick. Now I hope that the venerable Kanakavatsa uses the holy Sarcasm water to wash you and help heal you, thus also helping me to be greatly promoted. From now on, you and I are no longer holding grudges.”

Nhà sư nghe xong, lông tóc dựng đứng, mức nước rửa mụn, cảm thấy đau tận xương tủy, nằm mê man rất lâu sau mới tỉnh dậy. Lúc đó cái mụn tiêu mất, cũng không thấy dấu tích vị ùi-khuu, nhà sư bèn quỳ xuống đánh lễ tạ ơn. Nhà sư trở về kinh thành rồi soạn viết Tam Muội Thủy Sám gồm 3 quyển, để làm phương tiện cho tăng tín đồ sám hối nghiệp chướng.

Câu chuyện thời tiền sử Trung Hoa cho chúng ta biết, con người ai cũng có tội, không nặng thì nhẹ. Kinh nói: "Kẻ phạm phu mỗi khi động chân cất bước là đã có tội". Thân, khẩu, ý. Đời người, tội lỗi không ngoài ba điều: phiền não, nghiệp chướng (Karma), quả báo. Vì phiền não mới sinh ác nghiệp, vì ác nghiệp phải chịu khổ đau. Phiền não đều do ý đụng chạm với nhau gây ra. Hàng tỷ người thì hàng tỷ ý khác nhau, không ý nào là đúng. Và khi ý nghiệp phát khởi, thì thân nghiệp, khẩu nghiệp, theo đó phát động. Hoặc say đắm dục lạc, sanh ra "phiền não ham muốn", hoặc giận dữ bức tức, sanh ra "phiền não hãm hại", hoặc ngã mạn tự cao, sanh ra "phiền não ngạo nghễ"... Chúng sanh bị chìm đắm mãi trong bể khổ cũng do thói quen che giấu tội lỗi. Nếu biết tội, ăn năn sám hối thì không còn tội.

Nhưng con virus Vũ Hán ở thời hiện tại cho chúng ta biết, với hàng triệu người bị lây nhiễm, và gần cả triệu người đã chết, tất cả đều vô tội. Nếu vô tội mà khổ đau thì con người thật đáng thương. Chúng ta sinh ra làm người đã là may mắn, vậy thì hạnh phúc hay khổ đau là cần thiết, giúp nhận biết mình là ai trong cuộc đời này. Con người đều có cái ngã, lớn hay nhỏ đều tùy thuộc vào hạnh

The monk after hearing the story, his hairs stood up as he was frightened. He then scooped water to clean the growth. He felt such an excruciating pain deep into his marrow and bone that he fainted. The monk finally woke up for a very long time before he was conscious. Then the growth was gone, but there was no sign of the bhikkhu. The monk paid homage and gave thanksgiving. The monk returned to the capital and wrote the “Samadhi Water Repentance”, which contains three volumes, as a tool for followers and believers to repent their ill karma.

This story of ancient China lets us know that everyone is a sinner, if not a lot then at least a little. The Book³ stated, “An ordinary man is guilty every time moves his feet “. Body, speech and intention⁴. In human life, sins are found within three things: ill karma is caused by sadness; because of ill karma humans must suffer pain and grievances. Thoughts and interactions cause sadness. Billions of people, hence billions of different thoughts and intentions; there are no correct thinking or intentions. And, when an intention or thought arises, then both body karma and verbal karma with body karma also arises. Indulging in or desiring material or sensual pleasures produce the taints of the mind with disturbing desires. Anger or frustration produce the taints of the mind with harmful afflictions. Superiority-conceit cause the taints of the mind with haughtiness and thus arrogant afflictions. Human beings are forever drowning in the worldly life full of miseries due to their habits of covering up sins. If humans know to repent, then there will be no more sin.

But the Wuhan virus lets us know, with millions of people being infected and almost a million have passed away, that all are innocents. If humans are innocent and still suffering, then they are also pitiful. We are already lucky being born as humans; thus happiness or suffering are essential, as they help us to know who we are in this life. Humans all have an ego (a self), big or small

phúc hay khổ đau. Khổ đau cho chúng ta cảm nhận rằng chúng ta có tội. Có tội phải ăn năn sám hối. Sám hối sẽ không gây ra đổ kỵ ghen ghét. Không đổ kỵ ghen ghét thì tâm tính bình an. Tâm tính bình an sẽ quan tâm tới khổ đau của người khác, phát hiện tấm lòng vị tha, giúp đỡ mọi người. Thấy không ai còn khổ đau, thì mình sẽ cảm thấy hạnh phúc. Vì vậy, theo nhà văn hào Pháp, Alexandre Dumas (1802-1870), "Chỉ có ai đã trải qua nỗi đau khổ tột cùng mới có khả năng cảm nhận được hạnh phúc tột cùng." Nếu đói, chúng ta ăn sẽ ngon, dù thức ăn có ngon hay dở. Trường hợp, chúng ta tự nhịn đói để chữa bệnh hay kích thích trí tuệ, đó là chuyện bình thường. Nhưng với những người đói vì hoàn cảnh bên ngoài như đói kém, mất mùa, khổ đau của họ là tột cùng. Và nếu có người cứu giúp, sẽ mang tới cho họ hạnh phúc tột cùng.

Hoặc, "khổ đau là bạn, hoạn nạn là thầy." Như vậy, trong đời cần có khổ đau ư? Bán cầu não phải: diễn đạt cảm xúc, trực giác, vô thức, nảy sinh ý tưởng mới, tổng hợp, hiện tại và tương lai. Bán cầu não trái: thuộc lý trí, với ý thức, kiến thức, sự quen thuộc, sự kiện, giải thích, nhận biết, hiện tại và quá khứ. Trong cuộc sống bình thường, người thiên về bán cầu não trái cực đoan hơn, có khả năng ăn nói lưu loát, còn người thiên về bán cầu não phải, chịu đựng hơn, ít có tinh thần tranh đua. Đối với các nhà khoa học, họ thường kết hợp cả hai. Nhưng với những nhà văn nghệ sĩ đích thực, sáng tạo thường thiên về bán cầu não phải, và vướng vào cảm xúc nhiều hơn. Và đó chính là nguồn gốc dẫn đến khổ đau. Nếu không có khổ đau thì làm sao có cảm xúc để tạo nên những tác phẩm nghệ thuật? Cái gì cũng phải có giá. Tiếng tăm càng nổi trội, càng bị đánh phá, càng chịu đựng khổ đau, thậm chí thù trong giặc ngoài.

depending on one's happiness or suffering. Sufferings let us feel that we have sins. If humans have sins then humans must repent. Repenting will not create envy or jealousy. Without envy or jealousy, our souls and hearts will be at peace. A peaceful heart will mind other people's pain and sufferings, will discover selflessness, will have a forgiving heart, and will be to help everyone. Seeing no one suffering, one then will feel happy. Thus, like French writer Alexandre Dumas (1802-1870) wrote, "Only a man who has felt ultimate despair is capable of feeling ultimate bliss". When hungry, we should enjoy eating whether the food is good or bad. These aspects are normal except when we are fasting to cure an illness or stimulate our intelligence. But, when people are starving because of circumstances such as a poor environment or crop failure, their pain and suffering are extreme. someone with help would bring tremendous happiness.

"Pain and suffering are friends, and tribulations are teachers." Thus, should there be a need for pain and suffering? Right hemisphere involve emotions, intuitions, subconsciousness, creativity, holistic perception, present and future. Left hemisphere involve analysis, logic, knowledge, orders, events, explanations, acknowledgement, present and past. In the daily life, left-brain dominant people are more pessimistic and have great verbal communication skills, and right-brain dominant people endure more and are less competitive. Scientists have a balance of both dominances. But, with true artists, creativity is dominant in the right brain, and artists thus tangle with feelings than non-artists. And these feelings are the roots leading to pain and suffering. If there's no pain and suffering, then how can one have feelings to create works of art? Everything has a price. The more the fame or popularity, the more the attacks and thus the more tolerance for suffering. There are even enemies from within and rivals outside.

Nói chung, con người sinh ra, ai cũng mong cầu hạnh phúc, sống một cuộc đời có ý nghĩa. Khổ đau, hay bất hạnh, ngược lại, làm cho cuộc đời vô nghĩa, và con người có xu hướng kích thích nhu cầu đi tìm ý nghĩa. Các nhà sử học ghi lại các cuộc chiến tranh vĩ đại, tội ác và thảm họa của lịch sử nhiều hơn so với các thời đại của hòa bình, thịnh vượng. Các nhà tâm lý học nhấn mạnh đến bệnh trạng, thất bại và bất hạnh, hơn là thành công và niềm vui. Tiểu thuyết trình bày chi tiết về cuộc đời và các sự kiện cá nhân mà mọi người muốn đọc, mặc dù kết thúc có hậu, nhưng rất ít tiểu thuyết dành không gian cho hạnh phúc. Thay vào đó, tiểu thuyết đề cập đến tội phạm, gia đình xung đột, đẩy con người vào khổ đau. Để hồi phục, người ta có thể tìm ra ý nghĩa nào đó để giải quyết vấn đề, chẳng hạn, bước vào thế giới sáng tạo của nghệ thuật, hoặc sống cuộc đời tu hành.

Rồi đóng lại cánh cửa Tâm Tư Sâu Muộn.

Thứ Tư, ngày 2 tháng 9, 2020

Translated into English by Trần Vũ Liên Tâm

* Bản tiếng Anh đăng trên website của Ý: Blog di imagine.poesia.overblog.it: <https://imaginepoesia.wordpress.com/2021/02/03/sad-confidenses-essay-by-khe-iem-vietnam/>

All human beings are born, and all wish for happiness and to live a meaningful life. Conversely, pain and misery make life meaningless, and human being has the tendency of motivating the needs to find meaning of life. Historians record more about the great wars, crimes and tragedies of history than about the eras of peace and wealth. Psychologists emphasize illness, failures and mishaps more than success and joy. Novels portray the details and events of life which everyone wants to read about, even if they have happy endings, but very few novels have happy settings. Instead, the settings of novels are about crimes or family issues, pushing humans to pain and suffering. To recover, people can find certain meanings to resolve these issues, perhaps, walking into the world of creative arts, or living a spiritual life of ecclesiastical.

Thus closes the door of Sad Confidences.

Wednesday, Sept 2nd, 2020

- (1) The name Ngô Đạt means Achieved Enlightenment
- (2) Kanakavatsa
- (3) “Samadhi Water Repentance” book
- (4) There are three types of Karma: Body, Speech, and Mind (or Intention). Or we can also think that actions of the body, speech, and mind create Karma.

BIOGRAPHY



TIỂU SỬ

• *CAROL J. COMPTON*

Dr. Carol J. Compton hiện là hội viên danh dự của Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á tại Đại học Wisconsin-Madison (từ 2010 đến nay). Bà nhận được văn bằng tiến sĩ ngữ học tại Đại học Michigan năm 1977 và có kinh nghiệm về nghiên cứu bao quát, giảng dạy và xuất bản liên quan tới sự nghiên cứu về những ngôn ngữ Đông nam Á châu. Chủ yếu bà nghiên cứu về ngôn ngữ Lào và Thái, mặc dù bà cũng có những kinh nghiệm chuyên ngành về ngôn ngữ Hmong và Khmer, và mới đây xuất bản một bài nhan đề “Filipino as a Global Language: Teresita V. Ramos, the Woman behind It”, trong tập tiểu luận về văn học và ngôn ngữ Philippine, biên tập bởi Ruth Elynia S. Mabanglo và Rosita G. Galang (2010). Tuy nhiên, kinh nghiệm nghiên cứu của bà về Đông nam Á châu ở cả bề sâu cũng như bề rộng. Dr. Carol bắt đầu là một tình nguyện viên của cơ quan Peace Corps vào năm 1963 trước khi chuyển sang tình nguyện làm công việc Phát triển Nông thôn với những dân tộc Hmong, Red Tai, Black Tai, Khmu và Lao vào năm 1965. Sau đó bà bắt đầu giảng dạy Anh ngữ cho người ngoại quốc qua rất nhiều trường Đại học như Đại học Illinois, Đại học Khon Khaen (Thailand), Đại học Michigan, Đại học North Carolina, Đại học Cornell, Đại học Northern Illinois, Ithaca College, Đại học Hawai’I, Đại học tiểu bang Arizona và Đại học Oregon. Cuối cùng, bà tới Wisconsin vào năm 1989, dạy ở trung tâm Giáo dục song ngữ trước khi tham gia Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á châu vào năm 1993, làm việc với Viện nghiên cứu Đông Nam Á châu mùa Hè (SEASSI).

Cùng với những kinh nghiệm nghiên cứu và giảng dạy, Dr. Carol J. Compton cũng là biên tập cho: Tập san Outreach Resources, ấn phẩm của Chương trình Đông Nam Á châu của Đại học Cornell (1979-1983), tập san Khosana của nhóm nghiên cứu về Thái Lan, Lào, Cambodia (Những ấn phẩm của Hiệp hội Nghiên cứu Á châu: 1981-1984), Tập san Những Giáo chức Ngôn ngữ vùng

• *CAROL J. COMPTON*

Dr. Carol J. Compton is currently an Honorary Fellow at the Center for Southeast Asian Studies at the University of Wisconsin-Madison (2010-present). She received her PhD in Linguistics from Michigan University in 1977 and has extensive research, teaching and publishing experience related to the study of Southeast Asian Languages. She has worked predominantly with Lao and Thai languages, although she also has professional experiences working with the Hmong and Khmer and has recently published an article titled “Filipino as a Global Language: Teresita V. Ramos, the Woman behind It” in *Essays on Philippine Language and Literature*, edited by Ruth Elynia S. Mabanglo and Rosita G. Galang (2010). However, her experience in working with Southeast Asian Studies is also as deep as it is broad. Dr. Compton began as a Peace Corps Volunteer in 1963 before moving on to work with Hmong, Red Tai, Black Tai, Khmu and Lao peoples as a Rural Development Volunteer in 1965. She then began working in English as a Second Language instruction which led her through numerous positions Southern Illinois University, Khon Khaen University (Thailand), University of Michigan, University of North Carolina, Cornell University, Northern Illinois University, Ithaca College, University of Hawai’i, Arizona State and University of Oregon. Through this work she first arrived in Wisconsin in 1989, working for the Center for Bilingual Education before she first joined the Center for Southeast Asian Studies in 1993 in her work with the Southeast Asia Studies Summer Institute (SEASSI).

In addition to her research and teaching experiences Dr. Compton also has also edited: *Outreach Resources Bulletin*, a publication of the Cornell University Southeast Asia Program (1979-1983), *Khosana, Bulletin of the Thailand, Laos Cambodia Study Group* (Association for Asian Studies publication series: 1981-1984), the

Đông Nam Á (1986-1990), tạp chí Giảng dạy Ngôn Ngữ Đông Nam Á (Biên tập đặc biệt: Vols. VIII and IX), tạp chí Giảng dạy Ngôn Ngữ Đông Nam Á (2005-2008; trên mạng vào năm 2006), tập san NCOLCTL, Tập 2, Số 1 (mùa hè 1995) và mới đây: Khung học Ngôn ngữ cho những giáo chức người Philippine, Ấn bản đặc biệt của tạp chí Giảng dạy Ngôn Ngữ Đông Nam Á “Hội đồng Giáo chức Ngôn ngữ Đông Nam Á châu”, lịch sử tóm tắt (với Frederick Jackson và Teresita Ramos – 2012)

• *WILLIAM B. NOSEWORTHY*

Ông là một nhà sử học về các phong trào xã hội, đặc biệt quan tâm đến mối quan hệ giữa tôn giáo và nhà nước. Nghiên cứu của ông tập trung vào các nhóm dân tộc thiểu số và tôn giáo xuyên quốc gia ở Đông Nam Á, đặc biệt trên biên giới Việt Nam-Campuchia. Ông quan tâm nhất đến việc nghiên cứu các lĩnh vực văn hóa và cách biểu hiện trong mối tương tác giữa các tác nhân địa phương và toàn cầu. Các tôn giáo ông quan tâm trong nghiên cứu bao gồm: thuyết Duy linh, Ấn Độ giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo và Hồi giáo. Các vấn đề chính trị quan trọng bao gồm đầu tư vốn vào Đông Nam Á, phát triển, quyền đất đai, quyền nước uống và quyền bản địa, cùng với tác động của các phương tiện truyền thông mới và các hình thái tác phẩm văn hóa mới.

• *ANGELA SAUNDERS*

Bà là biên tập viên thơ cho BellaOnline và tạp chí văn học trực tuyến “Mused”. Ngoài ra, còn là điều phối viên cho một chương trình Quốc gia về Điếc-Tự kỷ và là diễn giả về các chủ đề liên quan đến Điếc, Tự kỷ và các rào cản ngôn ngữ do khuyết tật tạo ra. Bà là đồng tác giả cuốn “Đường đến hy vọng” và đã viết một số tập thơ giáo dục để dạy kỹ năng sống cho trẻ Tự kỷ.

Bulletin for Teachers of Southeast Asian Languages (1986-1990), the Journal of Southeast Asian Language Teaching, (guest editor: Vols. VIII and IX), the Journal of Southeast Asian Language Teaching (2005-2008; online as of 2006), the NCOLCTL Bulletin, Vol. 2, No. 1 (Summer 1995) and most recently: The Language Learning Framework for Teachers of Filipino, Special Issue of the Journal of Southeast Asian Language Teaching “Council of Teachers of Southeast Asian Languages,” a brief history (With Frederick Jackson and Teresita Ramos – 2012)

• *WILLIAM B. NOSEWORTHY*

He is a historian of social movements, particularly interested in the relationship between religion and the state. His research focuses upon transnational ethnic and religious minorities in Southeast Asia, especially across the Vietnamese-Cambodian borderlands. He is most interested in the study of cultural frontiers and how they manifest in the interactions between local and global actors. Religions of interest in my research include: Animism, Hinduism, Buddhism, Daoism, Confucianism, and Islam. Important issues of political interest include capital investment in Southeast Asia, development, land rights, water rights, and indigenous rights, along with the impact of new media and new forms of cultural production.

• *ANGELA SAUNDERS*

She is the poetry editor for BellaOnline and for “Mused” online literary magazine. Additionally she is the program coordinator for a national Deaf-Autism program and a national speaker on topics related to Deafness, Autism, and language barriers created by the two disabilities. She is a co-author of the book “Road To Hope” and has written several educational poetry books to teach life skills to the Autistic children in her program.

• *RICHARD H. SINDT*

Tham vấn ngôn ngữ tiếng Anh

Richard H. Sindt quan tâm mạnh mẽ tới Việt nam. Ông đã sống tại Việt nam trong thời chiến tranh – năm 1967 và 1969 – 1970, phục vụ như một người vẽ bản đồ trong quân đội Mỹ. Ông đã đến thăm Việt Nam trong 1 tháng năm 1997 – đi từ Hà Nội đến thành phố Hồ Chí Minh. Ông chuyển tới ở Việt Nam năm 1999, và dạy Anh ngữ 2 năm rưỡi. Ông đã viết rất nhiều bài viết và tiểu luận về Việt Nam. Ông dự định trở lại Việt Nam lần nữa, dạy tiếng anh và viết thêm về Việt Nam. Richard H. Sindt sinh ra và lớn lên ở Boulder, Colorado. Ông có bằng cử nhân về địa lý ở đại học tiểu bang Arizona. Ông hiện sống ở Quận Cam, California, và là một nhà tham vấn về Anh ngữ.

• *FREDERICK FEIRSTEIN*

Frederick Feirstein là kịch tác gia, đã có cả mười mười hai vở được diễn ở New York. Vở kịch đầu tiên của ông, SIMON AND THE SHOESHINE BOY (Simon Và Cậu Bé Đánh Giày) được dàn dựng lần đầu tại Trung Tâm Kịch Nghệ Chelsea. Vở thứ hai của ông, THE FAMILY CIRCLE (Trong Vòng Gia Đình) được dàn dựng lần đầu tại Provincetown Playhouse (New York), và sau đó được ấn hành trong loạt sách Modern Classics Series ở Luân-đôn (nhà xuất bản Davis-Poynter/Harper Collins). Ông còn viết lời thoại và lời nhạc cho ba vở nhạc kịch: THE CHILDREN'S REVOLT (Sự Nổi Loạn Của Những Đứa Trẻ) trong đó ông là đạo diễn và vai chính được trao cho Willem Dafoe, MASQUERADE (Đại Hội Hóa Trang), là vở đoạt giải Audrey Wood Playwriting Award, và vở HEROISM (Anh Hùng Tính), nhạc của William Harper, được đưa lên sân khấu lần đầu tại Raw Space (New York) bởi Chicago's ARTCO năm 2001.

• RICHARD H. SINDT

English language consultant

Richard H. Sindt has a strong interest in Việt Nam. He lived in Việt Nam during the War – in 1967 and in 1969-1970, serving as a mapmaker in the US Army. He visited Việt Nam for a month in 1997 – traveling from Hà Nội to Hồ Chí Minh City. He moved to Việt Nam in 1999, and taught English for 2&1/2 years. He has written numerous letters and essays about Việt Nam. He plans to return to Việt Nam again to teach English and to write more about Việt Nam. Richard H. Sindt was born and raised in Boulder, Colorado. He earned a BS degree in Geography at Arizona State University. He currently lives in Orange County, California, and is an English language consultant.

• *FREDERICK FEIRSTEIN*

Frederick Feirstein is a playwright with a dozen New York productions. His first play *SIMON AND THE SHOESHINE BOY* was first produced at the Chelsea Theater Center. His second play *THE FAMILY CIRCLE*, was first produced at the Provincetown Playhouse (New York), and subsequently published in the Modern Classics Series in London (Davis-Poynter/Harper Collins). He has written the book and lyrics for three musical dramas: *THE CHILDREN'S REVOLT*, (which he directed starring Willem Dafoe), *MASQUERADE*, which won an Audrey Wood Playwriting Award, and *HEROISM* (music by William Harper), first staged at the Raw Space (New York) by Chicago's ARTCO in 2001.

He also writes for film and television. He wrote *TWO FOR ONE* and *STREET MUSIC* for David Da Silva films (*FAME*), *G.I. DIARY* for CBS, *SATURDAY NIGHT LIVE* with Philip Magdaleny, and *DAYTIME* with Doris Frankel and Doug Marland.

Ông cũng viết kịch bản phim và truyền hình. Ông đã viết TWO FOR ONE (Hai Cho Một) và STREET MUSIC (Nhạc Đường Phố) cho hãng phim David Da Silva (FAME), G. I. DIARY cho CBS, SATURDAY NIGHT LIVE với Philip Magdaleny, và buổi ban ngày với Doris Frankel và Doug Marland.

Frederick Feirstein đã cho xuất bản tám tập thơ. Tập thơ đầu tay, SURVIVORS (Những Người Sống Sót), được Hiệp Hội Thư Viện Mĩ bình chọn là một trong hai Outstanding Books (Sách Xuất Sắc) trong năm. Tập thơ thứ hai của ông, MANHATTAN CARNIVAL: A DRAMATIC MONOLOGUE (Lễ Hội Manhattan: Độc Thoại Kịch) lọt vào vòng chung kết Giải Pulitzer và được đưa lên sân khấu tại New York, Cambridge, và Los Angeles. Tập thơ thứ tư và thứ sáu của ông, FAMILY HISTORY (Câu Chuyện Gia Đình), và ENDING THE TWENTIETH CENTURY (Chấm Dứt Thế Kỉ Hai Mươi) đoạt giải QUARTERLY REVIEW OF LITERATURE. Tập thơ năm, CITY LIFE (Cuộc Sống Thành Thị) được đề cử Giải Pulitzer. Tập thơ bảy NEW AND SELECTED POEMS (Thơ Mới Và Thơ Tuyển) ấn hành năm 1998. Tập thơ thứ tám của ông, FALLOUT (Bụi Phóng Xạ) ấn hành năm 2009.

Ông đã đoạt được những giải thưởng văn học sau đây: Giải thưởng Thơ của Guggenheim Fellowship, Giải thưởng Thơ của Society of America's John Masefield, Giải thưởng Thơ của England's Arvon, và Giải dành cho Kịch nghệ của Rockefeller Foundation's OADR.

Ông là người đồng sáng lập phong trào Expansive Poetry và là người tạo ra chương trình đọc sách của nhà Barnes & Noble.

Tiểu sử của ông được ghi trong Dictionary of Literary Biography và tiểu sử tự thuật của ông được ghi trong Contemporary Authors Autobiography Series.

Frederick Feirstein has had eight books of poetry published. His first, *SURVIVORS*, was selected as one of the two Outstanding Books of the year by the American Library Association. His second, *MANHATTAN CARNIVAL: A DRAMATIC MONOLOGUE*, was a Pulitzer Prize finalist and performed on stage in New York, Cambridge, and Los Angeles. His fourth and sixth books, *FAMILY HISTORY*, and *ENDING THE TWENTIETH CENTURY*, won the *QUARTERLY REVIEW OF LITERATURE'S* international prizes. His fifth, *CITY LIFE*, was a Pulitzer nominee. His seventh, *NEW AND SELECTED POEMS*, was published in 1998. His eighth, *FALLOUT*, was published in 2009.

Among his literary awards are a Guggenheim Fellowship in Poetry, the Poetry Society of America's John Masefield Award, England's Arvon Prize for Poetry, and the Rockefeller Foundation's OADR Award For Playwriting.

He was co-founder of the Expansive Poetry movement and originated the Barnes & Noble reading series.

His biography is in the *Dictionary of Literary Biography*, and his autobiography is in the *Contemporary Authors Autobiography Series*.

• TỪ ĐIỂN TIỂU SỬ VĂN HỌC
VỀ FREDERICK FEIRSTEIN

Là một trong những người sáng lập phong trào thơ Expansive (Mở Rộng / Chan Hòa), Frederick Feirstein đã bênh vực mạnh mẽ việc tái lập thơ hình thức, thơ tường thuật, và thơ trào phúng trong thi ca Mĩ – ông cảm nhận rằng đó chính là cách chữa trị nhằm đưa thơ trở lại với mọi người và dứt thơ ra khỏi không khí học thuật ngọt ngào ở đó thơ đã héo mòn, chỉ qui chiếu về chính nó, trong suốt nửa thế kỉ vừa qua. Những thi phẩm của ông tập trung vào vẻ đẹp và nét bạo tàn hậu hiện đại của New York City, thành phố quê hương của ông, vào khuynh hướng tính dục đầy ám ảnh của ngành tâm phân học theo phong cách New York cổ điển, và vào vấn đề Do Thái tính trong đồng nhất tính Mĩ. Ý thức căm phẫn nơi ông đã khiến thơ ông tách biệt hẳn với thơ của những đồng nghiệp trong giới học thuật của ông, là những người trầm tĩnh hơn, hướng vào nội tâm nhiều hơn, trong phong trào Thơ Tân Hình Thức. Thực vậy, dù ông được những người trong phong trào xem là một trong những nhà thơ Mĩ quan trọng nhất và độc sáng nhất của phong trào Thơ Tân Hình Thức, nhưng Feirstein kịch liệt bác bỏ uy thế của từ này trên mục tiêu rộng lớn hơn của thơ Expansive. Feirstein, và những người sáng lập trước đây của phong trào thơ Expansive như Dick Allen, Frederick Turner, và Wade Newman, thích dùng từ “expansive” để mô tả loại thơ mới đầy sức sống mãnh liệt, không chỉ sử dụng những thể thơ truyền thống như thể xo-nê [thơ 14 câu, mỗi câu 10 âm tiết] và thể anh hùng ca dưới dạng những cặp vần với nhau, mà còn khuyến khích việc tự do mở rộng chủ đề thơ và thúc đẩy sự sáng tạo những bài thơ tường thuật dài hơi, vốn là thành phần chủ yếu trước đây của thơ Anh và thơ Mĩ.

Feirstein nhấn mạnh vào sự đoạn tuyệt dứt khoát và có tính cách mạng đối với những trường phái đã được xác lập của những nhà thơ hàn lâm, là những người củng cố theo cách cứng nhắc cái khái niệm rằng để thực sự là thơ Mĩ, thì chỉ thể là thơ dưới dạng các

• *DICTIONARY OF LITERARY BIOGRAPHY*
ON FREDERICK FEIRSTEIN

One of the founders of the Expansive poetry movement, Frederick Feirstein has championed the reestablishment of formal verse, verse narrative, and verse satire in American poetry – just the prescription, he feels, for bringing poetry back to the people and tearing it out of the rarified climate of academia, where it has languished, self-referentially, for half a century. His own poetical works focus on the postmodern beauty and brutality of his native New York City, the obsessively sexual orientation of classic New York-style psychoanalysis, and the problem of Jewishness in American identity. His sense of outrage sets his work apart from the poetry of his quieter, more introspective academic colleagues in the New Formalist movement. Indeed, although he is considered one of America's foremost and most original New Formalist poets by those in the movement, Feirstein objects strongly to the ascendancy of that term over the broader intent of Expansive poetry. Feirstein, and earlier founders of the Expansive poetry movement such as Dick Allen, Frederick Turner, and Wade Newman, prefer the word “expansive” to describe a vigorous new poetry that not only employs traditional verse forms such as the sonnet and heroic couplet but also encourages a wide-ranging freedom of subject matter and promotes the creation of longer narrative poems, a former staple of English and American poetry.

Feirstein has insisted on a clear and revolutionary break with establishment schools of academic poets who have rigidly enforced the notion that real American poetry could only be written in

câu thơ tự do, nhấn mạnh vào thứ ngôn ngữ bí hiểm và vào tầm quan trọng hàng đầu dành cho những cảm quan của nhà thơ và những cảm nhận cá nhân, so với thế giới bên ngoài vốn chỉ là thứ yếu. Feirstein muốn quay mặt thơ ra bên ngoài một lần nữa, “mở rộng” nó bằng cách từ bỏ những ám ảnh tự yêu mình của những nhà thơ theo trường phái xứng tội và trường phái xem thơ chỉ là Ngôn Ngữ, là những người có chung nét điển hình là không lưu ý tới những mối quan tâm của quần chúng nói chung.

Thuộc dòng dõi Do Thái Đông Âu, Frederick Feirstein sinh ngày 2 tháng giêng năm 1940 tại New York City, thân phụ và thân mẫu ông có tên là Arnold và Nettie Feirstein. Những năm đầu đời, ông lớn lên trong một căn hộ của cao ốc thuộc dạng hợp tác xã nhà ở, sống chen chúc trong một xóm giềng đông đúc đa sắc tộc ở Lower East Side, New York City.

• *FREDERICK TURNER*

Frederick Turner sinh tại Northamptonshire, Anh, năm 1943. Sau vài năm sống ở Trung Phi, nơi cha mẹ ông, các nhà nhân chủng học Victor W. và Edith LB Turner, đang tiến hành nghiên cứu thực địa. Frederick Turner được đào tạo tại Đại học Oxford (1962-67), với bằng BA, MA và B.Litt. (bằng cấp cuối tương đương với Tiến sĩ) về Ngôn ngữ và Văn học Anh. Ông được nhập quốc tịch Hoa Kỳ vào năm 1977.

Ông hiện là Giáo sư sáng lập về Nghệ thuật và Nhân văn tại Đại học Texas, Dallas, đảm nhiệm các chức vụ học thuật tại Đại học California, Santa Barbara (trợ lý giáo sư 1967-72), Cao đẳng Kenyon (phó giáo sư 1972-85), và Đại học của Exeter ở Anh (thỉnh

free verse that emphasized esoteric language and the primacy of the poet's sensations and personal feelings over the world outside. Feirstein wants to turn poetry outward once again, "expanding" it by abandoning the narcissistic obsessions of confessionalists and Language poets who typically prefer not to deal with the concerns of the public at large.

Of Eastern European Jewish stock, Frederick Feirstein was born on 2 January 1940 in New York City, the son of Arnold and Nettie Feirstein. His early years were spent growing up in a crowded cooperative apartment building in a teeming, multiethnic neighborhood on the Lower East Side of New York City.

• *FREDERICK TURNER*

Frederick Turner was born in Northamptonshire, England, in 1943. After spending several years in central Africa, where his parents, the anthropologists Victor W. and Edith L. B. Turner, were conducting field research. Frederick Turner was educated at the University of Oxford (1962-67), where he obtained the degrees of B.A., M.A., and B.Litt. (a terminal degree equivalent to the Ph.D.) in English Language and Literature. He was naturalized as a U.S. citizen in 1977.

He is presently Founders Professor of Arts and Humanities at the University of Texas at Dallas, having held academic positions at the University of California at Santa Barbara (assistant professor 1967-72), Kenyon College (associate professor 1972-85), and

giang 1984-85). Từ năm 1978-82, ông là biên tập viên của The Kenyon Review. Ông đã kết hôn từ năm 1966 với Mei Lin Turner (nhũ danh Chang, một biên tập viên tạp chí văn học) và có hai con trai.

• *DANA GIOIA*

Dana Gioia sinh ra ở Los Angeles năm 1950. Ông nhận bằng Cử nhân (BA) và bằng thạc sĩ (MBA) Đại học Stanford. Ông cũng có bằng Thạc sĩ Văn học So sánh Đại học Havard. Trong mười lăm năm, ông đã làm việc như một chuyên gia kinh doanh ở New York trước khi nghỉ việc vào năm 1992 để viết toàn thời gian. Ông đã xuất bản năm tập thơ - *Tử vi hàng ngày* (1980), *Các vị thần mùa đông* (1991), *Những câu dò hỏi ban trưa* (2001, đoạt giải thưởng Sách Mỹ), *Tội nghiệp Người đẹp* (2012), và *99 Bài thơ: Mới và Chọn lọc* (2016, đoạt giải Nhà thơ). Bộ sưu tập phê bình đầu tiên của Gioia, *Thơ Có thể Quan Trọng?* (1992, lọt vào chung kết Giải thưởng Hội Nhà phê bình Sách Quốc gia). Ông cũng đã xuất bản mười lăm tuyển tập thơ và tiểu thuyết. Ông là cựu Nhà thơ Danh dự tiểu bang California. Ông nhận được Huân chương Laetare từ Đại học Notre Dame và Giải thưởng Aiken Taylor cho những cống hiến trọn đời cho nền thơ ca Mỹ. Từ năm 2003 đến năm 2009, ông giữ chức Chủ tịch Quý Quốc gia về Nghệ thuật. Gioia giúp Chủ tịch Thẩm phán Widney về Văn hóa Công cộng và Thơ tại Đại học Soathern California. Ông chia thời khắc của mình giữa Los Angeles và Sonoma County, California.

• *TOM RIORDAN*

Ông sống ở tiểu bang New Jersey với vợ và 3 con. Ông làm vườn, dạy Anh ngữ, nấu nướng dọn dẹp, điều hành Ủy Ban Môi Trường trong thị xã, và viết.

the University of Exeter in England (visiting professor 1984-85). From 1978-82 he was editor of *The Kenyon Review*. He has been married since 1966 to Mei Lin Turner (née Chang, a literary periodical editor), and has two sons.

• *DANA GIOIA*

Dana Gioia was born in Los Angeles in 1950. He received his BA and MBA degrees from Stanford University. He also has an MA in Comparative Literature from Harvard University. For fifteen years he worked as a business executive in New York before quitting in 1992 to write full-time. He has published five collections of poetry - *Daily Horoscope* (1980), *The Gods of Winter* (1991), *Interrogations at Noon* (2001) which won the American Book Award, *Pity the Beautiful* (2012), and *99 Poems: New and Selected* (2016) which won Poets' Prize. Gioia's first critical collection, *Can Poetry Matter?* (1992), was a finalist for the National Book Critics Circle Award. He has also published fifteen anthologies of poetry and fiction. He is the former Poet Laureate of California. Gioia has received the Laetare Medal from Notre Dame University and the Aiken Taylor Award for lifetime contribution to American poetry. From 2003 to 2009, he served as Chairman of the National Endowment for the Arts. Gioia help the Judge Widney Chair of Poetry and Public Culture at the University of Soathern California. He divides his time between Los Angeles and Sonoma County, California.

• *TOM RIORDAN*

He lives in New Jersey in the U.S. with his wife and 3 children. He gardens, teaches English, cooks and cleans, runs the Environment Commission in his town, and writes.

• *STEPHEN JOHN KALINICH*

(Sinh tại Endicott, New York, America) là một nhà thơ Mỹ. Ông cộng tác với nhiều nhạc sĩ như P.F. Sloan, Art Munson, Kenny Hirsch, Randy Crawford, Mary Wilson of the The Supremes, Odyssey, Clifton Davis và Diana Ross. Ông viết một số ca khúc cho ban nhạc The Beach Boys như “All I Want to Do”, “Be Still”, “Little Bird” và “A Time to Live in Dreams” với Dennis Wilson.

• *ALEXANDER KOTOWSKIE*

Sinh năm 1989 tại Lake Forest, Illinois, vùng ngoại ô phía Bắc Chicago. Ông đam mê thơ và văn chương và hiện đang theo học chương trình cử nhân về lịch sử. Ông là một người đọc Mỹ thuộc về lớp thế hệ trẻ nhất.

• *KHẾ IÊM*

(True name: Lê Văn Đức)

Ông sinh tại Lê xá, Vụ Bản, Nam Định, Bắc Việt Nam, năm 1946 (giấy khai sinh ghi năm 1947). Ông sáng lập và chủ biên *Tạp Chí Thơ* (1994-2004), chủ biên tạp chí online câu lạc Bộ Thơ Tân hình thức www.thotaninhthuc.org từ năm 2004. Ông sáng lập và chủ biên *Báo Giấy* từ năm 2014 và báo song ngữ *Poetry Journal*, 2016. Những bài thơ dịch của ông xuất hiện trên *Xconnect* (bộ III, số II), *Literary Review* (số Mùa Đông 2000) và *The Writers Post*. Tiểu luận của ông xuất hiện trên *The Writers Post*. Ông đã xuất bản *Hột Huyết*, kịch; 1972, *Thanh Xuân*, thơ, 1992; *Dấu Quê*,

• *STEPHEN JOHN KALINICH*

(Born in Endicott, New York, USA) is an American poet. He has also collaborated with many musicians, including P.F. Sloan, Art Munson, Kenny Hirsch, Randy Crawford, Mary Wilson of the The Supremes, Odyssey, Clifton Davis and Diana Ross. He wrote several songs for The Beach Boys including “All I Want to Do”, “Be Still”, “Little Bird” and “A Time to Live in Dreams” with Dennis Wilson.

• *ALEXANDER KOTOWSKIE*

He was born in Lake Forest, Illinois in 1989, a suburb north of Chicago. He is deeply devoted to poetry and literature and pursuing a bachelor’s degree in history. He is an American reader who belongs to the youngest generation.

• *KHẾ IÊM*

(True name: Lê Văn Đức)

He was born in Lê xá, Vụ Bản, Nam Định, North Việt Nam, in 1946 (birth certificate shows 1947). Founder and editor in chief of *Tạp Chí Thơ* (Journal of Poetry from 1994 to 2004), Editor of online Journal for New Formalism Poetry Club, www.thotan-hinhthuc.org, since 2004. Founder and editor in chief of *Báo Giấy*, from 2014 and bilingual *Poetry Journal* from 2016. His translated poems have appeared in *Xconnect* (volume III, Issue II), *Literary Review* (Winter 2000) and *The Writers Post*. His essays have appeared in *The Writers Post*. He has published *Hột Huyết* (Blood Seed) play, 1972, *Thanh Xuân* (Youth) poetry, 1992, *Dấu*

thơ, 1996; *Thời của Quá Khứ*, truyện, 1996; *Tân Hình Thức, Từ Khúc Và Những Tiểu Luận Khác*, tiểu luận, 2003.

Tiểu luận “Thơ Việt Trên Đường Biến Đổi” được trình bày ở Hội nghị thứ 56 của Hiệp Hội Nghiên Cứu Á Châu ngày 4 tháng Ba năm 2004, San Diego, California. (Chủ đề chính của cuộc hội thảo: Thơ, cửa sổ qua lịch sử và biến đổi ở vùng Đông Nam Á). [<http://www.asian-studies.org/absts/2004abst/Southeast/se-toc.htm>]

“Bài thơ Xe Đạp” được đọc bởi Dana Gioia, nhà thơ danh dự tiểu bang California, trong buổi đọc thơ của ông ngày 20 tháng 11 năm 2016, tại thư viện Katie Wheeler Library, Irvine, Orange County, California, với sự tham dự của Khế Iêm và nhạc sĩ Tina Huỳnh.

Ông đã biên tập hai tuyển tập thơ song ngữ Anh Việt, *Thơ Không Vần* (Blank Verse, 2006) và *Thơ Kể* (Poetry Narrates 2010); cả hai đều là thơ Tân Hình thức Việt. Tác phẩm thơ song ngữ của ông: “Thơ Khác”.

Ông đã giới thiệu với người đọc Việt: Những phong trào Tiên Phong Mỹ, Thơ tân Hình Thức và thơ trình diễn Slam; những nhà thơ Mỹ Alden Marin, Frederick Feirstein, Frederick Turner, Michael Lee Johnson, Rick Stansberger, Stephen John Kalinich, Tom Riordan; nhà thơ Anh James Murphy, Paul Henry và nhà thơ Úc Phillip A. Ellis.

Quê (Vestiges of the Homeland), poetry, 1996, *Thời của Quá khứ* (A Time Past), stories, 1996, *Tân Hình Thức, Tứ Khúc Và Những Tiểu Luận Khác* (New Formalism, four quartets, and other essays), 2003.

The essay “Contemporary Vietnamese Poetry: On the Path of Transformation” was his presentation given at the 56th Conference of the Association for Asian Studies (AAS), on March 4, 2004 in San Diego, California. (“Poetry as a Window on History and Change in Southeast Asia” is the main topic of the Panel.) [<http://www.asian-studies.org/absts/2004abst/Southeast/se-toc.htm>]

The poem “The Bicycle Poem” was read by Dana Gioia, California Poet Laureate, in his Poetry Reading on November 20, 2016, at Katie Wheeler Library, Irvine, Orange County, California, with Khê Iêm and musician Tina Huỳnh.

He has edited *Blank Verse* (2006) and *Poetry Narrates* (2010); both are *Vietnamese New Formalism Poetry*. His collection of poems, a bilingual edition, is “Other Poetry”.

He has introduced to Vietnamese readers: American avant guard movements, New Formalism Poetry and Slam Poetry; American poets Alden Marin, Frederick Feirstein, Frederick Turner, Michael Lee Johnson, Rick Stansberger, Stephen John Kalinich, Tom Riordan; English poets James Murphy, Paul Henry and Australian poet Phillip A. Ellis.

• ĐỖ VINH

Ông sinh năm 1968 ở Trung phần Việt Nam. Ông cùng với gia đình đến Mỹ vào năm 1975, và theo học ở đại học Washington, nơi ông tốt nghiệp bằng cử nhân Khoa học Chính trị. Ông hoạt động trong lãnh vực văn học ở Pacific Northwest vào giữa thập niên 1980 cho đến đầu thập niên 1990, thường xuyên tham dự những buổi đọc thơ và xuất hiện ở Bumbershoot trong những buổi đọc và trình diễn thơ trước máy vi âm. Trong thời gian này ông đã đăng những bài viết trên *Sam Hamill*, *William Stafford*, *Nelson Bentley*, *Raymond Carver* và *Eric Scigliano*. Thơ và bài viết của ông đã xuất hiện trên *Tiên Rồng*, *The New Asian Journal*, *The Seattle Weekly*, *The Vietnam Forum of the Yale University*, và *Tạp chí Thơ*. Ông đã tham dự những buổi đọc thơ tại World Beyond Festival, Beyond Baroque và LA Poetry Festival trong mục những nhà thơ mới liên tiếp trong năm 2001 và 2002.

• TRẦN VŨ LIÊN TÂM

(True name: Michelle Tran)

Cô sinh ra tại Pleiku, Việt Nam, năm 1981 và đến Hoa Kỳ năm 1993. Cử nhân Anh văn, 2006; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, 2009. Cô là nhà văn làm việc tại Roanoke, VA. Những nhà thơ cô yêu thích: e.e.cummings, Sylvia Plath, Emily Dickenson, và Ted Kooser, Bùi Giáng, Nguyễn Tất Nhiên, Du Tử Lê và Nguyễn Phước Nguyên. Các bài viết về tiếng Việt của cô đã xuất hiện trên nhiều tạp chí tại VSA, *Lửa Việt* và *Kết Đoàn*. Ngoài ra, cô còn là biên tập của Trinhnu.net. Liên-Tâm, tự xuất bản "Tâm", một tập thơ riêng, vào tháng 5 năm 2006.

• ĐỖ VINH

He was born 1968 in the Central Highlands of Việt Nam. He immigrated with his family to the United States in 1975, and studied at the University of Washington, where he earned his Bachelor's degree in Political Science. He became active in the literary circles of the Pacific Northwest in the mid-1980's through the early 1990's, regularly attending Red Sky Poetry readings and appearing at Bumbershoot open mikes. During this time, Dovich was exposed to the writings on *Sam Hamill*, *William Stafford*, *Nelson Bentley*, *Raymond Carver* and Eric Scigliano. His poetry and writings have appeared in *Tiền Rồng*, *The New Asian Journal*, *The Seattle Weekly*, *The Vietnam Forum of the Yale University*, and *Tạp chí Thơ* (Journal of Poetry). He gave readings at World Beyond Festival, Beyond Baroque and LA Poetry Festival as part of their Newer Poets series in 2001 and 2002.

• TRẦN VỮ LIÊN TÂM

(True name: Michelle Tran)

She was born in Pleiku, Vietnam, in 1981, and came to United States in 1993. Bachelor of English, 2006; Master of Business Administration, 2009. She's a working writer in Roanoke, VA. Her favorite poets are: e.e.cummings, Sylvia Plath, Emily Dickenson, and Ted Kooser, Bui Giang, Nguyen Tat Nhien, Du Tu Le, and Nguyen Phuoc Nguyen. Her Vietnamese writings have appeared in various magazines of VSA, Lua Viet, and Ket Doan. In addition, she was on the editor panel of *Trinhnu.net*. Lien-Tam had self-published "Tâm", a private poetry collection, in May 2006.

• ĐỖ MINH TUẤN

Nhà thơ, đạo diễn Đỗ Minh Tuấn sinh năm 1952 tại Hà Đông, Việt Nam. Tốt nghiệp Khoa Ngữ Văn, Đại học Tổng hợp và Đại học Sân khấu – Điện ảnh, Hà Nội

Tác phẩm:

- Những cánh hoa tiên tri, thơ (1992)
- Tỉnh Giấc, thơ (1992)
- Con Chim Giấy, thơ (1992)
- Thơ Tình, thơ (1993)
- Nghệ Thuật Trữ Tình của Nguyễn Du trong Truyện Kiều, lý luận (1995)
- Ngày Văn Học Lên Ngôi, lý luận (1996)
- Thần Thánh Và Bướm Bướm, tiểu thuyết (2009)

Ông là một người đa tài, làm thơ, viết lý luận văn học, viết tiểu thuyết, vẽ tranh và là tác giả của nhiều bộ phim nổi tiếng: Hoa của trời, Ngọn đèn trong mơ, Vua bãi rác ...

• LÊ THÁNH THƯ

Họa sĩ Lê Thánh Thư sinh năm 1956 tại Qui Nhơn, Việt Nam. Hội viên Hội Mỹ Thuật Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh

• ĐINH CƯỜNG

Họa sĩ Đinh Cường sinh năm 1939 tại Thủ Dầu Một, Việt Nam. Sống tại Huế, Đà Lạt và Sài Gòn cho tới năm 1989. Ông mất ngày 7 tháng 1 năm 2016 tại tiểu bang Virginia, thọ 76 tuổi.

• *ĐỖ MINH TUẤN*

The Poet and Film Director/Producer DO MINH TUAN was born 1952 in Ha Dong, Vietnam. He graduated from the Faculty of Literature, Vietnam National University and University of Theater and Performing Arts of Hanoi.

Literary Works:

- Prophetic Flowers, poetry (1992)
- Awakening, poetry (1992)
- The Paper Bird, poetry (1992)
- Love Poems, poetry (1993)
- Romantic Methodologies of Nguyen Du in The Tale of Kieu, essays (1995)
- The Day Literature Ascended the Throne, essays (1996)
- Deities and Butterflies, novel (2009)

He is a multi-talented intellectual, poet, literary essayist, novelist, painter, and is the author of numerous famous films such as: Heaven's Flower, Light in a Dream, Foul King ...

• *LÊ THÁNH THƯ*

Painter Lê Thánh Thư was born in 1956 - Qui Nhon, Vietnam. Member of Vietnam's Fine Art Association, Ho Chi Minh City.

• *ĐINH CƯỜNG*

Painter Đinh Cường was born in 1939 in Thu Dau Mot, Vietnam. Lived in Hue, Dalat and Saigon until 1989. He died on January 7, 2016 in Virginia, at the age of 76.

• NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

Nhà thơ Nguyễn Đăng Thường sinh tại Svay, Cambodia, học và tốt nghiệp Đại học Sư Phạm Sài Gòn. Giáo sư Pháp văn các trường trung học tại Sài Gòn. Hiện sống ở Luân Đôn, Anh.

• NGUYỄN ĐẠI GIANG

Họa sĩ Nguyễn Đại Giang sinh năm 1944 tại Hà Nội, Việt Nam. sáng tạo và phát triển trường phái mới về hội họa, “Upsidedown”.

• HÀ NGUYỄN DU

Ông sinh tại Tây Ninh, năm 1950. Khởi viết năm 1968. Thơ ông xuất hiện trên *Tạp chí Khởi Hành, Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, Tạp chí Thơ, Chủ Đề, Tinh Hoa, Hương Văn, Văn Phong, Phố Văn, Nguyệt san Nghệ Thuật (Canada)*, và các tạp chí E-Magazine trên Internet. Ông đã xuất bản: *Trong Mùa Lá Xanh (thơ, in chung 1970)*, *Lối Khác (thơ 1998)*, *Anh Biết-Em Yêu Dấu (thơ, nxb Tự Lực)*.

• NGUYỄN HOÀNG NAM

Nhà thơ Nguyễn Hoàng nam sinh năm 1967 tại Biên Hòa, Nam Việt Nam. Bắt đầu viết từ năm 1986. Có thơ trên *Tạp Chí Thơ, Văn, Văn Học, Hợp Lưu ...*

• NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

Poet Nguyễn Đăng Thường was born in Svay, Cambodia, educated in Vietnam and graduated from Sài Gòn University's Faculty of Pedagogy. Former French teacher at several high schools in Sài Gòn. Presently living in London, England.

• NGUYỄN ĐẠI GIANG

Painter Nguyễn Đại Giang was born in 1944 in Hanoi, Vietnam. Created and developed a new school of art, known as the “Up-side-Down-Art”.

• HÀ NGUYỄN DU

He was born in Tay Ninh, 1950 in. His poems have appeared in *Khởi Hành, Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, Tạp chí Thơ, Chủ Đề, Tinh Hoa, Hương Văn, Văn Phong, Phố Văn, Nguyệt san Nghệ Thuật (Canada)*, và các tạp chí E-Magazine trên Internet. He has published: *Trong Mùa Lá Xanh (thơ, in chung 1970)*, *Lối Khác (thơ 1998)*, *Anh Biết-Em Yêu Dấu (thơ, nxb Tự Lực)*.

• NGUYỄN HOÀNG NAM

Poet Nguyễn Hoàng Nam was born in 1967 in Biên Hòa, South Viet Nam. Began writing in 1986. His poems have appeared in *Tạp Chí Thơ, Văn, Văn Học, Hợp Lưu ...*

VIETNAMESE SECTIONS

PHẦN VIỆT NGỮ

HỎI CÂY

Tôi hỏi cây cây nghĩ
gì khi người ta chặt
khúc những bạn cây bỏ
lăn lóc trên lề đường

cây bảo cây đang hỏi
mây trắng nhưng mây trắng
bạn bay nên chưa thể
trả lời tôi hỏi nếu

người ta chặt khúc cây
thì cây sẽ làm gì
cây bảo cây đang hỏi
bóng mát nhưng bóng mát

bạn che khuất mặt trời
nên cũng chưa thể trả
lời tôi nói vậy cây
hãy chạy đi chạy nhanh

đi tới một nơi nào
không có bọn chặt cây
cây bảo cây đang hỏi
rẽ nhưng rẽ bạn cấm

dưới lòng đất sâu chưa
lên được tôi tức quá
hét lên vậy cây hãy
đợi đó để chết đi

chết theo các bạn cây
của cây đi cây bảo
cây đang bận tiếp gió
gió đã tới rồi có

câu hỏi gì thêm cứ
dán dưới gốc cây sẽ
trả lời sớm khi nào
xong việc.

NẮNG VÀNG

Tôi đứng ở bãi đậu
xe nhìn băng khuâng một
vùng nắng vàng (và trong
lúc này) tôi không biết

tôi là nắng hay nắng
là tôi con đường phía
trước một hướng ra biển
còn hướng kia lên đồi

cả hai nơi đều có
những ngôi nhà đất tiền
nhưng những ngôi nhà đất
tiền thì có liên hệ

gì tới tôi có lẽ
là do sự liên tưởng
từ con đường con đường
dẫn tới những ngôi nhà

đất tiền bây giờ nắng
đã xóa đi ký ức
và cái nghĩ của tôi
cũng đã rời xa tôi

lờ mờ tôi không còn
biết tôi đang ở đâu
và đi đâu bởi tôi
là nắng chỉ khi nào

nắng rời xa tôi lúc
đó ký ức và cái
nghĩ trở lại thì may
ra tôi mới trở lại

tôi nhận ra nơi tôi
đến và đi (chẳng mấy
chốc) bóng tối tiễn đưa
ánh sáng và bãi đậu

xe sẽ lấp lánh lấp
lánh đủ sắc màu nên
tôi không muốn lãng phí
giây phút nào ở với

nắng lúc này tôi không
làm gì ngoài ngó quanh
lác đác bóng người len
lỏi qua những hàng xe.

LẠI NỖI BUỒN

Nỗi buồn lan man gối
đầu trên con sóng xanh
lao xao lao xao theo
nỗi buồn không còn như

thời quá khứ đứng bên
đường vẫy tay chào ai
đó mà đang pha vào
màu phai nắng làm thành

buổi chiều trên đôi mắt
của cô gái và cô
gái thì đang băng khuâng
về mối tình đã chợp

mắt xa xa đã xa
nỗi buồn như mây bay
bay và cô gái đi
nhiên cũng bay bay theo

nỗi buồn vì nỗi buồn
chẳng phải là mối tình
khác mang tên nỗi buồn
sao và hồi những cặp

tình nhân yêu nhau hạnh
phúc hay tơ sầu chỉ
là những dấu sương đời
mang tên khác nhau đó

thôi và cô gái và
nỗi buồn và những cặp
tình nhân yêu nhau ơi!

MÂY VIẾT

mây vẫn cứ bay và
mây không nói và người
ta bảo rằng mây chỉ
nói khi sấm gặp chớp

và cũng không chắc gì
đó đúng là tiếng nói
của mây mây vẫn im
lìm và mây cứ bay

nhưng cũng có tin đồn
mây đang bay có nghĩa
là mây đang viết và
tất cả các thứ sách

báo chúng ta đọc đều
là do mây viết bởi
vì chỉ có mây viết
ngày đêm mới nhiều như

thế nhiều đến độ ô
nhiễm môi trường và chọn
thủng cả mây nhưng nói
gì thì nói đâu là

bằng chứng của mây viết
ôi chẳng phải là bấy
lâu nay người ta vẫn
lưu truyền rằng tác giả

đã chết rồi sao tác
giả đã chết chúa đã
chết thực tại đã chết
vậy thì còn ai sống

để viết và viết về
cái gì đây nếu chưa
tin thì hãy đọc bất
cứ loại sách báo nào

cũng thấy chẳng có điều
gì liên quan đến con
người đến chúng ta mà
toàn là những lời trên

mây lời trên mây thì
mây viết chứ còn ai
ở đây nữa phải không
đúng đấy mây đang bay

là mây đang viết nếu
chưa tin nữa thì đi
hỏi mây xem và nếu
mây không nói thì đúng

là mây đang viết đó.

KHÓC VANG

tôi nhìn ra ngoài thấy
nắng đi loanh quanh dưới
hàng cây tôi nhìn nắng
nắng nhìn tôi nói nắng

nán lại đây giây lâu
sắp đi đi đâu đi
tới nơi mưa sắp đi
nói rồi nắng khóc vang

tôi không biết gì cũng
khóc vang đồng thời lũ
cây khóc vang a bây
giờ tôi mới hiểu khóc

vang là lời chào từ
biệt của bọn nắng và
thế là từ đó mỗi
khi tôi gặp nắng hay

nắng gặp tôi đều có
tiếng khóc vang khóc vang
lây lan đến cả gió
khi gặp mưa cũng khóc

vang khóc vang còn có
nghĩa là cười vang nghe
lũ cây giải thích vậy
tôi biết vậy thì ra

đó là ngôn ngữ của
đám mây.

NÀNG

mỗi buổi tối giấc mơ
tuôn vào nàng và rạng
sáng ngật ngưỡng bước ra
làm nàng mệt nhoài mệt

nhoài đến độ nàng không
còn thiết tha gì ngay
cả đến chính nàng và
nàng nghĩ cách phải làm

sao giữ lại hay thoát
ra khỏi giấc mơ nhưng
trong lúc nàng nghĩ cách
nghĩ cách thì giấc mơ

vẫn tuôn vào mỗi tối
và bước ra lúc rạng
sáng không biết bao lần
và không biết bao lâu

cho tới khi nàng biến
mất và nàng biến mất
như thế nào và tại
sao là điều không ai

có thể đoán biết ngoài
giấc mơ còn bây giờ
thì giấc mơ đang đảo
dác tìm nàng nàng ở

đâu ở đâu và nàng
là ai là ai hay
nàng ... cũng chỉ là một
giấc mơ viễn vông.

LŨNG LỖ

Vàng nàng không phải là
giấc mơ viễn vông nàng
là người tù chung thân
trong thế giới giấc mơ

và tình huống bây giờ
giấc mơ không còn dáo
đác tìm nàng mà bình
thản đến độ đứng đưng

đứng ngoài lề đường làm
như chẳng có chuyện gì
xảy ra chắc hẳn vì
giấc mơ biết rằng nàng

không thể nào thoát khỏi
và sẽ trở về sẽ
trở về khi mà đâu
đâu cũng có tai mắt

của giấc mơ và chẳng
giấc mơ đã từng ở
trong nàng và biết rất
rõ mọi chi tiết về

đời nàng nàng chạy đâu
chạy đâu ngoại trừ ẩn
náu trong lãnh địa của
trống rỗng mà trống rỗng

thì chưa bao giờ chứa
chấp ai không phải là
trống rỗng và nàng không
thể và dĩ nhiên cũng

không muốn trở thành
trống rỗng vì như thế
nàng không còn là nàng
nàng là trống rỗng nàng

chỉ có thể là nàng
nếu nàng sống trong thế
giới của giấc mơ và
mặc dù nàng vẫn biết

vô âm tín nhưng ai
cũng có thể đọc thấy
hình dạng nàng lững lơ
giữa đường ranh giấc mơ

và không—giấc mơ còn
giấc mơ thì đang ngó
nàng quanh lưỡng lự không biết
phải bước về hướng nào.

* Giấc mơ biểu thị cho ước muốn chỉ là ước muốn của cuộc đời, còn biểu thị cho ký hiệu, không có bản chất người, theo Roland Barthes.

NGƯỜI ĐÀN BÀ SAU 40 NĂM

Người đàn bà 40 tuổi trở
về sau 40 năm cuộc chiến
tàn nơi một đất nước xa lạ
xa lạ như đứa trẻ sinh ra

không biết mình là ai trong cuộc
đời 40 năm mập mờ ký
ức bà đi tìm bà hay bà
đi tìm ai ôi chao bà đi

tìm câu chuyện về người đàn bà
đã sinh ra bà và ném bà
vào một thế giới không phải của
bà nhưng bà chỉ gặp một Sơ

già từng cứu mang những đứa trẻ
mồ côi và cho họ một cuộc
đời khác khác với cuộc đời họ
đã sinh ra Sơ ngỡ ngàng Sơ

không nhận ra bà bà không nhận
ra Sơ đã 40 năm qua
rồi Sơ kể kể đi kể lại
những hoài niệm cất dấu sau cuộc

chiến tàn bà là đứa trẻ được
đưa tới trại trẻ mồ côi từ
bệnh viện bệnh viện nơi trú ẩn
của sự sống và cái chết cuộc

đời của người đàn bà đã sinh
ra bà và cú thể huyền hoặc
này vùi vào huyền hoặc khác cuộc
đời này vùi vào cuộc đời khác

những dấu tích phôi pha đủ để
Sơ già già hơn qua năm tháng
nhưng vẫn chống chọi những mảnh đời
bất hạnh của những đứa trẻ mồ

côi rồi Sơ lại kể kể đi
kể lại như thể sợ mất đi
đứa con thất lạc nay đã về
nhà trong cuộc hành trình 40

năm sau cuộc chiến tàn bà trở
về nơi bà đã ra đi nay
bà lại ra đi đến nơi đã
trở về bà là ai là ai

là câu hỏi mãi đeo đẳng nơi
bà dù cho là có 40
năm sau nữa.

*Theo bản tin “Ngày về của đứa trẻ trong Chiến dịch Không vận Trẻ em”,
chuyện sơ tán của Julie Davis từ Sài Gòn tới Seattle, Mỹ, vào năm 1975.

LẬP THỂ NGƯỜI

Hắn nằm hai chân quắp lại
vuông vức với hai cánh tay
còn cái đầu trượt ra ngoài
không biết đầu ở đâu có

thể trên ngực bên hông hay
một nơi nào đó mà chỉ
cái đầu biết phải sắp xếp
thể nào cho có nghĩa và

cảm xúc chạy dọc dọc theo
những góc cạnh thẳng nghiêng hay
cong cong sao cho khi áp
vào mặt phẳng đẹp đẹp sẽ

biến hắn thành bức tranh lập
thể nhưng tại sao không phải
là con ong cái kiến cọ
quậy cọ quậy (với giấc mộng

trăng sao) mà lại là lập
thể lập thể hắn càu nhàu
cựa mình cố thoát ra khỏi
những đường nét trở về với

khoảng không gian ba chiều của
thực tại và hiện thực của
con người chính hắn hắn không
thể là hiện thân của những

góc cạnh hay đường nét gì
gì đó nhưng hoài công vì
thực sự cái đầu bây giờ
không biết đầu ở đâu vì

chỉ cái đầu mới đủ sức
tưởng tượng và đổ vào cái
tôi rồi lôi hẳn ra ngoài
mặt phẳng dẹp dẹp như bức

tường trơ trơ không biểu cảm
nhưng cái đầu cái đầu hoàn
toàn im hơi lặng tiếng cho
đến khi những đường nét góc

cạnh cứng lại biến hình thành
bức tranh lập thể được nén
lại bằng chính hẳn thu hút
cặp mắt của đám đông và

chùng như bóng hẳn đang luẩn
quất lẫn quất đầu đó nơi
đám đông hẳn nào là hẳn.

ẢNH THỰC

Tôi đi bộ chậm chậm
trong buổi sáng không người
những giấc mơ đêm qua
bay đi bây giờ những

đám mây cũng đã bay
đi để lại nắng hòa
nhập với sương giá còn
vương vấn đâu đây không

ảo tưởng tưởng tượng con
đường cứ dài mãi dài
mãi không thôi và tôi
chậm chậm tạt vào một

quán bên đường đúng là
quán bên đường mua ly
cà phê buổi sáng qua
ô cửa nhỏ ngồi băng

quơ nhìn ra con đường
bất chợt âm thanh từ
hai luồng xe ngược chiều
như hai làn sóng âm

âm xoắn lại với nhau
kéo tôi ra khỏi tôi
cho tới khi chậm chậm
tôi hợp ngụm cà phê

đăng ghét chẳng đặng dừng
đứng dậy về lại một
nơi tôi không có tôi
đánh thức con phố những

cửa hàng mở cửa bãi
đậu xe dần dần đông
xe và nắng và gió
và bụi tốc tôi vào

đám người tùm tùm đang
chờ qua đường.

TẤM HÌNH

Qua tấm hình cũ chàng thấy cái
sống không sống cái chết không chết
con người lơ lửng trong trạng thái
vô tâm trí những cánh chim lữ

lướt tìm về nơi trú ẩn bầu
trời không nắng không gió không bão
tổ không tai ương và chàng cứng
đơ trong thế bất động chùng như

con người chạy trốn con người sự
vật chạy trốn sự vật và tiếng
nói chỉ là mớ âm câm đất
với trời xưa với nay chàng là

kẻ khác và kẻ khác là kẻ
khác nữa chàng là đám đông và
đám đông là chàng lái xe trong
thành phố và người tài xế không

phải chàng đánh nhau với tên du
đãng và chàng là tên du đảng
vân vân và vân vân chàng ở
vào muôn vàn hoàn cảnh và tình

hướng cứ như thế chàng thấp thoáng
ai đó và ai đó thấp thoáng
chàng bất chợt cảm thấy tê tái
và nhận ra kẻ chiếm đoạt bên

trong đây chàng ra ngoài chàng song
song đối mặt với chàng như chàng
đối mặt với dây phố như dây
phố đối mặt với con đường đây

ổ gà và chàng ngồi bên vỉa
hè một người vô gia cư tiều
tuy và u ám và chàng là
người vô gia cư tiều tuy và

u ám nói cho cùng những mảnh
đời ngang trái ôi số phần oan
trái ơi sao cứ nấn ná ở
nơi này và nơi này là nơi

nào mà chàng cứ ngồi đây ngày
qua ngày nhắm nhí và già cõi
cứng đơ trong khung hình chụp vô
tâm trí không nhận biết và hỏi

tưởng không ngày dài và đêm sâu
thời gian ... tách đôi ... chấm dứt câu
chuyện nhập nhằng bầu trời cũ thể
giới cũ con người cũ khổ đau

vẫn khổ đau thiên tai nghèo đói
chiến tranh sống chết vẫn cứ nguyên
như cũ chỉ có chàng dần xa
dần xa ... Ôi chàng.

MẸ KHỔ

Mẹ già đã già ngồi
còng lưng bên gánh hàng
rong nơi góc phố bụi
mờ những bước chân qua

mẹ chờ gì và mẹ
chờ ai không mẹ không
chờ gì và mẹ không
chờ ai ngoài nỗi buồn

canh cánh từ thuở sinh
ra mẹ còn gì và
mẹ còn ai không mẹ
không còn gì mẹ không

còn ai ngoài lũ con
đứa lang bạt kỳ hồ
đầu đường xó chợ đứa
vợ bỏ đi hoang lặn

lội tìm trầm nơi rừng
sâu núi thẳm một sớm
tin về xây chân đã
thành thiên cổ không ai

nuôi mẹ vậy mẹ nuôi
ai mẹ nuôi lũ cháu
còn thơ mồ côi mồ
cút bữa đói bữa no

trong vòng tay mẹ bà
oi bà oi mẹ như
chiếc lá đổi màu năm
cùng tháng tận ngồi đây

kẻ qua người lại không
ai thấy mẹ mẹ không
thấy ai rồi một hôm
mẹ nghe lũ chim non

quang quác đầu nhà kêu
trong hoang sơ mẹ
không kịp về con đau
ập đến mang xác mẹ

đi đi đâu về đâu
bà oi bà oi ngày
đi vào đêm mẹ không
kịp về mẹ ngồi bên

đường mẹ ngồi chết khô
bên gánh hàng rong người
đi kẻ ở phố vẫn
như xưa chỉ không còn

cuộc đời mẹ khổ bà
oi bà oi bà oi
đi đâu về đi.

EM ĐÃ BAY ĐI

Một mẹ già ngồi bên xác con
Trong đêm sâu mặt trời rất rộng
Trong đêm sâu cánh đồng ấm mộng
Em bay ngang em cười mênh mang

(Hỡi đôi mắt nhìn ta ái ngại
Hỡi đôi mắt vời ta ở lại
Hỡi đôi mắt nhìn ta ngây thơ
Hỡi đôi mắt ngủ quên trong mơ)

Ta kéo xác em đi trên đường phố lạ
Một thoáng qua thôi em đã là tro bụi
Một thoáng qua thôi em đã qua đời
Bao tổ nào vùi một cánh chim côi

(Hỡi đôi mắt nhìn ta ái ngại
Hỡi đôi mắt vời ta ở lại
Hỡi đôi mắt nhìn ta ngây thơ
Hỡi đôi mắt ngủ quên trong mơ)

Một người yêu đứng khóc bên mồ
Một rừng hoa tươi giữa chốn khăn xô
Em đã đi đâu chỉ còn màu nắng đại
Hay đã tan thành một chút Hư vô

Em đã đi đâu chỉ còn màu nắng đại
Hay đã tan thành một chút Hư vô

Ngày 7 tháng 11 năm 1983

EM ĐÃ BAY ĐI

thơ khế iêm
nhạc nguyên trung

SLOW (CHẠM BUỒN)

Một mẹ già ngồi bên xác con trong đêm sâu mặt trời rất rộng Trong đêm
sâu cánh đồng âm mộng Em bay ngang em cười mình mang HỒI ĐỜI
mắt nhìn ta ái ngại HỒI ĐỜI mắt vờ ta ở lại HỒI ĐỜI
mắt nhìn ta ngày thơ HỒI ĐỜI mắt ngủ quên trong mơ
Ta kéo xác em đi trên đường phố lạ Một thoáng qua thôi em đã là tro bụi
Một thoáng qua thôi em đã qua đời báo tổ nào vui một cánh chim côi HỒI ĐỜI

EM ĐÃ BAY ĐI

Nhạc: Nguyễn Trung, lời Khế Iêm – Ca Sĩ

Tìm nghe trên Youtube;

mắt nhìn ta ái ngại Hỡi đôi mắt với ta ở lại Hỡi đôi

mắt nhìn ta ngày thơ Hỡi đôi mắt ngủ quên trong mơ

một người yêu đừng khóc bên mộ Một rừng hoa tươi giữa chốn khăn xô

Em đã đi đâu chỉ còn màu nắng đại Hay đã tan thành một phút hư vô

Em đã đi đâu chỉ còn màu nắng đại Hay đã tan thành một chút hư vô...

LIỄU CA

Con chim non đang hót trên cao, ôi mệnh mang nắng vỡ bên bờ suối đời
hững hờ.

Ta lang thang trong mắt em xinh sao nghe âm vang sóng xô dạt dào.
Xin cho ta làm con bướm trắng ta hôn lên đôi má em còn tơ đào.
Xin cho ta làm con rắn độc ta giết em vì đêm ngọt ngào.

Con trăng trôi về thời thơ ấu, có hay chẳng trái đất đang già.
Ta đâm ta một dao oan trái, đi rong chơi cùng với lũ yêu ma.

Con chim xanh đã chết trên đôi hoa.
Bao năm qua không thấy quê nhà.
Ta treo ta vào cây thánh giá.
Ta chôn ta bằng ánh dương tà.

LIÊU CA

show rock

con chim mơn đàng hết trên cao. Ở ngoài đường nắng vô bên bờ suối dõ,

hình liếc Ta lang thang trong mắt em xinh sao nghe âm

vọng sống xô dạt dạt xin cho ta lăm con bướm trắng ta lăm

lên đời xưa em còn tờ dao xin cho ta lăm con rắn độc ta giết,

em ơi đêm ngọt ngào con trăng trời vì rời thể

ai có hay chúng bên đất đang già Ta đắm ta sứt dao cau

trời đi rong chơi cũng bởi lũ yêu ma con chim

phải đã chết trên đời hoa bao năm

qua không thấy quê xưa Ta treo Ta vào cây tre già Ta chôn

ta bằng ánh dương Ta

Bản nhạc viết tay của nhạc sĩ Nguyễn Trung, tôi còn giữ được khi đi vượt biên. Đến nay, ngày 7 tháng 4 năm 2021, tôi mới nghe được trên YouTube.

LIỄU CA – NHẠC NGUYỄN TRUNG

LỜI KHẾ IÊM

<https://www.youtube.com/watch?v=DNIBWZ2zauY>

Lời và nhạc được viết vào thập niên 1980s. Sau đó, người làm thơ vượt biên, còn nhạc sĩ thì ở lại. Cách biệt 40 năm sau, gặp lại. Ngoài *Liêu Ca*, còn có *Em Đã Bay Đi*, *Tình Lạ*, *Độc Ấm*, cũng do nhạc sĩ Nguyễn Trung phổ nhạc (tôi còn giữ được với bản viết tay). Nhưng chỉ có bài *Liêu Ca* là được nữ danh ca Hồng Nhung hát, với sự hòa âm của nhạc sĩ Bảo Chấn, vào năm 2001, và đưa lên YouTube từ *Jul 12, 2013*.

Tên thật của tôi là Lê Văn Đức, chứ không phải Nguyễn Đức. Thời đó, anh chỉ biết tôi tên Đức, chứ không biết họ, nên thêm họ vào, thành ra Nguyễn Đức. Còn tôi biết anh tên Chuốc, chứ không biết biệt hiệu của anh là Nguyễn Trung. Anh nói, vào đầu năm 1988, tôi vượt biên, anh có đến nhà thăm thì tôi đã đi rồi. Tới Mỹ, năm 1994, tôi xuất bản tập thơ *Thanh Xuân*, với bút hiệu Khế Iêm, cho tới bây giờ, hồi tưởng lại một thời lãng mạn. Ngôn ngữ trong *Liêu Ca*, cũng là ngôn ngữ của thơ thời thanh xuân.

Nhạc sĩ Nguyễn Trung, tên thật là Nguyễn Văn Chuốc, sinh năm 1947 tại Hà Nam, Bắc Việt, tốt nghiệp Quốc gia Âm nhạc, Sài Gòn, cùng sống với tôi tại Hòa Hưng, ở hai con hẻm kế nhau, trước rạp hát Thanh Vân. Anh đã chia sẻ với tôi quá nhiều nỗi khổ đau, bản nhạc “Em Đã Bay Đi”, về một người em gái đã mất, lúc tuổi mới đôi tám, là một ví dụ. Bây giờ, nghe lại bản nhạc *Liêu Ca*, đầy truyền cảm, quả là xúc động. Xin cảm ơn nhạc sĩ Nguyễn Trung, người bạn thiếu thời của tôi, và nữ ca sĩ Hồng Nhung.

Khế Iêm

Mẹ Khổ

Thơ Tân Hình Thức Khế Iêm
Nhạc Hà Nguyễn Du

Musical score for the song "Mẹ Khổ" (Mother's Suffering). The score is written in treble clef with a key signature of two sharps (F# and C#) and a 4/4 time signature. It consists of eight staves of music with Vietnamese lyrics underneath. Chord symbols (D, G, A) are placed above the notes. Measure numbers 1 through 20 are indicated at the beginning of each line. The lyrics describe the hardships of a mother, such as carrying a heavy load, walking on a rough path, and the pain of seeing her children suffer.

Me già đã già ngồi còng lưng
bên gánh hàng rong Nơi góc phố bụi
mờ Những bước chân qua mẹ chờ
gì và mẹ chờ ai Không
mẹ không chờ gì và mẹ không chờ
ai ngoài nỗi buồn canh cánh Từ thuở khai sinh
mẹ còn gì và mẹ còn ai Không

21 D 22 A 23 Em

mẹ không còn gì mẹ không còn ai không ai nuôi

24 D 25 D 26 D

mẹ vậy mẹ nuôi ai Mẹ nuôi lũ

27 A 28 A 29 G

cháu còn thơ mồ côi mồ cút bữa đói bữa

30 G 31 C 32 D

no trong vòng tay mẹ bà ơi bà ơi

33 A 34 A 35 G

Mẹ như chiếc lá đổi màu năm cùng tháng tận

36 D 37 G 38 C

ngồi đây kể qua người lại không ai thấy

39 D 40 G 41 G

mẹ Mẹ không thấy ai Rồi một hôm mẹ nghe lũ chim

43 *G* *D* *G*
 non quang quát đầu nhà Kêu trong hoang sơ Mẹ không kịp
 45 *C* *A* *A*
 về Con đau ập đến mang xác mẹ đi đi đầu về
 46 *Bdim* *D* *Em*
 đầu bà ơi bà ơi Ngày đi vào đêm Mẹ không kịp
 51 *C* *A* *A*
 về mẹ ngồi bên đường Mẹ ngồi chết khô bên gánh hàng
 54 *D* *A* *D*
 rong Người đi lẻ ở Phố vẫn như
 57 *G* *C* *D*
 xưa Chỉ không còn cuộc đời mẹ khổ
 60 *A* *C* *D*
 Bà ơi bà ơi đi đầu về đi...

GỬI NGƯỜI ĐỒNG HÀNH

Thơ Tân Hình Thức: KHẾ IÊM

Nhạc: HÀ NGUYỄN DU – Ca Sĩ ANH TUẤN

Tìm nghe trên Youtube;

<https://www.youtube.com/watch?v=hAksBKwe9P0>

Bài thơ song ngữ, trang 258

LY CÀ PHÊ BUỔI SÁNG

Thơ Tân Hình Thức: KHẾ IÊM

Nhạc: HÀ NGUYỄN DU – Ca Sĩ QUỐC DUY

Tìm nghe trên Youtube;

<https://www.youtube.com/watch?v=u040SjUf8TQ>

Lời bài thơ song ngữ, Túc Cảnh, trang 362

MẸ KHỔ

Thơ Tân hình thức

Lời: thơ Khế Iêm, Phổ nhạc: Hà Nguyễn Du

Ca sĩ: Ngọc Quy

Bài cảm nhận: Mẫu Đơn

Giọng đọc: Núi xù

Tìm nghe trên Youtube;

Mẹ Khổ – Khế Iêm

Video về nỗi đau của người mẹ

https://www.youtube.com/watch?v=O5iJf-3fk_g

Lời bài thơ, trang 694

Bài thơ viết phổ thành nhạc, để ghi nhớ cảnh thực về cô em gái qua đời (Lê Thị Tuyết Lan), do một tai nạn xe cộ, lúc vừa tới tuổi thanh xuân. Bản nhạc còn giữ được qua bản viết tay bởi một người bạn nhạc sĩ, và được nhà thơ & nhạc sĩ Hà Nguyễn Du giúp kể lại. Nếu bản nhạc *Mẹ Khổ* và *Em Đã Bay Đi* là bi kịch đời người, nói lên cảm xúc của người viết về tình gia đình, cha mẹ, anh em thì *Gửi Người Đồng Hành*, *Ly Cà Phê Buổi Sáng* là cuộc phiêu lưu của những tâm hồn nghệ sĩ.

Gửi Người Đồng Hành

Thơ Tân Hình Thức Khế Iêm

Nhạc : Hà Nguyễn Du

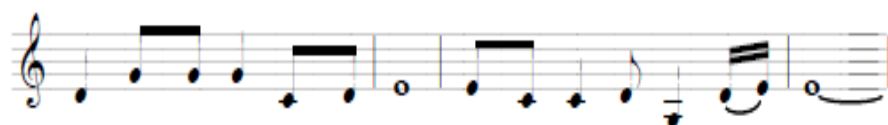
Slow Jazz ♩ = 76



Lũ chúng ta lặng nghe rơi ngàn rơi



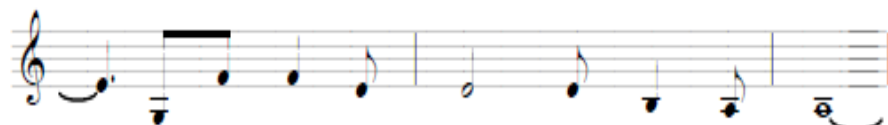
cùng niên kỷ bay vào một thoáng mà chưa hay



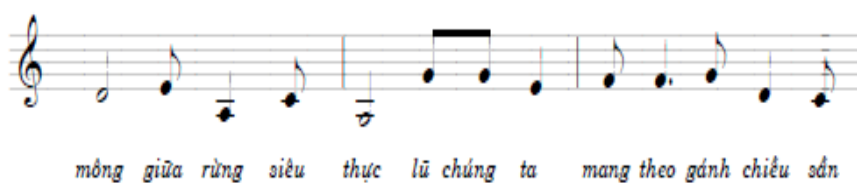
như tiếng nói đứng bằng hai chân ném ngược thời gian vào chốn khác



trông cùng nỗi nhớ không đã tình đáng đáng



bời chớp mắt yêu đương đông đầy biển mặn



xanh đang run lên vì mùa xa ngoài dấm
 thoáng nghe một cõi thính không nằm trong sương lừa
 đang thôi lời vì xưa sau xa xa dấm có...(ô.ô.)
 lẽ chúng ta chẳng hề thật có lẽ chúng ta chỉ là bèo
 giạt lẽ chúng ta chỉ là hoa trôi.../

Copyright © by Hà Nguyễn Du. All Rights Reserved

Lý Cà Phê Buổi Sáng

Thơ Tân Hình Thức : Khế Iêm
Nhạc : Hà Nguyên Du



Ngồi nhâm nhi cà phê, ly cà phê buổi



sáng Ta nghe chim hót ngoài nhà mà lòng



nhẹ như bóng mây... nhẹ như bóng mây...



Ngồi nhâm nhi cà phê ly cà phê buổi sáng Ly cà -



phê như bóng mây... như quanh tôi ghé



bàn, tĩnh vật. Như bóng mây biến

GIẢI MÃ THƠ NỖI KHẮC KHOẢI THỜI GIAN VÀ NGÔN NGỮ

Đỗ Minh Tuấn

ĐỂ NGÀY XANH RƠI VÀO MIỆNG VỰC

Trong thơ ca nhân loại, các thi pháp, trường phái và phong cách khác nhau dường như đều bắt đầu từ thái độ cảm nhận của thi nhân với thời gian. Mơ trốn thời gian, chiêm ngưỡng thời gian, đưa đón thời gian, chiêm nghiệm thời gian, lặn sâu vào kẽ nứt của thời gian, tìm lại thời gian đã mất, tách bạch thời gian yêu và thời gian chết, thời gian trần thế và thời gian nghi lễ, thời gian cô độc và thời gian lễ hội ... Tất cả những ứng xử khác nhau đó làm nền tảng tâm linh bản thể của những hành xử ngôn từ. Khế Iêm, ngay trong tập thơ đầu của mình đã nói bằng giọng điệu của thời gian. “Thanh Xuân”, tên tập thơ gợi một cảm nhận xanh mát trinh nguyên về thời gian đầu đời, về hương sắc đầu mùa và những cảm nhận tươi non. Nhưng thực tế, cảm nhận về thời gian trong đó đã nhuộm màu mệt mỏi, chán nản, u hoài. Bằng bạc khắp tập thơ là một nỗi ám ảnh về sự trở trêu của thời gian, sự lệch nhịp với dòng đời và độc chất hư vô của cõi thời – không, nơi nhà thơ luôn bị đong đưa giữa khoảnh khắc và vĩnh cửu.

Cuộc sống trong thơ Khế Iêm chớp nhoáng, mọi thứ lại như luôn trẻ hện khiến ta phải đợi chờ:

*Tin báo rằng mặt trời đã tận
Trái đất là một thoáng lửa trôi*
Tin báo

*Chờ đợi
Mất hút
Lặng lẽ
Lá rơi trong khoảnh khắc
Ẩn mật
Mộng gô tối tăm mắt rợn rã
Thoảng đưa hương ngâu thôn đời xa*
Tắt

Thời gian bị trục trặc:

*Lũ chim chóc đóng băng trong không
Và tháng ngày trôi bồng bênh trên đất*

Thời khắc bị nhuộm độc bởi quá khứ và tương lai, mất đi cái trinh nguyên của hiện tại, bị cái chết của người, của lời, của cảnh vật, ám ảnh như âm binh:

*Những người đưa ta từ bao đời trước đến
Những người chôn ta từ bao đời sau về
Âm binh ...*

*Cơn gió nào thổi tan lời nguyện
Con sói về ăn những mảnh trăng
Bên côi người một hồn nắng tuyết
Có tiếng người ở giữa lòng chẳng*
Tin báo

Ngày của thi nhân, ngày của thơ ca là cái ngày xanh rơi vào miệng vực. Và, trong tư cách kẻ làm chứng cho cái chết được báo trước của thời gian, thi nhân luôn hoang mang, bối rối trước cõi hình tướng nhập nhòa, trôi nổi:

Mắt quáng gà
Hư thực nhập nhòa hoài
Bức bối
Quá khứ dở hơi
Mẫu thuốc cháy
Khói

Trải khắp những trang thơ là một cõi đời tàn phế. Dường như cõi thế làm bằng mây, khói, toàn cảnh *nước trôi, hoa trôi, mây tan, nắng tàn, nắng lung lay, chim tan tác, khói bất trắc, khói điên, gió chiếc, gió thoảng, gió tắt tươi, đoá hoa khóc, trăng vù xa ...* Một thế gian rạn vỡ tưởng chừng như làm bằng mây khói. Mây và khói lan tỏa che phủ khắp cõi thơ Khế Iêm gợi ấn tượng về cõi phù vân theo cái nhìn của nhà Phật. Mây và Khói dường như là biểu tượng nơi sâu thẳm nhất của vô thức nhà thơ, bởi nó kết tụ được tất cả cái tính cách gây hấn, ngắt ngưỡng, bất trắc (*khói điên, khói ngắt ngưỡng, khói bất trắc, khói thiêng*), cái vô thường của hình tướng, cái sinh thành và tan rã làm lộ diện thời gian, cái hình hài mật ngôn và cái lặng thinh câm nín của cõi vô ngôn hằng quyến rũ. Không phải ngẫu nhiên, những bài thơ mới nhất của Khế Iêm là sự hòa trộn của ám ảnh lời, ám ảnh thời gian, ở đó, cả lời và thời gian đều bị giam trong dạng khói. Thơ Khế Iêm là một ngục-biéc-kép theo cấu trúc như vậy, nó là một tù ngục nhốt chung vĩnh cửu và mong manh, lên tiếng và câm nín. Và bao trùm lên tất cả là nỗi khắc khoải về thời gian và ngôn ngữ, được phóng chiếu vào hình tượng khói, là nơi có thể ký thác được cả cái trần thế và thiêng liêng, cái vô hình và hữu hình, cái vô ngôn và mật ngôn, cái hiển hiện và khuất lấp, cái ám ảnh và phơi pha. Khói là hình tượng

trọng tâm của cụm hình tượng trong thơ Khế Iêm gồm: *Khói, Tro, Mây, Gió, Trăng, Hoa*. Trong đó, chỉ có khói và tro là nối với gia đình và đời thực, còn mây, gió, trăng, hoa đều đã bị cổ điển hóa, cách điệu hóa, vũ trụ hóa. Xem cấu trúc của hệ thống hình tượng cũng thấy được tâm thế phiêu diêu của thi nhân rung cảm nhiều hơn với bầu trời, với cõi không, dù vẫn lắt lay kết với cõi thực bằng tro và khói – hai hủy thể của thời gian. Mang cảm thức lênh đèn, thân phận một con đò chốc chốc lại hiện lên trong thơ Khế Iêm dưới tia chớp giác ngộ về cõi thế hư ảo.

THẮNG THỐT CỘI RỄ LỜI

Cõi thực tan rã như vậy, còn lại cõi lời của riêng thi nhân cũng trở nên áp úng. Nhà thơ hoài nghi ngôn ngữ, phỉ báng lời bằng những cảm nhận bi đát: *quặn lời, hắt hiu lời, khóa thân lời, ngôn ngữ điếc, hoài huyễn nói*. Nhà triết học, thiển sư biết rõ chân tướng của ngôn từ là giả trá và bất lực, ngay cả những ngôn từ thượng thặng như lời kinh cũng chỉ là vật che khuất bản lai diện mục của thế gian:

khom

*lưng bất động như thế cho đến khi giọt
chuông chiều kia làm tan đi người và vật
kiến tạo im ắng mà lâu nay bị
che khuất bởi cánh liếp của lời kinh*

Nú lại

Lời là chiếc bình phong lộng ngôn cần phải xé đi, là thứ vô tích sự, chẳng làm ai phiền hà gì, chỉ chạy theo đuổi thiên nhiên, *khi nào gió lên thì bão*. Nhà thơ ngộ ra một tình huống:

*lúc khởi sinh
ngôn từ đã bắt đầu gây mối hiểm nguy*

Con người là kẻ:

cắm lời đi vào chỗ không hề biết trước

Cũng vẫn cái tư tưởng “Khởi thủy là lời” của Kinh Thánh, nhưng trong thơ Khế Iêm lời là mối nguy hiểm đầu tiên. Nếu Hölderlin coi ngôn ngữ là thứ làm chứng cho bản thể con người, thì Khế Iêm coi lời là sự xuyên tạc bản thể. Hơn một lần, nhà thơ để lộ địa chỉ cõi đẹp của mình ở chốn không lời và loay hoay giải thoát khỏi cõi lời, *đốt cháy lời*, chôn cất chữ để khai quang cái đẹp miền viễn kia :

*đốt cháy lời
để mai kia một nọ*

*không truyền giao
không sách sử*

*nhưng ở bên kia chốn không lời
đóa hoa nở
Lời*

*đánh một giấc đồng
lò chôn cất cho xong
mộ phần chữ
Lộng ngôn*

Trong lúc chưa đạt tới cõi vô ngôn, chưa tới được đóa hoa trí huệ (Prâna) trong tâm thức thì thái độ sống thường trực của nhà thơ là:

*đành chịu trảm mình không nói năng giữa thế giới vắng mặt
(và có mặt)
Trảm mình*

*đánh
đổi lấy mạng sống bằng cách ngậm họng
lại*

*cấm
tuyệt đối không được thốt ra một lời nào*
Cấm

Im lặng là cõi lời giả dạng vô ngôn, không phải vô ngôn đích thực.
Im lặng là lời lẩn trốn, tàng hình, nhúc nhối, chưa phải là sự tiêu
vong. Nhà thơ hướng tới mật ngôn tới cõi Đẹp vô ngôn:

*Thảng thốt
Cội rễ lời
Ta nghe dẫu ngàn hoá bụi
Vô ngôn từ thuở nằm nôi*
Phiêu khúc

Và có lúc, cõi lời đã như một quá khứ xa, một thuở nào, một hồi ức
vang vọng và biến tấu:

*Thuở lời, vọng tiếng chim ran
Đò quê, mật sóng giữa đàng lá không*

Những thi nhân đâu dễ thoát khỏi cõi lời, thoát khỏi cái bản thể
được Chúa trời ban tặng. Trong nỗi khắc khoải nhớ hư vô, khao
khát mật ngôn, nhà thơ ngồi *ngó xéo vào vết nứt của im lặng* để lắng
nghe *vọng tiếng chim ran*, cố bắt lấy *tiếng nói của muông thú*, rồi
học theo kẻ kiến tạo im lặng để diễn kịch *lặp đi lặp lại*, trong khi
đó vẫn cố vớt vát những lời đang hấp hối để đối thoại với bông hoa
mới nở – sứ giả của cõi đẹp mới khai sinh:

*nói với đóa hoa chớm nở
lời chớm tàn
và phủ định mọi dấu vết*

đã có từ lâu trên mặt đất
Dấu vết

Dù biết rằng đóa hoa ấy, cái đẹp đích thực ấy không nở ở cõi lời:

*nhưng ở bên kia chốn không lời
đóa hoa nở*

Và cái đẹp, tình yêu đã hiện diện lồ lộ ở cõi khác, như một cứu cánh có đủ phẩm quyền bắt nhà thơ tắt tiếng:

*Ta tắt tiếng từ bao giờ không biết
Lúc nhìn em lồ lộ ngoài hư không
Lúc ta theo vô vập màu chiều tà
Và chỉ thấy bụi rơi cùng nắng lạ*
Thanh xuân

Cõi đời vô thường, ngôn ngữ vô ích và vô nghĩa. Con người mang lời nói để làm những việc phi lý. Ngôn ngữ bị mất đối tượng, trở nên một công cụ, bị thời gian lỗ bịch hoá, trở nên loang lổ, nham nhở, nhạt nhòa:

Tôi ngồi lại phân bua cùng nước cuốn
Ưu sầu

KÊ KIẾN TẠO IM LẶNG

Trong thơ Khế Iêm, con người mang cái ngôn ngữ bất lực, lời thôi đi giữa một thế giới đầy *khói ám, đom đóm, hoàng hôn, trắng lân*

tin, *đá găm rú*, một thứ địa ngục ghê rợn của Dante để mà sùng sộ, phân bua với thế giới ấy. Và để rùng mình trước những mật ngôn, mật sóng thăm thẳm vây quanh. Trên nền cảnh giới nín câm và bí ẩn đến rùng rợn đó, ngôn từ càng trở nên bé nhỏ, lơ lửng và yếu ớt biết bao. Trong thơ Khế Iêm, con người giống như một tử tù đeo tảng đá ngôn từ đi rong bên lề cõi đời, muốn vượt khỏi ngục biếc của cõi đời để hướng tới tự do. Nhưng hẳn không thoát nổi thời gian, không thoát nổi cõi đời vì dai dẳng trong linh hồn hẳn một năng lực phục sinh của cái thế gian đang tàn tạ:

*Hãy ngồi lại nghe hơi thở tàn
Trên đầm sen vạn màu hôn ám*

*Em không hay một chiều tiên biệt
Ta thổi tan mất dòng lửa đầu*

*Trong nôi nắng phôi pha
Dập dờn mở lại
Cánh chiều xưa
Cánh chiều xưa
Mây nước xưa
Ưu sầu*

Thời gian hư ảo, mong manh và tàn lụi, nhưng nó chính là kẻ mai phục trong ký ức để bắt kỳ sống lại. Mỗi khoảnh khắc cụ thể của đời ta có thể phôi pha, vụn nát, và con người không thể dùng ngôn ngữ để phân bua với nó, sùng sộ với nó, níu kéo nó lại, nhưng nó vẫn không mất đi vì chỉ cần ta ngồi nghe *hơi thở tàn*, *trên đầm sen vạn màu hôn ám*, chỉ cần ta cận kề với cái đẹp ám bụi của đời sống để lắng nghe chút hơi tàn của nó là thời gian đã chết sẽ lại phục sinh như một tài sản vĩnh hằng, một ngục biếc ta muốn thoát mà không thể thoát. Chính cái năng lực kỳ lạ và sức giam hãm của thời gian, sức quyến rũ của cõi đời hư nát, sức níu kéo rủ rê của tình đời

nham nhở đã hủy hoại tự do của con người, khiến nó luôn dửng dăng ở biên giới của cõi đời và đạo, cõi lời và lặng im. Thi nhân không thoát được ngục biếc của thời gian và ngôn ngữ, nhưng lại luôn muốn đào thoát khỏi cõi thế, cõi lời, luôn phóng tầm mắt tìm kiếm đóa hoa nở trong cõi không lời, khát khao hòa nhập vào hư không. Vĩnh cửu với hư không và im lặng đã lây nhiễm vào dòng đời làm nát thêm thời gian, làm rã mọi hình tướng và ngôn ngữ. Đó là cái cách Khế Iêm tái tạo một thế giới làm bằng *mây, khói, ánh trăng, đom đóm, lân tinh* và những lời nham nhở. Nhà thơ sau khi hủy hoại thời gian, hủy hoại thế giới lại nuối tiếc thời gian và ngôn ngữ đã tàn hơi. Anh ta ký thác những hạt cát khoảnh khắc của mình trong sa mạc, đặt những bóng người, những cuộc tiễn biệt, những chiều nắng, những đầm sen vào vũ trụ vô cùng tận, và bằng cái nhìn triết học đó, anh ta đã đánh đắm từng khoảnh khắc, hủy diệt những hình hài, khống chế ngôn ngữ, đầu độc từng ngày sống. Thơ Khế Iêm là bi kịch, nỗi đau của sự đánh mất thời gian, nhiễm độc hư vô. Chứng viễn thi siêu hình khiến nhà thơ nhìn rõ những gì vô hình ngoài thời gian, còn những gì hữu hình trong thời gian lại trở nên mờ nhạt. Do đó, cái nhìn của nhà thơ là cái nhìn hủy diệt thời gian, ghê sợ thời gian nhưng lại khát khao và luyện tiếc thời gian.

Khế Iêm trong thơ là một thiên sư lưu luyện cùng đời sống, một quả lắc đồng đưa giữa cô độc với sẻ chia, giữa đạo sĩ và người tình, giữa hủy diệt và xây dựng, giữa sự vượt thoát, đập đổ và sự tiếc nuối, nở hoa. Cho nên, *Ngục Biếc* là cái tên chẳng vô tình, nó là tự thú của một người vừa muốn tự do, vượt thoát mọi ngục tù, vừa ôm giữ cái nhìn mỹ lệ hóa căn nhà ngục mình đang bị giam hãm. Cái nghịch lý sâu thẳm đó dẫn đến những cuộc phiêu lưu mỹ học oái oăm: dẫn thân vào ngục tối để tìm tự do, phơi bày quyền lực hủy hoại ngôn ngữ của thời gian để cứu vớt ngôn từ, chối bỏ ngôn ngữ để đi tìm lại ngôn ngữ.

Cái lẩn quẩn hôn phối giữa tự do và nô lệ, giữa lời nói và im lặng, giữa minh triết và mật ngôn ấy, chính là cái vòng xoáy mãnh liệt của tâm thức quanh cái lỗ đen hư vô, nó cuốn tất cả mọi hình tướng, mọi ngôn từ trong cơn xoáy tâm linh sâu thẳm, tạo nên trong nhà thơ một thứ stress thơ ca. Cái stress độc đáo và mãnh liệt ấy là cội nguồn của một thi hứng, một giọng điệu đặc biệt có một không hai: giọng độc thoại, nhắm nhắm, cà khịa, bất cần pha chút nổi khùng bất chợt.

Khế Iêm không mê đắm trong cuộc luân vũ ngôn ngữ kiểu Bùi Giáng, cũng không tỉnh táo trong trò Rubích ngôn ngữ kiểu Lê Đạt, mà học hạc cà khịa với ngôn ngữ, loay hoay chối bỏ ngôn ngữ trong tư thế một thiền sư đã mấp mé ở ngưỡng cửa của đạt đạo mà vẫn luyện tiếc cõi tục lụy với đồng ngôn từ đã rửa bởi những cảm quan hư vô. Phong cách của Khế Iêm là cái giọng lảm bảm của nhà triết học, tự cãi cọ với mình, nói những lời tối tăm không đầu không cuối, làm những động tác kỳ dị đập xóa tư duy, vừa phản ứng với những diễn biến trong thế giới lại vừa mê muội trong dòng suy tưởng của bản thân, vừa nhắc nhở mình những kế hoạch sống, vừa than thở với mình những thất bại, hoang mang, vừa reo vui hồn nhiên như trẻ thơ trước những tia chớp loé lên ở chân trời cõi Đẹp. Một cốt cách nửa người điên, nửa thiền sư.

Nếu như Lê Đạt makeup cho ngôn ngữ, thì Khế Iêm ngược lại luôn bêu riếu ngôn ngữ, trêu chọc ngữ pháp, đùa giỡn cà khịa với thói quen cú pháp: bẻ gãy từ ngữ, xuống dòng bất chợt, gián dòng đột xuất ném ra những khoảng trống trêu người như đào những ổ gà trên đường đi của ta. Những câu nhát gừng, lửng lơ, ấp úng, bí hiểm và những khoảng trống bất chợt nằm chắn giữa câu thơ, chính là sự hiện diện của hư vô và lặng im xuyên qua ngôn ngữ. Hư vô không chỉ thấm thấu vào trong tư duy, cú pháp mà còn kê ngại vàng chêm chệ giữa đường đi của dòng ngôn ngữ để ta phải nhìn nhận nó, vượt qua nó. Hư vô can dự vào tồn tại, lặng im can dự vào lời, hình thức đan xen ấy chính là sự tìm tòi từ cái nhìn triết học

về sự cộng sinh giữa hùng biện và câm nín, thực chất là sự lưỡng lự của thi nhân giữa thái độ chối bỏ ngôn ngữ và thái độ tôn vinh ngôn ngữ như một chất liệu thơ được triết học tái sinh. Ngôn ngữ thơ Khế Iêm như nữ tù nhân đăng quang ngôi hoa hậu trong cuộc thi người đẹp trong tù, bước lên nhận vương miện còn đeo những trang sức bằng xiềng xích, vừa nghẹn ngào vì ý thức được thân phận của kẻ mất tự do, vừa kiêu hãnh vì những vinh quang đã có trong *Ngục Biếc*.

Thơ Khế Iêm luôn có lối nói nhát gừng, cấm cản, lẩn thẩn, làm nhằm pha chút ngơ ngác và cáu bẳn. Dường như, thi pháp của ông luôn tạo ra bức màn mờ mờ ngôn ngữ vừa như muốn che đi cái mạch ngầm suy tư, cái vật thiêng đích thực “kiến tạo im lặng”, vừa như để lộ ra cái thấp thoáng của dòng tâm tưởng sau những mảng lời rời rạc, vô nghĩa và bất trắc. Nhà thơ cố tình làm cho ngôn ngữ trở nên lảm cẩm, ú ớ, như muốn trêu tức ta. Thực chất là thái độ thù ghét ngôn ngữ của nhà triết học đã bộc lộ ra trong lối tu từ cà khịa và cáu bẳn của nhà thơ và cái tâm thế của kẻ sống trong đời mà ngưỡng vọng với vô ngôn, càng bồng bênh như con đò chở đầy lời nói:

*ngậm trắng một đò lời
với gió*

Lời trong thơ Khế Iêm cũng y như con đò trôi dạt, xoay đảo, không có đích đến, đôi khi mắc cạn trong những khúc quanh lờm chờm của từ ngữ và hang hốc bế tắc. Thơ Khế Iêm phơi ra những ổ gà ngôn ngữ, những hang hốc tư duy, những què quặt ngữ pháp cũng giống như trong những khuôn hình của phim *Xích Lô* mà đạo diễn Trần Anh Hùng cố tình phơi ra những dây dợ lằng nhằng cột điện, rào sắt lờm chờm mà thường các nhà quay phim khác tránh né. Nó tạo dựng một hình ảnh nham nhở, rách rưới, gân guốc. Ngôn ngữ trong thơ Khế Iêm trở thành chất liệu tạo hình, nhà thơ đục đẽo chữ, bẻ gãy câu, để tạo nên một thứ tượng gỗ của tâm thế,

của Nàng thơ, cái chất liệu và cái dáng vẻ tranh chấp nhau trong từng bài thơ. Ngôn ngữ là một thứ chất liệu chết, như mẩu thạch cao rơi ra dưới tay người tạc tượng:

*(và không ai nói với ai)
về con âm mở hồng cửa kéo
từng con chữ rơi*

*ra môi và răng
Rơi ra*

Tiếng nói thực chất là một xác chết:

*Tưởng rằng tiếng nói như xác ve
Cánh chim chết giắc trên non đá
Có biết trăm luân. Chỗ cát xoá
Bến Sương*

TỪ NGÔN NGỮ TỰ TRÀO ĐẾN NGÔN NGỮ TỰ HỦY

Phần đầu tập *Dấu Quê*, ngôn ngữ mới chỉ bị hoài nghi, trêu chọc và giễu cợt. Những ý tưởng Thiên hiện diện qua một ngôn ngữ còn toàn vẹn ngữ pháp, lật tẩy những cảm hứng gắn liền với một “Vũ trụ ngôn ngữ đặc trị” (Artaud). Đó là thứ thi pháp của ngôn ngữ cổ điển tự giễu mình, một thứ ngữ pháp đầy mặc cảm. Đến cuối tập “*Dấu Quê*”, với *Ngục Biếc*, ngôn ngữ thơ Khế Iêm đã nhảy vọt từ tư cách vật tải ý tưởng Thiên tới tư cách vật mang tâm thức Thiên. Đó là cú nhảy tự vẫn của ngôn ngữ đặc trị, nó tự hủy một cách từ tốn, nghiêm trang, đầy thi vị. Từ ngôn ngữ tự trào đến ngôn ngữ tự hủy là một bước nhảy vọt về thi pháp, nhờ đó nhà thơ già từ vũ trụ ngôn ngữ cổ điển, ngôn ngữ đặc trị – với bộ complet ngữ pháp cố tình gài lạch khuy áo cho xộc xệch – để đạt tới cõi vô

ngôn, côi tính mịch của Thiên sử, côi rợn ngợp, chói chang ánh sáng của minh triết. Trong *Ngục Biếc*, cũng như trong một vài bài thơ có dạng thức kịch của Khế Iêm, ta thấy có một hiệu ứng thơ ca đặc biệt: nhân vật nói mà như không nói, nhiều khi nói để mà không nói, đối thoại mà như độc thoại, lên tiếng càng nhiều thì càng trở nên câm nín. Mỗi câu nói, mỗi lời hỏi đều như lia khỏi nhau, như cô đơn tuyệt đối, và chất thơ đặc biệt toát ra từ cái bơ vơ, bối rối, hoang mang, ngớ ngẩn, vu vơ chẳng đâu vào đâu ấy của ngôn ngữ và kẻ mang ngôn ngữ. Cái không đâu vào đâu của thứ ngôn ngữ nửa đối thoại nửa độc thoại trong *Ngục Biếc*, có một sắc thái thi vị đặc biệt vừa nhuốm màu hiện sinh, phi lý, vừa có cái run rẩy ngơ ngác của thân phận. Những bài thơ kịch như dạng *Ngục Biếc* của Khế Iêm giống như mớ ngôn ngữ hỗn độn, đang chơi với cố chống lại sự lia tan, cố bám vào những bờ mong manh của trật tự ngữ pháp cổ điển, của khát vọng đối thoại, giao lưu. Và chất thơ toát lên giống như tiếng rên rỉ, nhón nhác, rối ren của kiếp người, của chúng sinh. Càng nói càng không hiểu nhau, càng ngờ vực nhau – thảm cảnh ấy của nhân loại được Khế Iêm tái hiện sinh động trong *Ngục Biếc*, gợi lên một thảm trạng đầy lo âu và cô đơn. Có thể nói, *Ngục Biếc* là chặng thứ hai của quá trình ngôn ngữ tự hủy trong thơ Khế Iêm. Ngôn ngữ tự hủy cũng chính là bản thể tự hủy. Tất cả cái ý nghĩa cổ điển, cái sắc thái thường hằng của ngôn ngữ đã trở nên đứt gãy, và sự hiện diện của nó trong những chuỗi ký tự còn rên rỉ âm thanh kia chỉ là sự đùa cợt của thời gian, và ngôn ngữ cũng chỉ còn là một con rối lẳng xằng. Tính hài của giai đoạn trước đã chuyển thành tính bi, sự đùa cợt ngôn ngữ đã biến thành sự lưu đày ngôn ngữ, vào nơi chốn vừa tự do vừa phi lịch sử.

Đến giai đoạn thứ ba với những bài thơ “T.V. Ký”, “Bài Thơ Đi Tìm Bài Thơ”, “Độc Chinh Phụ Ngâm”... thì ngôn ngữ đã trở nên những xác chết dưới chân thời gian. Nhìn vào bài thơ, ta thấy hiện lên lù lù dấu ấn của thời gian: ở “T.V. Ký” là quyền uy của khoảnh khắc, ở “Bài Thơ Đi Tìm Bài Thơ” là sự ú tim giữa khoảnh khắc và vĩnh cửu, ở “Độc Chinh Phụ Ngâm” là quyền uy của vĩnh cửu.

Ngôn ngữ đã chết, nó trở thành một thành viên của ký ức, một thì quá khứ của thơ ca. Thơ Khế Iêm ở giai đoạn thứ ba chính là đám tang của ngôn ngữ, ở đó, những mẫu ngữ pháp cổ điển còn hiện diện chỉ là những mảnh hài cốt đầy bi thương, chứng tích của lịch sử. Những mệnh đề mang nghĩa rời rạc chỉ là sự dấy giụa vô vọng của ngôn ngữ trên đường rơi vào vực thẳm lãng quên.

Vậy là, hành trình thơ Khế Iêm qua ba giai đoạn: từ sự đùa giỡn của khoảnh khắc với ngôn ngữ giai đoạn đầu, qua sự xâm hại của vịnh cửu vào ngôn ngữ giai đoạn “Ngục biếc”, tới sự toàn thắng của thời gian với ngôn ngữ ở giai đoạn những bài thơ có tính tạo hình hiện nay – đó chính là hành trình nằm trong logic tăng kiến của tâm thức thiên và thi pháp hậu hiện đại với cảm hứng suy tư có tính thời đại về những vấn đề ngôn ngữ trải dài trong thế kỷ, qua những chiêm nghiệm suy tưởng của Heidegger, Hölderlin, Wittgenstein và Lacan. Đó là dòng thi hứng chảy xiết giữa đôi bờ ngôn ngữ và thời gian, khoảnh khắc và vịnh cửu, trật tự và hỗn độn, lịch sử và tự do, suy lý và minh triết. Đó cũng là những đoá hoa nở từ cái bắt tay của hiện tượng luận và thiên học, tôn giáo và triết học, văn hoá phương Đông và văn hoá Phương Tây. Nếu với phương Tây “khởi thủy là Lời, bản thể của Chúa với vịnh cửu và hư vô gói trọn trong lời Chúa, thì với phương Đông nổi ám ảnh thời gian là thẳm sâu và thường trực. Và như vậy, hành trình thơ Khế Iêm với sự đan xen, luân phiên và chuyển hoá của những khắc khoải về thời gian và ngôn ngữ cũng chính là hành trình về nguồn tâm linh. Quá trình thi sỹ tự vẫy vùng giải thoát khỏi “ngục biếc” của ngôn ngữ cũng là quá trình tìm kiếm và tái tạo những “dấu quê”.

Nếu không nhìn nhận thơ Khế Iêm trong cả hành trình, thì không thể nhìn ra cái định hướng về nguồn đó, vì, nếu xét về hình thức thuần túy thì những bài thơ có tính hội họa đã có nhiều trong thơ hậu hiện đại Mỹ và phương Tây. Xem xét cái logic tương tác giữa ám ảnh thời gian và ngôn ngữ trong thơ Khế Iêm chính là giải mã các biến thiên về cảm thức và thi pháp. Theo logic đó, ta có thể tiên

tri về một chặng tới của thơ anh. Phải chăng, đó sẽ là chặng phục sinh của ngôn ngữ trong một cảm hứng “hồi xuân” như bất kỳ ai đã qua tuổi “thanh xuân”?

Chúng ta chờ đợi sự kiểm chứng với logic ấy trong những sáng tác mới của Khê Iêm.

LỜI BẠT

Tôi vốn ít giao tiếp, nhưng trong đời sống văn học, trước năm 1975, tôi may mắn được biết hai họa sĩ nổi tiếng thời đó, Duy Thanh và Thái Tuấn. Sau năm 1975, tôi gặp nhà thơ Thanh Tâm Tuyền tại nhà họa sĩ Thái Tuấn. Lúc này, anh (Thanh Tâm Tuyền) không còn tiếp ai ngoài một vài người bạn còn lại như họa sĩ Thái Tuấn, Đinh Cường, kịch tác gia Trần Lê Nguyễn, nhà văn Phan Lạc Phúc, nhà thơ Hà Thượng Nhân, có đủ kịch truyện thơ họa, thêm các anh Phạm Kiều Tùng, Phạm Hoán. Tôi không biết cơ duyên gì mà anh trở nên thân thiết, coi tôi như một người em. Cứ mỗi sáng thứ Bảy, khi ghé thăm một một người bạn, anh lại tạt qua nhà tôi ngồi chơi. Cho tới khi tôi vượt biên vào tháng ba năm 1988, anh vẫn ghé vào mỗi sáng thứ Bảy. Anh Tâm là một người khó tính, ít khi làm quen với ai, và khi đã quen rồi thì anh coi như người trong gia đình. Trước năm 1975, tôi vẫn đứng ngoài sinh hoạt văn nghệ, dù năm 1972 tôi có tự in tập kịch *Hột Huyết*. Đến năm 1987, tôi vượt biên, và năm 1991, gặp lại anh tại Orange County, California. Vài năm sau, 1994, tôi bước chân vào sinh hoạt văn nghệ, làm tạp chí *Thơ*. Anh lẳng lặng bước ra ngoài sinh hoạt văn nghệ. 10 năm sau tạp chí *Thơ*, tôi bước ra ngoài sinh hoạt văn nghệ, bước vào cái toàn cảnh của đời sống, vài năm sau (2006), anh bước ra khỏi cuộc đời. Cuối cùng rồi anh cũng phải ném cái mộng của mình đi. Thật ra thì có mộng gì đâu mà ném, chẳng qua là thời thế đẩy đưa đó thôi.

Tôi bắt đầu làm thơ từ thời rất trẻ, và đã hoàn tất một tập thơ, nhưng sau đó xé đi. *Thanh Xuân* là tập thơ thứ hai sáng tác lúc mới ngoài 20, cho đến năm 1989, nhưng làm xong, tôi giữ lại, không gửi đăng nơi các tạp chí văn học – thời đó có 2 tạp chí nổi tiếng, *Văn* và *Văn Học*. Đến khi qua Mỹ, lần lượt tôi gửi đăng toàn bộ trên tạp chí *Văn*, do nhà văn Mai Thảo chủ trương, và sau đó, tạp

chí *Văn* đứng ra xuất bản, in tại nhà in Kim Ấn Quán. Sau đó, Kim Ấn Quán đứng ra thành lập nhà xuất bản *Văn Mới*, do nhà thơ Nguyễn Khoa Kha chủ trương, xuất bản tập truyện duy nhất của tôi, *Lời của Quá Khứ*. *Thanh Xuân* là một dòng thơ thuần phác, với ngôn ngữ vần điệu truyền thống, chưa vướng bụi trần. Trong phần giới thiệu “Dấu Quê”, nhà thơ Tom Riordan viết, “Ông ta đã tới đâu? Đã tìm kiếm được gì? *Cái Tôi* mới của ông sẽ nói lên những gì, khi giờ đây ông không còn là di dân, mà là một *lãng tử*?” Đúng, là một *lãng tử*. Sau thời thanh xuân, tôi bước vào đời, lang thang đầu ghềnh cuối bãi, bèo giạt mây trôi, chỉ tạm cư nơi những gác trọ, không nhà. Bụi trần ở đây cũng có nghĩa là những trần trở của chữ nghĩa, như thơ tự do thời thập niên 1960s, cao trào do nhà thơ Thanh Tâm Tuyên chủ trương, với tập thơ nổi tiếng, *Liên, Đêm, Mặt Trời Tìm Thấy* (Sáng Tạo, 1964).

Khi tới Mỹ vào năm 1990, tôi không còn làm thơ vần điệu. Một phần, tôi đã bước qua một thế giới khác, và khi làm tạp chí *Thơ*, tôi bắt đầu tiếp cận với nền văn hóa mới. Thơ tiêu biểu cho nền văn học, và văn học tiêu biểu cho nền văn hóa. Thơ là sáng tạo, mà sáng tạo phải đối khác. Số đầu tiên, tôi khởi đăng một loại thơ gọi là *Cấu trúc*, khác với thơ tự do, và là dòng thơ đầu tiên, chưa hề xuất hiện ở miền Nam trước năm 1975. Thơ tự do Việt là dòng thơ quan tâm tới cách dùng chữ, không cần nhịp điệu. Còn thơ *Cấu trúc* dùng cấu trúc để thay thế nhịp điệu.

Sau *Cấu Trúc* là thơ Tân hình thức, một loại thơ không vần Việt, kết hợp giữa *ý tưởng* và *nhịp điệu*.

Một số bài thơ dịch: từ tiếng Việt sang tiếng Anh:

– *Con Mèo Đen* (The Black Cat), đăng trên Diễn đàn thơ Mỹ, Poetry.about (<http://poetry.about.com>). Và đọc trên YouTube:

<https://www.youtube.com/watch?v=peXShr36J6E&t=2s>

từ Anh sang tiếng Hàn:

– *Chợ Trời* (Open-Air Market), dịch sang tiếng Hàn. English & Hàn, đăng trên Korean Expatriate Literature, năm 1997.

– *Cà Phê* (Coffee) và *Tết Ở New York* (Tet In New York) dịch sang tiếng Hàn và đăng trên “Tuyển tập song ngữ Hàn & English” (An International Bilingual Poetry Anthology) do nhà xuất bản Co-Published Korean Expatriate Literature & Cross-Cultural Communications, năm 2020.

Bốn bài thơ *Con Mèo Đen* (The Black Cat), *Chợ Trời* (Open-Air Market), *Cà Phê* (Coffee), *Tết Ở New York* (Tet In New York), và thêm bài thơ *Chiếc Ghế* (Chairs) được đăng trên website của Ý: Blog di imagine.poesia.over-blog.it

Trong lúc làm tạp chí *Thơ*, tôi có dịp tiếp xúc với những phong trào thơ dòng chính Mỹ. Thế kỷ 20, thơ tự do Mỹ chiếm ưu thế, nổi tiếng với các phong trào thơ nửa sau thế kỷ. Nhưng tới thập niên 1990s, thơ Mỹ quay lại với thể luật. Nhưng khác với thể luật thế kỷ 19, quan tâm tới cách dùng chữ, thơ thể luật thời này đổi thay, với ngôn ngữ đời thường để chuyển tải ý tưởng. Thuật ngữ “Tân hình thức” (new form), “tân” có nghĩa là mới (new), cũng có nghĩa là trở lại (retro). Như vậy, chữ “tân” có nhiều nghĩa. Những người chống lại phong trào, trong một tiểu luận nhan đề “Yuppie Poet” của Ariel Dawsong, trên tờ AWO (Association of Writers & Writing Program), số tháng 5, 1985, dựa vào chữ “tân” có nghĩa là “mới”, và cho rằng “đó chỉ là những thể thơ cũ, chẳng có gì mới”. Với thơ Việt, thuật ngữ “thơ Tân hình thức”, cả hai nghĩa đều đúng, vì đó là hành trình trở về cái cũ để tìm cái mới. Những nhà thơ Việt dùng kỹ thuật *vắt dòng*, chuyển những thể thơ Việt thời *Thơ Mới*, như 5 chữ, 7 chữ, lục bát ... từ thơ có vần thành thơ không vần, thay đổi cả ngôn ngữ và cách làm thơ, với các yếu tố: *vắt dòng, lặp lại, tính truyện* và *ngôn ngữ thông thường*.

Mục đích của thể thơ không vần, Tân hình thức Việt, là để chuyển dịch qua tiếng Anh, đưa thơ Việt ra ngoài thế giới, với dịch giả Đỗ Vinh, Trần Vũ Liên Tâm. Họ đều là những người làm thơ tiếng Anh, đến Mỹ từ lúc tuổi còn rất nhỏ. Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ chính của họ. Mặt khác, nhờ nhà biên tập (editor) Mỹ, Dr. Carol J. Compton, chỉnh sửa sao cho đúng với ngôn ngữ tự nhiên tiếng Anh, vì thế giữa nguyên tác tiếng Việt và tiếng Anh, đôi khi, không đồng nghĩa với nhau.

Một số sinh hoạt đáng chú ý về dòng thơ này:

– Vào sáng thứ Bảy, ngày 28/9/2013, tại salon Văn hóa Cà phê thứ Bảy, T/P HCM, 19B Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, diễn ra buổi Cà phê Văn Học. Chủ đề: *Thơ tân hình thức Việt, nhìn từ tiến trình văn học đương đại Việt Nam*. Diễn giả: Nhà thơ Inrasara; chủ trì: TSVH Nguyễn Thị Từ Huy.

– Tọa đàm về thơ Tân hình thức diễn ra ngày 29/10/2014 tại Đại học Văn hóa Hà Nội, khoa viết văn, phối hợp với tạp chí *Sông Hương* do nhà thơ Hồ Đăng Thanh Ngọc làm chủ biên.

– Buổi giao lưu, ra mắt tập tiểu luận *Vũ Điệu Không Vần*, buổi sáng ngày 15/12/2019, tại salon Văn hóa Cà phê thứ Bảy, T/P HCM.

– Buổi sáng thứ Hai, ngày 16 tháng 12/2019, buổi tọa đàm chủ đề *Vũ Điệu Không Vần* tại Đại học Văn hóa T/P HCM, với sự tham gia của các giáo sư.

– Vài ngày sau, tiếp theo là buổi tọa đàm tại Huế, với sự tham gia của các giáo sư Đại học thuộc Hội Văn học Nghệ Thuật Thừa Thiên, Huế.

Poetry Journal, số đầu tiên vào tháng 9/2016, là tờ báo song ngữ tiếp nhận trực tiếp sáng tác của những nhà thơ nổi tiếng Mỹ, cả tự do và thể luật.

Theo G. K. Chesterton, nhà thơ, triết gia, kịch tác gia người Anh, “cách mạng là phục hồi (restoration), đoạt lại (recapturing), giới thiệu lại một điều gì đó đã từng được hướng dẫn và truyền cảm hứng từ trong quá khứ.” Hay nói khác, “là cuộn lại (re-roll), quay trở lại (return), đi vòng quanh một lần nữa.”

Và rằng, “Cái đọc (tiếp thu kiến thức) dù có chú tâm đến đâu, cũng không nói lên được sự hiểu biết, vì trong lúc đọc, chúng ta thường lướt qua những chi tiết, và chỉ khi viết xuống mới phát hiện ra. Cái biết, lúc đó mới toàn vẹn, và người đọc mới nhận ra sự thiếu sót và yếu kém của mình.”

Cuối cùng, mỗi người đều có cái ngã, nhưng nếu có nhận thức, sẽ thấy được cái *vô ngã* (vô ngã ở đây không phải là vô ngã theo lời Phật dạy). *Vô ngã* chính là đời sống mộng mơ, hiện hữu qua thơ, là thơ. Bây giờ thì tôi cũng quay trở lại, về nhà. Nhưng nhà đâu? Nhà, chính là dòng thơ kết hợp giữa tự do và vần điệu, hình thành thể loại thơ Tân hình thức Việt, với cả lý thuyết lẫn thực hành. (*Vũ Diệu Không Vần*, tiểu luận thơ, do nxb Domino. Đà Nẵng xuất bản.)

Từ *Thanh Xuân* tới *Dấu Quê*, rồi *Tân Hình Thức*, tôi gọi đây là hành trình thơ hay con đường thơ. Nếu song ngữ (bilingual sections), tiêu biểu cho thế giới bên ngoài, bao quanh “Thanh Xuân” – tiêu biểu cho đất nước, quê hương – thì phần Việt ngữ (Vietnamese sections), như cánh bướm xuôi gió, trong cuộc phiêu lưu đến chân trời xa, là tâm cảnh của người nghệ sĩ.

(*Toàn tập thơ hoàn tất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020*)

